

CATALONIA - TÌNH YÊU CỦA TÔI

GEORGE ORWELL

Homage to Catalonia
phạm Nguyễn Trường dịch

Một trong những cuốn sách du ký
hay nhất mọi thời đại

Catalonia – Tình yêu của tôi

George Orwell

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[THÔNG TIN EBOOK](#)

[VÀI LỜI PHI LỘ](#)

[1.](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[6](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[12](#)

[13](#)

[14](#)

[CHÚ THÍCH](#)

VÀI LỜI PHI LỘ

Nhằm thiết thực tổ chức kỉ niệm lần thứ 110 ngày sinh của George Orwell (25 tháng 6 năm 2003 – 25 tháng 6 2013), từ ngày hôm nay bắt đầu khởi đăng tác phẩm *Homage to Catalonia* (Tưởng niệm Catalonia)

Homage to Catalonia là một trong những cuốn sách du ký hay nhất của mọi thời đại của George Orwell (1903-1950) - một nhà văn, một nhà phê bình văn học nổi tiếng người Anh đã viết như thế.

Còn nhà bình luận Arthur Herman thì nói: Nghiên cứu thế kỉ XX mà không đọc cuốn sách này là một thiếu sót lớn. Tác phẩm *Homage to Catalonia* kể về giai đoạn nội chiến ở Tây Ban Nha (1936-1939) mà tác giả từng tham gia, trong đó có những trang rất xúc động nói về tình đồng chí, đồng đội giữa những người dân quân đang phải sống trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, thiếu thốn về vật chất. Họ xem nhau như những người bạn, những người anh em cùng chung lý tưởng, mà trên hết là tinh thần cách mạng quân bình giữa những sỹ quan và binh sỹ, không có sự phân biệt đẳng cấp, đối xử bất bình đẳng. Chính nó đã tạo cho George Orwell suy nghĩ về một xã hội tốt đẹp, một xã hội phi giai cấp mà trước đây ông chưa từng biết đến.

Cũng thông qua tác phẩm này, Orwell muốn gửi gắm đến độc giả phần nào tính cách của con người và của thiên nhiên Tây Ban Nha, với những đoạn văn làm cho người đọc xúc động, chan chứa tình yêu đối với miền đất đầy đau thương này.

Homage to Catalonia là tác phẩm này đứng thứ 3 trong bảng tổng sắp 100 tác phẩm non-fiction hay nhất thế kỉ XX do tờ *National Review* bình chọn, còn nhà xuất bản Random House thì xếp nó ở thứ 42. Nó cũng cho ta thấy một hình ảnh George Orwell khác với Orwell, tác giả của *Trại súc vật* và 1984.

George Orwell - Tưởng niệm Catalonia

Phạm Nguyên Trường dịch

Chớ đáp lời kẻ ngu tùy sự ngu dại của nó,

E con giống như nó chẳng.

Hãy đáp lời kẻ ngu tùy sự ngu dại của nó,

Kẻo nó khôn ngoan theo mắt nó chẳng.

Châm-Ngôn 26, 5-6

1.

Một ngày trước khi gia nhập lực lượng dân quân, tôi đã trông thấy một dân quân người Ý đứng trước bàn sỹ quan tham mưu trong trại lính mang tên Lenin ở Barcelona.

Đấy là một chàng trai chừng hai lăm, hai sáu tuổi, vai rộng, tóc nâu, trông rất rắn rỏi. Chiếc mũ chào mào bằng da đội trễ hẳn sang một bên. Anh đứng, cạnh sườn quay về phía tôi, cầm thu vào sát ngực, dán cặp mắt đầy ưu tư lên tấm bản đồ được một sỹ quan trải trên mặt bàn. Có một cái gì đó trên nét mặt anh làm tôi vô cùng xúc động. Đấy là nét mặt của một người sẵn sàng giết hoặc hi sinh mạng sống của mình vì bạn bè – ta vẫn thường tưởng đấy là một người vô chính phủ, nhưng anh này có lẽ là một người cộng sản thì đúng hơn. Nét mặt của anh ta thể hiện cả tính bộc trực lẫn thói hung ác, và sự xun xoe của một kẻ ít học đối với những người mà anh ta cho là cao quý hơn mình. Rõ ràng là anh ta chẳng biết bản đồ đầu đuôi ra sao, cũng thấy rõ là anh cho rằng phải thông minh tài trí lắm thì mới đọc được tấm bản đồ trước mặt. Không biết tại sao, nhưng hiếm khi tôi gặp người nào – ý tôi nói là đàn ông – mà tôi lại có cảm tình ngay như vậy. Trong khi họ ngồi nói chuyện thì một người nào đó đã buột miệng nói rằng tôi là người ngoại quốc. Anh chàng người Ý quay sang và nói rất nhanh:

- Italiano [\[1\]](#)'

- No, Inglés. Y tú? [\[2\]](#), tôi ấp úng đáp lại bằng tiếng Tây Ban Nha

- Italiano [\[3\]](#).

Khi chúng tôi đi ra, anh bước lại phía tôi và bắt tay tôi thật chặt. Có cảm tình ngay với một người ngoại quốc, chuyện lạ đấy chứ! Có cảm giác như tâm hồn anh và tôi đã bắc được chiếc cầu vượt qua đại dương mênh mông của ngôn ngữ và truyền thống để hòa quyện với nhau trong niềm thương mến thương vô bờ bến. Tôi tin rằng anh cũng có cảm tình với tôi như tôi có cảm tình với anh vậy. Nhưng tôi cũng biết rằng muốn giữ được tình cảm ban đầu thì tôi không bao giờ được gặp lại anh ta nữa. Dĩ nhiên là chúng tôi chẳng bao giờ còn gặp lại nhau. Ở Tây Ban Nha những cuộc gặp gỡ bất ngờ như thế là chuyện bình thường.

Tôi nhắc đến anh chàng dân quân người Ý này vì hình ảnh của anh vẫn còn sống động trong tâm trí tôi. Với bộ quân phục đã sờn và khuôn mặt dữ tợn nhưng cũng dễ làm người ta mỉm lòng; đối với tôi, anh chính là nhân vật điển hình của thời đó. Anh luôn gắn bó với những kỉ niệm của tôi về một thời chiến tranh: những là cờ đỏ trên đường phố Barcelona, những đoàn tàu dài lê thê chở đầy những người lính nhếch nhác, rách rưới bò ra mặt trận, những phố thị xám ngoét bị chiến tranh tàn phá, những giao thông hào đầy bùn với cái lạnh thấu xương trên sườn núi.

Chuyện đó xảy ra vào cuối tháng 12 năm 1937, tức là mới cách đây bảy tháng, thế mà thấy như đã lâu lắm rồi. Những sự kiện sau đó đã làm chúng trở nên nhạt nhòa còn hơn cả những chuyện xảy ra vào năm 1935, thậm chí 1905. Tôi đến Tây Ban Nha với ý định viết báo, nhưng tôi đã tham gia vào lực lượng dân quân gần như ngay lập tức, vì vào lúc đó và trong khung cảnh đó thì đây có vẻ là quyết định duy nhất có thể chấp nhận được.

Trên thực tế, những người vô chính phủ vẫn kiểm soát được Catalonia, còn cách mạng thì đang ở cao trào. Đối với những người từng có mặt ở đây từ những ngày đầu tiên thì có vẻ như cách mạng đã rơi vào thoái trào vào tháng mười hai hoặc tháng một; nhưng đối với một người mới từ Anh tới thì khung cảnh Barcelona vừa làm người ta ngạc nhiên vừa làm người ta choáng váng. Đây là lần đầu tiên tôi có mặt trong một thành phố, nơi giai cấp công nhân đã nắm được quyền lực. Hầu như tất cả các tòa nhà lớn đều đã bị công nhân tịch thu và có treo cờ đỏ hoặc cờ nửa đỏ nửa đen của lực lượng vô chính phủ; tất cả các bức tường đều có hình búa liềm và tên của các đảng cách mạng; hầu hết các nhà thờ đều bị cướp phá sạch, tranh ảnh bị đốt hết.

Cứ một quãng lại thấy có đám công nhân đang đập phá nhà thờ. Tất cả các cửa hàng và quán café đều có bảng hiệu nói rằng đã được tập thể hóa; ngay cả hiệu đánh giày cũng được tập thể hóa, mấy chiếc hộp đựng đồ nghề cũ được sơn hai màu đỏ và đen. Những người hầu bàn và nhân viên bán hàng nhìn thẳng vào mặt khách và coi khách như bạn bè. Cảnh quy lụy và ngay cả những từ thừa gửi, xã giao, cũng tạm thời biến mất. Không thấy ai nói “Señior” hay “Don”, thậm chí “ông” cũng không thấy ai nói; mọi người đều gọi nhau là “đồng chí” và “anh”, và nói “Chào!” chứ không “Chào ông ạ!” khi gặp nhau như xưa nữa.

Tiền lót tay bị pháp luật cấm hoàn toàn, tôi đã được người quản lý khách sạn dạy cho bài học đầu tiên khi vừa định đưa cho người coi thang máy vài xu. Không ai có ô tô riêng, tất cả đều bị quân đội trưng dụng; tàu điện, taxi cũng như phần lớn các phương tiện vận tải khác cũng đều được sơn hai màu đỏ và đen. Khẩu hiệu cách mạng hiện diện khắp nơi, tất cả các bức tường đều rực lên một màu đỏ hoặc xanh da trời, một vài biển hiệu quảng cáo còn sót lại trông giống như những vết bùn nhem nhuốc. Trên phố Ramblas, con phố chính của thị trấn, người đi lại như mắc cửi; suốt ngày, thậm chí đến tận đêm khuya, những bài ca cách mạng còn tiếp tục gầm réo trên loa phóng thanh. Nhưng khó hiểu nhất chính là diện mạo của đám đông. Nhìn cách ăn mặc, người ta có thể nghĩ rằng ở đây đã không còn người giàu nữa. Trừ mấy người phụ nữ và một ít người ngoại quốc, chẳng còn người nào có thể được gọi là “ăn vận lịch sự”. Hầu như tất cả mọi người đều mặc quần áo lao động hoặc những bộ đồng phục màu xanh hay những kiểu đồng phục của các đơn vị dân quân. Tất cả đều có vẻ bất bình thường và làm cho người ta cảm thấy lo lo thế nào đó. Có nhiều việc tôi không hiểu, thậm chí có những việc tôi không thích, nhưng tôi lập tức nhận ra rằng đây chính là sự nghiệp mà mình phải chiến đấu để bảo vệ. Tôi còn tin rằng mọi việc được thể hiện đúng như chúng đang là, rằng đây chính là đất nước của giai cấp công nhân, toàn bộ giai cấp tư sản đã bỏ trốn hay bị giết hoặc đã chạy sang phía giai cấp công nhân rồi; tôi không ngờ rằng nhiều nhà tư bản giàu có đã nằm im thở khê và chỉ đóng giả vô sản trong một thời gian mà thôi.

Hoà quyện với tất cả những chuyện đó là cái âm hưởng quái gở của chiến tranh. Thành phố trông có vẻ hoang vắng và bẩn thỉu; phố xá, nhà cửa thì rách nát; ban đêm cũng chỉ có vài ngọn đèn đường mờ đục vì sợ máy bay tấn công; hầu hết các nhà hàng đều xuống cấp và gần như trống rỗng. Thịt là của hiếm, sữa thì gần như đã biến mất hẳn, thiếu cả than, đường, dầu hoả, bánh mì cũng thiếu một cách nghiêm trọng. Muốn mua bánh mì cũng phải xếp hàng dài cả trăm mét. Nhưng theo tôi nhận xét thì dân chúng có vẻ hài lòng và tràn đầy hi vọng. Không có người thất nghiệp, giá cả sinh hoạt thấp; ít thấy những người nghèo đến mức cơ cực, không

còn người ăn xin, trừ dân Di-Gan. Vượt lên trên tất cả là niềm tin vào cách mạng, vào tương lai; là cảm giác như vừa thực hiện xong một cú nhảy đột ngột vào thời đại của bình đẳng và tự do. Mọi người đều cố gắng cư xử như những con người thực thụ chứ không còn như những chiếc ốc vít trong cỗ máy của chủ nghĩa tư bản nữa. Trong tất cả các hiệu cắt tóc đều có treo các khẩu hiệu của đảng vô chính phủ (đa số thợ cắt tóc đều theo phe vô chính phủ) long trọng giải thích rằng thợ cắt tóc không còn là những người nô lệ nữa. Trên đường phố còn có cả những khẩu hiệu đủ màu sắc kêu gọi các cô gái điếm bỏ nghề. Những người thuộc nền văn minh mang tính diều cọt và khô khan như dân chúng các nước nói tiếng Anh sẽ coi việc những người Tây Ban Nha đầy lí tưởng thực sự tin vào những khẩu hiệu sáo rỗng của cách mạng có cái gì đó mang tính cải lương. Lúc đó, trên đường phố người ta còn bán những bản ballad, chỉ có vài xu một bản, đấy là những bài ca cách mạng chất phác, nói về lòng hữu ái giai cấp của giai cấp vô sản và sự độc ác của Mussolini. Tôi thường thấy những người dân quân gần như chưa thoát nạn mù chữ mua những bản ballad đó rồi kiên nhẫn đánh vần từng từ một cho đến khi thuộc lòng rồi cất tiếng hát theo giai điệu phù hợp.

Tôi ở doanh trại mang tên Lenin trong suốt thời gian được coi là giai đoạn huấn luyện trước khi ra mặt trận. Khi ghi danh, tôi được người ta bảo là sẽ lên đường ngay ngày hôm sau, nhưng trên thực tế, tôi phải đợi cho đến khi thành lập xong một *centuria* mới. Các đơn vị vũ trang công nhân, do các tổ chức công đoàn vội vã lập nên trong thời kì đầu cuộc chiến, không được tổ chức như các đơn vị quân đội chính qui. Các đơn vị được gọi là “phân đội”, khoảng ba mươi người; trên nữa gọi là *centuria*, có khoảng một trăm người; còn “đơn vị” thì bao nhiêu người cũng được. Doanh trại mang tên Lenin là một dãy nhà xây bằng đá rất đẹp, có khu quần ngựa và một cái sân lát đá rất rộng; cái doanh trại kị binh này đã bị quân cách mạng chiếm trong những trận đánh diễn ra vào tháng bảy. *Centuria* của tôi ngủ trong một cái chuồng ngựa, ngay bên dưới máng ăn bằng đá còn ghi đầy đủ tên từng chú ngựa chiến được nuôi ở đây. Tất cả ngựa đều bị trưng dụng và đưa ra mặt trận rồi, nhưng mùi nước đái ngựa và mùi lúa mạch thối thì vẫn còn. Tôi sống trong doanh trại khoảng một tuần. Tôi nhớ nhất là mùi ngựa và tiếng kèn xung trận ngập ngừng (tất cả lính kèn của chúng tôi đều là dân nghiệp dư – mãi khi ra trận tôi mới được nghe nghe tiếng kèn hiệu của quân đội Tây Ban Nha, đấy là tiếng kèn của quân phát xít phía bên kia chiến hào), tiếng giày đinh lạo xạo trên sân, những buổi duyệt binh buổi sáng dưới ánh nắng mùa đông, những trận đá bóng cuồng nhiệt - mỗi bên năm mươi người - trên sân quần ngựa lát sỏi. Lúc đó, trong doanh trại có khoảng một ngàn đàn ông và vài chục phụ nữ; ngoài ra, còn có vợ của các dân quân nữa, họ làm luôn vai trò chị nuôi. Lúc đó, phụ nữ cũng tòng quân, tuy số lượng không nhiều. Trong những trận đánh đầu tiên, phụ nữ chiến đấu bên cạnh nam giới, mọi người cũng coi đấy là chuyện bình thường. Đấy được coi là đương nhiên trong thời buổi cách mạng. Sau này, người ta nghĩ khác. Bây giờ, khi phụ nữ tập thì đàn ông phải đứng thật xa vì họ hay chế diễu, làm phụ nữ mất tập trung. Thế mà mới cách đây vài tháng, chẳng ai lấy làm ngạc nhiên khi thấy một người phụ nữ đeo súng.

Doanh trại lúc nào cũng bẩn thỉu và lộn xộn. Tòa nhà nào bị dân quân chiếm đóng cũng như thế cả, có vẻ như đấy chính là sản phẩm phụ của cách mạng. Góc nhà nào cũng đầy bàn ghế gãy, yên ngựa hỏng, mũ sắt kị binh bẹp, bao kiếm rỗng và thức ăn thiu. Sự lãng phí thức ăn, đặc biệt là bánh mì, thật là khủng khiếp. Chỉ riêng trại của tôi bữa nào cũng vứt đi cả sọt bánh mì, một việc thật đáng xấu hổ, nhất là lúc đó dân chúng lại đang bị đói. Chúng tôi ngồi ăn quanh những

cái bàn dài, thực ra là những tấm ván kê trên hai cái ghế ngựa, bát ăn làm bằng sắt tây, lúc nào cũng nhóp nhép, còn đồ uống thì đựng trong một cái bình quái gở gọi là porron. Porron là một cái chai bằng thủy tinh có vòi, chỉ cần lật nghiêng là rượu vang sẽ phun thành tia, có thể uống mà không cần ghé môi vào vòi, mọi người cứ thế xoay vòng. Tôi đã đứng lên phản đối khi trông thấy cách uống như thế và đòi bằng được một cái ly. Tôi thấy mấy cái poron này trông chẳng khác gì chai nước chườm, nhất là khi đựng đầy vang trắng.

Dần dần những người mới nhập ngũ đều được phát đồng phục, và vì đây là Tây Ban Nha cho nên chỉ được phát từng thứ một, chẳng thể nào biết được ai đã được nhận cái gì; có những thứ chúng tôi rất cần như thắt lưng hay băng đạn thì lại chỉ được nhận vào phút chót, khi tàu hỏa đã chuẩn bị đưa chúng tôi ra mặt trận. Tôi vừa nói từ “đồng phục”, nhưng từ này có thể làm bạn đọc hiểu lầm. Đây không phải là những bộ đồng phục như ta vẫn thấy. Có thể phải gọi là “đa sắc phục” thì mới đúng. Nói chung, mọi người đều mặc tương đối giống nhau, nhưng không bao giờ có hai bộ hoàn toàn như nhau. Tất cả quân nhân đều mặc quần nhung dài đến đầu gối, đây là sự giống nhau duy nhất. Một số người quần xà cạp, một số người đi ghệt bằng nhung, một số thì đi ủng. Tất cả đều mặc áo blu-đông có phեcmotuya, nhưng cái thì bằng da, cái thì bằng vải len đủ màu sắc khác nhau. Mũ cũng thế, có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu kiểu mũ. Phía trước mũ thường được trang trí bằng phù hiệu đảng, ngoài ra gần như ai cũng thắt quanh cổ một chiếc khăn tay màu đỏ hay nửa đỏ, nửa đen. Đúng là một lũ hỗn quân hỗn quan. Nhưng quần áo là do nhiều nhà máy khác nhau sản xuất và phải phát ngay, nếu xét đến hoàn cảnh lúc đó thì phải nói cũng không đến nỗi tồi. Áo và tất bằng vải bông chất lượng rất kém, chẳng giúp được gì khi trời lạnh. Tôi thật không muốn nhắc lại những điều mà các dân quân đã trải qua trong những tháng đầu tiên, khi mọi việc vẫn còn rất lộn xộn. Tôi còn nhớ hai tháng trước đã đọc một bài báo, trong đó một lãnh tụ của P.O.U.M [\[4\]](#), sau khi đi thị sát mặt trận về, đã tuyên bố rằng sẽ cố gắng “phát cho mỗi chiến sỹ một cái chăn”. Câu này khiến những người từng ngủ trong chiến hào phải rùng mình vì lạnh.

Tôi đến hôm trước thì hôm sau bắt đầu cái có thể gọi một cách khôi hài là “huấn luyện”. Lúc đầu, mọi sự bắt đầu một cách lộn xộn không thể tưởng tượng nổi. Phần lớn tân binh mới mười sáu, mười bảy tuổi, xuất thân từ các khu phố nghèo của Barcelona, đầy nhiệt tình cách mạng, nhưng hoàn toàn không biết chiến tranh có nghĩa là gì. Xếp hàng đã là việc cực kì khó. Không có tí kỉ luật nào, ai không thích có thể nhảy ra cãi nhau tay đôi với chỉ huy. Huấn luyện chúng tôi là một trung úy trẻ, khoẻ mạnh, nét mặt tươi tỉnh và dễ thương. Anh ta vốn là sỹ quan trong quân đội thường trực, có thể thấy rõ điều đó qua dáng điệu và bộ quân phục còn mới toanh của anh. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi biết rằng anh ta là một người ủng hộ chủ nghĩa xã hội nhiệt tình và rất chân thành. Anh đòi mọi người đều phải được bình đẳng, không phân biệt cấp bậc, còn hơn cả các chiến sỹ. Tôi còn nhớ nét mặt đau khổ của anh khi một tân binh ngốc nghếch gọi anh là “Ngài”. “Cái gì? Ngài à? Ai vừa gọi tôi là Ngài? Chả lẽ tất cả chúng ta không phải là đồng chí hay sao?”. Tôi nghĩ rằng chuyện này cũng chẳng làm cho công việc huấn luyện của anh được dễ dàng hơn. Trong khi đó, các tân binh được huấn luyện toàn những chuyện vô bổ cả. Người ta bảo tôi rằng người nước ngoài không cần tham gia “huấn luyện” (dân Tây Ban Nha, như tôi thấy, tin rằng tất cả người ngoại quốc đều biết các vấn đề quân sự giỏi hơn họ), nhưng dĩ nhiên là tôi vẫn ra bãi tập cùng với mọi người. Tôi rất muốn học bắn súng máy, chưa bao giờ tôi có dịp làm quen với loại vũ khí này. Tôi thực sự hoảng hốt khi thấy người ta không

dạy chúng tôi sử dụng vũ khí. Cái gọi là huấn luyện chỉ đơn giản là những kỹ năng cũ rích và cực kì ngu xuẩn: quay phải, quay trái, quay đằng sau, đi đều bước và những thứ nhảm nhí khác mà tôi đã học từ lúc mười lăm tuổi. Thật không thể tưởng tượng nổi là người ta lại huấn luyện cho dân quân những chuyện như thế. Rõ ràng là nếu người lính chỉ được huấn luyện trong vòng có mấy ngày thì phải dạy cho anh ta những điều cần thiết nhất: ẩn nấp, di chuyển trên đồng vắng, đứng gác, đào công sự và trên hết là sử dụng vũ khí. Nhưng những chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, những người sẽ được ném ra mặt trận trong vài ngày tới, lại không được dạy ngay cả cách sử dụng một khẩu súng trường hay rút chốt lựu đạn. Lúc đó tôi đâu có biết là họ không có súng để dạy. Lực lượng vũ trang của P.O.U.M. thiếu súng một cách tuyệt vọng đến mức các đơn vị mới phải dùng súng của các đơn vị đang rời trận địa. Trong doanh trại mang tên Lenin, tôi tin là cũng chỉ có mấy khẩu đặt ở trạm gác mà thôi.

Sau vài ngày, mặc dù xét theo tiêu chuẩn nào thì chúng tôi vẫn còn là một lũ hỗn quân hỗn quan, nhưng người ta cho là có thể đem ra cho quần chúng chiêm ngưỡng được rồi và buổi sáng hôm đó chúng tôi được xếp hàng rồi đi thẳng ra công viên ở phía sau quảng trường Espana. Đây là nơi duyệt binh của các lực lượng vũ trang của tất cả các đảng phái. Ngoài ra, còn có công an vũ trang và những đơn vị đầu tiên của Quân đội nhân dân vừa được thành lập nữa. Quang cảnh công viên thật là lạ và vui. Trên tất cả các con đường và các lối đi, giữa những luống hoa được cắt tỉa cẩn thận là các trung đội, đại đội nặng nề cất bước, ngực ưỡn ra đằng trước, cố gắng làm ra vẻ như những người lính thực thụ. Tất cả đều không có súng, không người nào có một bộ đồng phục thực sự, thậm chí nhiều người còn mặc những bộ quân phục đã bị vá. Thủ tục luôn luôn giống nhau. Chúng tôi đi đều bước, đi qua rồi đi lại suốt ba tiếng đồng hồ (bước duyệt binh của người Tây Ban Nha ngắn và nhanh), sau đó được nghỉ, giải tán và chạy vội xuống cái cửa hàng nhỏ có bán loại rượu vang rẻ tiền ở lưng chừng đồi. Mọi người đều tỏ ra thân mật với tôi. Ai cũng ngạc nhiên khi biết tôi là người Anh, mấy ông sỹ quan cảnh sát vũ trang hỏi đủ thứ chuyện rồi mời tôi mấy ly. Trong lúc đó, tôi đã kéo tay trung úy của chúng tôi vào một góc và tìm cách thuyết phục anh ta dạy bắn súng máy. Tôi phải lôi cuốn từ điển Hugo ra khỏi túi áo và bắt đầu nói với anh ta bằng thứ tiếng Tây Ban Nha khủng bố của mình: “Yo sé manejar fusil. No sé manejar ametralladora. Quiero aprender ametralladora. Cuando vamos aprender ametralladora? [\[5\]](#)”

Anh mỉm cười một cách ngượng ngịu và hứa mañana [\[6\]](#) sẽ dạy. Nói rằng mañana sẽ chẳng bao giờ tới là thừa. Lại thêm mấy ngày nữa, các tân binh đã học đi đều bước và tuân thủ hiệu lệnh gần như hoàn hảo rồi, họ còn biết đạn sẽ bay ra từ đầu nào của khẩu súng nữa, nhưng đây là tất cả kiến thức quân sự mà họ có lúc đó. Một hôm, trong khi chúng tôi đang giải lao thì có một người cảnh sát vũ trang mang khẩu súng trường tới cho chúng tôi xem. Hoá ra cả trung đội, trừ tôi ra, không người nào biết lắp đạn, ngắm bắn thì càng không cần nói tới rồi.

Suốt thời gian đó, tôi vẫn tiếp tục chiến đấu với tiếng Tây Ban Nha. Trong doanh trại, ngoài tôi ra chỉ có một người Anh nữa, ngay các sỹ quan cũng không có ai nói được một từ tiếng Pháp nào. Tôi còn gặp khó khăn hơn vì các bạn đồng ngũ thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Catalonia. Tôi chỉ còn mỗi một cách là đi đâu cũng mang theo một cuốn từ điển và rút ra đúng lúc nguy kịch nhất. Nhưng nếu phải ở nước ngoài thì tôi nghĩ không đâu tốt hơn là Tây Ban Nha. Người Tây Ban Nha dễ làm thân lắm. Chỉ mới một hai ngày mà đã có khoảng hai chục

người gọi tôi bằng tên tục, họ giúp tôi nắm rõ tình hình và hiểu khách vô cùng. Đây không phải là tác phẩm tuyên truyền và tôi cũng không muốn lý tưởng hoá lực lượng dân quân của P.O.U.M. Hệ thống quân sự có những khiếm khuyết nghiêm trọng, quân nhân gồm đủ các hạng người khác nhau vì lúc đó số quân tình nguyện đã giảm nhiều, đa số những người xứng đáng nhất đã ở mặt trận hoặc hy sinh rồi. Trong các đơn vị của chúng tôi lúc nào cũng có một số người hoàn toàn vô dụng. Những đứa trẻ mới mười lăm tuổi được cha mẹ dẫn đến ghi danh, họ công khai nói rằng để nhận mỗi ngày mười đồng, tức là lương của các dân quân lúc đó, ngoài ra còn bánh mì thừa nữa vì dân quân được phát nhiều, có thể tuần về cho gia đình một ít. Nhưng tôi tin rằng bất cứ ai có điều kiện sống cùng giai cấp công nhân Tây Ban Nha, đứng ra phải nói rằng giai cấp công nhân Catalonia vì ngoài mấy người Aragon và Anadaluse ra, xung quanh tôi chủ yếu với người Catalonia, đều sẽ phải kinh ngạc trước sự cao thượng, mà trước hết là thái độ thẳng thắn và sự hào phóng của họ. Sự hào phóng của người Tây Ban Nha, theo đúng nghĩa của từ này, đôi khi làm người ta lúng túng. Nếu bạn hỏi xin một liều thuốc, người Tây Ban Nha có thể dúm vào tay bạn cả một bao. Ngoài ra, sự hào phóng của họ còn có ý nghĩa sâu sắc hơn, đây đúng là những tâm hồn rộng lượng mà tôi đã gặp không biết bao nhiêu lần trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Một số phóng viên và những người ngoại quốc khác từng đến Tây Ban Nha trong thời gian diễn ra cuộc chiến đã tuyên bố rằng ở chỗ riêng tư, người Tây Ban Nha tỏ thái độ bất mãn với sự giúp đỡ của ngoại quốc. Tôi chỉ có thể nói rằng chưa bao giờ thấy những chuyện tương tự như thế. Tôi còn nhớ, trước khi rời doanh trại vài ngày có một nhóm chiến sỹ đi phép từ mặt trận về. Họ kể chuyện chiến đấu rất sôi nổi và rất phấn khởi khi nói đến một đơn vị quân Pháp chiến đấu bên cạnh họ ở Huesca. Người Pháp dũng cảm lắm, họ bảo vệ và nói thêm: “*Más valientes que nosotros*” — “dũng cảm hơn chúng ta!”. Dĩ nhiên là tôi phản đối, nhưng họ giải thích rằng người Pháp chiến đấu giỏi hơn, ném lựu đạn chính xác hơn, bắn chính xác hơn, vân vân. Tôi cho đấy là một thái độ rất đặc biệt. Người Anh thà để người ta chặt tay chứ không bao giờ nói như thế.

Chỉ cần sống vài tuần ở đây là sẽ thấy người Tây Ban Nha rất đáng yêu, nhưng một vài tính cách của họ cũng có thể làm ta tức đến không chịu nổi. Ngoài mặt trận, đôi khi họ làm tôi đến phát điên lên được. Người Tây Ban Nha giỏi nhiều việc, nhưng đánh nhau thì rất kém. Sự vụng về và trên hết là sự tùy tiện của họ đã làm tất cả người ngoại quốc phải kinh ngạc. Có một từ mà người ngoại quốc nào cũng biết, đấy là từ *mañana* — “ngày mai” (đúng ra là “buổi sáng”). Để có thể hoãn được là y như rằng bao giờ họ cũng để đến *mañana*. Chính người Tây Ban Nha cũng cảm thấy khó chịu vì sự lề mề của mình và mang ra chế giễu. Ở Tây Ban Nha, không có việc gì, từ bữa ăn cho đến trận đánh, có thể diễn ra đúng thời gian qui định. Nói chung, mọi việc đều diễn ra muộn hơn qui định, nhưng đôi khi, để cho người ta không dựa dẫm vào sự chậm trễ, công việc lại được tiến hành sớm hơn rất nhiều. Nếu tàu hỏa phải khởi hành vào lúc tám giờ thì bao giờ cũng khởi hành vào khoảng từ chín đến mười giờ, nhưng mỗi tuần một lần, người lái tàu có thể đột nhiên muốn cho tàu chạy sớm, thế là nó có thể xuất phát vào lúc bảy giờ rưỡi cũng nên. Những chuyện như thế gây ra khá nhiều phiền phức. Về lý thuyết, tôi tán phục người Tây Ban Nha vì họ không bị mắc cái bệnh cứng nhắc về thời gian biểu như chúng ta. Chỉ tiếc là chính tôi cũng mắc căn bệnh đó.

Sau rất nhiều đồn đoán, nhiều *mañana* và trì hoãn, chúng tôi bất ngờ nhận được lệnh lên đường sau hai giờ nữa, trong khi phần lớn quân trang quân dụng vẫn chưa được cấp. Khu vực

kho ồn ào như chợ vỡ, nhưng vào phút chót một số chiến sỹ vẫn không nhận được đầy đủ quân trang quân dụng. Một đám phụ nữ, không biết từ đâu, bất ngờ xuất hiện trong doanh trại, họ giúp người thân gập chăn màn và sắp xếp ba lô. Thật là xấu hổ khi tôi được một người phụ nữ Tây Ban Nha, vợ của Williams - một dân quân người Anh khác - hướng dẫn cách đeo băng đạn bằng da mới tinh. Đây là một người phụ nữ dịu dàng, có đôi mắt đen, trông rất hiền thực, tưởng như công việc của cô chỉ là ru nôi, nhưng sự thật là cô đã chiến đấu rất dũng cảm khi diễn ra các trận đánh ngay trên đường phố vào tháng bảy vừa qua. Cô đem theo cả đứa con mới sinh sau khi chiến tranh bùng nổ mười tháng vào doanh trại, đứa bé này có thể đã được thụ thai ngay đằng sau chiến lũy.

Tàu phải khởi hành vào lúc tám giờ, nhưng mãi đến tám giờ mười các sỹ quan mệt phờ, mặt lấm tấm mồ hôi mới sắp xếp được chúng tôi thành hàng ngũ trong sân trại. Tôi vẫn còn nhớ rõ chiếc sân được chiếu sáng bằng đèn pha, tiếng hò hét và cảnh ồn ào nhộn nhịp, những lá cờ đỏ tung bay dưới ánh đèn, những hàng dài các binh sỹ ba lô trên lưng và những tấm chăn cuộn tròn quấn qua vai giống như những băng đạn, tiếng quát tháo, tiếng giầy đinh và tiếng leng keng của những chiếc bi đông, rồi có tiếng hô rất to yêu cầu giữ trật tự; sau đó là một chính trị viên đứng bên dưới một tấm biểu ngữ màu đỏ úy lạo bằng tiếng Catalonia. Cuối cùng, họ đưa chúng tôi ra ga, theo con đường xa nhất, chừng năm sáu cây số để cho cả thành phố đều thấy. Đoàn quân dừng lại một lúc ở Ramblas để nghe mấy bản nhạc cách mạng do đội kèn trình diễn. Rồi lại duyệt binh, những tiếng reo hò và những vẻ mặt thán phục, những lá cờ đỏ rồi cờ nửa đỏ nửa đen tung bay khắp nơi, đám đông chen lấn trên vỉa hè để chào đón chúng tôi, còn trên cửa sổ các ngôi nhà là những người phụ nữ đang vẫy tay chào. Lúc đó sao cảm thấy tất cả đều tự nhiên đến thế, còn nay sao lại thấy xa vời và khó tin đến như thế! Tàu chạt đến nổi ngay trên sàn cũng không còn chỗ chứ đừng nói đến ghế. Vợ Williams xuất hiện trên sân ga ngay trước khi tàu xuất phát, cô đem đến cho chúng tôi một chai rượu vang và một khúc Lạp xưởng dài đến vài gang, màu đỏ, có mùi xà phòng, ai ăn vào cũng bị tiêu chảy cả. Tàu chậm chậm bò ra khỏi Catalonia và đi về hướng cao nguyên Aragon với tốc độ trung bình của thời chiến, tức là khoảng hai mươi cây số một giờ.

Thành phố Barbastro, tuy nằm xa mặt trận nhưng trông khá tiêu điều và đổ nát. Từng toán lính áo quần xơ xác, tránh rét bằng cách đi qua đi lại hết phố này đến phố khác. Tôi bắt gặp trên một bức tường đồ một tờ áp phích từ năm ngoái viết rằng ngày này, tháng này, sẽ có “sáu con bò tốt đẹp” bị giết trên đấu trường. Tờ giấy bạc màu gợi lại biết bao hoài niệm! Những con bò đẹp và những đấu sỹ đẹp trai đã trôi dạt về đâu? Tôi nghe nói rằng ngay cả ở Barcelona cũng không còn tổ chức đấu bò nữa, không hiểu sao tất cả các đấu sỹ dũng cảm nhất đều chạy theo phe phát xít hết.

Đại đội của chúng tôi được đưa bằng ô tô tải đến Sietamo, rồi đi sang hướng tây, tới ngôi làng gọi là Alcubierre, nằm ngay phía sau chiến tuyến Zaragoza. Sietamo bị giành đi giật lại đến ba lần trước khi quân vô chính phủ chiếm được vào tháng mười, một số ngôi nhà đã bị súng đại bác phá sập, còn phần lớn cũng đều bị vết đạn lỗ chỗ. Chúng tôi ở trên độ cao 500 mét so với mặt biển. Gió rét căm căm; sương mù dày đặc, không biết từ đâu ra, vần vũ đầy trời. Đi đến khoảng giữa Sietamo và Alcubierre thì lái xe bị lạc đường (đây cũng là một trong những đặc điểm thường trực của cuộc chiến tranh này) và chúng tôi đi loanh quanh suốt mấy tiếng đồng hồ liền. Mãi đến nửa đêm chúng tôi mới đến được Alcubierre. Một người đưa chúng tôi qua đi qua một bãi bùn để đến chuồng la, chúng tôi chui vào đồng rơm và ngủ thiếp đi ngay lập tức. Rơm sạch thì ngủ cũng tốt, dĩ nhiên là không bằng cỏ khô, nhưng tốt hơn rá. Chỉ đến khi trời sáng tôi mới phát hiện ra rằng rơm lẫn đầy vỏ bánh mì, giấy báo vụn, xương, chuột chết và ống bơ bẹp.

Lúc này chúng tôi đã ở gần chiến tuyến, gần đến nỗi có thể ngửi thấy mùi của chiến tranh, theo kinh nghiệm của tôi thì đấy là mùi cứt và mùi thức ăn thiu. Alcubierre chưa bao giờ bị pháo kích và trông có vẻ thanh bình hơn hầu hết những ngôi làng nằm ngay sau chiến tuyến. Nhưng tôi tin rằng ngay cả trong thời bình, những ai từng đi ngang qua đây cũng đều nhận ra ngay sự nghèo khổ và bẩn thỉu của làng quê vùng Aragon. Làng giống như một pháo đài với những ngôi nhà tồi tàn, được xây bằng đá và đất sét, đứng lộn xộn xung quanh một nhà thờ. Ngay cả mùa xuân cũng khó thấy một cánh hoa; không nhà nào có vườn, chỉ có sân sau với mấy con gà gáy, suốt ngày bới những đồng phân la. Thời tiết thật kinh khủng: không mây mù thì lại mưa. Những con đường đất hẹp biến thành những bể bùn, đôi chỗ sâu đến nửa thước. Ô tô tải không thể đi được, bánh xe cứ quay tròn trong bùn; nông dân phải đóng có khi đến sáu con la, con trước con sau, mới kéo được một chiếc xe còm của họ. Những đội quân thường xuyên đi qua đã biến ngôi làng thành một bãi rác, bẩn không thể tưởng tượng nổi. Làng không có, thực ra là chưa bao giờ có cái gọi là hố xí hay cống thoát nước và bây giờ thì ở đâu cũng phải quan sát thật kỹ trước khi muốn bước. Nhà thờ đã được sử dụng làm nhà xí từ lâu, khu vực xung quanh rộng cả trăm mét cũng được dùng vào việc tương tự. Mỗi khi nhớ lại hai tháng đầu tiên của cuộc chiến, bao giờ trong đầu tôi cũng hiện lên hình ảnh những mảnh ruộng hiu hắt mùa đông, lởm chởm gốc rá, bờ đầy phân người.

Đã hai ngày trôi qua mà chúng tôi vẫn chưa được phát súng. Nếu có dịp ghé qua Ủy ban quân sự bạn sẽ thấy những vết đạn lỗ chỗ trên tường, đấy là dấu vết còn lại của những vụ hành

quyết bọn phát xít, và toàn bộ khung cảnh vùng Alcubierre. Mặt trận có vẻ yên ắng, chỉ có vài người bị thương đang đi vào. Náo nhiệt nhất là cảnh giải mấy tên phát xít đào ngũ từ mặt trận về. Nhiều binh sỹ thuộc các đơn vị đang đánh nhau với chúng tôi vốn không phải là phát xít, chiến tranh bùng nổ đúng vào lúc những người lính bất hạnh này đang thi hành nghĩa vụ quân sự và chỉ muốn tìm cách chuồn chứ có thiết đánh đấm gì đâu. Thỉnh thoảng lại có một nhóm nhỏ liều mạng lén qua bên phía chúng tôi. Chắc chắn là sẽ có nhiều người làm thế hơn nếu thân nhân của họ không sống trong vùng phát xít kiểm soát. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những tên phát xít “thật”. Tôi lấy làm kinh ngạc khi thấy ngoài bộ quần áo kaki, trông họ cũng chẳng khác gì chúng tôi. Khi mới đến người nào cũng lạ đi vì đói, chắc chắn đây là do họ phải lẩn tránh từ một đến hai ngày trong những khu vực không một bóng người, nhưng người ta lại hân hoan khẳng định rằng điều đó chứng tỏ bọn phát xít đang bị đói. Tôi đã xem tù binh ăn trong nhà một người nông dân. Cảnh tượng thật đáng thương. Đây là một chàng trai chừng hai mươi tuổi, cao, mặt sạm đi vì nắng gió, quần áo rách bươm, ngồi xồm ngay bên bếp lửa, nín thở xúc thịt hầm đưa vào miệng, trong khi mắt vẫn lảo liên nhìn mấy người lính đứng quan sát xung quanh. Tôi tin là anh ta vẫn còn bán tín bán nghi việc chúng tôi là “cộng sản” khát máu và sẽ bắn ngay khi anh ta ăn xong; người lính áp giải có đeo súng vỏ nhẹ vào vai và nói vài câu an ủi anh ta. Tôi còn nhớ có ngày có đến mười lăm người đào ngũ cùng tới một lần. Họ được dẫn qua làng trong niềm hân hoan phấn khởi của mọi người, thậm chí còn có một người cưỡi ngựa trắng dẫn đầu nữa. Tôi đã chụp được một kiểu ảnh, tuy không đẹp lắm, nhưng sau này đã bị người ta ăn cắp mất.

Sáng ngày thứ ba súng mới được chuyển tới. Một viên trung sỹ mặt xương xẩu, rám nắng, phát cho mỗi người một khẩu ngay trong chuồng nhốt la cũ. Tôi cảm thấy choáng váng khi cầm khẩu súng vừa được phát. Đây là một khẩu môze do Đức sản xuất từ năm 1896, nghĩa là đã 40 năm rồi. Bên ngoài đã han gỉ cả, quy-lát thì rít, báng gỗ thì nứt, chỉ nhìn qua cũng thấy bên trong nòng súng đã rỉ gần hết. Đa số những khẩu khác cũng ở trong tình trạng tương tự, có khẩu còn cũ hơn của tôi nữa kia, không ai nghĩ rằng nên đưa những khẩu tốt hơn cho những người đã biết bắn. Khẩu mới nhất, được sản xuất cách đây mười năm, rơi vào tay một cậu nhóc, miệng còn hôi sữa, vẫn bị mọi người gọi là maricón (tức là Gái). Viên trung sỹ bỏ ra chừng năm phút để hướng dẫn chúng tôi cách sử dụng, bao gồm lắp đạn và tháo quy-lát. Nhiều người chưa bao giờ được cầm khẩu súng trong tay và tôi cho rằng rất ít người biết đầu ruồi dùng để làm gì. Mỗi người được phát năm mươi viên đạn. Sau đó chúng tôi xếp thành hàng ngũ, khoác ba lô lên vai và tiến ra mặt trận, cách đó chừng năm cây số.

Centuria, gồm tám mươi người và mấy con chó, thất thểu lên đường. Mỗi đơn vị đều mang theo ít nhất là một con chó, đây là bùa hộ mệnh của họ. Con chó khốn khổ đi cùng chúng tôi bị đóng dấu trên lưng mấy chữ cái: P.O.U.M. to tướng bằng sắt nung đỏ, dường như nó cũng thấy ngượng vì diện mạo của mình. Phía trước đoàn quân, đi bên cạnh lá cờ đỏ là Georges Kopp, vị chỉ huy dũng cảm người Bỉ, cưỡi một con ngựa ô; xa hơn một chút là tay kị binh còn rất trẻ, trông chẳng khác gì một tên du thủ du thực, thường thúc cho ngựa chạy nước đại lên những chỗ cao rồi dừng lại một cách rất điệu nghệ trên đỉnh đồi. Trong thời cách mạng người ta đã tịch thu được rất nhiều ngựa của kị binh Tây Ban Nha, số ngựa này sau đó được giao cho dân quân, những người không hề biết chăm sóc mà chỉ nghĩ cách cưỡi chúng cho đến chết mới thôi.

Con đường uốn lượn giữa những cánh đồng đất màu vàng, cỏn cỗi, đã bị bỏ hoang từ năm ngoái. Phía trước là dãy núi đá thấp vốn là biên giới giữa Alcubierre và Zaragoza. Chúng tôi đã đến rất gần mặt trận, gần bom đạn, súng máy và bùn lầy. Trong thâm tâm tôi thấy sợ. Tôi biết rằng mặt trận lúc này đang yên ắng, nhưng khác với đa số người đang có mặt bên cạnh, tôi đã đủ lớn để nhớ cuộc Chiến tranh Thế giới Thứ nhất, mặc dù lúc đó chưa đến tuổi nhập ngũ. Đối với tôi, chiến tranh là đạn réo, bom gầm, là hàng đồng mảnh bom, nhưng trước hết là bùn lầy, chảy rận, đói và rét. Điều lạ là tôi sợ lạnh còn hơn sợ kẻ thù. Ý nghĩ về cái lạnh cứ bám lấy tôi trong suốt thời gian tôi ở Barcelona, có những đêm tôi hoàn toàn không ngủ, chỉ nghĩ đến cái lạnh trong chiến hào, trong những lần báo động trước khi trời sáng, trong những buổi tuần tra ban đêm với khẩu súng lạnh như băng, nghĩ về lớp bùn buốt giá bám vào ủng. Xin thú nhận là tôi phát hoảng khi nhìn vào những người đang đi bên cạnh. Độc giả không thể nào tưởng tượng nổi cảnh khốn khổ khốn nạn của chúng tôi lúc đó. Chúng tôi lê bước, còn rời rạc hơn cả một đàn cừu, mới đi chưa được ba cây số mà đầu đuôi đã không nhìn thấy nhau. Một nửa binh sỹ của chúng tôi là trẻ con, trẻ con theo đúng nghĩa của từ này, tức là chỉ mới mười sáu tuổi là cùng. Nhưng tất cả đều tỏ ra phấn chấn và mừng rỡ ra mặt vì cuối cùng thì họ cũng sắp đến mặt trận rồi. Khi đến gần chiến tuyến, mấy anh chàng đi gần lá cờ đỏ bắt đầu hô «Visca P.O.U.M.! Fascistas-maricones! [7]» và những khẩu hiệu tương tự, ngôn từ có vẻ quyết liệt và đầy đe dọa, nhưng phát ra từ miệng những đứa trẻ còn hôi mùi sữa nghe thảm hại như tiếng mèo gào. Thật là kinh khủng khi nghĩ rằng bảo vệ nền cộng hoà lại chính là lũ trẻ rách rưới, tay cầm những khẩu súng trường han gỉ mà phần lớn còn chưa biết bắn ra làm sao. Tôi còn nhớ lúc đó đã tự hỏi: Nếu máy bay phát xít bay ngang qua và lao xuống bắn cho một loạt thì sao? Chắc chắn là ngay ở trên không viên phi công cũng nhận thấy chúng tôi không phải là những người lính thực thụ.

Vừa đến chân dãy núi đá thì chúng tôi rẽ sang bên phải và trèo dần lên theo con đường mòn uốn lượn xung quanh sườn núi vốn chỉ dùng cho la đi. Đồi núi ở vùng này có hình thù rất kì lạ, y như móng ngựa, đỉnh thì phẳng nhưng sườn lại rất dốc, đổ thẳng vào những khe núi sâu hoắm. Trên sườn dốc, chỉ có những bụi cây còi cọc và mấy cây thạch nam, không che hết được đất, chỗ nào cũng có đầu mẩu đá vôi trơ ra như những mảnh xương. Chiến tuyến ở đây không phải là một giao thông hào liên tục, không thể đào được một đường như thế trên dãy núi này; đây chỉ là một loạt hỏa điểm, được gọi là “chốt”, nằm ở trên các đỉnh đồi. Từ xa đã có thể nhìn thấy “chốt” của chúng tôi ở trên đỉnh một cái móng ngựa, gồm có mấy bao cát rách, một lá cờ đỏ tung bay trước gió và khói bốc lên từ đồng lửa sưởi. Đi đến gần người ta có thể thấy một mùi hôi thối, ngầy ngậy phát buồn nôn, vẫn như sộc vào mũi tôi suốt nhiều tuần sau. Đã mấy tháng trời, tất cả rác rưởi, từ bánh mì thiu đến vỏ đồ hộp han gỉ và cứt người đều được tuồn thẳng xuống cái khe ở ngay phía sau vị trí đóng quân.

Đại đội mà chúng tôi đến thay thế đang sắp xếp ba lô. Họ đã ở trên chiến tuyến ba tháng rồi, người nào cũng râu ria tua tủa, áo quần đầy bùn đất, giày rách tứ tung. Người chỉ huy tên là Levinski, nhưng ai cũng gọi là Benjamin, vốn là dân Do Thái sinh ở Ba Lan, nói tiếng Pháp như tiếng mẹ đẻ, chui ra khỏi hầm trú ẩn để chào chúng tôi. Anh ta mới khoảng hai mươi lăm tuổi, thấp bé, tóc rẽ tre màu đen, khuôn mặt tái mét nhưng đầy nhiệt huyết và cũng giống như những người khác, tức là rất bẩn. Vài loạt đạn rít đầu đó rất cao phía trên đỉnh đồi. Chốt là một vòng cung đường kính chừng bốn mươi lăm mét được quây lại bằng mấy bao cát và những

tảng đá vôi. Ở đây có từ ba mươi đến bốn mươi hầm trú ẩn khoét sâu vào lòng đất trông như những cái hang chuột. Williams, tôi và một tay người Tây Ban Nha, em trai vợ của Williams, chui ngay vào cái công sự không người, nhưng có vẻ sạch sẽ đầu tiên mà chúng tôi trông thấy. Ở đằng trước, thỉnh thoảng lại vang lên một loạt đạn súng trường, tiếng vọng kéo dài mãi trong vách núi đá nghe réo rắt, rất lạ. Chúng tôi vừa bỏ ba lô xuống và đang chui ra ngoài công sự thì lại có một tiếng nổ nữa và tôi thấy một cậu nhóc trong nhóm chúng tôi nhảy từ trên công sự xuống, máu me đầy mặt. Hóa ra là chính anh ta bắn và không hiểu làm thế nào mà để văng quy-lát ra, vỏ đạn vỡ làm xước một ít da đầu. Đây là thương binh đầu tiên của chúng tôi, chính anh ta làm mình bị thương.

Buổi chiều chúng tôi thực hiện ca gác đầu tiên, Benjamin chỉ cho chúng tôi toàn bộ vị trí. Đằng trước công sự là hệ thống giao thông hào hẹp được đục vào vách đá, với những lỗ châu mai được xếp bằng mấy miếng đá vôi trông rất sơ sài. Trên các giao thông hào và đằng trước công sự có hai mươi lính gác. Bên ngoài giao thông hào còn có hàng rào kẽm gai, xa thêm một chút nữa là sườn dốc như lao thẳng xuống khe núi sâu thăm thẳm. Phía bên kia là những ngọn đồi trọc, xám ngoét và lạnh lẽo, đôi chỗ chỉ có những tảng đá lơ lửng, không thấy một biểu hiện gì của cuộc sống, không thấy ngay cả một chú chim nào. Tôi thận trọng ghé mắt vào lỗ châu mai, có ý tìm chiến hào của quân phát xít.

“Kẻ thù ở đâu?”

Benjamin vung tay thành một vòng tròn. “Đằng kia kìa”. (Benjamin nói bằng tiếng Anh, nghe như dấm vào tai)

“Nhưng ở đâu?”

Theo tôi hiểu về trận địa chiến thì bọn phát xít chỉ có thể ở cách chúng tôi từ năm mươi đến một trăm mét là cùng. Tôi chẳng nhìn thấy gì hết, hay là chiến hào của chúng được ngụy trang quá kĩ. Rồi tôi thất vọng nhận ra rằng Benjamin đang chỉ lên đỉnh ngọn đồi trước mặt, tức là phía bên kia khe núi, cách chỗ chúng tôi ít nhất cũng phải bảy trăm mét, chỉ thấy lá cờ nửa đỏ nửa vàng và một vệt nhỏ mờ, đấy là công sự của bọn phát xít. Tôi cảm thấy vô cùng thất vọng. Chúng tôi ở xa quân địch quá! Xa thế thì súng trường còn có tác dụng gì.

Nhưng đúng lúc đó thì tôi nghe thấy tiếng thét của ai đó. Hai tên phát xít, từ khoảng cách như thế trông chỉ như hai cái bóng màu xám, đang bò trên sườn đồi trọc trước mặt. Benjamin giằng lấy khẩu súng của người đứng ngay bên cạnh, anh ta nhắm thẳng vào mục tiêu và bóp cò. Tách! Không có đạn, tôi chột nghĩ: điềm gỡ rồi.

Toán lính gác mới vừa chiếm lĩnh vị trí là lập tức bắn như vãi đạn vào không trung. Tôi nhìn thấy mấy tên phát xít, bé chỉ như những con kiến, đi qua đi lại đằng sau công sự, thỉnh thoảng lại có tên cố tình thò đầu ra ngoài. Rõ ràng là bắn chẳng có tác dụng gì. Thế mà tay lính gác ở bên trái tôi đã bỏ vị trí của mình, đứng theo phong cách Tây Ban Nha, lò dò đi đến bên cạnh tôi và giục tôi bắn ngay. Tôi cố gắng giải thích cho anh ta rằng với khoảng cách xa như thế và với khẩu súng cũ như thế này thì bắn trúng là việc cực kì hãn hữu. Nhưng đấy chỉ là một đứa trẻ con, hấn tiếp tục hướng nòng súng vào một trong những chấm đen di động, răng nhe ra y như

một con chó đang chờ lao theo viên sỏi được người ta ném ra vậy. Cuối cùng tôi cũng đưa nòng súng lên và bóp cò. Chấm đen biến mất. Đây là lần đầu tiên tôi bắn vào một người thật sự bằng da bằng thịt.

Bây giờ, khi đã nhìn thấy mặt trận, tôi bỗng cảm thấy chán nản vô cùng. Đây mà là chiến tranh à! Chúng tôi gần như hoàn toàn không chạm trán với quân địch, tôi có thể đứng thẳng người ngay trong chiến hào. Nhưng ngay lúc đó một viên đạn réo sát mang tai tôi và cắm vào thành công sự phía sau. Lạy chúa tôi! Tôi vội cúi đầu xuống. Tôi đã thề suốt đời rằng sẽ không bao giờ cúi xuống khi viên đạn đầu tiên bay ngang, nhưng đây là hành động mang tính bản năng và hầu như ai cũng làm thế, ít nhất là một lần.

Sống trong chiến hào có năm thứ quan trọng: củi đun, thức ăn, thuốc lá, nển và quân thù. Trên mặt trận mùa đông ở Zaragoza thì mức độ quan trọng được xếp theo đúng thứ tự như thế, quân thù được xếp cuối cùng. Trừ ban đêm, khi kẻ thù có thể tấn công bất cứ lúc nào, không ai thèm để ý đến quân địch. Quân địch trên thực tế chỉ là những con côn trùng màu đen ở rất xa, thỉnh thoảng người ta mới thấy chúng nhảy ra nhảy vào. Cả hai bên chỉ quan tâm đến mỗi một việc là làm sao không bị chết cồng.

Nhân tiện xin nói thêm rằng trong suốt thời gian ở Tây Ban Nha tôi chỉ chứng kiến có vài trận đánh. Tôi ở mặt trận Aragon từ tháng giêng đến tháng năm; từ tháng giêng đến cuối tháng ba, ngoài trận đánh ở Teruel ra thì không có gì hoặc gần như không có gì xảy ra cả. Tháng ba có những trận đánh lớn ở Huesca, nhưng chính tôi lại tham gia rất ít. Sau này, nghĩa là trong tháng sáu, đã xảy ra một trận tấn công đẫm máu vào Huesca, mấy ngàn người bị giết trong một ngày, nhưng lúc đó tôi đã bị thương và bị loại khỏi vòng chiến rồi. Nỗi khủng khiếp của chiến tranh, điều mọi người thường hay nghĩ tới, lại ít khi đụng chạm đến người tôi. Máy bay không bỏ một quả bom nào gần những chỗ tôi ở; đại bác, theo tôi nhớ, bao giờ cũng nổ cách chỗ tôi năm mươi mét trở lên. Tôi chỉ tham gia đánh giáp lá cà có một lần (một lần cũng đã là quá nhiều, có thể nói như thế). Dĩ nhiên là tôi đã nhiều lần nằm dưới làn đạn súng máy, nhưng thường là bắn từ rất xa. Ngay cả ở Huesca, nếu thật trọng, vẫn có thể an toàn như thường.

Ở đây, trên những ngọn đồi xung quanh Zaragoza người ta chỉ mệt mỏi vì buồn và sự thiếu thốn mà thôi. Đơn điệu, chẳng khác gì cuộc sống của một viên thư kí quèn, ngày nào cũng lặp đi lặp lại những việc y như cũ. Tuần tra, canh gác, đào hào; rồi lại đào hào, canh gác, tuần tra. Trên mỗi đỉnh đồi, một nhóm người rách rưới, bẩn thỉu, run rẩy xung quanh những lá cờ và tìm mọi cách để khỏi chết cồng. Phát xít hay cộng hoà thì cũng thế. Đạn bắn qua cái thung lũng vắng suốt ngày đêm, nhưng ít khi trúng được người nào.

Tôi thường nhìn khung cảnh mùa đông xung quanh và nghĩ đến sự phù phiếm của tất cả những việc đang diễn ra ở đây. Chiến tranh kiểu này chẳng bao giờ đi đến đâu. Trước đây, khoảng tháng mười, đã từng diễn ra những trận chiến đấu kinh hoàng để giành giật mỗi ngọn đồi ở đây; sau đó, vì không có đủ người và vũ khí, nhất là pháo binh, không thể tiến hành được các chiến dịch lớn, quân đội hai bên phải đào công sự và đóng lại trên những đỉnh đồi mà họ chiếm được. Bên phải chúng tôi có một toán P.O.U.M. nữa, còn bên trái, chỗ quả đồi nhô ra là toán quân của P.S.U.C [\[8\]](#), vị trí này nằm đối diện với một quả núi cao hơn với vô số tiền đồn của quân phát xít. Tiền tuyến là một đường chữ chi, thò ra thụt vào, không thể nào phân biệt được nếu trên mỗi vị trí không có một lá cờ. Quân P.O.U.M. và P.S.U.C. treo cờ đỏ, vô chính phủ treo cờ nửa đỏ nửa đen, còn quân phát xít thì treo cờ bảo hoàng (đỏ-vàng-đỏ), nhưng đôi khi chúng cũng treo cờ tam tài của quân cộng hoà (đỏ-vàng-tía). Khung cảnh thật là hoành tráng, đấy là nói nếu có thể quên được sự kiện là trên mỗi ngọn đồi đều có một toán quân và xung quanh là hàng đồng vỏ đồ hộp và phân người. Phía bên phải chúng tôi, dãy núi đá đi theo hướng đông nam, tạo ra một bình nguyên rộng, có nhiều con suối nhỏ, kéo dài đến tận Huesca. Ở giữa cánh đồng nổi lên mấy khối nhà bé tí, trông như những con súc sắc, đấy là thành phố

Robres, hiện đang nằm trong tay quân phát xít. Buổi sáng, bình nguyên thường bị che phủ bởi một biển sương mù, bên trên nhô lên những ngọn đồi phẳng màu xanh, phong cảnh lúc đó trông chẳng khác gì một bức ảnh âm bản. Bên kia Huesca còn có nhiều đồi hơn, hình thù cũng như ở đây, nhưng những vết tuyết phủ trên đó thì thay đổi hàng ngày. Xa hơn nữa là những ngọn núi cao ngất như đang bơi vào thềm không của dãy Pyrenees, tuyết ở trên đó quanh năm không bao giờ tan. Nhưng bên dưới, thung lũng trông trơ trụi và hoang vắng đến rợn người. Mấy ngọn đồi trước mặt chúng tôi chỉ có một màu xám xịt và đầy những đường rãnh trông như da voi. Gần như chẳng có chú chim nào bay qua. Tôi chưa từng thấy nơi nào có ít chim đến như thế. Đôi khi tôi có thấy mấy con trông như ác là và có lần một đàn gà gô vỗ cánh ban đêm làm mấy anh lính gác giật mình, hiếm lắm mới thấy vài chú chim ưng lượn lơ bên trên, mặc cho những loạt đạn cổ tình nhắm vào chúng.

Ban đêm và vào những ngày có nhiều sương mù, các đơn vị tuần tra phải đi xuống thung lũng giữa hai cao điểm. Chẳng ai thích công việc này vì vừa rét vừa rất dễ bị lạc và tôi nhanh chóng nhận ra rằng tôi có thể đi tuần bất cứ khi nào tôi muốn. Trong những cái hẻm núi lỏm chỏm này không hề có lấy một con đường mòn nào, muốn tìm được lối về thì phải đi thường xuyên và mỗi lần lại phải tìm cách ghi nhớ các dấu hiệu trên đường. Theo đường chim bay, bọn phát xít chỉ cách chúng tôi khoảng bảy trăm mét, nhưng muốn tới đó thì phải đi ít nhất là hai cây số. Đi trong đêm tối, trên đầu thỉnh thoảng lại có một loạt đạn réo rất như tiếng chim, nghĩ cũng vui. Còn thú hơn nếu đấy là những ngày có nhiều sương mù. Sương mù kéo dài suốt ngày và thường chỉ phủ trên đỉnh đồi còn bên dưới thung lũng thì lại quang đãng. Đến gần phòng tuyến của quân phát xít thì phải bò thật chậm, nhưng trong những sườn đồi như thế này giữ yên lặng là việc khó, không dè vào cành khô thì cũng làm lẩn một cục đá nào đó. Chỉ đến lần thứ ba hay thứ tư tôi mới đến gần được vị trí của quân phát xít. Sương mù dày đặc, tôi bò sát đến hàng rào kẽm gai và đóng tai lên nghe. Đứa thì nói chuyện, đứa thì hát. Sau đó tôi hốt hoảng nhận ra rằng có mấy tên đang đi xuống đồi, về hướng tôi. Tôi nấp sau một bụi cây, lúc đó không hiểu sao tôi thấy bụi cây lại nhỏ như thế và cố gắng lên đạn một cách nhẹ nhàng nhất. Nhưng bọn phát xít đã rẽ ngang trước khi lọt vào tầm ngắm của tôi. Tôi đã phát hiện được ở đằng sau bụi cây đó khá nhiều dấu tích của những trận đánh trước đây, đấy là mấy băng đạn rỗng, một cái mũ da bị đạn bắn thủng và một lá cờ đỏ, rõ ràng là cờ của chúng tôi. Tôi mang lá cờ về chốt, nhưng người ta xé ra làm giẻ lau ngay lập tức.

Tôi được phong hàm hạ sỹ hay cabo, theo cách gọi của người Tây Ban Nha, ngay khi vừa đặt chân đến mặt trận và được chỉ huy mười hai binh sỹ. Đây không phải là địa vị ngồi mát ăn bát vàng, nhất là thời gian đầu. Centuria này gồm toàn những thanh thiếu niên tuổi từ mười ba đến mười chín, lại chưa được huấn luyện gì. Đôi khi còn có cả những đứa trẻ mới mười một, mười hai, đấy thường là những người tị nạn từ vùng chiếm đóng của quân phát xít, tham gia dân quân là cách kiếm cơm đơn giản nhất. Thường thì trẻ con được làm những công việc nhẹ ở hậu phương, nhưng đôi khi chúng cũng tìm cách ra được mặt trận và trở thành mối đe dọa cho chính các đơn vị của mình. Tôi còn nhớ cảnh một thằng nhóc đã ném lựu đạn vào hầm trú ẩn “cho vui”. Theo tôi nhớ thì ở Monte Pocero không có người nào dưới mười lăm tuổi, thế mà tuổi trung bình vẫn chưa đến hai mươi. Đáng lẽ không được đưa những thiếu niên như thế này ra mặt trận bởi họ không chịu nổi cảnh mất ngủ mà đấy lại là phần không thể thiếu của trận địa chiến. Thời gian đầu gần như không thể tổ chức được việc canh gác một cách nghiêm túc

vào ban đêm. Phải nằm chân lồi ra khỏi hầm trú ẩn thì mới đánh thức được những đứa trẻ ở đơn vị tôi, nhưng vừa quay lưng đi là chúng đã bỏ vị trí và trở về hầm trú ẩn hoặc dựa lưng vào tường chiến hào mà ngủ ngay lập tức, mặc kệ rét. May là quân địch cũng rất thụ động. Có những đêm tôi có cảm tưởng rằng chỉ cần hai mươi chàng trai hoặc hai mươi cô gái hướng đạo sinh trang bị súng hơi hay vợt cũng có thể chiếm được chốt của chúng tôi.

Lúc đó, cũng như mãi về sau các đơn vị ở Catalonia vẫn được tổ chức hết như hồi đầu cuộc chiến. Ngay khi Franco nổi loạn, tất cả các đảng phái và tổ chức công đoàn đều đứng ra thành lập các đơn vị tự vệ; đây thực chất là các tổ chức chính trị phải trung thành với đảng của mình cũng như phải trung thành với chính phủ trung ương. Đầu năm 1937, khi Quân đội Nhân dân, một đội quân “phi chính trị”, được thành lập một cách tương đối chính qui thì về mặt lí thuyết tất cả các lực lượng vũ trang của các đảng phái đều hợp nhất vào đó. Nhưng trong một thời gian dài tất cả các thay đổi mới chỉ diễn ra trên giấy, mãi đến tháng sáu các đơn vị Quân đội Nhân dân mới tiến đến mặt trận Aragon, trước đó hệ thống dân quân vẫn giữ nguyên như cũ. Mấu chốt của hệ thống này là sự bình đẳng giữa sỹ quan và binh sỹ. Tất cả mọi người, từ tướng tới lính, đều nhận cùng một mức lương, ăn cùng một mâm, mặc cùng một loại quân phục, hoàn toàn bình đẳng trong mọi lĩnh vực. Nếu muốn hút thuốc, bạn có thể vỗ vào vai viên tướng chỉ huy sư đoàn để xin một điếu, không ai coi đó là chuyện lạ. Về lí thuyết, tất cả các đơn vị dân quân đều là tổ chức dân chủ chứ không phải là đơn vị có cấp bậc hẳn hoi, cấp dưới phải phục tùng cấp trên. Mọi người đều hiểu rằng mệnh lệnh thì phải thi hành, nhưng đây là đồng chí ra lệnh cho nhau chứ không phải là cấp trên hạ lệnh cho cấp dưới. Vẫn có các sỹ quan và hạ sỹ quan, nhưng không phải theo nghĩa thông thường; không có danh hiệu, không có cầu vai, không có dậm chân và giơ tay chào như ở những nơi khác. Người ta có ý định tạo ra trong các đơn vị dân quân hình mẫu của một xã hội phi giai cấp. Dĩ nhiên là không thể có bình đẳng tuyệt đối rồi, nhưng tôi chưa thấy ở đâu có một cái gì tương tự như thế hoặc tôi không bao giờ nghĩ rằng điều đó lại có thể xảy ra trong thời chiến được.

Phải công nhận rằng lúc đầu cảnh tượng mặt trận như vậy đã làm tôi phát hoảng. Làm sao mà một đội quân kiểu này có thể thắng được? Lúc đó ai cũng nói như thế cả, kể cũng đúng, nhưng không hợp thời. Trong hoàn cảnh đó, khó mà có một lực lượng tốt hơn. Một đội quân cơ giới hoá hiện đại không thể sinh ra từ con số không, nếu chính phủ đợi cho đến khi huấn luyện xong thì Franco có thể tiến mà không gặp bất cứ sự kháng cự nào. Sau này, người ta thường chỉ trích lực lượng dân quân và cho rằng khiếm khuyết của nó là do sự bình đẳng quá trớn chứ không phải là do thiếu huấn luyện và không đủ khí giới. Thực ra, tất cả các đơn vị dân quân vừa được thành lập đều là một đám hỗn quân hỗn quan không phải là do sỹ quan gọi chiến sỹ là “đồng chí” mà vì các đơn vị mới bao giờ cũng là một đám người vô kỉ luật cả. Trên thực tế, kỉ luật cách mạng mang tính dân chủ hoá ra lại đáng tin cậy hơn người ta tưởng rất nhiều. Kỉ luật trong các đội quân công nhân, về lí thuyết, là kỉ luật tự giác, dựa vào ý thức giai cấp, trong khi kỉ luật trong quân đội tư sản hoàn toàn dựa vào sợ hãi (Quân đội Nhân dân, thay thế cho dân quân, nằm giữa hai lực lượng này). Ước hiếp và chửi rủa, vốn là hiện tượng bình thường trong quân đội chính qui, không bao giờ xảy ra ở đây. Các biện pháp trừng phạt chỉ được áp dụng cho những trường hợp nghiêm trọng. Một người bất tuân thượng lệnh thường sẽ không bị trừng phạt ngay, bao giờ người ta cũng khuyến khích tình đồng chí của anh ta. Những người yếm thế, không có kinh nghiệm sẽ nói rằng “không ăn thua”, nhưng trên thực tế làm thế lại “ăn”. Sau

một thời gian, kỉ luật của ngay cả những đơn vị ngổ ngáo nhất cũng được cải thiện trông thấy. Trong tháng giêng, việc huấn luyện khoảng một tá chiến sỹ mới làm tôi lo đến bạc cả tóc. Tháng năm, có lúc tôi được thay một viên trung úy chỉ huy ba mươi chiến sỹ, có cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh. Chúng tôi đã sống dưới làn đạn suốt mấy tháng liền, nhưng tôi không gặp bất kì khó khăn nào khi giao việc cho các chiến sỹ hoặc tìm người tình nguyện làm những việc nguy hiểm. Giác ngộ chính trị, tức là hiểu vì sao phải thi hành mệnh lệnh là cơ sở của kỉ luật cách mạng, muốn thế phải có thời gian, nhưng muốn biến một con người thành cỗ máy tự động trên sa trường cũng cần thời gian cơ mà. Các phóng viên từng đưa ra những nhận xét có tính chế nhạo lực lượng dân quân đã quên mất một điều rằng chính họ đã giữ vững trận địa trong khi Quân đội Nhân dân đang huấn luyện tại hậu phương. Chỉ nhờ có kỉ luật “cách mạng” mà lực lượng dân quân mới ở lại mặt trận vì mãi đến tháng 6 năm 1937 ngoài ý thức giai cấp thì chẳng có gì có thể níu kéo được họ. Những kẻ đào ngũ đơn độc có thể bị bắn - đã có những trường hợp như thế - nhưng nếu cả ngàn người cùng quyết định rời bỏ mặt trận thì chẳng sức mạnh nào có thể giữ được họ. Trong hoàn cảnh như thế, nếu không có các đơn vị quân cảnh, lính quân dịch sẽ tan rã ngay lập tức. Dân quân đã giữ vững được trận địa, nhưng có Chúa chứng giám, họ chỉ thắng được có vài trận, tuy nhiên hiện tượng đào ngũ cũng ít xảy ra. Trong bốn, năm tháng ở trong lực lượng vũ trang của P.O.U.M., tôi chỉ nghe nói có bốn người đào ngũ, trong đó có hai tên chắc chắn gián điệp. Trong thời gian đầu, do binh lính chưa được huấn luyện, thường phải mất năm phút mới thuyết phục được một người nào đó thi hành mệnh lệnh đã làm tôi phát hoảng và có lúc tức muốn điên lên được. Tôi có quan niệm theo kiểu quân đội Anh, chắc chắn là lực lượng dân quân Tây Ban Nha hoàn toàn khác quân đội Anh rồi. Nhưng nếu xét đến hoàn cảnh lúc đó thì phải công nhận rằng dân quân đã chiến đấu tốt hơn là người ta có quyền hi vọng.

Nhưng lúc này vấn đề là củi, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến củi thôi. Cuốn nhật kí tôi viết trong giai đoạn này gần như không ngày nào không nói đến củi, đúng hơn là nói đến việc không có củi. Chúng tôi đóng quân ở độ cao từ 700 đến 1.000 mét trên mực nước biển, lại giữa mùa đông, lạnh không bút nào tả xiết. Thực ra, nhiệt độ cũng không thấp lắm, nhiều đêm còn cao hơn không độ, giữa trưa thường có nắng khoảng một tiếng đồng hồ; nhưng dù ngay cả những lúc không lạnh lắm chúng tôi vẫn cảm thấy buốt thấu xương. Đôi khi có những cơn gió rú rít, hất văng mũ ra và làm tung tóc lên, đôi khi sương mù phủ kín chiến hào; lại thường có mưa, chỉ mưa mười lăm phút đã khủng khiếp lắm rồi. Lốp đất mỏng phủ trên bề mặt đá vôi ngay lập tức trở thành trơn như đổ mỡ, thật khó mà không trượt chân khi đi trên sườn dốc. Những đêm tối trời, có khi tôi ngã đến năm sáu lần trên đoạn đường chỉ dài có hai mươi mét; rất nguy hiểm bởi vì quy-lát có thể bị dính bùn và hóc. Sau nhiều ngày, cả quần áo, giày, chăn, súng đều bẩn hết. Tôi mang theo rất nhiều quần áo ấm, nhưng nhiều người ăn mặc rất phong phanh. Cả đơn vị khoảng một trăm người mà chỉ có hai mươi chiếc áo bông, chỉ lính gác mới được thay phiên nhau mặc, đa số chỉ có một chiếc chăn đơn. Trong một đêm lạnh giá tôi đã liệt kê vào nhật kí tất cả quần áo đang mang trên người. Khá thú vị, bởi vì nó cho thấy một người có thể mang trên mình bao nhiêu quần áo. Tôi mặc một áo lót, một quần xà lỏn dày, một áo sơ mi, hai áo len, một áo vét len, một áo khoác da, quần nhung, xà cạp, tất, ủng, áo đi mưa, khăn quàng cổ, tất tay da và mũ len. Thế mà lúc nào cũng run như cầy sấy. Nhưng nói cho ngay, tôi là người chịu lạnh rất kém.

Củ đun là vấn đề quan trọng nhất. Phải nói đến củ là vì ở đây hầu như không có một cây khô nào. Dãy núi này, ngay cả những lúc mưa thuận gió hòa nhất cũng chẳng có mấy cây cối, dân quân lại đóng ở đây đúng vào những tháng rét ngọt nhất, thành thử cành cây bằng ngón tay trở lên đã bị đốt sạch. Mọi người, trừ lúc ăn, lúc ngủ hay đi tuần, thời gian còn lại tất cả đều phải đi xuống thung lũng ở phía sau chốt để kiếm củ đun. Cứ mỗi lần nghĩ đến giai đoạn này là tôi lại nhớ cảnh trèo lên trèo xuống những bờ dốc đứng, đầy những tảng đá vôi sắc nhọn, cửa nát ủng, chỉ cốt túm được một bụi cây nhỏ nào đó. Ba người lượm suốt vài tiếng đồng hồ cũng chỉ đủ đốt trong vòng một giờ. Việc săn lùng củ đã biến tất cả chúng tôi thành những nhà thực vật học. Tất cả cây cối mọc trên sườn núi đều được phân loại, tùy vào khả năng giữ lửa của chúng; cỏ và các loại thạch nham dễ bén lửa nhưng cháy rất nhanh, cây hương thảo dại và kim tước lại chỉ cháy khi bếp đã hồng, những cây sồi tí hon, nhỏ hơn cả bụi lí gai, thì gần như không cháy được. Có một loại sậy, rất dễ bén lửa, mọc trên đỉnh đồi, bên trái chốt của chúng tôi, lên đấy dễ bị ăn đạn lắm. Nếu mấy tên giữ súng máy của bọn phát xít mà nhìn thấy thì thế nào chúng cũng xả hết cả một băng mới thôi. Đạn thường bay rất cao, nghe như tiếng chim kêu trên đỉnh đầu, nhưng đôi khi chúng cũng bắn vào những hòn đá vôi ngay bên cạnh, lúc đó phải nằm úp mặt xuống ngay lập tức. Hết loạt đạn chúng tôi lại đứng lên tiếp tục tìm kiếm, chẳng có gì quan trọng bằng củ đun.

So với rét thì mọi sự bất tiện khác chỉ là chuyện vặt. Dĩ nhiên là lúc nào chúng tôi cũng bắn suốt từ đầu đến chân. Nước, cũng giống như thức ăn, được la chở từ Alcubierre tới, một người mỗi ngày được hơn một lít. Một thứ nước kinh khủng, đục nhờ nhờ như sữa. Chính thức thì nước chỉ được dùng để uống, nhưng bao giờ tôi cũng lấy trộm được một bát sắt đầy để rửa mặt vào buổi sáng. Tôi thường rửa mặt hôm trước, hôm sau cạo râu, không đủ nước làm hai việc cùng một lúc. Hôi thối kinh khủng, ngay bên ngoài hàng rào chướng ngại vật là hàng đồng phân người. Một số dân quân còn có thói quen ỉa ngay trong chiến hào, thật là khủng khiếp nếu phải đi lại vào ban đêm. Nhưng tôi không ngại bắn. Nhưng bắn là đề tài được nói đến thường xuyên. Điều ngạc nhiên là người ta làm quen rất nhanh với việc không có khăn tay và dùng cùng một cái bát để vừa ăn vừa rửa mặt. Chỉ một hai ngày là việc mặc cả quần áo đi ngủ sẽ chẳng gây ra bất cứ sự khó chịu nào. Lúc nào cũng phải sẵn sàng chiến đấu, quần áo, đặc biệt là giày, lúc nào cũng phải sẵn sàng trên người, kể cả lúc ngủ. Trong tám mươi ngày trên chốt, tôi chỉ cởi áo có ba lần, lại thường cởi vào ban ngày. Lạnh quá nên không có rận, nhưng chuột cống và chuột chù thì rất nhiều. Người ta bảo chỗ nào có chuột cống thì không có chuột chù, nhưng hóa ra chúng có thể sống cùng một chỗ, miễn là đủ thức ăn.

Các mặt khác không đến nỗi nào. Thức ăn khá ngon, rượu vang đủ uống. Mỗi người, mỗi ngày được một bao thuốc lá, hai ngày một bao diêm, chúng tôi còn được phát cả nến nữa. Những cây nến rất nhỏ, giống như những cây dùng để trang trí trên những chiếc bánh trong ngày lễ Nô-en, mọi người đều nói là đồ ăn cắp của nhà thờ. Mỗi hầm, mỗi ngày được phát ba cây, mỗi cây dài chừng 7cm, cháy trong khoảng hai mươi lăm phút. Lúc đó còn bán nến, tôi có mua được một ít. Sau này, chúng tôi đã lâm vào tình trạng khốn khổ, khốn nạn vì không có diêm và nến trong một thời gian dài. Người ta chỉ có thể thấy được sự quan trọng của những thứ này khi thiếu chúng. Thí dụ, khi có báo động vào ban đêm, mọi người trong hầm đều lao vào chỗ để súng, dẫm đạp lên cả mặt nhau, có que diêm mà bật lên sẽ thấy cuộc đời khác hẳn. Mỗi người đều được phát một nắm bụi nhùi và đoạn bắc màu vàng dài chừng nửa mét. Đối với

mỗi người lính, nếu không kể đến súng thì đây là tài sản quý giá nhất. Bù nhùi có cái hay là có thể bén lửa ngay trước ngọn gió, nhưng lại không đủ sức đốt cháy được đồng lửa. Khi không còn tìm đâu ra được diêm, để có thể đốt được lửa, chúng tôi chỉ còn cách là tháo đầu đạn ra lấy thuốc làm mồi cho bù nhùi.

Chúng tôi sống một cách bất bình thường, bất bình thường trong chiến tranh, nếu có thể gọi đây là chiến tranh. Tất cả chiến sỹ đều bất bình vì cảnh ăn không ngồi rồi và lúc nào cũng đòi giải thích vì sao không được phép tấn công. Nhưng rõ ràng là nếu quân địch không khởi sự trước thì còn lâu mới đánh nhau. Georges Kopp, trong những chuyến kinh lý định kỳ của ông, đã nói thẳng với chúng tôi: “Đây đâu phải là chiến tranh. Đây chỉ là một vở hài kịch, thỉnh thoảng mới có một vài người chết mà thôi”. Mặt trận Aragon giẫm chân tại chỗ là do những nguyên nhân chính trị mà lúc đó tôi không biết; nhưng khó khăn về quân sự, chưa kể việc thiếu lực lượng trừ bị, thì ai cũng biết cả.

Trước hết là vấn đề địa hình. Chiến tuyến, cả chúng tôi lẫn phát xít, nằm ở những vị trí rất thuận lợi về mặt địa hình, về nguyên tắc chỉ có thể tiếp cận từ một phía. Chỉ cần đào được vài hầm trú ẩn là bộ binh địch đã bó tay, trừ phi có một lực lượng vượt trội hẳn về quân số. Chỉ cần một tiểu đội với hai khẩu súng máy là chúng tôi có thể cầm cự được cả tiểu đoàn rồi. Các vị trí khác cũng như vậy. Đứng trên đỉnh đồi như thế này, chúng tôi có thể là mục tiêu tốt cho pháo binh, nhưng quân địch không có pháo binh. Đôi khi tôi lại ngồi nhìn ra xung quanh và ao ước, ao ước đến cồn cào, một vài khẩu đội pháo binh. Có thể bắn nát hết vị trí này đến vị trí khác của quân thù như dùng búa đập hạt dẻ vậy. Nhưng chúng tôi không có khẩu nào. Bọn phát xít thỉnh thoảng cũng lôi được một vài khẩu từ Zaragoza tới và bắn mấy viên, bắn ít đến nỗi không kịp chỉnh mục tiêu, chẳng gây ra bất kỳ thiệt hại nào. Không có pháo binh, trước họng súng máy chỉ có thể làm ba việc: đào hầm ở khoảng cách an toàn, tức là cách quân địch chừng bốn trăm mét; lao lên tấn công giữa đồng trống và bị giết hàng loạt hoặc thực hiện các cuộc đột kích nhỏ vào ban đêm, mà kết quả cũng chẳng thay đổi được gì. Nghĩa là chỉ có hai lựa chọn: giữ vững vị trí hoặc tự sát.

Ngoài ra, phương tiện chiến đấu cũng hoàn toàn không có. Cần phải huy động trí tưởng tượng thì mới hiểu được lực lượng dân quân được trang bị kém đến mức nào. Các phòng huấn luyện quân sự trong các trường phổ thông ở Anh còn có nhiều vũ khí hiện đại hơn chúng tôi lúc đó. Thật khó tin, xin được mô tả một cách kỹ lưỡng hơn.

Trên toàn bộ khu vực này có tất cả bốn khẩu súng cối tầm ngắn, mỗi khẩu lại chỉ có đúng mười lăm quả đạn. Quý đến nỗi không thể nào mang ra bắn được và tất cả bốn khẩu đều được giữ ở Alcubierre. Khoảng năm mươi người thì có một khẩu súng máy; nhưng đây là những mẫu cũ, chỉ có thể bắn chính xác trong khoảng từ ba trăm đến bốn trăm mét là cùng. Ngoài ra toàn là súng trường, mà đa số đều đáng bán ve chai từ lâu. Có ba kiểu súng trường. Thứ nhất là loại Môze nòng dài. Ít khẩu được sản xuất cách đây dưới hai mươi năm, đa phần đã han gỉ hết, mười khẩu may mới có một khẩu dùng được. Rồi đến loại Môze nòng ngắn hay còn gọi là mousqueton, thực chất là súng của kỵ binh. Đây là loại súng được nhiều người thích vì nhẹ và dễ sử dụng trong chiến hào, lại tương đối mới và có vẻ tốt. Nhưng trên thực tế hầu như chẳng có tác dụng gì. Chúng được lắp từ những cơ phận cũ, không khẩu nào có bộ phận qui-lát phù

hộp, chỉ bắn độ năm phát là phần lớn đã bị hóc ròi. Còn có mấy khẩu súng trường Winchester nữa. Loại này bắn dễ, nhưng độ chính xác thì lại rất kém; ngoài ra, vì không có băng đạn nên mỗi lần chỉ bắn được một phát. Đạn cũng thiếu, khi lên chiến tuyến mỗi người chỉ được phát năm mươi viên, đa số cũng đều han gỉ cả. Đạn do Tây Ban Nha Sản xuất là loại tái chế cho nên ngay cả súng tốt cũng rất dễ hóc. Đạn do Mexico sản xuất thì khá hơn cho nên chỉ được dùng cho súng máy. Đạn của Đức là tốt nhất, nhưng không nhiều, chỉ khi bắt được tù binh hay lính đào ngũ thì mới có. Bao giờ tôi cũng cất trong túi một băng đạn Mexico hay Đức để dùng trong những trường hợp khẩn cấp. Nhưng khi có trường hợp khẩn cấp thì tôi lại ít khi bắn bằng súng của mình vì sợ nó sẽ bị hóc hoặc sẽ chẳng còn viên đạn nào.

Chúng tôi không được trang bị mũ sắt, cũng chẳng có lưỡi lê, rất ít người có súng lục hay súng ngắn, năm hay mười người mới có một quả lựu đạn. Đây là loại lựu đạn F.A.I [9]. rất đáng sợ, do những người vô chính phủ sản xuất ngay từ những ngày đầu chiến tranh. Nó được kích nổ theo nguyên lí Mills, nhưng chốt an toàn lại được giữ bằng một đoạn giấy. Phải giật giấy và ném thật nhanh. Người ta gọi đây là loại lựu đạn “vô tư” vì chúng giết cả người bị ném lẫn người ném. Có cả những loại lựu đạn khác nữa, có thể thô sơ hơn, nhưng ít nguy hiểm hơn, đối với người ném, tôi muốn nói như thế. Mãi đến cuối tháng ba tôi mới trông thấy một quả lựu đạn với đúng nghĩa của nó.

Ngoài vũ khí, chúng tôi còn thiếu cả những vật dụng cần thiết khác. Thí dụ như sơ đồ hay bản đồ địa hình cũng không có. Đất nước Tây Ban Nha chưa được khảo sát một cách toàn diện. Những tấm bản đồ quân sự cũ, tất cả đều nằm trong tay quân phát xít, lại chính là những tấm bản đồ chi tiết nhất về khu vực này. Chúng tôi không có máy đo xa, không có kính viễn vọng, không có cả ống nhòm, trừ một vài cái của cá nhân, không có pháo hiệu, không có kéo cắt dây thép gai, không có cả dụng cụ sửa súng, ngay cả giẻ lau cũng hiếm hoi. Có vẻ như người Tây Ban Nha chưa nghe nói đến cái dây thông nòng súng bao giờ, họ rất ngạc nhiên khi thấy tôi làm được một cái giẻ như thế. Khi muốn lau súng họ phải đến gặp viên hạ sĩ, chỉ người này mới có cái que thông nòng dài, bằng đồng và bao giờ cũng cong cho nên thường làm xước rãnh trong nòng súng. Không có cả mỡ bò. Người ta dùng cả dầu ô liu để lau súng, đây là nói khi kiếm được; thỉnh thoảng tôi còn lau súng bằng dầu vazolin, bằng kem chống rét, bằng mỡ lợn xông khói nữa. Không có đèn, cũng chẳng có đèn pin. Chắc là lúc đó trên toàn khu vực mặt trận của chúng tôi chẳng có chiếc đèn pin nào, phải đến Barcelona thì may ra mới mua được.

Thời gian tiếp tục trôi dưới những loạt đạn súng trường ròi rạc giữa những sườn đồi hoang vắng và tôi bắt đầu tự hỏi liệu có thể xảy ra một chuyện gì đó đủ sức làm thay đổi cuộc chiến tranh chán ngắt này hay không. Chúng tôi đang phải chiến đấu với bệnh viêm phổi chứ không với quân thù. Khi mà chiến hào hai bên nằm cách nhau cả nửa cây số thì khó mà bắn trúng lắm. Tất nhiên là có thương vong, nhưng đa phần là tự thương. Nếu tôi nhớ không lầm thì cả năm trường hợp bị thương ở Tây Ban Nha mà tôi thấy đều là do vũ khí của chúng tôi gây ra. Tôi không nói rằng đó là do cố ý, không, tất cả đều là vô tình hoặc cầu thả mà ra. Những khẩu súng cũ của chúng tôi là mối nguy chính. Một số khẩu có thể nổ khi chống báng súng xuống đất, tôi đã thấy một người bị bắn vào tay theo cách đó. Ban đêm các tân binh rất dễ bắn vào nhau. Một lần, mới nhá nhem tối mà tay lính gác đã bắn vào tôi, hai người cách nhau chỉ khoảng vài chục mét, viên đạn đi cách tôi chừng một mét. Chỉ có trời mới biết tài thiện xạ của người Tây Ban

Nha đã cứu tôi mấy lần. Một lần, hôm ấy có nhiều sương mù, tôi đi trinh sát, trước đó đã báo cáo cho chỉ huy toán lính gác rồi. Nhưng khi quay về tôi lại đâm sầm vào một bụi rậm, tay lính gác giật mình kêu ầm lên là phát xít tấn công và tôi nghe thấy tay chỉ huy hạ lệnh bắn về hướng tôi. Tôi lập tức nằm xuống, đạn bay vèo vèo ngay trên lưng. Không ai có thể thuyết phục được người Tây Ban Nha, nhất là những người còn trẻ, rằng súng là vật nguy hiểm. Một lần, sau câu chuyện vừa nói ở trên, tôi đứng chụp ảnh cho mấy anh chàng xạ thủ súng máy ngồi sau khẩu súng hướng thẳng vào tôi.

“Đừng bắn nhé”, tôi vừa nói đùa vừa chỉnh tiêu cự.

“Không, không bắn đâu”

Tiếng súng kinh hoàng vang lên ngay lúc đó, một loạt đạn bay sát mặt tôi, đến nỗi má tôi bị thuốc đạn làm cháy xém. Dĩ nhiên là một hành động bất cẩn, nhưng các xạ thủ lại coi là một trò đùa tuyệt vời. Thế mà mới cách đây mấy hôm, họ đã trực tiếp nhìn thấy tay chính trị viên chỉ vì đùa mà đã bắn một lúc năm phát đạn vào ngực một dân công làm nhiệm vụ dắt la rồi đấy.

Những khẩu lệnh rất khó nhớ lúc đó cũng là một mối nguy. Phải nhớ cả hai, cả câu hỏi lẫn câu trả lời. Thường thì đây là những từ có tính cách mạng, thí dụ như *Cultura — progreso*, hay *Seremos — invencibles* [\[10\]](#), những người lính gác mù chữ khó mà nhớ được những lời có cánh như thế. Một đêm, tôi nhớ, khẩu lệnh là *Cataluña — eroica*. Jaime Domenech, một anh chàng nông dân mặt tròn như mặt trăng hỏi tôi:

“Eroica nghĩa là gì?”

Tôi bảo anh ta rằng Eroica cũng có nghĩa như từ *valiente*. Chỉ vài phút sau, khi anh ta đang dò dẫm trong chiến hào thì nghe có tiếng lính gác hỏi:

‘Alto! Cataluña! [\[11\]](#)’

‘Valiente!’, Jaime thét lên, tin rằng mình đã trả lời đúng.

Đoàng!

May mà tay lính gác bắn trượt. Trong cuộc chiến tranh này mọi người đều tìm mọi cách để tránh bắn vào nhau.

Tôi đến mặt trận được khoảng ba tuần thì có một nhóm từ hai mươi đến ba mươi người Anh do Đảng lao động độc lập gửi sang cũng tới Alcubierre. Tôi và Williams được chuyển sang với họ để thành một đơn vị toàn người Anh. Chúng tôi đóng chốt ở Monte Oscuro, cách chỗ cũ mấy dặm về phía Tây, có thể nhìn thấy Zaragoza.

Chốt của chúng tôi nằm trên một mỏm đá sắc như lưỡi dao cạo, hầm trú ẩn được khoét sâu vào bên trong tảng đá như hang của loài chim én. Hầm trú ẩn được đào rất sâu, bên trong vừa tối vừa thấp, quỳ cũng không được chứ không nói là đứng. Trên những mỏm núi phía bên trái chúng tôi còn có hai chốt của lực lượng P.O.U.M. nữa, trong đó có một chốt được tất cả mọi người trên chiến tuyến quan tâm vì có ba cô chị nuôi. Các cô này thực ra là không đẹp, nhưng ban chỉ huy cho rằng cần phải cấm người các đơn vị khác lai vãng đến đó. Ở bên phải, cách chúng tôi chừng năm trăm mét, cạnh chỗ rẽ của con đường đi Alcubierre có một chốt nữa, đây là lực lượng của P.S.U.C. Từ đây trở đi con đường nằm trong tay đối phương. Ban đêm có thể nhìn thấy đèn xe vận tải của quân ta từ Alcubierre tới và cùng lúc đó là đèn xe của phát xít từ Zaragoza lại. Zaragoza nằm ở phía tây-nam, cách đây khoảng hai mươi cây số, có thể trông thấy vào ban đêm, đây là một vệt sáng mỏng, trông như ánh sáng phát ra từ cửa sổ của những con tàu thủy vậy. Các đơn vị quân đội của chính phủ đã phải đứng ở đây để dõi mắt về thành phố từ tháng tám năm 1936 và bây giờ họ còn tiếp tục dõi theo như thế.

Đơn vị của chúng tôi có khoảng ba mươi người, trong đó có một người Tây Ban Nha (Ramón, em vợ của Williams) và hơn một chục xạ thủ súng máy người Tây Ban Nha nữa. Ngoài một vài trường hợp ngoại lệ, chiến tranh, như mọi người đều biết, luôn luôn hấp dẫn các phần tử bất hảo – nhóm người Anh ở đây thật là tuyệt vời, cả về thể chất lẫn tinh thần. Đáng yêu nhất là anh chàng Bob Smillie. Anh vốn là cháu nội của một trong những lãnh tụ nổi tiếng của công nhân mỏ, sau này anh đã chết, một cái chết cực kỳ vô nghĩa ở Valencia. Dù có những khó khăn trong giao tiếp, nhưng các chiến sĩ người Anh và người Tây Ban Nha luôn giữ được thái độ hữu hảo, đây phần lớn là do tính cách của người Tây Ban Nha. Tất cả các chiến sĩ Tây Ban Nha chỉ biết có hai câu tiếng Anh. Một câu là “O.K., baby”, còn câu thứ hai là ngôn ngữ mà các cô gái điếm ở Barcelona thường dùng trong giao tiếp với các thủy thủ người Anh, tôi nghĩ là có viết ra đây thì thợ sắp chữ cũng sẽ bỏ đi thôi.

Trên khắp chiến tuyến vẫn chẳng có chuyện gì cả: thỉnh thoảng mới có một viên đạn lạc hay một quả đạn súng cối, mọi người cùng chạy vội lên giao thông hào cao nhất để xem viên đạn nổ ở đâu. Chỗ này hai bên ở gần nhau hơn, khoảng ba bốn trăm mét. Chốt gần nhất nằm đối diện với chúng tôi, có một khẩu súng máy, các chiến sĩ của chúng tôi cứ nhằm vào lỗ châu mai mà bắn, nhưng chỉ phí đạn. Bọn phát xít không thèm dùng súng trường, nhưng hễ ai ló ra là chúng dùng súng máy nã ngay. Thế mà phải mười ngày sau hoặc hơn mới có người bị thương đầu tiên. Đối diện với chúng tôi là đơn vị người Tây Ban Nha, nhưng theo lời những kẻ đào ngũ thì có cả mấy người Đức thuộc lực lượng N.C.O.S. nữa. Trước đây, phía phát xít còn có cả người Marocco - đây là những người rất nghèo, chắc là rét lắm – vì trên vùng đất trung gian có một xác người Marocco, hẳn đã trở thành danh lam thắng cảnh của khu vực. Chiến tuyến bị đứt

đoạn ở cách chỗ chúng tôi khoảng ba cây số về bên trái, đây là vùng đất thấp hơn, có những cánh rừng rậm, không bên nào kiểm soát được. Ban ngày, cả hai bên đều có thể đi tuần trong vùng này. Một trò ú tim không đến nỗi tồi theo kiểu hướng đạo sinh, nhưng bao giờ bọn phát xít cũng đi cách chúng tôi đến mấy trăm mét. Chúng tôi đã từng bò qua chiến tuyến của quân phát xít và nhìn thấy một ngôi nhà có treo lá cờ bảo hoàng, đây là sở chỉ huy tại chỗ của quân địch. Chúng tôi nã một loạt đạn rồi tìm chỗ nấp ngay. Tôi hi vọng bắn vỡ một vài cửa sổ, nhưng với khoảng cách tám trăm mét như thế, đến bắn trúng ngôi nhà cũng còn khó.

Trời quang và lạnh, đôi khi có nắng vào giữa trưa nhưng vẫn lạnh. Trên sườn đồi, đôi khi đã thấy xuất hiện những chồi nghệ dại hay cây irit, thế là mùa xuân đang đến, nhưng đến rất chậm. Đêm còn lạnh. Những hôm đi gác về vào lúc bình minh chúng tôi thường cùng nhau vét sạch những gì còn sót lại từ bữa ăn tối hôm trước rồi nhảy vào đám than hồng. Để giấy bị nướng chín, nhưng chân thì đỡ lạnh rất nhanh. Nhưng có những hôm phong cảnh bình minh trên những đỉnh đồi ở đây đẹp đến nỗi không ai cảm thấy hối tiếc khi phải chui khỏi chăn vào lúc sáng sớm. Tôi không thích cảnh đồi núi, nhưng đôi khi, nhìn ánh bình minh đang lên trên những ngọn núi phía sau trận địa, ngắm những tia sáng màu vàng óng như những lưỡi kiếm xé toạc màn đêm và khoảng sáng rộng dần ra, biển mây màu đỏ chót biến mất trong khoảng không vô cùng vô tận, tôi thực sự không thấy hối tiếc vì đã phải thức suốt đêm, chân tay tê cóng và phải ba tiếng đồng hồ nữa mới được ăn sáng. Trong những ngày sống ở đây, tôi đã thấy nhiều buổi bình minh hơn tất cả thời gian trước đây cộng lại, và mong sao sau này cũng không còn phải dậy sớm thường xuyên như thế nữa.

Chúng tôi không có đủ người, thế có nghĩa là phải đứng gác lâu hơn và mệt mỏi hơn. Tôi bắt đầu cảm thấy thiếu ngủ, một hiện tượng không thể tránh được, ngay cả trên những mặt trận yên tĩnh nhất. Ngoài việc đứng gác và đi tuần, ban đêm còn thường xuyên có báo động, không có những chuyện đó cũng chẳng ai có thể ngủ đầy giấc trong những cái hố chật ních, chân tay thì tê buốt vì lạnh. Trong ba bốn tháng đầu tiên ở trên chiến tuyến có đến chục ngày tôi hoàn toàn không ngủ, nhưng mặt khác, cũng không được ngủ trọn giấc quá mười đêm. Ngủ hai mươi đến ba mươi giờ mỗi tuần là chuyện bình thường. Thiếu ngủ cũng không tai hại như ta có thể tưởng; đầu óc có thể mụ mị đi, leo lên leo xuống đồi có thể chậm chạp hơn, nhưng tâm trạng thì vẫn bình thường, chỉ có đói, đói khủng khiếp! Món ăn nào cũng ngon cả, ngay cả món đậu mà ngày nào chúng tôi cũng phải ăn, đến nỗi cuối cùng tất cả những ai từng đến Tây Ban Nha chỉ nhìn thấy đã phát khiếp. Nước, hay cái gọi là nước, được chở từ cách đây mấy cây số, trên lưng những con la hay những con lừa gầy nhom. Không hiểu vì sao người nông dân Aragon đối xử với la tử tế nhưng lại hay hành hạ lũ lừa. Lừa không chịu đi sẽ bị đá ngay vào dái.

Không được phát nển nữa, diêm cũng chẳng còn bao nhiêu. Người Tây Ban Nha dạy chúng tôi cách làm đèn đốt bằng dầu ôliu từ hộp sữa, vỏ đạn và một ít giấy. Thỉnh thoảng chúng tôi mới được phát dầu ôliu, ánh sáng vừa nhỏ vừa khói, chỉ sáng bằng một phần tư ngọn nến, nhưng cũng giúp tìm súng một cách dễ dàng hơn nhiều.

Có vẻ như sẽ chẳng bao giờ có đánh nhau. Khi rời Monte Pocero, tôi mang đạn ra đếm và phát hiện ra rằng trong suốt gần ba tuần tôi chỉ bắn có ba phát. Người ta bảo rằng phải một ngàn viên mới giết được một người, cứ đà này thì phải hai mươi năm may ra tôi mới giết được

một tên phát xít. Tại Monte Oscuro, chiến hào ở gần nhau hơn, bắn nhiều hơn, nhưng tôi có đủ lí do để tin rằng mình chưa bắn trúng người nào. Sự thật là, tại mặt trận này và trong giai đoạn này, vũ khí không phải là súng đạn mà là loa phóng thanh. Không thể giết được kẻ thù, chúng tôi đành quát tháo chúng vậy. Đây là một cách tiến hành chiến tranh độc đáo, cần phải giải thích một chút.

Khi chiến lũy hai bên gần nhau, hò hét cũng là một cách tốt. Chúng tôi thường hò: “Fascistas — maricones! [\[12\]](#)”. Phát xít trả lời: “Viva España! Viva Franco! [\[13\]](#)”, còn khi biết có người Anh ở đây thì chúng hò: “Người Anh cút đi! Chúng tôi không muốn người ngoại quốc ở đây!” Quân đội chính phủ cũng như lực lượng dân quân của các đảng phái có hẳn kĩ thuật tuyên truyền bằng cách hò hét nhằm phân hoá hàng ngũ của kẻ thù. Khi có điều kiện, bao giờ người ta cũng giao cho các chiến sỹ, thường là các xạ thủ pháo binh loa và bảo hò cho thật to. Họ thường hò các khẩu hiệu đầy tinh thần cách mạng, nhằm giải thích cho binh lính phía phát xít rằng chúng chỉ là tay sai của chủ nghĩa phát xít quốc tế, rằng chúng đang chiến đấu chống lại chính giai cấp của mình .v.v.. và thúc giục họ chạy sang phía chúng tôi. Việc hò khẩu hiệu có khi kéo dài suốt đêm, toán này mệt thì có toán khác đến thay. Chắc chắn là có hiệu quả, mọi người đều tin rằng quân phát xít đào ngũ một phần là do kết quả của việc tuyên truyền như thế. Quả thật, một người lính gác, nếu lại đã từng là đảng viên xã hội hay đoàn viên công đoàn vô chính phủ bị bắt nhập ngũ, đang chết còng trên vọng gác thì khẩu hiệu “Đừng chống lại chính giai cấp của mình” được nhắc đi nhắc lại trong đêm tối sẽ buộc anh ta phải suy nghĩ. Đấy có thể là giọt nước làm lệch cán cân “đào ngũ – không đào ngũ”. Dĩ nhiên chuyện này không phù hợp với quan niệm của người Anh về chiến tranh. Phải công nhận rằng tôi đã ngạc nhiên, thậm chí khó chịu khi chứng kiến cảnh tượng đó lần đầu tiên. Thuyết phục kẻ thù trong khi đang ra phải cho nó một phát! Bây giờ, tôi công nhận rằng dù đứng trên quan điểm nào thì đấy cũng là cách làm chấp nhận được. Trong cuộc trận địa chiến bình thường, lại thiếu pháo binh, thật khó tiêu hao được lực lượng địch nếu không muốn có số người bị thương vong tương tự bên phía mình. Nếu có thể làm cho chỉ một số người đào ngũ thôi thì cũng tốt rồi, bọn đào ngũ có ích hơn là mấy cái xác chết vì chúng có thể cho biết thông tin. Nhưng thời gian đầu chúng tôi rất chán nản, chúng tôi nghĩ rằng người Tây Ban Nha thiếu nghiêm túc đối với cuộc chiến này. Người làm nhiệm vụ hò khẩu hiệu trên chốt của lực lượng P.S.U.C., nằm ở bên phải chúng tôi, là một chuyên gia trong lĩnh vực này. Đôi khi, thay vì hò khẩu hiệu cách mạng, anh ta lại bảo bọn phát xít rằng chúng tôi được ăn uống tốt hơn chúng. Dĩ nhiên là khẩu phần có tương tượng thêm. “Bánh mì chiên bơ!”, giọng anh ta vang xa khắp thung lũng. “Chúng tớ đang ngồi cạnh đĩa bánh mì chiên bơ! Thơm ời là thơm!” Không nghi ngờ gì rằng, giống như tất cả chúng tôi, cả tuần nay, thậm chí cả tháng nay anh ta không nhìn thấy miếng bánh mì chiên bơ nào, nhưng trong cái đêm lạnh lẽo này câu chuyện bánh mì chiên bơ chắc chắn đã làm nhiều tên phát xít phải rỏ dãi. Tôi cũng rỏ dãi, tuy biết rằng anh ta xạo.

Một lần, vào tháng hai, chúng tôi trông thấy một chiếc phi cơ phát xít bay lại gần. Như mọi khi, chúng tôi lôi súng máy ra chỗ đất trống, hướng nòng lên cao và nằm ngửa để ngắm cho dễ. Vị trí đơn độc của chúng tôi không đáng ném bom, trước đây máy bay phát xít thường bay vòng qua để tránh đạn súng máy. Lần này phi cơ bay thẳng qua đầu, nhưng rất cao, không thể bắn tới; từ trong bụng nó tung ra một cái gì đó màu trắng giống như những tờ giấy, vừa rơi vừa lật qua lật lại mãi trên đầu. Có mấy tờ rơi đúng vào chốt của chúng tôi. Hoá ra là tờ báo

Heraldo de Aragón, đưa tin chúng đã chiếm được Malaga.

Đêm đó bọn phát xít tung ra một trận tấn công, nhưng không thành. Tôi vừa đi nằm, một muồn chết được, thì bỗng nghe một loạt đạn nổ ngay trên đầu, rồi có người thò đầu vào công sự, hét: "Chúng tấn công rồi!" Tôi vồ lấy khẩu súng và lao lên vị trí của mình ở trên đỉnh đồi, ngay cạnh khẩu súng máy. Tối như hũ nút, ồn ào như vỡ chợ. Chúng bắn như vãi đạn, tôi nghĩ phải đến năm khẩu súng máy đang bắn chứ không ít, một loạt lựu đạn nổ, bọn phát xít ném ngay vào bờ công sự của chúng. Tối quá. Bên dưới thung lũng, về phía bên trái, tôi nhìn thấy những luồng đạn súng trường màu xanh. Chắc là một nhóm tuần tra phát xít đã tham chiến. Đạn bay vèo vèo xung quanh chúng tôi. Có những quả đạn cối bay ngang qua đầu và rơi ở đâu đó khá xa, phần lớn (chuyện thường ngày ở đây) không nổ. Tôi bỗng phát hoảng khi nghe thấy tiếng súng máy nổ trên đỉnh đồi phía sau, hoá ra đấy là lực lượng tăng viện, nhưng lúc đó lại ngỡ là chúng tôi đã bị bao vây. Lúc đó súng máy của chúng tôi đang bị hóc, nó thường bị hóc vì đạn quá kém, tối quá, không thấy cái thông nòng đâu. Không thể làm được gì, chỉ mỗi việc đứng đây và đợi một phát đạn vào đầu. Các xạ thủ súng máy người Tây Ban Nha không chịu nấp, họ còn cố tình phơi mình ra trước làn đạn, tôi phải làm theo họ. Hành động này, dù chẳng có ý nghĩa gì, đã để lại cho tôi cảm giác rất thú vị. Nói cho ngay, đây là lần đầu tiên tôi đứng dưới làn đạn. Thật xấu hổ vì tôi thấy mình sợ run lên. Dưới làn đạn, ai cũng cảm thấy như thế cả, không phải là sợ bị bắn mà là không biết sẽ bị bắn vào đâu. Người ta luôn tự hỏi không biết sẽ trúng vào đâu và mọi chỗ trên người đều trở nên nhạy cảm hơn rất nhiều.

Khoảng một hai giờ sau, tiếng súng bắt đầu vãn dần rồi ngừng hẳn. Bên chúng tôi chỉ có một người bị thương. Bọn phát xít đã đưa mấy khẩu súng máy ra vùng đất tranh chấp, nhưng vẫn giữ khoảng cách và không có ý định tràn vào chốt của chúng tôi. Thực ra, chúng không tấn công, chỉ bắn phí đạn, cốt yếu là gây ồn ào để chào mừng việc chiếm được Malaga. Sau chuyện này tôi rút ra được bài học là phải cẩn thận với tin tức chiến sự trên các báo. Một hai ngày sau báo chí và đài phát thanh đều đưa tin là quân tình nguyện anh hùng người Anh đã đẩy lui được cuộc tấn công của kị binh và xe tăng phát xít (trên sườn đồi gần như thẳng đứng!)

Ban đầu chúng tôi cho rằng tin bọn phát xít chiếm được Malaga là xạo, nhưng ngày hôm sau thì có nhiều tin đồn và vài ngày sau nữa thì có thông báo chính thức. Phải một thời gian sau toàn bộ câu chuyện nhục nhã này mới loang ra hết, nào là thành phố đã di tản mà không hề kháng cự, nào là sự điên rồ của quân đội Ý không đổ lên đầu quân đội cộng hoà mà lại đổ lên đầu dân chúng, có người bị săn đuổi và bị bắn chết bằng súng cối khi đã đi cách xa thành phố hàng trăm cây số. Tin tức như một gáo nước lạnh dội lên toàn bộ mặt trận; dù sao mặc lòng, tất cả dân quân đều tin rằng Malaga thất thủ là do có kẻ nào đó đã phản bội. Đây là lần đầu tiên tôi nghe nói tới chuyện phản bội hay là sự thiếu nhất trí về mục tiêu. Lần đầu tiên trong đầu tôi xuất hiện một mối nghi ngờ, tuy không rõ rệt, về cuộc chiến tranh này, một cuộc chiến tranh mà trước đó chính tà đã được xác định một cách cực kì đơn giản.

Chúng tôi rời Monte Oscuro vào giữa tháng hai và được đưa, cùng với lực lượng P.O.U.M. đóng trong khu vực này, vào đơn vị tham gia bao vây Huesca. Xe ô tô tải đưa chúng tôi đi qua một bình nguyên dài tám mươi kilomet giữa mùa đông lạnh giá, nơi những giàn nho chưa kịp đâm chồi, vài nhánh lúa mạch mới kịp nhú ra trên những thửa ruộng lớn nhón. Huesa, nhỏ tí và

quang đẵng, nằm cách chiến hào mới của chúng tôi chừng bốn kilomet, trông như thành phố của những ngôi nhà búp bê vậy. Một tháng trước đây, sau khi chiếm được Sietamo, viên tướng chỉ huy các đơn vị của chính phủ đã vui vẻ nói: “Ngày mai chúng ta sẽ uống cà phê ở Huesca.” Nhưng ông đã lầm. Đã diễn ra những cuộc tấn công đẫm máu, nhưng vẫn không chiếm được thành phố và “Ngày mai chúng ta sẽ uống cà phê ở Huesca” trở thành trò cười cho toàn thể bộ đội. Nếu có dịp trở lại Tây Ban Nha, nhất định tôi phải đến Huesca để uống một li cà phê.

Đến mãi cuối tháng ba, ở mặt trận phía đông Huesca vẫn không có sự cố nào, nói chính xác thì gần như không có sự cố nào. Chúng tôi đóng cách quân địch hai trăm mét. Khi bọn phát xít bị đánh bật trở lại Huesca, quân đội cộng hòa đã không hăng hái tiến công cho nên chiến tuyến ở khu vực này có hình một cái móng ngựa. Sau này, khi quân ta chuyển sang tấn công, sẽ phải nắn thẳng chiến tuyến – dưới hỏa lực của địch, đây không phải là việc dễ - nhưng hiện giờ có thể coi là quân địch không hề tồn tại; chúng tôi chỉ phải lo mỗi một việc là giữ cho ấm và tìm cho đủ thức ăn. Nhưng trên thực tế, giai đoạn này có nhiều chuyện khá hay, tôi sẽ kể sau. Hiện thời tôi sẽ cố gắng bám sát các sự kiện nhằm trình bày cho được phần nào nội tình chính trị bên phía chính phủ.

Thời gian đầu tôi không để ý đến khía cạnh chính trị của cuộc chiến, chỉ đến mãi giai đoạn này chính trị mới bắt đầu thu hút sự chú ý của tôi. Độc giả nào không quan tâm tới những sự thật ghê tởm đằng sau chính sách của các đảng phái có thể bỏ qua chương này; tôi cố gắng tách lĩnh vực chính trị thành một chương riêng là có ý như thế. Nhưng đồng thời, chỉ đứng trên giác độ quân sự thì không thể nào mô tả được cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha. Đây trước hết là cuộc chiến tranh chính trị. Nếu không biết những cuộc đấu đá giữa các đảng phái phía sau chiến tuyến của quân đội chính phủ thì ta sẽ không thể hiểu được bất cứ sự kiện nào, nhất là năm đầu tiên.

Khi mới tới Tây Ban Nha và cả một thời gian sau đó, tôi không những không quan tâm mà còn mù tịt về tình hình chính trị ở đây nữa. Tôi biết là đang có chiến tranh, nhưng không biết người ta đánh nhau vì chuyện gì. Nếu ai hỏi tôi tại sao lại tham gia dân quân thì chắc chắn tôi sẽ nói: “Để chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít”, còn nếu hỏi tôi chiến đấu vì cái gì thì tôi sẽ nói: “Vì sự tử tế nói chung”. Tôi đồng ý với định nghĩa về cuộc chiến của tờ News Chronicle-New Statesman rằng đây là sự tự vệ của nền văn minh nhằm chống lại cuộc bạo động điên rồ của lực lượng quân sự dưới quyền đại tá Blimp [\[14\]](#) được Hitler trả lương. Không khí cách mạng ở Barcelona có sức hấp dẫn to lớn đối với tôi, nhưng tôi lại không chịu bỏ công tìm hiểu xem thực chất của cuộc cách mạng ấy là gì. Đủ thứ đảng phái và tổ chức công đoàn, với những cái tên chán ngắt - P.S.U.C., P.O.U.M., F.A.I., C.N.T [\[15\]](#)., U.G.T [\[16\]](#)., J.C.I [\[17\]](#)., J.S.U [\[18\]](#)., A.I.T. - chỉ làm tôi bực mình thêm. Mới nhìn người ta có thể nghĩ rằng Tây Ban Nha đang mắc căn bệnh viết tắt. Tôi biết rằng mình đang phục vụ trong đơn vị mang tên P.O.U.M. (Tôi tham gia vào lực lượng dân quân P.O.U.M. chứ không phải lực lượng khác đơn giản vì tôi đến Barcelona theo giấy giới thiệu của I.L.P [\[19\]](#).), nhưng tôi đâu có biết rằng có sự khác biệt rất lớn giữa các đảng phái ở đây. Tại Monte Pocero, khi người ta chỉ vào chốt bên trái chúng tôi và bảo: “Đây là những người xã hội chủ nghĩa” (ý nói P.S.U.C.), tôi đã ngạc nhiên và hỏi: “Thế chúng ta không phải là xã hội chủ nghĩa à?”. Tôi cho rằng chỉ những người ngu mới phân biệt đảng nọ đảng kia trong khi đang chiến đấu giữa sống và chết. Quan điểm của tôi luôn luôn là: “Vứt hết những thứ đảng phái nhằm nhí ấy đi để tập trung sức lực cho cuộc chiến”. Tất nhiên đây là thái độ “chống phát xít” đúng đắn mà báo chí Anh cố tình gieo rắc nhằm đánh lạc hướng, cản trở quần chúng hiểu bản chất của cuộc đấu tranh này. Nhưng ở Tây Ban Nha, đặc biệt là ở Catalonia, không ai có thể giữ vững được quan điểm như thế. Dù muốn dù không, trước sau gì người ta cũng phải

ngã về một bên nào đó. Ngay cả một người không quan tâm đến các đảng phái và “đường lối” của chúng thì người đó cũng phải biết rằng đây là vấn đề vận mệnh của chính anh ta. Mỗi chiến sỹ dân quân là một người lính trên mặt trận chống Franco, nhưng anh ta còn là một con tốt trong cuộc quyết đấu giữa hai học thuyết chính trị nữa. Khi bò đi tìm củi bên sườn đồi, tôi thường tự hỏi đây có phải là cuộc chiến tranh hay chỉ là trò hề như tờ News Chronicle nói, khi tôi lẩn tránh làn đạn súng máy của những người cộng sản trong cuộc nổi loạn ở Barcelona; khi, cuối cùng, tôi trốn khỏi Tây Ban Nha dưới sự săn lùng sát gót của cảnh sát - tất cả những chuyện đó đã xảy ra với tôi là vì tôi phục vụ trong lực lượng dân quân P.O.U.M. chứ không phải trong lực lượng P.S.U.C. Sự khác nhau giữa những chữ viết tắt này thật là to lớn vậy!

Muốn hiểu được phân bố lực lượng bên phía chính phủ, cần phải biết cuộc chiến tranh đã bắt đầu như thế nào. Khi cuộc chiến bùng nổ vào ngày 18 tháng 7 chắc hẳn tất cả những người chống phát xít ở châu Âu đều tràn trề hi vọng. Vì cuối cùng cũng đã có một chính phủ dân chủ đứng lên chống lại chủ nghĩa phát xít. Đã nhiều năm qua, cái gọi là các nước dân chủ luôn luôn nhượng bộ chủ nghĩa phát xít. Họ đã để cho người Nhật làm mọi điều họ muốn ở Mãn Châu. Hitler đã giành được quyền lực và tiến hành việc thủ tiêu tất cả những người đối lập đủ mọi màu sắc. Mussolini ném bom Abyssinia ngay cả khi năm mươi ba (hi vọng là tôi không lầm) quốc gia cùng đồng thanh nói “không!” Nhưng khi Franco định lật đổ chính phủ trung tả thì nhân dân Tây Ban Nha đã gây bất ngờ cho tất cả mọi người, họ đã đứng lên chống lại hắn. Có vẻ như đây chính là một bước ngoặt, hoàn toàn có thể như thế.

Nhưng mọi người đã bỏ qua một vài sự kiện. Thứ nhất, không thể đánh đồng Franco với Hitler và Mussolini được. Vụ nổi loạn chỉ là một cuộc binh biến được giới quý tộc và nhà thờ ủng hộ mà thôi. Mục đích của cuộc nổi dậy, nhất là thời gian đầu, là khôi phục chế độ phong kiến chứ không hẳn là thiết lập chế độ phát xít. Kết quả là không chỉ giai cấp công nhân mà cả giai cấp tư sản tự do, tức là những người ủng hộ chủ nghĩa phát xít, nếu như nó xuất hiện dưới hình thức hiện đại hơn, cũng đứng lên chống lại Franco. Quan trọng hơn là giai cấp công nhân Tây Ban Nha đứng lên chống lại Franco không phải vì dân chủ hay nhằm bảo tồn tình trạng hiện tại, như giai cấp công nhân Anh có thể làm chẳng hạn; cuộc kháng chiến của giai cấp công nhân Tây Ban Nha đi liền với - thực ra có thể nói - là một cuộc bùng nổ cách mạng. Nông dân chiếm ruộng đất, công đoàn chiếm giữ các nhà máy và hầu hết phương tiện vận tải, nhà thờ bị đập phá, tu sỹ thì bị đuổi đi hoặc bị giết hại. Tờ Daily Mail, được giới tăng lữ của nhà thờ Thiên chúa giáo ủng hộ, đã viết về Franco như một người yêu nước, đang cứu đất nước khỏi bọn “đỏ” mọi rợ.

Trong mấy tháng đầu, kẻ thù của Franco không hẳn là lực lượng chính phủ mà chính là các công đoàn. Ngay khi nổ ra bạo loạn, giai cấp công nhân có tổ chức ở đô thị đã đáp lại bằng những cuộc tổng đình công, sau đó thì đòi và qua đấu tranh đã nhận được vũ khí từ kho của chính phủ. Nếu công nhân không tự động đứng lên và không hành động một cách tương đối độc lập thì có thể Franco sẽ không gặp phải bất kì sự kháng cự nào. Không thể khẳng định như thế, nhưng có cơ sở để nghĩ như thế. Chính phủ không làm hoặc gần như không làm gì để ngăn chặn cuộc bạo loạn, một cuộc bạo loạn đã được dự đoán từ lâu. Còn khi cuộc bạo loạn bùng nổ thì chính phủ lại lúng túng và phản ứng một cách yếu ớt đến nỗi trong có mấy ngày Tây Ban Nha đã thay đến ba thủ tướng [\[20\]](#). Mặc dù muốn cứu được tình hình thì chỉ có một cách: phát

súng cho công nhân, nhưng người ta đã lưỡng lự và chỉ làm như thế do áp lực của quần chúng quá mạnh. Cuối cùng, súng đã được phân phát và tại các thành phố lớn ở phía Đông, nhờ những cố gắng vượt bậc của giai cấp công nhân và lực lượng còn trung thành với chính phủ (cảnh sát vũ trang...) quân phát xít đã bị đánh tan. Những cố gắng như thế, tôi nghĩ, chỉ có thể xảy ra khi nhân dân chiến đấu với tinh thần cách mạng, nghĩa là khi họ tin rằng đang chiến đấu vì một cái gì đó cao quý hơn tình trạng hiện tại. Đôi khi chỉ trong một ngày đã có đến ba ngàn người hi sinh trong những trận chiến đấu trên đường phố. Những người đàn ông và đàn bà, chỉ được trang bị mấy quả mìn, đã lao qua những khoảng sân trống trải và tấn công những ngôi nhà do binh lính được huấn luyện kỹ càng, được trang bị súng máy chiếm giữ. Những chiếc xe taxi chạy với tốc độ một trăm cây số một giờ lao thẳng vào các ổ súng máy nằm trên các vị trí chiến lược. Ngay cả khi người ta không có tin tức gì về việc nông dân chiếm đất hay việc thành lập các Xô Viết địa phương thì người ta cũng khó mà tin rằng những người vô chính phủ và những người xã hội chủ nghĩa, tức là thành phần cốt cán của phong trào kháng chiến, lại làm những việc như thế để bảo vệ nền dân chủ tư sản, đặc biệt là những người vô chính phủ, vốn coi chế độ dân chủ tư sản chỉ là bộ máy tập trung nhằm lừa bịp quần chúng mà thôi.

Trong khi đó, công nhân đã nắm được vũ khí và lúc này họ không có ý định giao nộp lại. (Một năm sau người ta tính được rằng các đoàn viên công đoàn vô chính phủ ở Catalonia còn giữ tổng cộng 30.000 khẩu súng trường). Tại nhiều địa phương, tài sản của các đại điền chủ ủng hộ Franco đã bị nông dân tịch thu. Cùng với việc tập thể hóa trong lĩnh vực công nghiệp và giao thông vận tải; mầm mống chính quyền của giai cấp công nhân, đấy là các ủy ban, cũng đã được thành lập; lực lượng cảnh sát tư sản cũ được thay bằng các đội tuần tra của công nhân; công đoàn đứng ra thành lập các đội dân quân tự vệ..v.v.. Dĩ nhiên là phong trào không diễn ra một cách đồng đều, mạnh nhất là ở Catalonia. Có những nơi chính quyền địa phương vẫn còn nguyên như cũ, có nơi thì song song tồn tại bên cạnh các ủy ban cách mạng. Tại một vài địa phương, người ta còn thành lập được cả các công xã vô chính phủ nữa, sau gần một năm các công xã này mới bị chính phủ đàn áp. Trong những tháng đầu tiên, chính quyền ở Catalonia gần như nằm hoàn toàn trong tay các công đoàn vô chính phủ vì họ kiểm soát được hầu như toàn bộ các ngành công nghiệp chủ lực của thành phố. Trên thực tế, những sự kiện ở Tây Ban Nha chứng tỏ rằng đấy không đơn thuần là một cuộc nội chiến mà là khởi đầu của một cuộc cách mạng. Báo chí chống phát xít ở bên ngoài Tây Ban Nha đã tìm mọi cách che giấu sự kiện này. Vấn đề đã bị thu hẹp lại thành cuộc đấu tranh “của chủ nghĩa phát xít chống lại nền dân chủ” còn khía cạnh cách mạng của các sự kiện thì bị người ta tìm mọi cách dấu nhẹm đi. Ở Anh, nơi báo chí bị chính quyền trung ương kiểm soát kỹ và dân chúng dễ bị lừa bịp hơn các nước khác, chỉ có hai cách giải thích về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha được phép công bố: Cánh hữu nói rằng đấy là cuộc chiến đấu của những người Thiên chúa giáo yêu nước chống lại bọn Bolsevik khát máu, còn phái tả thì lại nói rằng đấy là những người cộng hòa hào hoa phong nhã đang dẹp loạn. Bản chất của các sự kiện đã được che giấu một cách thành công.

Có mấy lí do. Đấy trước hết là sự dối trá về những hành động dã man của những người cộng hòa mà báo chí thân phát xít bịa đặt ra và những người làm công tác tuyên truyền hảo tâm nghĩ rằng phủ nhận việc Tây Ban Nha “đỏ hóa” là họ đang giúp đỡ chính phủ nước này. Nhưng lí do chính lại là: trừ một vài nhóm cách mạng nhỏ mà nước nào cũng có, toàn thế giới lúc đó quyết tâm dập tắt ngọn lửa cách mạng ở Tây Ban Nha. Đặc biệt là Đảng cộng sản, được nước

Nga Xô Viết hậu thuẫn, đã tìm mọi cách để ngăn chặn cuộc cách mạng. Cộng sản khẳng định rằng cách mạng lúc này là tự sát và mục tiêu của họ không phải là chính quyền của giai cấp công nhân mà là chế độ dân chủ tư sản. Có lẽ chẳng cần phải nói rõ vì sao những nhà tư sản “tự do” lại có cùng quan điểm như thế. Đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Tây Ban Nha. Thí dụ, Anh đã đầu tư vào Công ty Vận Tải Barcelona mười triệu bảng, trong khi đó công đoàn lại tịch thu toàn bộ phương tiện vận tải ở Catalonia. Nếu cách mạng tiến triển thêm thì sẽ không có đền bù hoặc sẽ được đền bù rất ít; còn nếu chế độ cộng hòa tư sản thắng lợi thì vốn đầu tư nước ngoài sẽ được bảo toàn. Người ta đã quyết tâm bóp chết cuộc cách mạng, cho nên tốt nhất là lờ nó đi. Bằng cách đó, người ta có thể che dấu được bản chất của bất cứ sự kiện nào, những vụ chuyển giao quyền lực từ công đoàn sang cho chính phủ đều chỉ được coi là một bước cần thiết trong việc tái cơ cấu lực lượng võ trang. Tình hình lúc đó quả thật là rất lạ lùng. Ở bên ngoài, ít người biết rằng đang diễn ra một cuộc cách mạng; còn ở bên trong thì đây lại không phải là chuyện phải bàn. Ngay cả những tờ báo của P.S.U.C., do cộng sản kiểm soát, dù ít dù nhiều đều thực thi đường lối phản cách mạng, cũng nói đến “cuộc cách mạng vinh quang của chúng ta”. Cùng lúc, báo chí cộng sản ngoại quốc lại đồng thanh hò hét rằng không hề có dấu hiệu cách mạng, không có chuyện chiếm nhà máy hay thành lập các ủy ban công nhân .v..v. mà nếu có thì cũng “chẳng có ý nghĩa chính trị nào”. Tờ Daily Worker (ngày 6 tháng 8 năm 1936) còn tuyên bố rằng chỉ có những kẻ vô lại dối trá trắng trợn mới có thể nói rằng nhân dân Tây Ban Nha không phải đang chiến đấu cho nền dân chủ tư sản mà là chiến đấu cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hay bất cứ cái gì khác. Nhưng mặt khác, tháng 2 năm 1937, Juan López, một thành viên của chính quyền Valencia, lại tuyên bố rằng “nhân dân Tây Ban Nha đang đổ máu không phải cho nước Cộng hòa dân chủ và bản Hiến pháp trên giấy của nó mà đang chiến đấu cho cách mạng”. Hóa ra “những kẻ vô lại dối trá trắng trợn” đã len lỏi được vào cả cái chính phủ mà chúng tôi đang bảo vệ. Một số tờ báo chống phát xít ở nước ngoài còn hạ mình đến mức dối trá khi viết rằng chỉ những nhà thờ bị quân phát xít chiếm đóng và biến thành các pháo đài mới bị tấn công cướp phá. Trên thực tế, nhà thờ ở khắp nơi đều bị cướp bóc và là hiện tượng đương nhiên vì người ta cho rằng nhà thờ Tây Ban Nha là tay sai của bọn tư sản. Trong suốt sáu tháng ở Tây Ban Nha, tôi chỉ trông thấy có hai nhà thờ không bị cướp bóc và cho đến tháng 7 năm 1937, trừ một vài nhà thờ của đạo Tin Lành ở Madrid, tất cả những nhà thờ khác đều chưa được mở cửa và chưa được làm lễ trở lại.

Nhưng đây chỉ là sự khởi đầu, chưa phải là sự kết thúc của cách mạng. Ngay cả khi công nhân có đủ điều kiện (Catalonia rõ ràng là như thế, những chỗ khác có thể cũng như vậy) họ vẫn không lật đổ chính quyền hay nắm lấy toàn bộ quyền lực. Rõ ràng là họ không thể làm như thế khi quân của Franco đang đóng ngay tại cửa ngõ thành phố và một bộ phận giai cấp trung lưu còn đứng về phía chúng. Đất nước đang đứng trước ngã ba đường, có thể phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa, mà cũng có thể quay trở lại thành nước cộng hòa tư sản bình thường. Nông dân đã nắm được phần lớn ruộng đất và muốn giữ lại, đây là nói nếu Franco thất bại; tất cả các ngành công nghiệp chính đều đã được tập thể hóa, nhưng có còn tập thể hóa nữa hay sẽ trở lại chế độ tư bản, nhóm giành được quyền kiểm soát sẽ có tiếng nói quyết định chung cuộc. Thời gian đầu, có thể nói một cách chần chẫn rằng cả chính phủ trung ương lẫn chính quyền nửa tự trị ở Catalonia đều là đại diện của giai cấp công nhân. Trong chính phủ do Caballero, một đảng viên xã hội cánh tả, đứng đầu, có các bộ trưởng đại diện cho U.G.T. (Công đoàn xã hội

chủ nghĩa) và C.N.T. (Liên hiệp công đoàn nằm dưới sự lãnh đạo của những người vô chính phủ). Chính quyền Catalonia được thay thế bằng Ủy ban quân sự chống phát xít, đa số thành viên Ủy ban này là người của các tổ chức công đoàn. Sau này, Ủy ban quân sự bị giải tán, chính quyền Catalonia được tổ chức lại, bao gồm đại diện các công đoàn và đảng phái cánh tả khác nhau. Nhưng mỗi lần cải tổ là chính phủ lại ngã sang hữu một chút. Tại Catalonia, đầu tiên là P.O.U.M. bị đẩy ra, sáu tháng sau đến lượt Caballero bị Negrín, một đảng viên xã hội cánh hữu thay thế; ngay sau đó C.N.T. bị loại khỏi chính phủ trung ương, rồi U.G.T. và C.N.T. cũng bị bật ra khỏi chính quyền Catalonia. Cuối cùng, một năm sau khi chiến tranh nổ ra, chính phủ gồm toàn những đảng viên xã hội cánh hữu, các đảng theo đường lối tự do và những người cộng sản mà thôi.

Việc ngã sang phái hữu một cách toàn diện bắt đầu diễn ra từ tháng 10, tháng 11 năm 1936, đúng vào lúc Liên Xô bắt đầu cung cấp vũ khí cho chính phủ và quyền lực chuyển từ tay những người vô chính phủ sang những người cộng sản. Ngoài Liên Xô và Mexico, chẳng có nước nào chịu cứu chính phủ Tây Ban Nha; mà Mexico, vì những lí do dễ hiểu, cũng chẳng cung cấp được bao nhiêu. Kết quả là người Nga có quyền ra điều kiện. Chắc chắn các điều kiện đó phải là: “Các vị hãy chấm dứt những hành động cách mạng đi, nếu không chúng tôi sẽ không cung cấp vũ khí nữa”. Không nghi ngờ gì rằng biện pháp đầu tiên là nhằm chống lại các thành phần cách mạng, tức là đẩy P.O.U.M. ra khỏi chính quyền Catalonia, cũng được thực hiện theo lệnh của Liên Xô. Những lời phủ nhận việc Liên Xô can thiệp trực tiếp đều chẳng có mấy giá trị vì ai cũng biết rằng đảng cộng sản tất cả các nước đều thực thi đường lối chính trị của nước Nga, đồng thời không ai phủ nhận việc Đảng cộng sản Tây Ban Nha là lực lượng chủ chốt trong cuộc đấu tranh, trước hết là chống lại P.O.U.M., và sau đó là chống lại những người vô chính phủ và cánh xã hội chủ nghĩa do Caballero cầm đầu, nghĩa là chống lại đường lối cách mạng nói chung. Một khi Liên Xô đã can thiệp thì đảng cộng sản nhất định sẽ thắng lợi. Trước hết, lòng biết ơn Liên Xô và sự kiện là đảng cộng sản, sau khi các binh đoàn quốc tế kéo tới, có vẻ sẽ là người chiến thắng đã làm cho uy tín của cộng sản dâng cao trông thấy. Thứ hai, vũ khí của Nga được cấp qua đảng cộng sản và những đảng nằm trong liên minh với họ. Cộng sản còn tìm mọi cách để vũ khí không lọt vào tay các lực lượng đối lập nữa [21]. Thứ ba, bằng cách tuyên bố cương lĩnh phi cách mạng, cộng sản đã lôi kéo được tất cả những người vốn sợ các lực lượng cực đoan. Thí dụ, người ta có thể dễ dàng động viên được những người nông dân khá giả đứng lên chống lại chính sách tập thể hóa của những người vô chính phủ. Số lượng đảng viên tăng lên nhanh chóng, phần lớn xuất thân từ giai cấp trung lưu, như những người buôn bán nhỏ, viên chức, sỹ quan quân đội, trung nông lớp trên... Vẫn phải tiếp tục cuộc chiến đấu chống Franco, nhưng đồng thời chính phủ lại đặt ra mục tiêu giành bằng được quyền lực từ tay các tổ chức công đoàn, việc này được thực hiện bằng hàng loạt các hành động nhỏ lẻ, mà có người gọi là chính sách đâm bằng kim, nhưng nói chung là rất khôn khéo. Những biện pháp phản cách mạng một cách rõ rệt đã không được thực hiện và đến tận tháng 5 năm 1937 vẫn chưa cần sử dụng lực lượng quân sự. Chỉ cần dùng những lí lẽ rất rõ ràng như thế này cũng có thể buộc được công nhân vâng lời: “Nếu các anh không làm việc này hay việc này thì chúng ta sẽ thua trận mất thôi”. Chẳng cần phải nói rằng nhân danh các mục tiêu quân sự bao giờ người ta cũng đòi hỏi giai cấp công nhân phải từ bỏ những thành quả mà họ đã giành được vào năm 1936. Nhưng lí lẽ này ít khi thất bại bởi vì các đảng cách mạng chẳng bao giờ muốn thua trận; thua trận có

nghĩa là dân chủ, cách mạng, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vô chính phủ sẽ trở thành những từ sáo rỗng. Vô chính phủ là đảng cách mạng lớn, mà người ta không thể bỏ qua, cũng buộc phải lùi từng bước một. Quá trình tập thể hóa đã bị chặn đứng, các ủy ban địa phương bị giải tán, các đội tuần tra của công nhân bị giải thể, còn lực lượng cảnh sát trước chiến tranh thì được tăng cường và được trang bị nhiều loại vũ khí tốt. Các xí nghiệp công nghiệp chủ lực do công đoàn kiểm soát được chuyển giao cho chính phủ (việc chiếm Trung tâm viễn thông Barcelona đã dẫn đến những trận đánh vào tháng 5 là một trong những vụ rắc rối của quá trình này); cuối cùng, điều quan trọng nhất đã xảy ra, đó là các đơn vị dân quân do công đoàn tổ chức bị giải tán dần và phiên chế vào Quân đội Nhân dân vừa được thành lập, đây là một đội quân “phi chính trị” theo đường lối nửa tư sản, nghĩa là cũng trả lương theo chức vụ, cũng có tầng lớp sỹ quan có nhiều đặc quyền, đặc lợi...v.v.. Trong tình hình đặc thù lúc đó, đây là bước đi có tính chất quyết định. Ở Catalonia, việc giải thể các đơn vị dân quân diễn ra sau cùng vì các đảng cách mạng ở đây mạnh hơn các nơi khác. Rõ ràng là công nhân chỉ có thể giữ được thành quả nếu họ kiểm soát được một số đơn vị vũ trang nào đó. Người ta thường viện có tăng cường hiệu quả chiến đấu để giải thể lực lượng dân quân, dĩ nhiên là không ai phủ nhận sự cần thiết của việc tái tổ chức lực lượng vũ trang rồi. Hoàn toàn có thể sắp xếp lại lực dân quân, tăng cường hiệu quả cho nó trong khi vẫn để nó nằm dưới quyền kiểm soát của công đoàn, nhưng mục đích chính ở đây lại là không để cho những người vô chính phủ có quân đội riêng nữa. Hơn nữa, tinh thần dân chủ của dân quân lại là mảnh đất màu mỡ cho các tư tưởng cách mạng. Cộng sản hiểu rõ chuyện đó và kịch liệt công kích nguyên tắc trả lương như nhau cho cả lính lẫn quan của P.O.U.M. và những người vô chính phủ. Việc “tư sản hóa” và thủ tiêu một cách có chủ đích tinh thần bình đẳng từng tồn tại trong những tháng đầu tiên của cách mạng đã được thực hiện trên cả nước. Sự việc diễn ra nhanh đến nỗi những khách thăm quan trở lại sau vài tháng đã nói rằng dường như đây đã là một nước khác. Cái đất nước mới nhìn thì tưởng như của công nhân đã nhanh chóng biến thành nhà nước cộng hòa tư sản bình thường, cũng chia ra kẻ giàu, người nghèo. Mùa thu năm 1937, “đảng viên xã hội” Negrín đã công khai tuyên bố rằng “chúng tôi tôn trọng sở hữu tư nhân”, còn các đại biểu Cortes [\[22\]](#), những người hồi đầu chiến tranh bị nghi là có cảm tình với phát xít, đã trở lại Tây Ban Nha.

Có thể dễ dàng hiểu được toàn bộ quá trình này nếu ta nhớ lại rằng đây là kết quả của cái liên minh tạm thời giữa công nhân và tư sản mà chủ nghĩa phát xít, trong những biểu hiện của nó, đã buộc họ phải kí với nhau. Liên minh này, được người ta biết đến với tên là Mặt trận Nhân dân, thực chất là liên minh của những phe đối kháng, chắc chắn sẽ phải cáo chung bằng việc một bên nuốt sống bên kia. Ở Tây Ban Nha, điều làm người ta bất ngờ nhất – còn ở bên ngoài thì nó lại tạo ra nhiều lầm lẫn nhất - đấy là bên phía chính phủ, những người cộng sản không đứng về phía các lực lượng cực tả mà lại đứng về phía các lực lượng cực hữu. Trên thực tế, đấy là điều không đáng ngạc nhiên, bởi vì chiến thuật của cộng sản lúc đó, đặc biệt là ở Pháp, đã cho người ta thấy rõ rằng chủ nghĩa cộng sản phải được coi, ít nhất là trong giai đoạn đó, là lực lượng phản cách mạng. Toàn bộ đường lối của Comintern (Quốc tế cộng sản – ND) trong giai đoạn này đều nhằm phục vụ (trong tình hình lúc đó, có thể tha thứ được) cho chính sách quốc phòng của Liên Xô, mà chính sách này lại phụ thuộc vào các liên minh quân sự. Cụ thể là, Liên Xô đã kí hiệp ước liên minh với một nước tư bản-đế quốc chủ nghĩa, đấy là nước Pháp. Liên minh này chỉ có ý nghĩa khi nước Pháp mạnh, vì thế chính sách của cộng sản ở Pháp

phải là chống cách mạng. Điều đó không chỉ có nghĩa là từ nay những người cộng sản Pháp phải đi sau lá cờ Tam tài và hát Marseillaise, mà, quan trọng hơn, họ phải từ bỏ công tác tuyên truyền khá hiệu quả ở các nước thuộc địa nữa. Chưa đầy ba năm trước đây, Thorez, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp còn tuyên bố rằng công nhân Pháp sẽ không bao giờ bị lôi kéo vào cuộc chiến chống lại những người đồng chí Đức của mình, thì nay ông ta trở thành một trong những người yêu nước to mồm nhất của Pháp. Đường lối của cộng sản ở bất kì nước nào cũng phụ thuộc vào quan hệ quân sự, hiện tại hoặc tiềm năng, của nước đó với Liên Xô. Thí dụ, quan điểm của nước Anh vẫn chưa rõ ràng cho nên Đảng cộng sản Anh tiếp tục giữ thái độ thù địch đối với chính phủ và công khai chống lại việc tái vũ trang. Nhưng nếu Anh quốc tham gia gia liên minh hay kí hiệp định quân sự với Liên Xô thì cộng sản Anh, cũng như cộng sản Pháp, sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc trở thành những người yêu nước và những người ủng hộ chủ nghĩa đế quốc; những dấu hiệu như thế đã xuất hiện rồi. “Đường lối” của cộng sản Tây Ban Nha chắc chắn là phụ thuộc vào sự kiện là Pháp, một đồng minh của Nga, hoàn toàn không muốn thấy một nhà nước cách mạng ở ngay sát nách và sẽ tìm mọi cách chống lại việc giải phóng nước Marocco thuộc Tây Ban Nha lúc đó. Tờ Daily Mail, một tờ báo chuyên đơm đặt về cuộc cách mạng “đỏ” do Moskva tài trợ, còn tiếp tục dối trá hơn cả trước đây. Trên thực tế, cộng sản là những người tích cực nhất trong việc ngăn chặn cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha. Sau này, khi lực lượng cánh hữu đã nắm được quyền kiểm soát toàn bộ tình hình thì chính cộng sản đã chứng tỏ rằng họ sẵn sàng đi xa hơn cả những người theo trường phái tự do trong việc săn đuổi các lãnh tụ cách mạng [\[23\]](#).

Tôi đã cố gắng phác họa chiều hướng chung của cuộc cách mạng Tây Ban Nha trong năm đầu tiên, vì nó giúp ta dễ dàng hiểu được tình hình trong mỗi giai đoạn sau này. Nhưng như thế không có nghĩa là tháng hai năm đó tôi đã có quan điểm được thể trong những câu chuyện được nói đến bên trên. Trước hết, lúc đó chưa xảy ra những sự kiện có tính chất khai minh đối với tôi, và hơn nữa, tình cảm của tôi lúc đó, trong một vài lĩnh vực, cũng khác với hiện nay. Một phần là vì khía cạnh chính trị của cuộc chiến đã làm tôi chán ngấy và dĩ nhiên là tôi chống lại quan điểm được nghe nói đến nhiều hơn cả, tức là quan điểm của P.O.U.M.—I.L.P. Đa phần người Anh trong đơn vị tôi là thành viên của I.L.P., ngoài ra, còn có một vài đảng viên cộng sản nữa; nói chung họ, đều có nhận thức chính trị cao hơn tôi. Suốt nhiều tuần liền, đấy là nói thời kì không có chuyện gì xảy ra xung quanh Huesca, tôi đã trực tiếp tham gia vào những cuộc tranh luận chính trị gần như không bao giờ dứt. Những đường lối mâu thuẫn nhau được đem ra thảo luận hết lần này đến lần khác, chúng được thảo luận trong những chuồng ngựa lộng gió và hôi hám, trong những hầm trú ẩn tối tăm và ngột ngạt, chúng được thảo luận cả sau những bờ công sự trong những đêm lạnh buốt thấu xương nữa. Người Tây Ban Nha cũng thế, nhiều tờ báo còn đưa cuộc đấu tranh nội bộ đảng thành tin quan trọng nhất nữa kia. Chỉ có điếc hay ngu thì mới không có được một vài khái niệm nào đó về tư tưởng của các đảng khác nhau mà thôi.

Về lí thuyết, chỉ có ba đảng đáng quan tâm, đấy là P.S.U.C., P.O.U.M. và C.N.T.—F.A.I., thường được gọi một cách đơn giản là Vô chính phủ. Xin bắt đầu bằng P.S.U.C. vì đây là đảng quan trọng nhất, cũng là đảng giành được chiến thắng cuối cùng và ngay lúc đó cũng đang tỏ ra có ưu thế.

Cần phải giải thích rõ rằng khi nói đường lối của P.S.U.C. là người ta nghĩ đến đường lối của của Đảng cộng sản. P.S.U.C. (Partido Socialista Unificado de Cataluña) nghĩa là Đảng xã hội chủ nghĩa Catalonia, được thành lập ngay khi chiến tranh nổ ra; đây là sự kết hợp của nhiều đảng mác-xít khác nhau, trong đó có cả Đảng cộng sản Catalonia, nhưng hiện đã bị cộng sản kiểm soát hoàn toàn và là một phân bộ của Quốc tế III. Đây là liên minh chính thức duy nhất giữa những người xã hội và những người cộng sản Tây Ban Nha, nhưng quan điểm của những người cộng sản và những người xã hội cánh hữu thì ở đâu cũng có thể được coi là một cả. Về đại thể, có thể nói P.S.U.C. là cánh chính trị của U.G.T. (Unión General de Trabajadores), tức là công đoàn xã hội chủ nghĩa. Công đoàn này có khoảng một triệu rưỡi thành viên trên khắp Tây Ban Nha. Nó bao gồm rất nhiều nhóm những người lao động chân tay, nhưng sau khi chiến tranh nổ ra nó đã phình lên rất nhanh vì có nhiều người thuộc tầng lớp trung lưu tham gia, đây là do trong những ngày đầu cách mạng nhiều người cho rằng ra nhập U.G.T. hay C.N.T. thì sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn. Hai tổ chức công đoàn này có nhiều mặt tương đối giống nhau, nhưng C.N.T. có nhiều tính công nhân hơn. Như vậy nghĩa là P.S.U.C. vừa là đảng của giai cấp công nhân vừa là đảng của giai cấp tiểu tư sản, nghĩa là của những người buôn bán nhỏ, của các viên chức nhà nước và trung nông.

Đường lối của P.S.U.C. mà báo chí cộng sản cũng như thân cộng tuyên truyền trên khắp thế giới về đại thể là như sau: “Trong thời điểm hiện tại, quan trọng nhất là giành chiến thắng; không chiến thắng thì mọi thứ đều vô nghĩa hết. Vì vậy, bây giờ không phải lúc nói đến việc tiến hành cách mạng. Chúng ta không được ép buộc nông dân tập thể hoá vì như thế là làm cho họ xa lánh chúng ta; chúng ta cũng không được làm cho giai cấp trung lưu, những người đang chiến đấu bên phía chúng ta, hốt hoảng. Trước hết, muốn có hiệu quả, chúng ta phải chấm dứt tình trạng lộn xộn do cách mạng gây ra. Chúng ta cần một chính phủ trung ương mạnh, chứ không phải là các hội đồng địa phương, chúng ta cần một lực lượng quân sự chính qui với một bộ chỉ huy thống nhất. Bám vào một vài tàn dư của các tổ chức kiểm tra của công nhân và nhai đi nhai lại một cách thiếu suy nghĩ những khẩu hiệu cách mạng không những là việc làm vô ích mà còn có hại, thậm chí là phản cách mạng nữa vì nó gây ra chia rẽ và có thể bị bọn phát xít lợi dụng. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta không chiến đấu vì chính quyền chuyên chính của giai cấp vô sản mà đang chiến đấu cho nền dân chủ đại nghị. Bất cứ người nào muốn biến nội chiến thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng đều là những người tiếp tay cho bọn phát xít, nếu đây không phải là những kẻ cố ý thì trên thực tế họ cũng đều là những kẻ phản bội”

Đường lối của P.O.U.M. khác hẳn, dĩ nhiên là trừu tượng phải giành bằng được chiến thắng. P.O.U.M. (Partido Obrero de Unificación Marxista) là một trong những đảng cộng sản đối lập, những đảng xuất hiện tại một loạt nước trong mấy năm gần đây nhằm chống lại “chủ nghĩa Stalin”, tức là chống lại sự thay đổi, thực chất hay chỉ mang vẻ hình thức, trong chính sách của cộng sản. P.O.U.M. bao gồm những người cựu cộng sản cũng như thành viên của khối công-nông trước đây. Đây là một đảng có ít đảng viên [\[24\]](#), không có nhiều ảnh hưởng bên ngoài Catalonia, nó quan trọng bởi vì có nhiều đảng viên có nhận thức chính trị vững vàng. Thành trì của đảng này nằm ở Lerida, thuộc Catalonia. Nó không đại diện cho bất cứ tổ chức công đoàn nào. Lực lượng dân quân của P.O.U.M. đa số là thành viên C.N.T., nhưng nói chung dân quân-đảng viên lại thuộc U.G.T. Nhưng P.O.U.M. lại chỉ có ảnh hưởng đối với C.N.T. mà thôi. Về đại thể, đường lối của P.O.U.M. có thể tóm tắt như sau:

“Nói đến dùng “dân chủ” tư sản để chống phát xít là vô nghĩa. “Dân chủ” tư sản chỉ là một tên gọi khác của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phát xít thì cũng thế; nhân danh “dân chủ” để chống phát xít thì cũng có nghĩa là nhân danh một hình thức tư bản này để chống lại một hình thức tư bản khác, mà bất kì lúc nào cái sau cũng có thể biến thành cái trước. Chính quyền của công nhân hay là chủ nghĩa phát xít, ta chỉ có thể chọn một trong hai. Đặt mục tiêu thấp hơn nghĩa là trao chiến thắng vào tay Franco hoặc trong trường hợp tốt nhất cũng là để chủ nghĩa phát xít chui vào bằng cửa sau. Lúc này, công nhân phải nắm chặt tất cả những gì họ đã giành được, chỉ cần nhượng bộ chính phủ nửa-tư sản một lần thôi là chắc chắn họ sẽ bị lừa bịp. Dân quân và lực lượng cảnh sát phải được giữ nguyên trạng, phải chống lại mọi mưu toan nhằm “tư sản hoá” hai lực lượng này. Nếu công nhân không kiểm soát được lực lượng vũ trang thì lực lượng vũ trang sẽ kiểm soát công nhân. Chiến tranh và cách mạng gắn bó mật thiết với nhau.”

Quan điểm của những người vô chính phủ thì khó xác định hơn. Dù sao mặc lòng, từ vô chính phủ được dùng để chỉ rất nhiều người có những quan điểm vô cùng khác nhau. Cánh chính trị của liên hiệp công đoàn C.N.T. (Confederación Nacional de Trabajadores), với khoảng hai triệu đoàn viên, có tên gọi là F.A.I. (Federación Anarquista Ibérica), là một tổ chức vô chính phủ thực sự. Nhưng ngay cả các thành viên của F.A.I., những người luôn luôn, mà có thể hầu hết người Tây Ban Nha đều như thế, ngả theo triết lí vô chính phủ thì cũng không hẳn đã là vô chính phủ theo đúng nghĩa của từ này. Sau khi chiến tranh nổ ra, họ đã có một bước tiến về phía chủ nghĩa xã hội vì hoàn cảnh buộc họ phải tham gia vào các cơ quan hành chính trung ương và thậm chí phá bỏ mọi nguyên tắc để tham gia vào thành phần chính phủ. Nhưng họ vẫn khác xa những người cộng sản; tương tự như P.O.U.M., mục tiêu của họ là chính quyền của công nhân chứ không phải là chế độ dân chủ đại nghị. Vô chính phủ sử dụng khẩu hiệu: “Chiến tranh và cách mạng gắn bó mật thiết với nhau!” của P.O.U.M., nhưng ít giáo điều hơn. Đại khái C.N.T.—F.A.I. đấu tranh cho: 1. Công nhân trong từng ngành công nghiệp như vận tải, dệt may... trực tiếp kiểm soát các ngành đó; 2. Quyền lực nằm trong tay các uỷ ban địa phương và chống lại mọi hình thức của chế độ độc đoán tập quyền; 3. Mỗi thù không khoan nhượng đối với giai cấp tư sản và nhà thờ. Điểm cuối cùng, tuy không được trình bày thật rõ ràng, nhưng lại là quan trọng nhất. Vô chính phủ đối lập với hầu như tất cả những người gọi là cách mạng ở chỗ mặc dù các nguyên tắc của họ tương đối mù mờ nhưng họ thực sự căm thù đặc quyền đặc lợi và bất công. Cộng sản và vô chính phủ là hai cực đối lập nhau về mặt triết học. Trên thực tế, đây là sự khác nhau về hình thức xã hội mà họ hướng tới, đây là điều mà họ coi trọng, nhưng đây là những hình thức không thể dung hoà. Cộng sản luôn luôn coi trọng chủ nghĩa tập trung và tính hiệu quả, còn vô chính phủ thì lại coi trọng tự do và công bằng. Chủ nghĩa vô chính phủ đã ăn sâu bén rễ ở Tây Ban Nha và có vẻ như sẽ tiếp tục sống sót trong khi chủ nghĩa cộng sản sẽ cáo chung ngay khi ảnh hưởng của Liên Xô chấm dứt. Trong hai tháng đầu tiên của cuộc chiến, những người vô chính phủ, hơn ai hết, đã cứu vãn được tình hình và mãi về sau này, lực lượng dân quân vô chính phủ, dù rất thiếu kỉ luật, lại là lực lượng chiến đấu tốt nhất, đây là nói nếu chỉ kể các đơn vị gồm toàn người Tây Ban Nha với nhau. Từ khoảng tháng 2 năm 1937 trở đi, lực lượng vô chính phủ và P.O.U.M. đã hợp tác với nhau ở một mức độ nào đó. Nếu ngay từ đầu những người vô chính phủ, P.O.U.M., và phong trào xã hội chủ nghĩa cánh tả đã nghĩ đến việc hợp tác và thực thi chính sách mang tính thực tế hơn thì kết quả cuộc chiến tranh có thể đã khác. Nhưng trong giai đoạn đầu, khi tất cả các đảng cách mạng đều tưởng rằng át chủ bài đang

nằm trong tay mình thì đây là việc bất khả thi. Sự ghen tức cố hữu là nguyên nhân mối bất hoà giữa phe vô chính phủ và phe xã hội, còn P.O.U.M., vốn là một đảng mác-xít, lại có thái độ nghi ngờ đối với phe vô chính phủ, trong khi theo quan điểm của vô chính phủ thì “chủ nghĩa Trotskyist” của P.O.U.M. cũng chẳng khác gì chủ nghĩa “Stalin” của những người cộng sản. Trong khi đó, cộng sản lại tìm cách li gián hai đảng này. Khi P.O.U.M. tham gia vào những trận đánh gây nhiều thương vong vào tháng 5 ở Barcelona thì chính bản năng đã buộc nó phải đứng về phía C.N.T., và sau này, khi P.O.U.M. bị đàn áp thì chỉ có những người vô chính phủ là dám lên tiếng bảo vệ mà thôi.

Như vậy là, về đại thể, lực lượng được phân bố như sau. Một bên là C.N.T.—F.A.I., P.O.U.M., và những người xã hội chủ nghĩa ủng hộ quyền kiểm soát của công nhân, còn bên kia là những người xã hội chủ nghĩa cánh hữu, những người theo đường lối tự do và cộng sản ủng hộ chính phủ tập quyền và quân đội chính qui.

Dễ hiểu là vì sao lúc đó tôi lại thích quan điểm của cộng sản hơn là quan điểm của P.O.U.M. Cộng sản có một chính sách thực tế rõ ràng, phù hợp với lương tri, đây là nói nếu chỉ nhìn tương lai trong vài tháng trước mắt. Còn chính sách hàng ngày cũng như công tác tuyên truyền và mọi việc khác của P.O.U.M. đều kém đến mức không thể tả được, nếu làm tốt hơn thì P.O.U.M. có thể còn thu hút được nhiều thành viên hơn. Nhưng vấn đề chính là những người cộng sản, như tôi thấy, đang chiến đấu, còn chúng tôi cũng như những người vô chính phủ thì dầm chân tại chỗ. Đây là tâm trạng chung lúc đó. Cộng sản giành được quyền lực và thu hút được số lượng đảng viên rất lớn một phần vì các tầng lớp trung lưu ủng hộ đường lối phản cách mạng của họ, một phần vì họ là lực lượng duy nhất có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Vũ khí của Liên Xô cũng như cuộc chiến đấu ngoan cường nhằm bảo vệ Madrid của những lực lượng do cộng sản chỉ huy đã biến họ thành những người anh hùng. Có người còn nói rằng ngay một máy bay Liên Xô bay qua đầu chúng tôi cũng đã là tuyên truyền rồi. Mặc dù công nhận rằng P.O.U.M. có lí, nhưng tôi vẫn có cảm tưởng là các khẩu hiệu cách mạng của họ chẳng có giá trị gì. Nói cho cùng, vấn đề vẫn là phải chiến thắng.

Trong khi đó, các đảng phái tiếp tục cắn xé nhau trên mặt báo, trên những tờ rơi, trên các biểu ngữ, trong các cuốn sách, tóm lại, diễn ra khắp nơi. Tôi thường đọc La Batalla và Adenlante của P.O.U.M., nhưng tôi cho rằng đây là hai tờ báo hợm hĩnh và chán ngắt vì lúc nào họ cũng soi mói “những kẻ phản cách mạng” ở P.S.U.C. Sau này, khi đã nghiên cứu kĩ báo chí của P.S.U.C. và cộng sản, tôi mới thấy rằng P.O.U.M. chẳng là gì so với các đối thủ của họ, đây là chưa nói điều kiện của họ cũng kém hơn rất nhiều. Khác với cộng sản, P.O.U.M. không có cơ sở trong bất kì cơ quan báo chí nào ở nước ngoài, trong nước họ cũng bị thiệt thòi vì cơ quan kiểm duyệt chủ yếu nằm trong tay cộng sản, nghĩa là báo chí của P.O.U.M. dễ bị cấm đoán hay bị phạt nếu đăng các tài liệu có hại cho cộng sản. Công bằng mà nói, mặc dù P.O.U.M. suốt ngày rao giảng về cách mạng và trích dẫn Lenin đến phát chán, nhưng họ thường không hạ mình đến mức bôi bác cá nhân người nào. Hơn nữa, họ chỉ tranh luận trên báo. Những tờ biểu ngữ lớn nhiều màu sắc dành cho công chúng của họ (biểu ngữ đóng vai trò quan trọng vì có nhiều người mù chữ) không công kích các đảng đối lập mà thường là kêu gọi đấu tranh chống phát xít hay cách mạng chung chung, các bài ca mà dân quân thường hát cũng như vậy. Cộng sản khác hẳn. Tôi sẽ trở lại vấn đề này sau. Ở đây tôi chỉ có thể mô tả một cách ngắn gọn phương

pháp công kích của cộng sản mà thôi.

Mới nhìn thì cộng sản và P.O.U.M. chỉ tranh cãi với nhau về mặt chiến thuật. P.O.U.M. muốn làm cách mạng ngay lập tức, còn cộng sản thì không. Về mặt này thì mọi sự đều rõ ràng: mỗi bên đều đưa ra đủ lí lẽ ủng hộ cho quan điểm của mình. Nhưng cộng sản còn khẳng định rằng chính sách tuyên truyền của P.O.U.M. đã gây chia rẽ và làm suy yếu lực lượng chính phủ, nghĩa là bên ta sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Một lần nữa, mặc dù cuối cùng ý kiến này đã không thuyết phục được tôi, nhưng nó cũng chứa đựng một phần sự thật. Nhưng đây chính là đặc thù của cộng sản. Đầu tiên họ còn thăm dò, sau đó càng ngày càng công khai khẳng định rằng P.O.U.M., không phải do lầm lẫn mà là cố tình gây chia rẽ lực lượng chính phủ. Người ta còn tuyên bố rằng P.O.U.M. chỉ là một băng đảng phát xít cải trang, tay sai của Franco và Hitler, to mồm hô hào các khẩu hiệu giả cách mạng chỉ có lợi cho bọn phát xít. P.O.U.M. là tổ chức "Trotskyist" và là "đội quân thứ năm" của Franco. Điều đó có nghĩa là hàng chục ngàn công nhân, trong đó có từ tám đến mười ngàn binh sỹ đang chết cống trong các chiến hào và hàng trăm người ngoại quốc, những người đã đến Tây Ban Nha để chiến đấu chống phát xít, những người phải hi sinh cả đời sống đầy đủ tiện nghi lẫn quốc tịch của mình khi làm như thế, hoá ra lại là những kẻ phản bội, tay sai của kẻ thù. Câu chuyện như thế được phổ biến trên các băng rôn và các phương tiện tuyên truyền khắp cả nước Tây Ban Nha và được nhắc đi nhắc lại trên báo chí cộng sản và thân cộng sản toàn thế giới. Tôi có thể viết được dăm cuốn sách nếu chịu khó bỏ công thu thập những câu người ta đã nói, đã viết về vấn đề này.

Như vậy là cộng sản đã gọi chúng tôi là Trotskyists, là phát xít, là kẻ phản bội, là bọn giết người, là lũ hèn nhát, là gián điệp ..v.v... Phải công nhận rằng đấy là điều không hay, nhất là khi nghĩ đến những người chịu trách nhiệm về những việc như thế. Thật chẳng thú vị gì khi chứng kiến cảnh một cậu bé Tây Ban Nha mười lăm tuổi được khiêng khỏi chiến hào trên một cái cáng, mặt trắng bệch, và nghĩ đến những người đầu tóc bóng láng ở London hay Paris đang viết những bài báo chứng minh rằng cậu bé kia chỉ là một tên phát xít cải trang. Một trong những đặc trưng khủng khiếp của chiến tranh là tất cả các tài liệu tuyên truyền, tất cả những tiếng gào thét và dối trá, tất cả lòng hận thù đều do những kẻ ngồi tít ở hậu phương bịa đặt ra. Những người dân quân của P.S.U.C. mà tôi biết trên chiến tuyến, những đảng viên cộng sản trong các binh đoàn quốc tế mà thỉnh thoảng tôi gặp không bao giờ gọi tôi là Trotskyist hay phản bội, họ dành việc đó cho các nhà báo ở hậu phương. Những kẻ viết các tờ rơi chống lại chúng tôi, bôi bác chúng tôi trên mặt báo đang sống một cách an toàn ở nhà họ hay trong trường hợp xấu nhất thì cũng đang sống trong các văn phòng ở Valencia, cách những chỗ bom rơi đạn lạc và bùn lầy hàng trăm cây số. Ngoài những lời lăng mạ mà các đảng phái tung vào mặt nhau, tất cả những điều nhảm nhí khác về chiến tranh, tất cả những lời huyênh hoang, những lời ca ngợi quân ta và phỉ báng kẻ thù thường là đều do những kẻ ngồi ở hậu phương, những kẻ sẽ vất chân lên cổ mà chạy khi chiến tranh đến gần, sáng tác ra. Một trong những bài học bi thảm nhất mà cuộc chiến tranh này đã dạy cho tôi là: báo chí cánh tả cũng đầy những chuyện dối trá và bất lương chẳng khác gì cánh hữu.

Tôi thực sự tin rằng chúng tôi, nghĩa là phía chính phủ, đang tiến hành một cuộc chiến tranh khác hẳn với những cuộc chiến tranh đế quốc bình thường khác, nhưng bộ máy tuyên truyền lại làm cho ta không thể nghĩ như thế. Chiến dịch vừa bùng nổ là báo chí, cả cánh tả lẫn cánh

hữu, lập tức xông vào chửi bới. Hẳn mọi người còn nhớ đầu đề bài báo trên tờ Daily Mail's: "CỘNG SẢN ĐÓNG ĐINH CÂU RÚT CÁC NỮ TU!", trong khi tờ Daily Worker thì viết rằng các binh đoàn lê dương của Franco "gồm toàn những tên sát nhân, những kẻ buôn bán phụ nữ, những kẻ nghiện hút và cặn bã từ tất cả các nước châu Âu". Tháng 10 năm 1937, tờ New Statesman còn thết chúng tôi câu chuyện cổ tích rằng bọn phát xít bắt các trẻ em còn sống nắm đê lên nhau thành chiến lũy (khó làm chiến lũy với loại vật liệu như thế lắm), còn ngài Arthur Bryant thì tuyên bố rằng "cưa chân một nhà buôn bảo thủ" là việc thường ngày bên phía quân đội cộng hòa. Sáng tác ra những chuyện nhảm nhí như thế là những người chưa từng chiến đấu bao giờ, có thể họ nghĩ rằng viết như thế cũng là chiến đấu rồi. Cuộc chiến tranh nào cũng thế cả, trong khi lính tráng đánh nhau thì các nhà báo hò hét và chẳng có một người yêu nước chân chính nào chịu đến gần chiến hào, trừ khi đấy là một chuyến đi mang tính tuyên truyền. Đôi khi tôi còn lấy làm khoái chí khi nghĩ rằng máy bay đang làm thay đổi điều kiện của chiến tranh. Có thể, khi cuộc chiến tranh lớn sắp tới xảy ra, chúng ta sẽ nhìn thấy một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử: một người yêu nước to mồm bị bắn vỡ sọ.

Đối với các nhà báo, cuộc chiến tranh này, cũng như mọi cuộc chiến tranh khác, chỉ là một phi vụ làm ăn mà thôi. Nhưng ở đây có một sự khác biệt, đấy là các nhà báo thường dành cho kẻ thù những lời công kích mãnh liệt nhất, song lần này, cộng sản và P.O.U.M. lại viết về nhau với những lời lẽ càng ngày càng độc địa hơn, độc địa hơn cả những lời họ dành cho bọn phát xít nữa. Tuy nhiên, tôi đã không còn coi đấy là điều quan trọng nữa. Việc các đảng phái cắn xé nhau làm cho tôi bực mình, thậm chí kinh tởm, nhưng tôi cho rằng đấy việc anh em trong nhà cãi nhau. Tôi không tin là nó có thể thay đổi được điều gì hay ở đây có sự bất đồng không thể nào dung hòa được. Tôi nhận thức được rằng cộng sản và những người theo đường lối tự do quyết tâm cản trở cuộc cách mạng, tôi không nhận thức được rằng họ có đủ sức đẩy lùi được nó.

Có đầy đủ cơ sở để nghĩ như thế. Tôi nằm ngoài mặt trận trong suốt thời gian này, mà ở mặt trận thì tình hình xã hội và chính trị không có gì thay đổi cả. Tôi rời Barcelona vào đầu tháng giêng và mãi đến cuối tháng tư mới được nghỉ phép, suốt thời gian đó và cả sau này, trên khu vực mặt trận Aragon, do lực lượng vô chính phủ và P.O.U.M. kiểm soát, tình hình vẫn không có gì thay đổi. Không khí cách mạng vẫn giữ nguyên như hồi tôi mới đến. Tướng lĩnh và binh nhì, người nông dân và binh sỹ vẫn giao tiếp với nhau như những người bằng vai phải lứa; mọi người đều nhận một mức lương như nhau, mặc một loại quần áo như nhau, ăn thức ăn như nhau và cùng gọi nhau là "anh" hay "đồng chí"; không còn chủ tớ, không còn người ăn mày, không còn gái điếm, không có luật sư, không còn cha cố, không còn cảnh nịnh bợ, cũng không còn cảnh giơ tay lên ngang vành mũ nữa. Tôi đắm mình trong không khí bình đẳng và thật ngây thơ khi nghĩ rằng khắp nước Tây Ban Nha đều như thế cả. Tôi không thể nào biết được rằng do may mắn mà tôi đã lọt được vào khu vực cách mạng nhất của giai cấp công nhân Tây Ban Nha.

Cho nên khi các đồng chí có nhận thức chính trị sâu sắc hơn nói rằng không được dùng quan điểm thuần túy quân sự để xem xét cuộc chiến này và cần phải lựa chọn giữa cách mạng và chủ nghĩa phát xít thì tôi đã muốn cười vào mặt họ. Nói chung, tôi đồng ý quan điểm của cộng sản, tóm tắt là: "Chúng ta không thể nói đến cách mạng trước khi giành được thắng lợi" chứ không

đồng ý với quan điểm của P.O.U.M., theo đó “Chúng ta phải tiến lên, nếu không thì chúng ta phải rút lui.” Sau này tôi mới nghĩ rằng P.O.U.M. có lí, hay ít nhất thì cũng có lí hơn cộng sản, nhưng đây không phải là lí thuyết suông. Cứ theo giấy tờ thì quan điểm của cộng sản có vẻ thuyết phục hơn, nhưng vấn đề là hành động thực tế lại làm cho người ta không tin rằng đây là những người trung thực. Cái khẩu hiệu thường được nhắc đi nhắc lại: “Chiến tranh trước, cách mạng sau” chỉ là một câu nói sáo rỗng, nhưng đã tạo được lòng tin trong các chiến sỹ trong lực lượng dân quân P.S.U.C., họ thực sự nghĩ rằng người ta sẽ tiếp tục làm cách mạng ngay sau chiến thắng. Thực ra, không phải là cộng sản đang níu kéo cuộc cách mạng cho đến một thời điểm thích hợp hơn mà là đang tìm mọi cách làm cho nó không bao giờ xảy ra. Chuyện này càng ngày càng trở nên rõ ràng, càng ngày giai cấp công nhân càng mất dần quyền lực, càng ngày càng có nhiều người cách mạng thuộc đủ mọi khuynh hướng bị tổng vào tù. Tất cả đều nhân danh nhu cầu quân sự, nhưng đây chỉ là cái cớ; có thể nói đã được bịa ra từ trước, còn thực chất lại là đẩy giai cấp công nhân khỏi những vị trí thuận lợi và dồn họ vào vị thế mà sau này, tức là sau khi chiến tranh chấm dứt họ sẽ không thể kháng cự được sự phục hồi của chủ nghĩa tư bản. Xin nhớ rằng tôi không chống lại những đảng viên cộng sản bình thường và dĩ nhiên là không chống lại hàng ngàn đảng viên cộng sản đã anh dũng hi sinh trong những trận đánh ở ngoại ô thành phố Madrid. Nhưng họ lại không phải là những người quyết định chính sách của đảng. Trong khi đó, không thể tin được rằng những người lãnh đạo của họ đã nhắm mắt làm liều.

Nhưng cuối cùng thì vẫn cần phải thắng cuộc chiến tranh này, dù rằng cách mạng có thể thất bại. Và tôi bắt đầu nghi ngờ, không hiểu cộng sản có muốn chiến thắng hay không. Rất ít người nhận thức được rằng mỗi giai đoạn của cuộc chiến lại cần những chính sách khác nhau. Quân vô chính phủ đã cứu được tình hình trong hai tháng đầu, nhưng họ không thể tổ chức được cuộc kháng chiến trong giai đoạn sau; cộng sản có lẽ đã cứu được tình hình trong giai đoạn từ tháng mười đến tháng mười hai nhưng giành chiến thắng toàn triệt là việc hoàn toàn khác. Hầu như tất cả mọi người ở Anh đều chấp nhận chính sách của cộng sản vì rất ít chỉ trích được phép xuất hiện trên mặt báo và vì đường lối chung của nó là chấm dứt sự rối loạn do cách mạng gây ra, là tăng cường sản xuất và thành lập quân đội chính qui, tất cả đều có vẻ thực tế và hiệu quả. Cần phải nói đến điểm yếu nội tại của chính sách này.

Nhằm ngăn chặn từ trong trứng nước bất cứ xu hướng cách mạng nào và làm cho cuộc chiến càng ngày càng gần với cuộc chiến tranh thông thường thì cần phải tránh xa các cơ hội mang tính chiến lược có thể xuất hiện trên thực tế. Tôi đã mô tả quân trang của chúng tôi trên mặt trận Aragon. Không nghi ngờ gì rằng người ta đã cố tình cản trở việc cấp phát vũ khí, để chúng không rơi vào tay lực lượng vô chính phủ vì sợ rằng sau này họ sẽ sử dụng để làm cách mạng; kết quả là cuộc phản công trên mặt trận Aragon, một cuộc phản công có thể buộc lực lượng của Franco phải rút khỏi Bilbao, thậm chí rút khỏi Madrid đã không thể nào xảy ra được. Nhưng đây chỉ là chuyện nhỏ. Quan trọng hơn là khi cuộc chiến bị thu hẹp lại thành “chiến đấu vì dân chủ” thì không thể nào kêu gọi sự giúp đỡ của giai cấp công nhân thế giới được nữa. Nhìn thẳng vào sự thật, chúng ta phải công nhận rằng giai cấp công nhân thế giới có thái độ bàng quan đối với cuộc chiến tranh Tây Ban Nha. Hàng chục ngàn người đã tham gia chiến đấu, nhưng hàng chục triệu người ở phía sau đã tỏ ra lãnh đạm. Trong năm đầu tiên, các quỹ “trợ giúp Tây Ban Nha” khác nhau của nước Anh chỉ quyên góp được đâu khoảng hai trăm năm

mười ngàn Bảng, có lẽ còn ít hơn một nửa số tiền mua vé xem phim trong một tuần lễ. Giai cấp công nhân các nước dân chủ có thể giúp đỡ các đồng chí Tây Ban Nha bằng cách bãi công hay tẩy chay hàng hoá. Nhưng chuyện đó chưa bao giờ xảy ra. Lãnh tụ các đảng cộng sản và đảng lao động khắp nơi đều tuyên bố rằng không thể làm thế được; chắc chắn là họ có lí, đấy là nói khi họ vẫn tiếp tục gào đến khản họng rằng “đỏ” ở Tây Ban Nha không phải là “đỏ” thật. Kể từ Thế chiến I trở đi, câu “chiến đấu vì dân chủ” đã mang ý nghĩa xấu. Suốt nhiều năm, chính những người cộng sản đã dạy giai cấp công nhân toàn thế giới rằng “dân chủ” chỉ là một tên gọi khác của chủ nghĩa tư bản. Ban đầu thì nói “dân chủ là giả hiệu” rồi sau lại nói “chiến đấu vì dân chủ!” rõ ràng không phải là một chiến thuật hay. Những người cộng sản, được Liên Xô, lúc đó đang có uy tín rất lớn, ủng hộ. Nếu họ nhân danh nước “Tây Ban Nha cánh mạng” chứ không phải nhân danh “nước Tây Ban Nha dân chủ” thì chắc chắn lời kêu gọi của họ sẽ được đáp ứng.

Nhưng quan trọng nhất, nếu không thực hiện cải cách mang tính cách mạng thì sẽ khó, nếu không nói là không thể, tấn công được vào hậu phương của Franco. Cho đến tận mùa hè năm 1937, Franco kiểm soát được nhiều dân hơn chính phủ cộng hòa, phải nói là hơn rất nhiều, nếu tính cả các thuộc địa. Trong khi đó, lực lượng quân sự hai bên tương đương nhau. Ai cũng biết rằng nếu dân chúng ở hậu phương có thái độ thù địch thì lực lượng bảo vệ các tuyến giao thông, ngăn chặn bạo loạn ..v.v.. cũng phải ngang bằng với lực lượng ngoài mặt trận. Dễ hiểu là vì sao quần chúng ở hậu phương phát xít không nổi dậy. Không thể tin được rằng quần chúng trong vùng phát xít chiếm đóng, nhất là công nhân thành thị và nông dân nghèo, thích hay ủng hộ Franco; nhưng việc ngả sang phía hữu đã làm cho ưu thế của chính phủ cộng hòa giảm đi. Rõ nhất là trường hợp Morocco. Tại sao nhân dân Morocco không nổi dậy? Franco đang tìm cách thiết lập một nền độc tài khét tiếng nhất, thế mà người dân ở đấy lại ủng hộ nó chứ không ủng hộ chính phủ của Mặt trận Dân tộc! Sự thật là người ta đã không kích động cuộc khởi nghĩa ở Morocco vì làm như thế cũng có nghĩa là thổi bùng cách mạng vào cuộc chiến tranh. Muốn cho dân chúng tin tưởng vào sự trung thực của chính phủ cộng hòa thì việc đầu tiên là phải tuyên bố giải phóng cho Morocco. Chắc chắn là chính phủ Pháp sẽ phản đối. Một cơ hội mang tính chiến lược tuyệt vời nhất đã bị bỏ qua chỉ vì người ta vẫn nuôi hi vọng hão huyền rằng có thể xoa dịu được các nhà tư sản ở Anh và Pháp. Chính sách của cộng sản là biến cuộc chiến thành một cuộc nội chiến thông thường, mà không phải là chiến tranh cách mạng, nghĩa là chính phủ cộng hòa bị trói chân trói tay rất chặt. Muốn thắng cuộc chiến tranh kiểu đó thì phải có phương tiện kĩ thuật vượt trội, nghĩa là phải có nguồn cung cấp vũ khí vô giới hạn, nhưng Liên Xô là nước cung cấp vũ khí chủ yếu lại có hạn chế là ở xa quá trong khi Ý và Đức lại ở rất gần. Có thể khẩu hiệu của P.O.U.M. và lực lượng vô chính phủ: “Chiến tranh không tách rời với cách mạng” không đến nỗi thiếu thực tế như ban đầu người ta nghĩ.

Tôi đã giải thích vì sao tôi lại nghĩ chính sách phản cách mạng của cộng sản là sai, nhưng cũng hi vọng rằng tôi đã đánh giá không đúng về ảnh hưởng của nó đối với cuộc chiến. Tôi đã tự nhủ hàng ngàn lần như thế. Tôi chỉ mong chiến thắng, dù phải dùng bất cứ phương tiện nào. Nhưng dĩ nhiên là chúng ta không thể nói trước được bất cứ việc gì. Chính phủ có thể chuyển sang phía tả, người Morocco có thể tự nổi dậy, chính phủ Anh có thể quyết định mua chuộc để nước Ý rút khỏi cuộc chiến, mà cũng có thể chúng ta sẽ chiến thắng bằng các biện pháp quân sự - không ai có thể biết được. Tôi xin ghi lại các ý kiến bên trên, chỉ có thời gian mới trả lời được là tôi đúng hay sai mà thôi.

Nhưng tháng 2 năm 1937, tôi đã nhìn mọi việc với con mắt khác. Tôi phát chán vì cảnh ăn không ngồi rồi trên mặt trận Aragon và cái chính là tôi cho rằng mình không đóng góp đúng mức sức lực vào cuộc đấu tranh. Tôi thường nghĩ đến cái biểu ngữ ở Barcelona với những lời đòi hỏi gay gắt người qua đường “Bạn đã làm gì cho nền dân chủ” và tự nghĩ mình chỉ có thể trả lời: “Nhận khẩu phần ăn hàng ngày”. Khi tham gia lực lượng dân quân tôi đã tự hứa rằng phải giết cho bằng được một tên phát xít, nói cho cùng, nếu mỗi người chúng tôi đều giết được một tên thì chẳng mấy mà chúng sẽ tuyệt chủng. Cho đến nay, tôi vẫn chưa giết được tên nào và chắc là cũng khó có điều kiện giết trong tương lai. Tôi muốn đến Madrid, dĩ nhiên là như thế. Tất cả các binh sỹ, dù theo quan điểm chính trị nào, cũng đều muốn đến Madrid cả. Đây có thể là do người ta muốn tham gia vào các lữ đoàn quốc tế vì P.O.U.M. có rất ít quân ở Madrid, vô chính phủ cũng ít hơn trước đây.

Còn hiện nay thì phải ở lại trên chiến tuyến, nhưng tôi thường nói với mọi người rằng có thể sau khi đi phép tôi sẽ chuyển sang các lữ đoàn quốc tế, nghĩa là chịu sự chỉ huy của cộng sản. Nhiều người cố gắng thuyết phục tôi, nhưng không ai can thiệp. Phải công nhận rằng P.O.U.M. không đàn áp những người bất đồng chính kiến, thậm chí còn tỏ ra độ lượng nếu xét đến hoàn cảnh lúc đó; trừ bọn thân phát xít, không ai bị đàn áp vì quan điểm chính trị. Trong thời gian ở trong dân quân, tôi đã nhiều lần chỉ trích và chỉ trích một cách quyết liệt “đường lối” của P.O.U.M., nhưng không hề bị rắc rối gì. Không ai ép tôi phải ra nhập đảng, mặc dù theo tôi nghĩ đa số dân quân đều là đảng viên. Tôi không bao giờ vào đảng, sau này, khi P.O.U.M. bị đàn áp tôi vẫn lấy làm ân hận mãi vì chuyện đó.

Trong khi đó, hàng ngày, đúng hơn là hàng đêm vẫn phải làm nhiệm vụ một cách bình thường. Tuần tra, canh gác, đào hào; bùn, mưa, gió rít và đôi khi có tuyết. Mãi đến trung tuần tháng 4, ban đêm mới thực sự đỡ rét. Thời tiết tháng ba trên cao nguyên ở đây khá giống ở Anh, cũng bầu trời xanh nhạt và những trận gió giật từng hồi. Những ruộng lúa mạch cao khoảng một gang tay, trên cánh anh đào những nụ non màu hồng cũng bắt đầu lấp ló (chiến hào ở đây đi ngang qua những vườn anh đào và vườn trồng rau bỏ hoang) và nếu chịu khó tìm, ta sẽ thấy những nhánh hoa vi-ô-lét và một loại cây dạ lan hương đại trông như hoa chuông tròn. Ngay đằng sau chiến hào của chúng tôi có một dòng suối nhỏ, nước trong xanh, đây là dòng nước trong duy nhất mà tôi thấy kể từ ngày ra mặt trận. Một hôm tôi phải nghiêng rặng lại để lội xuống nước, đã sáu tuần nay tôi không được tắm. Có thể gọi là tắm vội vì nhiệt độ chỉ cao hơn không độ một chút, lạnh không khác gì nước đá.

Mọi việc vẫn như cũ, tuyệt đối không có gì xảy ra cả. Mấy người Anh ở đây bắt đầu nói với nhau rằng đây không phải là chiến tranh mà chỉ là một vở kịch câm đẫm máu mà thôi. Bọn phát xít khó mà bắn thẳng đến chỗ chúng tôi. Chỉ có mấy viên đạn lạc là nguy hiểm, nhất là ở những chỗ chiến hào ăn sâu vào phía bên địch, đạn có thể đến từ tất cả các hướng. Tất cả các trường hợp thương vong trong giai đoạn này đều là do đạn lạc cả. Arthur Clinton bị trúng một viên không biết từ đâu tới, làm vỡ cả vai phải và liệt cánh tay, tôi sợ là tay anh ta sẽ bị hỏng vĩnh viễn. Pháo binh ít khi khai hoả, mà có bắn cũng chẳng tác dụng gì. Chúng tôi coi tiếng réo và tiếng nổ của đạn đại bác như một trò giải trí. Chưa bao giờ bọn phát xít bắn trúng được bờ công sự của chúng tôi. Cách chiến hào của chúng tôi chừng vài trăm mét về phía sau có một trang trại gọi là La Garja với những ngôi nhà rộng rãi vừa được dùng làm kho, vừa được dùng làm chỗ đóng quân của ban chỉ huy và nhà bếp. Đây là mục tiêu của bọn phát xít, nhưng chúng ở cách xa từ năm đến sáu cây số, thành ra chỉ có thể làm vỡ kính cửa sổ hay gây ra một vài vết lõm trên tường mà thôi. Chỉ nguy hiểm nếu bị bắn lúc đang đi, đạn sẽ nổ ở cả hai bên đường. Chúng tôi đã nắm được gần như ngay lập tức nghệ thuật chỉ nghe tiếng đạn réo đã biết nó sẽ rơi xa hay gần. Đạn của bọn phát xít thời kì này rất dở. Pháo 150mm mà chỉ khoét được một cái hố đường kính chừng một mét tám và sâu chừng một mét hai; rồi cứ bốn quả đã có ít nhất một quả không nổ. Người ta thường kể những câu chuyện về công tác phá hoại trong nhà máy của bọn phát xít và nói rằng những quả đạn không nổ là vì công nhân không nạp thuốc súng mà lại nhét vào đó mảnh giấy có chữ: “Hồng quân”, nhưng tôi chưa bao giờ thấy quả nào như thế. Sự thật là đạn đã quá cũ, có người đã tháo nắp đáy và nhìn thấy hàng chữ đóng bên trên: 1917. Súng của bọn phát xít cũng cùng loại và cùng cỡ với súng của chúng tôi, cho nên những quả không nổ thường được tái chế và bắn trở lại. Người ta còn nói rằng có một viên đạn, được đặt tên đảng hoàng, ngày nào cũng được bắn qua bắn lại suốt mà không nổ.

Ban đêm người ta thường đưa những đội tuần tra nhỏ tiến sát chiến hào của bọn phát xít để nghe ngóng động tĩnh (kèn hiệu, còi ô tô...) để dự đoán hoạt động ở Huesa. Các đơn vị phát xít di chuyển thường xuyên, những vụ nghe lén như thế có thể giúp tính toán được quân số của chúng. Chúng tôi được lệnh phải đặc biệt chú ý nghe tiếng chuông nhà thờ. Trước khi ra trận, bao giờ bọn phát xít cũng đi lễ nhà thờ. Ở giữa cánh đồng và các vườn cây thường có những

túp lều hoang, tường đắp bằng đất. Che kín cửa sổ và dùng một que diêm để soi, đôi khi ta có thể tìm được những thứ có giá trị, thí dụ như một con dao phay hay bi đông đựng nước của bọn phát xít (tốt hơn của chúng tôi và rất có giá). Chúng tôi đi tuần cả vào ban ngày, nhưng phải bò. Một cảm giác thật kì lạ dâng lên trong lòng khi tôi bò qua những cánh đồng màu mỡ, bỏ hoang, nơi mọi vật dường như đã đông cứng lại ngay giữa mùa thu hoạch. Vụ mùa năm ngoái không được ai đoái hoài tới. Những cành nho không được cắt tỉa bỏ lều ngều trên mặt đất, lõi ngô trên thân cây cứng như đá, củ cải và củ cải đường đầy sơ bên ngoài, cứng chẳng khác gì gỗ. Chắc chắn là nhân dân oán trách quân đội cả hai bên. Thỉnh thoảng chúng tôi lại cử mấy chiến sỹ đi đào khai tây. Cách chỗ chúng tôi chừng hai cây số về bên phải, nơi chiến hào hai bên tương đối gần nhau, có một cánh đồng khoai tây. Chúng tôi thường ra đó đào vào ban ngày còn bọn phát xít thì đào ban đêm vì súng máy của chúng tôi giữ thế thượng phong ở đây. Một đêm, bọn phát xít đi cả đoàn và đào sạch, làm chúng tôi rất bức bối. Chúng tôi tìm được một cánh đồng khác, xa hơn, nhưng chỗ đó không có gì che chắn cả, muốn đào phải nằm sát bụng xuống đất, rất mỏi. Nếu bọn phát xít phát hiện được thì phải nằm thẳng ra, y như con chuột chui qua khe cửa vậy. Đạn sẽ cày tung đám đất cách đó vài mét. Nhưng đấy là việc đáng làm. Khoai tây rất hiếm. Trong nhà bếp, một bao khoai tây có thể đổi được một bi đông cà phê đầy.

Vẫn chẳng có gì xảy ra cả, thậm chí có vẻ như chẳng thể nào xảy ra bất cứ chuyện gì. “Bao giờ thì chúng ta sẽ tấn công?”. “Tại sao chúng ta không tấn công?”, đấy là những câu hỏi được nghe thường xuyên, đêm cũng như ngày, cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh ở đây đều nói. Người ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy binh lính muốn đánh nhau, mà chắc chắn là họ muốn thế thật. Trong chiến hào, người lính chỉ mong có ba thứ: đánh nhau, thuốc lá và một tuần nghỉ phép. Chúng tôi đã được trang bị tốt hơn trước. Mỗi người đã được phát một trăm năm mươi chứ không phải năm mươi viên đạn nữa, dần dà rồi ai cũng được phát lưỡi lê, mũ sắt và vài quả lựu đạn. Ngày nào cũng có tin đồn về trận đánh sắp tới. Nhưng tôi lại nghĩ rằng người ta cố tình tung tin như thế để giữ vững tin thần binh sỹ. Không cần có nhiều hiểu biết về quân sự cũng có thể nhận thức được rằng không thể có những trận đánh lớn ở mặt trận này của Huesca, ít nhất là trong thời gian trước mắt. Con đường đi Jaca, ở phía bên kia thành phố, mới là mục tiêu chiến lược. Một thời gian sau, khi các lực lượng vô chính phủ tấn công vào quốc lộ đi Jaca thì chúng tôi được giao nhiệm vụ “cầm chân” và kéo lực lượng phát xít về phía mình.

Trong suốt gần sáu tuần lễ, trên khu vực chúng tôi chỉ có mỗi một cuộc tấn công duy nhất. Đây là tiểu đoàn xung kích của chúng tôi tấn công Manicomio, một nhà thương điên bỏ hoang được quân phát xít biến thành pháo đài. Trong lực lượng của P.O.U.M. có mấy trăm người tị nạn người Đức. Họ được phiên chế thành một tiểu đoàn đặc biệt, gọi là tiểu đoàn xung kích. Xét từ quan điểm quân sự thì họ khác hẳn các đơn vị dân quân còn lại và có đáng đắp nhà binh hơn tất cả các đơn vị khác ở Tây Ban Nha, nếu không kể lực lượng cảnh sát vũ trang và một vài đơn vị của các binh đoàn quốc tế. Cuộc tấn công đã thất bại, như thường lệ. Có bao nhiêu cuộc tấn công của quân chính phủ không thất bại, tôi tự hỏi. Tiểu đoàn xung kích đã chiếm được Manicomio bằng một cuộc xung phong, nhưng đơn vị, tôi không nhớ thuộc lực lượng nào, yểm trợ cho họ đã không chiếm được cao điểm có thể khống chế được Manicomio. Viên đại úy chỉ huy trận đánh vốn là một sỹ quân đội cũ, khó mà tin được lòng trung thành của những người đó, nhưng chính phủ vẫn sử dụng họ. Không hiểu là do hoảng loạn hay phản bội mà anh ta đã

bảo động cho bọn phát xít bằng cách ném một quả lựu đạn khi còn cách vị trí của chúng những hai trăm mét. Tôi cảm thấy thích thú khi biết rằng anh ta đã bị binh lính dưới quyền bắn chết ngay tại trận. Nhưng trận tấn công đã mất tính bất ngờ, dân quân đã bị hỏa lực mạnh bắn gục hàng loạt và buộc phải rút lui; tối hôm đó tiểu đoàn xung kích cũng buộc phải bỏ Manicomio. Xe cứu thương nối đuôi nhau trên con đường đầy ổ gà đi Sietamo, một số thương binh nặng đã bị chết vì những ổ gà, ổ voi trên con đường này.

Tất cả chúng tôi đều bắt đầu có rận, mặc dù đối với người thì vẫn còn rét, nhưng rận đã có thể sống được rồi. Tôi đã gặp đủ thứ sâu bọ, nhưng chưa từng thấy loài nào kinh tởm như là rận. Những loài khác, thí dụ như muỗi, cắn đau hơn nhưng chúng không sống ngay trên cơ thể. Rận trông giống như con tôm nhỏ và thường chui vào quần áo. Trừ phi đốt hết quần áo, còn thì không có cách nào thoát được bọn chúng. Những cái trứng màu trắng, trông như những hạt gạo bé xíu, bám vào các đường chỉ và chỉ mấy ngày là đã sinh ra một đàn một lũ mới. Tôi nghĩ những người phản chiến nên phóng to hình một chú rận và in thêm vào các tờ rơi của họ. Chiến tranh là như thế đấy! Trong chiến tranh, tất cả binh lính đều có rận hết, chí ít là khi trời ấm. Dù chiến đấu ở đâu, bên cạnh pháo đài Verdun, hay trên cánh đồng Waterloo, ở Flodden, hay ở Senlac, hoặc ở Thermopylae, ở đâu thì trong háng mỗi người lính cũng có vài chú rận đang bò. Chúng tôi giết chúng bằng cách hơ quần áo trên bếp và tắm mỗi khi có điều kiện. Nếu không có rận thì chẳng ai có thể bắt được tôi lội xuống sông giữa mùa băng giá như thế này.

Mọi thứ: giày, quần áo, thuốc lá, xà phòng, diêm, dầu ăn đều sắp hết. Quần áo đồng phục rách tả tơi, nhiều người không còn giày, đành phải mang dép đế tết bằng dây thừng. Giày rách xếp thành đống khắp nơi. Có lần chúng tôi đốt hai ngày liền mới hết số giày cũ, hoá ra đấy là một loại nhiên liệu không tồi. Lúc này vợ tôi đang ở Barcelona, cô thường gửi cho tôi trà, kẹo sôcôla và cả thuốc lá nữa, đấy là nói nếu mua được. Ngay cả ở Barcelona cũng có tình trạng khan hiếm, nhất là thuốc lá. Trà là của quý, sữa thì đừng có mong, đường đôi khi mới được phát. Ở Anh người ta vẫn thường xuyên gửi quà sang, nhưng chúng tôi không bao giờ được nhận; thức ăn, quần áo, thuốc lá, nếu không bị bưu điện trả về thì cũng bị tịch thu ở Pháp. Xin kể một câu chuyện vui: Kho quân nhu của Hải quân là nơi duy nhất đã gửi được cho vợ tôi mấy gói chè và một lần còn gửi được cả một hộp bánh quy. Tội nghiệp quá! Họ đã thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, nhưng có lẽ họ sẽ mừng hơn nếu mấy món đó rơi vào tay binh lính của Franco bên kia chiến tuyến. Thiếu thuốc lá là khó chịu nhất. Thời kì đầu chúng tôi được phát một bao, sau đó là tám điếu, rồi năm điếu mỗi ngày. Mười ngày cuối cùng không có điếu nào. Đấy là lần đầu tiên tôi thấy, là nói Tây Ban Nha chứ ở London thì ngày nào cũng có, cảnh người ta phải kiếm đầu mẩu vút đi để hút.

Cuối tháng ba tôi bị một cái nhọt ở tay, phải mổ, cánh tay treo ngang vai. Tôi phải đi viện, nhưng Sietamo thì xa quá cho nên người ta đưa tôi đến “binh trạm” Monflorite, mà thực chất chỉ là một trạm băng bó tạm thời. Tôi ở lại đây mười ngày, có nhiều lúc nằm bẹp trên giường. Các thực tập sinh (y tá của trạm) đã ăn cắp gần hết các thứ có giá trị, kể cả ảnh và máy ảnh của tôi. Ngoài mặt trận thì ai cũng ăn cắp cả, đấy là do thiếu thốn quá mà ra, nhưng nhân viên bệnh viện ăn cắp dã man nhất. Sau này, khi nằm trong bệnh viện ở Barcelona tôi có gặp một người Mỹ đến Tây Ban Nha trên một con tàu để tham gia vào binh đoàn quốc tế. Tàu của anh ta bị tàu ngầm Ý đánh chìm, thế mà theo lời anh ta, sau khi lên bờ, các nhân viên ý tế còn kịp tháo chiếc

đồng hồ đeo tay trong khi khiêng cáng của anh ta vào xe cứu thương.

Tay vẫn còn đau, vẫn phải treo ngang người mà tôi đã đi lang thang mấy ngày liền xung quanh Monflorite. Thật là tuyệt vời! Monflorite là một làng bình thường với những ngôi nhà tường làm bằng đất hoặc xây bằng đá, những con đường hẹp ngoằn ngoèo, đầy xe tải trông như những miệng núi lửa trên mặt trăng vậy. Ngôi nhà thờ cũ nát được dùng làm kho quân dụng. Cả khu vực chỉ có hai trang trại tương đối lớn, gọi là Torre Lorenzo và Torre Fabián, và hai toà nhà khá to, chắc là nhà của mấy gia đình địa chủ. Cảnh giàu sang của họ thật là tương phản với những túp lều tồi tàn của nông dân xung quanh. Ngay cạnh dòng sông, không xa phòng tuyến, có một chiếc cối xay gió lớn, bên cạnh cũng có một ngôi nhà. Thật là xấu hổ khi thấy những cỗ máy đắt tiền bị để cho thành han gỉ còn những tấm ván lát nền thì bị bóc ra làm củi đun. Sau này, để có củi đun, các đơn vị ở hậu phương đã cho xe đến dỡ sạch cả khu vực này. Người ta thường phá nền bằng cách cho nổ một trái lựu đạn. La Granja, nhà kho và bếp ăn của chúng tôi, có lẽ một thời từng là nữ tu viện. Trên một khu đất khoảng một ngàn mét vuông có một cái sân và mấy ngôi nhà, có cả chuồng ngựa nhốt được từ ba mươi đến bốn mươi con. Nhà dân ở khu vực này không có gì đặc biệt về mặt kiến trúc; nhưng nhà trong các trang trại, được xây bằng đá và đất sét với những mái vòm hình tròn và những cái rầm cực lớn trông khá đẹp. Có lẽ những ngôi nhà này được xây theo mẫu có từ hàng trăm năm trước. Thấy cách dân quân sử dụng những căn nhà này, đôi khi trong lòng ta cũng nảy sinh tình cảm, dù bất giác, với những tên phát xít chủ nhân của chúng. Ở La Granja, phòng nào không có người ở đều trở thành nhà xí hết, đồ gỗ gãy và cút dái trông đến rợn người. Tường ngôi nhà thờ nhỏ bên cạnh thì đầy vết đạn, còn nền thì cút đóng dày cả gang tay. Cái sân lớn, nơi các anh nuôi thường chia cơm, cũng đầy vỏ đồ hộp, bùn, cút ngựa, thức ăn thiu. Tự nhiên tôi nhớ một bài mà binh lính trước đây thường hát:

Chuột cống, chuột cống,

To như con mèo,

Trong kho quân nhu!

Ở La Granja, chuột đúng là to chẳng khác gì mèo, béo múp míp, suốt ngày lượn lờ trên những đồng rác, dạn đến nỗi phải nổ súng thì may mới xua được chúng đi.

Mùa xuân thực sự đã về. Màu xanh da trời dường như dịu hơn, không khí như bỗng có mùi hương vậy.Ếch kêu inh ỏi. Tôi bắt được mấy con ếch màu xanh, to chỉ bằng đồng xu ở gần hồ nước vẫn dùng cho la uống. Da của nó xanh biếc và óng ánh còn hơn cả lá cây. Mấy chú nhóc, con những người nông dân còn ở lại đây mang xô đi bắt ốc sên rồi nướng ngay trên tấm sắt tây. Trời vừa ấm là nông dân đã ra đồng cày rồi. Cuộc cải cách nông nghiệp ở Tây Ban Nha khó hiểu đến nỗi tôi cũng chẳng biết là ruộng đất đã được tập thể hoá hay là nông dân tự chia ruộng với nhau. Tôi nghĩ rằng vì đây là vùng do P.O.U.M. và quân vô chính phủ kiểm soát cho nên về mặt lí thuyết ruộng đất đã được tập thể hoá. Dù sao thì cũng không còn địa chủ nữa, ruộng đất vẫn được cày cấy, còn nông dân thì tỏ ra phấn khởi. Tôi không khỏi ngạc nhiên trước tình cảm của người nông dân đối với chúng tôi. Đối với những người lớn tuổi, chiến tranh chỉ là một việc nhảm nhí, là thiếu thốn đủ thứ, cuộc sống chẳng có gì vui nữa; đấy là chưa nói, ngay

cả những lúc thuận lợi nhất người nhà quê cũng không muốn có binh lính đóng trong làng. Thế nhưng họ luôn tỏ ra hữu hảo, tôi nghĩ rằng về mặt nào đó họ không ưa chúng tôi, nhưng chúng tôi là người bảo vệ họ khỏi những tên địa chủ cũ. Nội chiến bao giờ cũng đầy chuyện lạ. Huesa chỉ cách đây chừng mười cây số, người nông dân ở đây vẫn vào đấy mua bán, thân nhân của họ sống trong đó, tuần nào họ cũng vào đó bán gà và rau tươi. Thế mà đã tám tháng nay một hàng rào dây kẽm gai và súng máy đã chia vùng này thành hai nửa, không ai ra vào được thành phố nữa. Thế mà đôi khi họ cũng quên. Có lần, khi nói chuyện với một bà lão đang cầm một cái đèn sắt tây dùng để thắp bằng dầu ôliu, tôi buột miệng hỏi: “Mua cái này ở đâu?”. Bà lão đáp, không cần suy nghĩ: “Ở Huesa”, rồi cả hai cùng phá lên cười. Những cô thôn nữ xinh đẹp, tóc đen huyền, bước nhún nhảy, cư xử tự nhiên, thẳng thắn, có lẽ đấy là sản phẩm của cách mạng.

Mấy anh nông dân quần áo cũ nát; thường là áo sơ mi xanh, quần nhung đen, đội mũ rơm rộng vành, cầm cày đi sau mấy con la liên tục vẩy tai. Cày của họ đã quá cũ, chỉ đủ làm xước đất chứ không thể tạo được cái mà ta quen gọi là luống cày. Tất cả công cụ sản xuất của họ đều đã quá cũ, đấy là do giá sắt thép quá đắt mà ra. Thí dụ, khi lưỡi cày bị gãy thì người ta phải đem đắp lại, lần sau gãy lại đắp, cho đến khi chỉ còn là những miếng vá mới thôi. Cào và cò leo toàn làm bằng gỗ. Nông dân ít khi có giày, họ không biết xẻng là gì; họ đào đất bằng những cái cuốc chẳng khác gì người Ấn Độ. Ở đây có những cái bừa trông như có từ thời đồ đá vậy. Đấy là những tấm ván ghép vào nhau, to bằng cái bàn ăn, mỗi tấm được khoét hàng trăm lỗ, mỗi lỗ nhét một viên đá được mài như người ta đã từng mài cách đây cả chục ngàn năm trước. Tôi vẫn nhớ cảm giác hốt hoảng khi nhìn thấy mấy thứ này trong một ngôi nhà bỏ hoang giữa vùng đất tranh chấp. Tôi đã xem xét nó rất lâu trước khi hiểu rằng đấy là một cái bừa. Tôi cảm thấy choáng váng khi nghĩ đến khối lượng công việc mà người ta đã bỏ ra và cái nghèo đã buộc người ta phải dùng đá chứ không thể dùng sắt để làm lưỡi bừa. Tôi có thiện cảm hơn với quá trình công nghiệp hoá kể từ đấy. Thế mà trong làng lại có đến hai cái máy kéo hiện đại, chắc chắn là do người ta tịch thu được của mấy tay địa chủ giàu có ở đâu đó.

Tôi có đến khu nghĩa trang nhỏ, có hàng rào, cách làng chừng hai cây số, một đôi lần. Những người chết trận thường được đưa về Sietamo, đây là nghĩa địa của làng. Trông khác hẳn nghĩa địa ở Anh. Không có một sự kính trọng nào đối với người quá cố! Mồ mả đầy bụi cây và cỏ dại, xương người nổi lên khắp nơi. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất là không thấy có một dấu hiệu tôn giáo nào trên bia mộ, mặc dù đây là những ngôi mộ có từ trước cách mạng. Tôi nhớ chỉ một lần nhìn thấy câu: “Hãy cầu nguyện cho hương hồn...”, tức là câu thường gặp trên các bia mộ của người Công giáo. Đa số bia mộ đều viết những câu thuộc về thể tục, phần lớn là những bài về ca ngợi đức hạnh của người quá cố. Bốn, năm ngôi mộ mới có một ngôi có dấu chữ thập hay một kí hiệu gì đó nhắc đến Thượng Đế; nhưng tất cả đều đã bị một kẻ vô thần nào đó dùng đục bóc hết đi rồi.

Điều làm tôi kinh ngạc nhất là dân chúng ở đây hoàn toàn không có tình cảm tôn giáo, tôi muốn nói cái tình cảm chính thống, như những ngày xa xưa. Đáng chú ý là suốt thời gian ở Tây Ban Nha, tôi không thấy ai làm dấu thánh giá, những động tác như thế tưởng chừng đã thành bản năng, cách mạng hay không thì cũng vậy mà thôi. Chắc chắn là nhà thờ Tây Ban Nha sẽ quay trở lại (như câu ngạn ngữ: Ban đêm người dòng Tên sẽ quay trở về), nhưng không nghi ngờ gì rằng nhà thờ đã sụp đổ ngay khi cách mạng vừa bùng lên. Tôi nghĩ rằng nếu xảy ra

những hoàn cảnh tương tự thì nhà thờ Anh, tuy đã suy tàn lắm rồi, cũng sẽ không thể suy sụp đến như thế được. Đối với người Tây Ban Nha, ít nhất là đối với vùng Catalonia và Aragon, nhà thờ chỉ còn là biểu tượng của sự lừa gạt. Ở một mức độ nào đó, niềm tin Thiên chúa giáo đã được thay thế bằng chủ nghĩa vô chính phủ, ảnh hưởng của nó cũng khá rộng và cũng mang màu sắc tôn giáo từ lâu.

Đúng hôm tôi ra viện thì chúng tôi đưa chiến hào tiến lên được chừng một ngàn mét, dọc theo một dòng suối nhỏ, cách chiến hào quân phát xít chừng vài trăm mét. Việc này đáng lẽ phải làm cách đây cả mấy tháng. Hiện nay mới làm là vì quân vô chính phủ đang tấn công vào quốc lộ đi Jaca, chúng tôi tiến lên nhằm thu hút bớt lực lượng địch về phía mình.

Chúng tôi đã thức suốt sáu mươi hay bảy mươi tiếng đồng hồ liền, kí ức trở nên mờ mịt, nói chính xác hơn là trở thành những hình ảnh rời rạc. Tôi nhớ đã cùng tham gia nghe trộm trên vùng đất tranh chấp, cách nông trại có tên là Casa Francesa khoảng một trăm mét. Trang trại này đã biến thành một cứ điểm trên phòng tuyến của bọn phát xít. Chúng tôi nằm suốt bảy tiếng đồng hồ trong đám bùn nhão nhoét, sặc mùi lau sậy thối. Tôi vẫn còn nhớ mùi lau sậy thối rữa, nhớ cái rét thấu xương, nhớ những ngôi sao bất động giữa đêm đen, nhớ tiếng ếch kêu inh ỏi. Mặc dù đã sang tháng tư, nhưng tôi cho là đây là một đêm lạnh nhất ở Tây Ban Nha. Phía sau, cách đây chỉ một trăm mét, mọi người đang hối hả đào hào, nhưng vẫn không nghe thấy gì ngoài tiếng ếch kêu. Suốt đêm tôi chỉ nghe thấy một tiếng động duy nhất, đấy là tiếng xẻng đập lên bao tải cát. Thật thú vị, đôi khi người Tây Ban Nha cũng có ý thức tổ chức ra phết! Toàn bộ công việc đã được tổ chức rất khéo. Trong vòng bảy tiếng đồng hồ, sáu trăm con người đã đào được hai trăm mét giao thông hào với đầy đủ bờ công sự, mà lại chỉ cách phòng tuyến quân thù từ 150 mét đến 300 mét. Bọn phát xít không nghe thấy gì, suốt đêm chỉ có một người bị thương. Hôm sau, dĩ nhiên là có nhiều thương vong hơn. Mỗi người đều có nhiệm vụ rõ ràng, thậm chí anh nuôi đã kịp mang đến mấy thùng rượu vang có pha brandy ngay khi công việc vừa kết thúc.

Trời sáng, bọn phát xít bất ngờ phát hiện được rằng chúng tôi đã ở ngay trước mũi chúng. Chúng tôi còn cách Casa Francesa khoảng hai trăm mét, nhưng mấy ngôi nhà màu trắng trông như treo ngay trên đầu, những khẩu súng máy sau mấy bao cát từ cửa sổ tầng hai như nhắm thẳng vào giao thông hào của chúng tôi. Chúng tôi đứng nhìn, miệng há hốc, tự hỏi vì sao bọn phát xít không thấy chúng tôi, thì bất thành linh đạn bắn như vãi trấu. Mọi người vội vàng quỳ xuống, đào lấy đào để, vừa đào sâu thêm giao thông hào vừa đào những công sự nhỏ sang hai bên. Tay vẫn còn đeo băng, không đào được, tôi đọc sách suốt ngày hôm đó, đấy là cuốn tiểu thuyết trinh thám Người cho vay lãi mất tích. Tôi không còn nhớ nội dung, nhưng tôi nhớ rõ cảm giác lúc ngồi đọc: đất sét nền chiến hào ẩm ướt, thỉnh thoảng lại phải co chân vào để tránh đường cho người ta đi và tiếng đạn réo ngay trên đầu. Thomas Parker bị một viên đạn xuyên qua phía trên bắp đùi, anh ta bảo chuyện đó vượt ra ngoài mọi tính toán. Có thương vong trên toàn tuyến, nhưng nếu bọn phát xít phát hiện được từ ban đêm thì thương vong sẽ lớn hơn nhiều. Sau này, mấy tên đào ngũ khai rằng năm lính gác phát xít đã bị bắn vì tội lơ là nhiệm vụ. Nhưng ngay cả lúc này, nếu biết kéo đến đây mấy khẩu súng cối thì chúng vẫn có thể làm thịt hết chúng tôi. Khiêng thương binh trong chiến hào vừa chật vừa đông người là việc khá khó khăn. Tôi đã nhìn thấy một thương binh, quần đầm máu, đau quá, lăn lộn đến nỗi rơi khỏi cáng.

Thương binh phải cáng khá xa, khoảng một cây số rưỡi hay hơn vì ngay cả nếu có đường, xe cứu thương cũng không bao giờ dám đến quá gần chiến tuyến. Bọn phát xít sẽ bắn ngay nếu thấy xe cứu thương đến gần, chúng làm thế cũng có lí vì trong cuộc chiến tranh hiện đại chẳng có ai áy náy khi đem xe cứu thương đi tải đạn.

Đêm hôm sau chúng tôi ngồi chờ lệnh tấn công ở Torre Fabián. Nhưng rồi quyết định bãi bỏ cuộc tấn công được truyền qua máy bộ đàm vào phút chót. Cái kho, nơi chúng tôi ngồi đợi lệnh được trải một lớp rơm mỏng, bên dưới đầy các thứ xương, cả xương người lẫn xương bò. Chuột cống chạy loạn xạ, chúng lao vào trong nhà từ khắp các hướng. Tôi ghét nhất là trong bóng tối mà bị mấy con chuột chạy lên người. Tôi rất khoái khi đá trúng một con thật mạnh làm nó bay tít ra xa.

Chúng tôi ngồi đợi, cách bờ công sự của bọn phát xít khoảng năm mươi đến sáu mươi mét. Một dãy dài các chiến sỹ lom khom dưới chiến hào xâm xấp nước, trong màn đêm chỉ nhìn thấy mũi lưỡi lê và con người lấp lánh mà thôi. Sau lưng chúng tôi là Kopp và Benjamin và một liên lạc viên đeo máy bộ đàm trên lưng. Phía Tây, thỉnh thoảng lại thấy những ánh chớp màu hồng và sau đó mấy giây là tiếng nổ đình tai nhức óc của đạn đại bác. Có tiếng loẹt xoẹt của máy bộ đàm và tiếng thì thầm ra lệnh rút lui trong khi còn kịp. Chúng tôi rút, nhưng không được nhanh lắm. Mười hai chú nhóc tội nghiệp của J.C.I. (Liên đoàn Thanh niên của P.O.U.M., trong lực lượng dân quân của P.S.U.C. được gọi là J.C.I.) nằm chỉ cách chiến hào phát xít chừng bốn chục mét, không biết là trời sắp sáng, không kịp rút lui. Họ phải nằm ở đấy suốt một ngày, chỉ có mấy nắm cỏ làm lá ngụy trang, trong khi chỉ cần động đậy một chút là bọn phát xít đã bắn như vãi đạn rồi. Đến chiều có bảy người hi sinh, năm người bò được về khi đêm xuống.

Nhiều ngày sau chúng tôi còn nghe thấy âm thanh của những cuộc tấn công của quân vô chính phủ ở mặt trận phía bên kia Huesa. Lúc nào cũng là những âm thanh đó: bất thành linh, trước khi trời rạng sáng, là một loạt tiếng nổ của hàng chục quả đại bác – dù ở rất xa nhưng tiếng nổ nghe như muốn xé màng nhĩ - rồi đến tiếng nổ không ngừng nghỉ của súng trường và súng máy, những âm thanh rền vang, nặng nề nghe như tiếng trống ngũ liên. Dần dần cả mặt trận xung quanh Huesa đều vang lên tiếng súng, chúng tôi đứng, lưng dựa vào thành công sự, gật gà ngủ, mặc kệ tiếng đạn nổ phía trên đầu.

Ban ngày, đạn đại bác thường nổ dồn từng chập. Torre Fabián, bây giờ là nhà ăn của chúng tôi, đầy vết đạn và đã bị sập vài chỗ. Thật lạ là nếu đứng ở xa mà nhìn thì bao giờ ta cũng muốn đạn rơi trúng mục tiêu, ngay cả ở đấy có những người đồng đội và bữa ăn trưa của ta. Sáng nay bọn phát xít bắn khá chính xác, cũng có thể đấy là mấy xạ thủ người Đức. Chúng bắn hai phát, một phát xa hơn, một phát gần hơn để chính cự li và phát thứ ba thì bắn trúng mục tiêu. Xà gồ, tấm lợp bị bắn tung lên không trung như những quân bài. Phát thứ tư cắt gọn hẳn một góc nhà, trông chẳng khác gì có một người khổng lồ cầm dao xén vậy. Thế mà các anh nuôi vẫn cho ăn đúng giờ, thật là một kì công.

Chỉ sau mấy ngày, dù không nhìn thấy, nhưng chỉ nghe tiếng nổ là chúng tôi đã có thể phân biệt được từng khẩu súng. Có hai khẩu đội 75-mm do Nga sản xuất, bắn từ khoảng cách khá gần, không hiểu sao mỗi lần nghe thấy tiếng nổ là trong đầu tôi lại xuất hiện hình ảnh một anh chàng béo đang chơi golf. Đây là lần đầu tiên tôi thấy, đúng hơn là nghe thấy, đại bác của Nga.

Đạn bay thấp với tốc độ rất cao, tiếng đầu nòng, tiếng rít và tiếng nổ của quả đạn xảy ra gần như cùng một lúc. Phía bên kia Monflorite có hai khẩu pháo hạng nặng, mỗi ngày chỉ bắn mấy phát, tiếng nổ trầm và nghẹn như tiếng rống của một con quái vật bị xích. Trên ngọn núi Aragon có một pháo đài xây từ hồi Trung cổ, quân đội chính phủ đã chiếm được bằng một cuộc tấn công vào năm ngoái (người ta nói rằng đây là lần đầu tiên nó bị thất thủ), pháo đài này bảo vệ một trong những con đường đi Huesa, có một khẩu pháo hạng nặng chắc chắn là được sản xuất từ thế kỉ XIX. Những viên đạn nặng nề của nó bay chậm đến nỗi có cảm tưởng như chẳng nhanh hơn người ta chạy là mấy. Tiếng rít của nó nghe như có người vừa đi xe đạp vừa huýt gió. Súng cối tầm ngắn, tuy nhỏ, nhưng nổ khủng khiếp nhất. Đạn súng cối trông như những quả thủy lôi có cánh, to bằng cái chai một lít, đầu nhọn như phi tiêu. Tiếng gầm rít chát chúa của nó nghe như một quả cầu gang giòn rơi lên đe và vỡ tan thành hàng trăm mảnh. Đôi khi máy bay của chúng tôi cũng thả xuống vài quả bom, cách vài cây số tiếng nổ còn làm cho mặt đất rung lên bần bật. Đạn phòng không của bọn phát xít bắn lên nhiều đến nỗi khói cuộn lại thành những đám mây nhỏ trên nền trời, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng cách máy bay dưới một cây số. Khi máy bay bổ nhào để bắn thì tiếng súng máy bên dưới nghe dồn dập chẳng khác gì tiếng vỗ cánh của một đàn chim cực lớn.

Khu vực của chúng tôi vẫn gần như chẳng có động tĩnh gì. Cách chúng tôi chừng hai trăm mét về bên phải có một cao điểm của bọn phát xít, lính bắn tỉa của chúng đã làm mấy người của chúng tôi bị thương. Cách chúng tôi cũng chừng hai trăm mét về bên trái có một cái cầu, ở đây đã diễn ra trận đấu súng giữa súng cối của bọn phát xít và toán chiến sỹ đang dùng xi măng để xây chiến lũy ngay trên cầu. Những viên đạn nhỏ rú rít trên không, bùm! bùm! tiếng nổ trên đường nhựa nghe càng khủng khiếp gấp bội. Cách khoảng một trăm mét, tức là trong vùng an toàn, có thể thấy khói và đất đá tung lên như những chiếc nấm khổng lồ. Mấy anh chàng khốn khổ trên cầu gần như phải ngồi cả ngày trong hầm trú ẩn đào vội cạnh bờ chiến hào. Nhưng số thương vong không lớn như người ta có thể nghĩ, chiến lũy vẫn được xây cao thêm từng ngày. Cuối cùng, họ đã xây được một bức tường dày khoảng nửa mét, có lỗ châu mai cho hai khẩu súng cối và một khẩu súng máy. Cốt thép là những thanh sắt lấy từ mấy chiếc giường cũ.

Buổi chiều Benjamin bảo anh ta cần mười lăm người tình nguyện. Cuộc tấn công vào vị trí của bọn phát xít, đã bị huỷ bỏ lần trước, sẽ được khởi động lại vào đêm nay. Tôi lau dầu lại mười viên đạn do Mexico sản xuất, bôi đen nòng súng đi (khi có ánh sáng nó có thể phản quang làm lộ vị trí) rồi cho vào ba lô một cái bánh mì, một khoanh xúc xích đỏ, một miếng xì gà, do bà xã gửi từ Barcelona tới từ khá lâu rồi. Mỗi người được phát ba quả lựu đạn. Cuối cùng, chính phủ Tây Ban Nha cũng tổ chức sản xuất được những quả lựu đạn tử tế. Vẫn hoạt động theo nguyên tắc Mills, nhưng có hai chốt an toàn chứ không phải một như trước đây. Lựu đạn sẽ nổ sau khi rút cả hai chốt an toàn được bảy giây. Khiếm khuyết lớn nhất của nó là một chốt thì quá chặt, còn chốt kia lại quá lỏng. Nếu để nguyên thì khi hữu sự có thể không rút kịp cái chốt quá chặt, còn rút một cái trước thì lúc nào cũng lo nó sẽ nổ ngay trong túi. Nhưng dù sao đây cũng là loại lựu đạn nhỏ, dễ ném.

Gần nửa đêm, Benjamin dẫn mười lăm người chúng tôi đi xuống Torre Fabián. Mưa nặng hạt ngay từ chiều. Nước tràn bờ mấy con kênh, trượt chân xuống kênh là ướt đến ngang thắt lưng ngay. Mưa và tối như hũ nút, thế mà một đám đông vẫn đang ngồi đợi ngay trong sân trang trại. Kopp đứng đầu, giải thích kế hoạch tấn công, lúc đầu nói bằng tiếng Tây Ban Nha, sau đó bằng tiếng Anh. Chiến hào của bọn phát xít ở khu vực này có hình chữ L, chúng tôi phải tấn công công sự nằm trên một khu đất cao ngay góc chữ L. Khoảng ba mươi người, một nửa là người Tây Ban Nha, một nửa là người Anh, do Jorge Roca, lữ đoàn trưởng của chúng tôi (lữ đoàn dân quân có khoảng bốn trăm người) và Benjamin chỉ huy, có nhiệm vụ bò lên cắt hàng rào kẽm gai. Sau đó Jorge sẽ ném quả lựu đạn đầu tiên làm hiệu lệnh, rồi tất cả mọi người đồng loạt ném, đẩy bọn phát xít khỏi công sự và tiến lên trước khi bọn chúng kịp trấn tĩnh lại. Đồng thời bảy mươi chiến sỹ thuộc lực lượng xung kích sẽ tấn công “chốt” bên cạnh, cách chúng tôi chừng hai trăm mét về bên phải. Hai “chốt” được nối với nhau bằng một giao thông hào. Để không bắn vào nhau, mỗi người đều sẽ được phát một dải băng màu trắng để đeo vào cánh tay. Nhưng đúng lúc đó thì liên lạc viên tới thông báo rằng không chuẩn bị được dải băng. Trong bóng tối vang lên tiếng làu bàu của ai đó: “Bảo bọn phát xít đeo băng trắng vào có được không?”

Phải đợi thêm một đến hai tiếng nữa. Kho chứa cỏ đã bị pháo kích tan hoang đến nỗi không thể đi được nếu không có đèn. Một nửa sàn tầng trên đã bị phá hỏng và rơi từ trên cao khoảng sáu mét xuống nền đá bên dưới. Người ta tìm được một cái xà beng và nạy ra mấy thanh gỗ, chỉ mấy phút sau chúng tôi đã mang quần áo ướt ra hong trên ngọn lửa. Một người lấy ra bộ bài. Người ta bắt đầu kháo nhau – đây là một trong những tin đồn bí hiểm đặc thù của cuộc chiến tranh này - rằng mỗi người sẽ được phát một li cà phê có pha brandy ngay bây giờ. Mọi người cùng lao theo cái cầu thang sắp sập và đi tìm xung quanh xem cà phê để ở đâu. Lạy chúa tôi! Làm gì có cà phê. Người ta gọi chúng tôi lại, hạ lệnh cho chúng tôi xếp hàng rồi tất cả vội vã theo Jorge và Benjamin bước vào màn đêm.

Vẫn còn mưa và rất tối, nhưng gió đã lặng. Bẩn không thể tả xiết. Đường đi xuyên qua những cánh đồng trồng củ cải đã biến thành đám bùn nhão nhoẹt, trơn như đổ mỡ, thỉnh thoảng lại

còn gặp những ổ gà, ổ voi đầy nước nữa. Trước khi đến xuất phát điểm, ai cũng bị ngã vài lần, súng thì bắn hết. Có mấy người trong đơn vị dự bị và một bác sỹ với những cái cẳng thương đợi sẵn ở đây. Từng người một chui qua khoảng trống trên bờ công sự và lội ngang qua một kênh đào nữa. Nước ngập đến thắt lưng, bùn chui vào trong ủng. Jorge ngồi đợi chúng tôi trên bãi cỏ. Sau đó anh bắt đầu gặp người xuống và rón rén bước. Công sự của bọn phát xít còn cách khoảng một trăm năm mươi mét. Phải giữ thật yên lặng thì mới mong bò được đến đó.

Tôi đi bên cạnh Jorge và Benjamin. Người vẫn cúi gập như cũ, nhưng mặt phải ngẩng lên, chúng tôi rón rén bước trong màn đêm, càng đến gần càng đi chậm hơn. Mưa lả tả rơi vào mặt. Quay đầu nhìn lại, tôi chỉ thấy mấy người đi ngay đằng sau, ai cũng cong cong như những chiếc nắm lớn màu đen đang di chuyển. Nhưng mỗi khi tôi ngẩng đầu lên thì Benjamin, tức là người đi ngay bên cạnh, lại thì thầm sát vào tai: "Cúi đầu xuống! Cúi đầu xuống!" Tôi có thể nói với anh ta rằng không cần phải lo. Tôi biết là trong đêm tối thì cách hai chục bước là đã không trông thấy nhau rồi. Quan trọng nhất là giữ yên lặng. Chỉ cần chúng nghe thấy là xong. Chúng chỉ việc bấm cò súng máy là chúng tôi chỉ còn có nước tháo lui hay là bị giết sạch.

Nhưng đi trong bùn lầy thì thật khó mà giữ được yên lặng. Kiêu gì thì chân cũng dính đầy bùn và mỗi lần bước là một lần phát ra tiếng kêu ì oạp. Tai hại hơn nữa là không có gió, tuy có mưa nhưng đêm xem ra có vẻ cực kì yên tĩnh. Tiếng động sẽ truyền đi rất xa. Sợ nhất là lúc tôi chạm phải cái vỏ đồ hộp, tưởng như bọn phát xít cách vài cây số cũng nghe thấy. Nhưng không, không có tiếng súng, không thấy có động tĩnh nào bên phía phát xít. Chúng tôi tiếp tục trườn lên, càng lúc càng chậm hơn. Ước muốn đến ngay được chỗ đó cứ cuồn cuộn dâng lên trong lòng, không thể nào mô tả được. Ước gì có thể lao ngay đến gần để ném một quả lựu đạn trước khi chúng nhận ra! Không còn sợ gì hết, trong đầu chỉ còn một ước muốn tuyệt vọng, đấy là làm sao tiến ngay được đến chỗ quân thù. Tôi từng có cảm giác như thế, đấy là lúc đi săn trong rừng. Cũng cái ước muốn tiến được đến gần con mồi đến xé lòng như thế, cùng với niềm tin chắc chắn rằng đấy là việc bất khả thi như thế nào. Mà khoảng cách thì như cứ dài thêm ra! Tôi biết khu vực này, chỉ khoảng một trăm rưỡi mét, thế mà tưởng như dài cả vài cây số. Bò một cách chậm chạp như thế, có cảm tưởng như mình là một con kiến trước phong cảnh đổi thay của vùng đất: chỗ này có một đám cỏ mượt, chỗ này là đám bùn lầy chó chết, chỗ này là đám sậy cao phải vượt qua càng nhanh càng tốt, chỗ này là một đồng đá, tưởng như không thể nào bò qua mà không gây ra tiếng động.

Chúng tôi bò lâu đến nỗi tôi bắt đầu nghĩ rằng chúng tôi đã lạc đường. Thế rồi trong màn đêm bỗng hiện lên mờ mờ những vệt đen. Đấy là hàng rào dây thép gai bên ngoài (bọn phát xít thường rào hai hàng). Jorge quì lên đầu gối, rồi cho tay vào túi. Chiếc kéo cắt dây thép gai duy nhất được giao cho anh ta giữ. Tách, tách. Những đoạn dây đứt được kéo sang bên cạnh. Phải đợi những người đi đằng sau đến cho đủ. Họ bò ồn ào phát sợ lên được. Còn cách công sự của bọn phát xít chừng năm mươi mét nữa thôi. Cúi xuống, bước tiếp. Nhấc chân thật rón rén, rồi hạ xuống thật nhẹ nhàng, y như mèo đến gần hang chuột vậy, dừng lại nghe ngóng rồi sau mới bước tiếp. Tôi vừa ngẩng đầu lên thì bị Benjamin nắm cổ ấn thật mạnh xuống đất. Tôi biết là hàng rào bên trong chỉ cách công sự có hai mươi mét. Tôi có cảm tưởng là ba mươi con người này không thể nào đi được đến đó mà không bị phát hiện. Ngay tiếng thở cũng đủ làm lộ rồi. Thế mà chúng tôi vẫn tới được. Công sự của bọn phát xít đã hiện rõ, đấy là một ụ đất đen, nhô

cao phía trên chúng tôi. Jorge lại quì xuống đầu gối và ra tay. Tách, tách. Không thể nào cắt khê hơn được.

Thế là xong hàng rào kẽm gai bên trong. Chúng tôi bò qua bằng cả bốn vó, còn nhanh hơn trước. Nếu có thì giờ triển khai thì mọi sự đã hoàn toàn tốt đẹp rồi. Jorge và Benjamin bò sang bên phải. Những người khác sẽ phải lần lượt bò qua cửa mở trên hàng rào. Đúng lúc đó thì có một tia chớp và tiếng nổ vang lên trong công sự của bọn phát xít. Lính gác đã phát hiện được chúng tôi. Jorge quì một gối xuống và vung tay ném một quả lựu đạn. Đoàn! Lựu đạn nổ bên trên công sự. Ngay lập tức, nhanh hơn người ta tưởng rất nhiều, phải đến mười hay hai mươi khẩu súng cùng nổ một lúc. Như vậy là bọn chúng đã chờ sẵn rồi. Trong khoảng sáng nhợt nhạt có thể nhìn rõ từng bao cát. Những người ở xa phía sau vội vã ném ngay lựu đạn, nhiều quả không bay tới công sự. Có vẻ như lỗ châu mai nào cũng có tia lửa phun ra vậy. Nằm dưới làn đạn trong bóng đêm là việc cực kì khó chịu. Cứ thấy tia lửa loé lên là lại tưởng như nó đang nhắm thẳng vào mình. Nhưng lựu đạn mới thật đáng sợ. Phải chứng kiến một quả lựu đạn nổ ngay bên cạnh, mà phải vào ban đêm thì mới thấy hết được sự khủng khiếp của nó. Ban ngày, đấy chỉ là một tiếng nổ; ban đêm, ngoài tiếng nổ còn có một quầng lửa chói lòe màu đỏ nữa. Tôi bổ nhào xuống đất ngay sau loạt đạn đầu tiên. Tôi nằm nghiêng trên đám bùn nhão nhoẹt và tìm mọi cách để tháo ngòi nổ quả lựu đạn. Cái que chết tiệt này mãi không chịu ra. Cuối cùng tôi phát hiện ra là mình quay ngược. Tôi rút chốt an toàn, rồi quì trên hai đầu gối và vung tay ném. Quả lựu đạn không bay tới đích, mà lại rơi về phía bên phải, sợ quá cho nên tôi đã ném trệch mục tiêu. Đúng lúc đó có một quả nổ ngay trước mặt tôi, gần đến nỗi tôi cảm thấy cả hơi nóng của nó. Tôi vội nằm sấp xuống đất, mặt đập xuống bùn mạnh đến nỗi cổ bị đau, tôi cứ tưởng là đã bị thương. Dù rất ồn ào, nhưng tôi vẫn nghe thấy tiếng một người Anh thì thầm ngay phía sau: “Tôi bị thương rồi”. Quả lựu đạn này đã làm mấy người xung quanh tôi bị thương, may mà tôi không việc gì. Tôi ngồi dậy và vung tay ném quả thứ hai, không nhớ quả này rơi vào đâu.

Phát xít bắn từ đằng trước, quân ta bắn từ đằng sau, rõ ràng là tôi đang nằm giữa hai làn đạn. Tiếng súng nổ sát bên tai, tôi biết rằng người bắn đang nằm ngay đằng sau mình. Tôi đứng dậy và hét lớn: “Đừng bắn vào tôi, đồ ngu!”. Đúng lúc đó tôi nhìn thấy Benjamin, anh ta nằm cách tôi chừng mười đến mười lăm mét và đang giơ tay vẫy. Tôi chạy lại phía anh. Nghĩa là phải chạy qua một loạt lỗ châu mai đang bắn như vãi đạn, thế mà tôi vẫn chạy, tay trái đưa lên che mặt; thật là một hành động ngu xuẩn, tay thì làm sao che được đạn, nhưng tôi rất sợ bị thương vào mặt. Benjamin quì, khuôn mặt anh trông mãi nguyên một cách đầy ác ý, và đang nhắm khẩu súng lục vào những chỗ vừa phát ánh chớp để bắn. Jorge đã bị thương ngay từ loạt đạn đầu và đang nằm ở đâu đó, tôi không trông thấy. Tôi quì xuống bên cạnh Benjamin, rồi rút chốt quả lựu đạn thứ ba và ném. Tuyệt vời! Lần này thì trúng là cái chắc. Quả lựu đạn nổ bên trong công sự, ngay bên cạnh chỗ chúng đặt khẩu súng máy.

Tiếng súng của bọn phát xít bất ngờ yếu hẳn đi. Benjamin đứng thẳng dậy và hô lớn: “Xông lên! Tấn công!”. Chúng tôi lao lên theo bờ dốc đứng, công sự của bọn phát xít nằm trên đỉnh đồi. Tôi nói “lao lên”, nhưng “bò lên” mới đúng. Người ướt như chuột lột, bùn lấm từ chân lên đầu, lại mang cả súng lẫn lưỡi lê và một trăm năm mươi viên đạn thì chẳng thể nào đi nhanh được. Tôi tin là có một tên phát xít đang đợi mình trên đỉnh dốc. Với khoảng cách như thế này,

hắn mà bắn thì chắc chắn phải trúng, nhưng không hiểu sao tôi lại nghĩ là hắn sẽ không bắn mà sẽ đâm bằng lưỡi lê. Tôi tưởng tượng ra cảnh chúng tôi đang đấu với nhau và tự hỏi không biết tay ai khoẻ hơn. Nhưng hoá ra chẳng có tên phát xít nào ở đây cả. Cảm giác có phần nhẹ nhõm khi tôi phát hiện ra rằng bờ công sự không cao, mấy bao cát còn giúp cho người ta trèo lên nhanh hơn. Thường thì đây phải là những chỗ khó trèo. Mọi thứ bên trong đều tan nát hết, xà gồ, mái che vung vãi khắp nơi. Lựu đạn của chúng tôi đã phá sập hết mái che và công sự. Nhưng xung quanh không một bóng người. Tôi nghĩ chắc chúng nấp ở đâu đó, nên hô lớn bằng tiếng Anh (lúc đó tôi chẳng nghĩ ra một từ Tây Ban Nha nào): “Ra đi! Đầu hàng đi!” Không ai trả lời. Rồi có một người, trong ánh sáng mờ mờ trông chỉ như một cái bóng, nhảy qua mái mấy túp lều đã sập và phóng về phía bên trái. Tôi lao ra, vừa chạy vừa đâm lưỡi lê theo nhưng không trúng. Khi vượt qua góc một cái lều tôi lại thấy một người - không biết có phải là người tôi đã nhìn thấy không - đang chạy trong giao thông hào dẫn sang cái chốt khác của bọn phát xít. Tôi nhìn rõ anh ta, chắc chắn là tôi đuổi gần kịp rồi. Anh ta không đội mũ, mà có vẻ như cũng chẳng có quần áo gì hết, chỉ thấy khoác một cái chăn. Nếu tôi bắn thì chắc chắn anh ta sẽ tan ra từng mảnh. Để không bắn phải nhau chúng tôi được lệnh là khi đã vào được công sự rồi thì chỉ dùng lưỡi lê thôi. Nhưng quả thật lúc đó tôi cũng không hề nghĩ đến bắn. Trong đầu tôi lúc đó bỗng hiện lên câu chuyện của hai mươi năm về trước: đây là ông thầy dạy đâm bốc diễn lại cảnh ông đã dùng lưỡi lê đâm chết một anh lính người Thổ ở Dardanelles. Tôi nắm chặt báng súng và đâm mạnh vào lưng người kia. Không tới. Một cú nữa, cũng không tới. Chúng tôi tiếp tục như thế, anh ta chạy dưới giao thông hào, còn tôi thì ở trên, thỉnh thoảng lại đâm vào bả vai anh ta, nhưng không tới. Nghĩ lại thật là tức cười, nhưng lúc đó anh ta chẳng thể buồn cười được đâu.

Chắc chắn là anh ta nắm vững địa hình hơn tôi và chẳng mấy chốc đã chạy thoát. Khi tôi quay lại thì vị trí đã đầy người đang hò hét rồi. Bọn phát xít bắn như vãi đạn từ cả ba hướng, nhưng hai bên cách nhau rất xa.

Hiện chúng tôi đã đẩy lui được chúng. Tôi nhớ đã nói một cách đầy bí hiểm: “Chúng ta chỉ giữ được vị trí này nửa tiếng là cùng”. Tôi cũng không hiểu vì sao mình lại nói nửa tiếng. Chỉ cần nhìn sang bên phải là có thể sẽ thấy hàng loạt chớp đạn súng trường màu xanh xuyên qua màn đêm. Nhưng vẫn còn xa, khoảng từ một trăm đến hai trăm mét. Công việc của chúng tôi bây giờ là lục lọi thật kĩ vị trí và lấy đi tất cả những gì đáng giá. Benjamin và một vài người nữa đang cào bới đồng xà bàn của một cái chòi hay tầng sê ở giữa vị trí. Benjamin chui ra khỏi cái mái sập, mặt mũi vô cùng hớn hở, vừa đi vừa kéo theo hòm đạn buộc trên một sợi dây thừng.

“Các đồng chí! Đạn! Nhiều đạn lắm!”

“Không cần đạn!”, có người trả lời, “Cần súng cơ!”

Đúng như thế. Một nửa súng của chúng tôi đã bị kẹt vì bùn, không dùng được nữa. Có thể chữa, nhưng tháo ra trong lúc tối thế này thì thật nguy hiểm, chẳng thể nào nhớ được là đã đặt ở đâu. Tôi có một chiếc đèn pin nhỏ, bà xã nhà tôi đã tìm cách mua được ở Barcelona, nếu không chúng tôi sẽ chẳng có một ngọn đèn nào. Mấy người có súng còn tốt bắt đầu đáp trả một cách rời rạc. Nhưng không ai dám bắn liên tục vì ngay cả những khẩu súng tốt nhất cũng có thể hóc, nếu nóng quá. Có khoảng mười sáu người trong công sự, kể cả một hay hai người bị

thương. Còn mấy người bị thương nữa, cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh, nằm bên ngoài công sự. Patrick O'Hara, một người Ái-Nhĩ-Lan xuất thân từ Belfast đã học qua lớp sơ cứu, tay cầm mấy cuộn băng chạy qua chạy lại để băng bó cho những người bị thương và lần nào quay về công sự cũng bị quân ta nhắm bắn mặc dù anh ta đã hét thật to: "P.O.U.M!"

Chúng tôi bắt đầu xem xét vị trí. Có mấy người chết nằm rải rác, nhưng tôi không dừng lại để xem. Cái tôi tìm là súng máy cơ. Khi còn nằm bên ngoài, lúc nào tôi cũng tự hỏi tại sao súng máy lại không bắn. Tôi lấy đèn pin soi ụ súng máy. Thật là chán! Không có súng. Có giá súng, có cả vài hộp đạn nữa và phụ tùng thay thế, nhưng súng thì không. Chắc là chúng đã tháo và mang đi ngay khi có báo động. Chắc chắn là chúng làm theo lệnh, nhưng đây là hành động vừa ngu vừa hèn. Nếu có súng thì chúng đã thịt hết chúng tôi rồi. Chúng tôi phát điên lên. Chúng tôi đã hạ quyết tâm bắt cho bằng được khẩu súng máy.

Chúng tôi lục khắp nhưng chẳng tìm được cái gì có giá trị cả. Lựu đạn nằm rải rác khắp nơi, cơ chế hoạt động khá đơn giản, chỉ cần rút sợi dây là phải ném liền. Tôi đút vào túi vài quả làm kỉ niệm. Không thể không phát hoảng trước cảnh nghèo nàn của hầm trú ẩn của quân phát xít. Không có những đồng quần áo, sách vở, thức ăn và các vật dụng cá nhân như trong hầm của chúng tôi, có vẻ như những tên lính khốn khổ này chẳng có gì ngoài chăn và vài mẩu bánh mì sũng nước. Cuối giao thông hào có một cái hầm nhô cao khỏi mặt đất và có cả cửa sổ nữa. Chúng tôi rọi đèn pin qua cửa sổ, mọi người cùng kinh ngạc reo lên. Đây là một vật hình trụ, trong bao da, cao khoảng mét hai, đường kính chừng mười lăm phân nằm dựa vào tường. Chắc chắn là nòng súng máy rồi. Chúng tôi chui qua cửa và lôi nó ra khỏi vỏ, hoá ra không phải nòng súng máy, nhưng trong hoàn cảnh được trang bị nghèo nàn như chúng tôi, nó còn giá trị hơn nhiều. Đây là một cái kính viễn vọng, độ khuếch đại ít nhất cũng phải sáu bảy mươi lần, lại có cả chân gấp nữa. Phía mặt trận chúng tôi không có loại kính viễn vọng như thế này, mà nhu cầu thì khỏi phải nói. Chúng tôi vui mừng kéo nó ra và dựa nó vào bờ hào, đợi khi rút sẽ mang theo.

Đúng lúc đó thì có người hét lên là bọn phát xít đang đến gần. Quả thật là tiếng súng đã nghe to hơn rất nhiều. Nhưng rõ ràng là bọn phát xít sẽ không phản công từ bên phải vì chúng sẽ phải đi qua vùng đất tranh chấp và tấn công ngay vào bờ công sự của chính mình. Chỉ cần có một chút suy nghĩ thì chúng sẽ tấn công từ phía sau. Tôi đi vòng ra phía sau công sự. Vị trí này giống như một cái móng ngựa, công sự nằm ở giữa, thành ra chúng tôi còn có một bức tường che cả phía bên trái nữa. Súng bắn mạnh từ phía đó, nhưng không gây ra thiệt hại nào. Mỗi nguy nằm ngay phía trước, ở đây hoàn toàn không có gì bảo vệ cả. Đạn bắn như vãi trấu ngay trên đầu. Chắc chắn là chúng được bắn từ vị trí bên cạnh, rõ ràng là lực lượng xung kích đã không chiếm được vị trí này. Tiếng nổ đinh tai nhức óc. Tiếng súng trường bắn cấp tập, như tiếng trống đập liên hồi kì trận, tôi vẫn thường nghe thấy như thế ở khoảng cách gần, nhưng đây là lần đầu tiên tôi lọt vào giữa trận địa. Bây giờ thì tiếng súng đã vang lên trên khắp các hướng. Douglas Thompson, với một cánh tay bị thương treo lủng lẳng bên sườn, đứng tựa lưng vào thành công sự và tiếp tục bắn bằng một tay vào những khu vực vừa loé sáng. Một người, súng của tay này bị hóc, nạp đạn cho anh ta.

Ở đây chúng tôi chỉ có bốn hay năm người. Chúng tôi biết phải làm gì: kéo những bao cát từ bức tường phía trước để tạo ra chướng ngại vật trên đoạn không có gì che chắn. Và phải làm

thật nhanh. Đạn vẫn bắn xối xả, nhưng có thể giảm bất cứ lúc nào. Chỉ nhìn vào những điểm loé sáng xung quanh cũng có thể thấy là chúng tôi đang phải chống chọi với khoảng từ một trăm đến hai trăm tên phát xít. Chúng tôi bắt đầu lôi các bao cát ra rồi kéo chúng đi khoảng hai mươi mét và xếp thành một đồng. Vất vả lắm. Đây là những bao cát lớn, nặng khoảng một tạ, phải lấy hết sức mới lôi được chúng ra; bao đã cũ nát, rách tứ tung, đất ướt trút thẳng lên đầu, chui cả vào cổ và ống tay áo. Tôi vẫn nhớ cảm giác hoảng hốt lúc đó, cái gì cũng đáng sợ cả: cảnh hỗn loạn, bóng đêm, tiếng nổ, bùn lầy rồi còn phải chiến đấu với những bao cát rách nữa. Mà lúc nào cũng đeo khẩu súng kè kè bên hông, tôi không dám đặt xuống vì sợ mất. Tôi thậm chí còn hét lên với người cùng kéo bao cát: “Chiến tranh đấy! Khốn nạn quá!” Bất thành linh có bóng người cao lớn hiện lên bên trên bờ công sự trước mặt. Chúng tôi nhận ra những bộ quân phục của lính xung kích khi họ tới gần hơn, mọi người reo lên vì cho rằng lực lượng tăng viện đã tới. Nhưng hoá ra chỉ có năm người, bốn Đức và một Tây Ban Nha.

Mãi sau này chúng tôi mới biết tình hình của đơn vị xung kích. Họ không nắm được địa hình và đã đi lạc. Quân xung kích vướng vào hàng rào kẽm gai của bọn phát xít, nhiều người hi sinh ngay tại trận. Bốn người này bị lạc đường, thật là may cho họ. Mấy người Đức không biết tiếng Anh, cũng chẳng biết tiếng Pháp hay tiếng Tây Ban Nha gì cả. Phải “nói” mỗi tay chúng tôi mới giải thích được cho họ hiểu việc mình đang làm và nhờ họ giúp xây chiến lũy.

Bọn phát xít đã kéo súng máy tới. Có thể nhìn thấy nó đang khạc lửa từ khoảng cách một trăm đến hai trăm mét; tiếng đạn réo sắc lạnh ở ngay trên đầu. Chẳng bao lâu sau chúng tôi đã kéo được số cát đủ để làm một công sự nổi, mấy người chúng tôi có thể vừa nằm vừa bắn được rồi. Tôi quì xuống. Quả đạn cối vừa bay qua và nổ trên vùng đất tranh chấp. Thêm một mối nguy nữa, nhưng chinh được cự li cũng phải mất mấy phút. Bây giờ, khi chúng tôi đã đánh vật xong với mấy bao tải cát khốn kiếp, mọi thứ dường như đều là trò đùa, cả tiếng nổ, cả bóng đêm, cả những tia chớp đang tiến lại gần và mấy chiến sĩ của chúng tôi đang bắn trả nữa. Còn có cả thì giờ để suy nghĩ. Tôi nhớ đã tự hỏi có sợ không và quyết định là không. Ngoài kia, nơi có thể không nguy hiểm như ở đây, tôi đã từng run lên vì sợ. Đột nhiên lại có tiếng người kêu lên rằng bọn phát xít đang đến gần. Lần này thì không còn ngờ vực gì nữa, đạn đã loé lên ở khoảng cách rất gần rồi. Tôi nhìn thấy có những ánh chớp chỉ cách chừng hai mươi mét. Chắc chắn là chúng đang đi theo giao thông hào. Hai mươi mét là khoảng cách ném lựu đạn, dễ trúng lắm; tám chín người chúng tôi tụ tập vào một chỗ thế này thì chỉ cần một quả là tan xác hết. Bob Smillie, máu từ vết thương chảy đầy mặt anh, quì xuống và ném một quả lựu đạn. Tất cả chúng tôi đều thu mình lại để đợi tiếng nổ. Quả lựu đạn vẽ thành một đường màu đỏ, nhưng không nổ (ít nhất một phần tư lựu đạn bị thối). Tôi không còn quả nào, ngoài vài quả chiến lợi phẩm của bọn phát xít, nhưng tôi không tin tưởng lắm. Tôi hét lên để hỏi xem có ai còn quả nào không. Douglas Moyle lục túi và đưa cho tôi một quả. Tôi ném rồi nằm úp mặt xuống đất. Thật may, chuyện này chỉ xảy ra một lần trong năm, tôi đã ném trúng vào chỗ khẩu súng trường vừa bắn ra. Một tiếng nổ lớn và ngay lập tức là tiếng rên la. Dù thế nào thì cũng có một tên bị thương vong rồi; không biết là hắn đã chết chưa, nhưng chắc chắn là bị thương nặng. Tội nghiệp quá! Tôi bỗng cảm thấy thương hại khi nghe thấy hắn rên la. Nhưng ngay lúc đó tôi lại nhìn thấy, hay tưởng là nhìn thấy trong ánh sáng lò mờ từ những tia chớp đạn súng trường một người đứng gần chỗ khẩu súng trường vừa nhả đạn. Tôi nâng nòng súng lên và bóp cò. Một tiếng thét nữa, nhưng tôi nghĩ đấy vẫn là do quả lựu đạn mà ra. Chúng tôi còn ném thêm mấy

quả lựu đạn nữa. Ánh chớp của đạn súng trường đã ở xa, phải từ một trăm mét trở lên. Chúng tôi đã đẩy được chúng đi rồi, tạm thời là như thế.

Mọi người bắt đầu chửi và nói tại sao bọn khốn kiếp không gửi tiếp viện tới. Chỉ cần một khẩu tiểu liên hay hai mươi người với những khẩu súng trường tử tể là chúng tôi có thể chống cự được cả tiểu đoàn. Đúng lúc đó thì Paddy Donovan, phó của Benjamin, người được cử về tuyển sau để xin mệnh lệnh, trèo qua bờ hào.

“Này! Ra thôi! Mọi người cùng rút mau!”

“Cái gì?”

“Rút! Ra mau!”

“Tại sao?”

“Lệnh như thế. Trở lại vị trí cũ, nhanh lên.”

Tất cả đã trèo qua bờ hào phía trước. Có mấy người đang kéo một thùng đạn khá nặng. Tôi sực nhớ đến cái kính viễn vọng nằm dựa trên bờ hào ở phía bên kia vị trí. Nhưng đúng lúc đó tôi lại nhìn thấy bốn chiến sĩ thuộc lực lượng xung kích đang thực hiện một nhiệm vụ bí mật mà chỉ mình họ biết, tức là họ đang cầm đầu chạy xuống giao thông hào dẫn về phía quân phát xít. Bóng họ tan nhanh vào màn đêm. Họ đang đi đến chỗ chết. Tôi chạy theo, vừa chạy vừa cố vắt óc tìm từ “rút lui” bằng tiếng Tây Ban Nha; cuối cùng tôi kêu lên:

“Atrás! Atrás!”, chắc là đúng. Tay người Tây Ban Nha hiểu và kéo mấy người kia quay lại. Paddy đợi bên bờ công sự.

“Mau lên, mau lên”

“Thế còn kính viễn vọng”

“Kính cái con c.! Benjamin đang đợi bên ngoài kia kìa.”

Chúng tôi trèo lên. Paddy giữ dây thép gai cho tôi trèo ra. Vừa ra khỏi bức tường chắn là chúng tôi đã bước vào vùng lửa đạn rồi; đạn bắn xối xả, từ tất cả các hướng. Chắc chắn là có cả đạn của quân ta nữa vì lúc đó toàn mặt trận đều bắn như thế cả. Chúng tôi lặn mò trong đêm tối chẳng khác gì một bầy cừu. Thế mà chúng tôi còn kéo theo một thùng đạn chiến lợi phẩm gồm 1750 viên, nặng khoảng năm mươi cân, một hòm lựu đạn và mấy khẩu súng nữa. Mặc dù chiến hào hai bên chỉ cách nhau chừng hai trăm mét, đa số chúng tôi đều biết rõ địa hình, thế mà chỉ mấy phút sau chúng tôi đã mất phương hướng. Chúng tôi trườn trên đồng lầy, điều duy nhất chúng tôi biết là mình bị bắn từ cả hai phía. Không có trăng, nhưng trời bắt đầu sáng hơn một chút. Vị trí của quân ta nằm ở phía đông Huesca; tôi bảo nằm đợi trời hừng sáng để xem đông tây là hướng nào, nhưng đa số không chịu nghe. Chúng tôi thay nhau kéo hòm chiến lợi phẩm và tiếp tục trườn lên phía trước, nhưng vì không xác định được phương hướng nên phải quay đi rồi lộn lại đến mấy lần. Cuối cùng chúng tôi cũng nhìn thấy một bờ đất lờ mờ trước mặt. Không biết là công sự của ta hay của địch. Chẳng ai biết là hiện mình đang ở đâu.

Benjamin nằm sát xuống đất và bò vào giữa đám lau lách. Cách công sự chừng hai mươi mét thì anh cất tiếng gọi. “P.O.U.M”, chúng tôi thấy họ hô lên như thế. Tất cả cùng nhảy dựng lên và cùng tìm đường leo qua hàng rào, nhưng lại rơi vào một kênh dẫn nước nữa; nhưng không sao, bì bõm một lúc là chúng tôi đã vào được vị trí an toàn rồi.

Kopp và mấy người Tây Ban Nha nữa đang đợi chúng tôi bên trong công sự. Tay bác sĩ và mấy y tá đã rút về tuyến sau. Hoá ra tất cả thương binh đều được mang đi rồi, chỉ có hai người là Jorge và Hiddlestone là bị mất tích thôi. Kopp, mặt tái mét, ngay lớp da ở đằng sau gáy ông cũng tái mét, cứ đi đi lại lại suốt, ông không thêm để ý ngay cả khi có những viên đạn bay sát sát trên đầu. Chúng tôi ngồi xồm trong chiến hào để tránh đạn. Kopp vừa đi vừa lẩm bẩm: “Jorge! Cogño! Jorge!” và sau đó nói bằng tiếng Anh: “Jorge mà bị chết thì kinh khủng quá, kinh khủng quá!” Jorge vừa là bạn thân vừa là sĩ quan đặc lực nhất của ông. Bất ngờ ông quay lại và gọi năm người tình nguyện, hai người Anh và ba người Tây Ban Nha, đi tìm các chiến sĩ mất tích. Tôi, Moyle và ba người Tây Ban Nha nữa đứng lên.

Vừa ra đến bên ngoài, mấy người Tây Ban Nha đã bảo rằng sáng quá, nguy hiểm lắm. Đúng thế, trời đã lờ mờ xanh rồi. Có tiếng ồn ào dữ dội vọng lại từ vị trí quân phát xít. Có lẽ quân số của chúng đã đông hơn rất nhiều. Chúng đã nhìn thấy hay nghe thấy khi chúng tôi còn cách chiến hào chừng sáu bảy chục mét, một loạt đạn nổ vang làm tất cả chúng tôi cùng phải nằm úp mặt xuống đất. Một quả lựu đạn được quăng ra, rõ ràng là có dấu hiệu hoảng loạn rồi. Chúng tôi nằm trên cỏ, chờ cơ hội để tiến lên. Thế rồi chúng tôi nghe thấy, hay nghĩ là nghe thấy – tôi nghĩ rằng đấy là sản phẩm của trí tưởng tượng, nhưng lúc đó có vẻ rất thật – là giọng nói của bọn phát xít đã ở rất gần. Chúng đã ra khỏi chiến hào và đang tiến về phía chúng tôi. “Chạy”, tôi hét lên với Moyle rồi vùng ngay dậy. Trời đất, tôi vất chân lên cổ mà chạy! Trước đó tôi đã nghĩ rằng khi người bị lằm từ đầu đến chân lại thêm súng đạn nặng thế này thì không thể nào chạy được. Bây giờ thì tôi biết rằng nếu bị năm mươi hay một trăm người cầm súng săn đuổi thì bao giờ người ta cũng chạy được cả. Nhưng nếu tôi đã chạy nhanh thì mấy người kia còn chạy nhanh hơn. Có cảm giác như mấy ngôi sao băng vừa lướt qua vậy. Đấy là ba người Tây Ban Nha vừa lao lên. Tôi chỉ đuổi kịp họ khi tất cả đã dừng lại ngay sát bờ công sự. Chúng tôi đã mất tinh thần, có vậy thôi. Nhưng tôi biết rằng khi trời lờ mờ thế này, có thể nhìn thấy năm người chứ một người thì khó cho nên tôi quay lại một mình. Tôi đã tìm cách quay lại đến hàng rào kẽm gai bên ngoài và hết sức tìm kiếm, tuy không thể hoàn toàn như ý vì tôi phải nằm sát bụng xuống đất. Không thấy Jorge hay Hiddlestone đâu, tôi đành bò quay lại. Sau này chúng tôi mới biết rằng cả Jorge lẫn Hiddlestone đều được đưa đến trạm quân y từ trước rồi. Jorge chỉ bị thương nhẹ vào bả vai. Còn Hiddlestone thì bị thương rất nặng, một viên đạn đi xuyên theo cánh tay trái, xương cánh tay gãy làm mấy đoạn; thế rồi lúc anh đang còn nằm bất tỉnh nhân sự thì lại có một quả lựu đạn nổ ngay bên cạnh làm bị thương mấy chỗ trên người nữa. May là anh đã thoát chết. Sau này anh nói với tôi rằng đã bò bằng lưng được một đoạn, sau đó thì bám được vào một chiến sĩ Tây Ban Nha, cũng bị thương và hai người dìu nhau đi cho đến lúc gặp được quân ta.

Trời sáng hẳn. Suốt mấy cây số dọc chiến tuyến tiếng súng vẫn nổ loạn xạ, giống như những giọt mưa sau cơn bão vậy. Tôi vẫn nhớ cảnh tượng tiêu điều lúc đó: bùn đọng thành từng đồng, hàng thùy dương rên rỉ, nước trong giao thông hào có màu vàng xỉn; và những khuôn mặt

nhếch nhác, mệt mỏi, râu ria xồm xoàm, bùn lấm từ đầu đến chân, xạm đen vì khói súng. Khi tôi về đến hầm trú ẩn thì ba người kia đã ngủ say. Họ nằm vật ra đất với đầy đủ lệ bộ, khẩu súng trường đầy bùn còn đeo trước ngực. Tất cả đều sững nước. Mọi vật đều sững nước. Sau một thời gian tìm kiếm tôi đã thu thập được đủ mảnh dăm và bắt đầu nhóm lửa. Sau đó châm một điếu thuốc vẫn mang theo bên mình, thật lạ lùng là sau một đêm như thế mà nó vẫn chưa bị gãy.

Sau này chúng tôi mới biết rằng trận đánh đã thành công. Đây chỉ là một cuộc đột kích nhằm kéo quân phát xít khỏi khu vực Huesca, nơi quân vô chính phủ bắt đầu tấn công. Tôi nghĩ rằng bọn phát xít đã tung từ một trăm đến hai trăm tên vào trận phản công, nhưng có một tên đào ngũ nói rằng chúng đã tung ra đến sáu trăm tên. Tôi cho là hắn nói dối. Bọn đào ngũ thường hay tìm cách lấy lòng lắm. Đáng tiếc là phải bỏ lại cái kính viễn vọng. Cho đến tận hôm nay, cứ nghĩ đến việc để mất một thứ chiến lợi phẩm tuyệt vời như thế là tôi vẫn áy náy không yên.

Trời trở nóng, ngay cả ban đêm cũng tương đối ấm. Trên cái cây anh đào bị đạn bắn tơi tả trước bờ công sự của chúng tôi cũng đã xuất hiện những chùm quả nhỏ. Tầm sông không còn là tra tấn mà đã trở thành niềm vui. Những cây hồng dại, với những chùm hoa to bằng cái đĩa con mọt rải rác trên cánh đồng bị đạn cày xới xung quanh Torre Fabian. Phía sau mặt trận thỉnh thoảng lại thấy một người nông dân cài trên kẽ tai một bông hồng như thế. Buổi tối họ thường mang những chiếc lưới màu xanh đi săn chim cú. Người ta chăng lưới trên ngọn cỏ rồi nằm xuống và giả làm tiếng cú mái. Chim đực nghe thấy là bay lại ngay. Khi chim đã chui vào lưới thì chỉ ném một hòn là nó sẽ sợ, bay lên và mắc lưới liền. Chắc là người ta chỉ bắt được chim đực, tôi nghĩ thế là không công bằng.

Bên cạnh chúng tôi là đơn vị người vùng Andaluse. Tôi không biết họ đến đây bằng cách nào. Người ta nói rằng họ chạy từ Malaga tới, nhưng chạy nhanh quá đến nỗi vượt qua cả Valencia mà không biết. Nhưng đây dĩ nhiên là do những người vùng Catalonia nói, họ vốn coi dân Andaluse là những người bán khai. Mà quả thật, dân Andaluse dốt nát lắm. Rất ít người biết đọc biết viết, có vẻ như họ không biết mình thuộc đảng phái nào, một điều mà người Tây Ban Nha nào cũng biết. Lúc thì họ nghĩ thuộc phái vô chính phủ, khi thì lại cho rằng thuộc phái cộng sản. Đây là những người nông dân chất phác, quê mùa, vốn là thợ chăn cừu hay nông dân làm thuê trên những cánh đồng trồng ôliu, mặt đen sạm vì ánh nắng gay gắt của miền Nam. Họ quần thuốc lá rất khéo và thường giúp chúng tôi làm việc này. Thuốc điếu không còn được phát nữa, nhưng ở Monflorite đôi khi vẫn có thể mua được những bịch thuốc rất rẻ, trông chẳng khác gì rơm vụn. Mùi vị không đến nỗi nào, nhưng thuốc khô đến nỗi ngay cả khi đã vắn xong nó vẫn có thể rơi hết ra ngoài, chỉ còn lại một cái ống rỗng. Thế mà mấy người Andaluse vẫn có thể quấn thành những điếu thuốc rất đẹp mắt, đầu điếu thuốc còn xoắn chặt lại nữa.

Hai chiến sĩ người Anh bị ốm vì say nắng. Tôi nhớ nhất là cái nóng ban trưa, lưng trần với những bao cát nặng đè trên đôi vai rám nắng; quần áo, giày dép đều rách như xơ mướp cả. Chúng tôi còn phải đánh vật với con la chuyển đồ ăn tới, nó không sợ tiếng súng trường nhưng lại bỏ chạy ngay khi nghe thấy tiếng trái phá nổ trên không trung. Rồi muỗi (chúng bắt đầu hoạt động mạnh) và chuột, chuột dạn đến nỗi chén cả thắt lưng lẫn bao đạn bằng da. Không có gì xảy ra cả, nếu không tính những vụ thương vong do bọn bắn tỉa hay những quả đạn pháo hoặc những vụ nổ bom mà thỉnh thoảng mới xảy ra ở Huesca. Cây đã mọc đầy lá, chúng tôi làm những cái sào bắn tỉa, giống như những cái chòi của thợ săn, ngay trên những cây dương mọc dọc chiến hào. Ở phía bên kia của Huesca, sức tấn công của quân ta đang yếu dần. Quân vô chính phủ bị thiệt hại rất nặng nề và không còn đủ sức phong tỏa con đường đi Jaca nữa. Họ đã tiến đến gần con đường để giữ nó trong tầm ngắm của súng máy và khống chế, không để cho xe chạy qua, nhưng hai bên vẫn còn đóng cách cách nhau cả cây số, nhờ thế mà bọn phát xít có thể đào được cả một giao thông hào lớn cho xe tải đi. Bọn đào ngũ nói rằng ở Huesca còn nhiều vũ khí, nhưng lương thực thực phẩm thì đã sắp cạn. Nhưng rõ ràng là thành phố sẽ không đầu hàng. Với mười lăm ngàn người được trang bị kém như thế này thì tấn công là việc bất khả thi. Sau này, trong tháng sáu, chính phủ đã rút các đơn vị khỏi Madrid và tập trung ở Huesca đến ba mươi ngàn người cùng với rất nhiều máy bay, thế mà thành phố vẫn không thất

thủ.

Tôi đi phép sau khi đã ở mặt trận tất cả là 150 ngày, lúc đó tôi cho rằng đây là một trong những giai đoạn vô ích nhất của cuộc đời. Tôi tham gia lực lượng dân quân là để đánh nhau với chủ nghĩa phát xít, nhưng hầu như tôi chẳng phải đánh nhau gì hết. Tôi chỉ sống qua ngày như một kẻ thờ ơ, nếu không tính đến cảnh rét mướt và mất ngủ thì có thể nói tôi đã chẳng làm gì để đền đáp lại khẩu phần ăn mà người ta vẫn phát cho tôi. Có thể đấy chính là số phận của tất cả những người lính trong hầu hết các cuộc chiến tranh. Nhưng bây giờ nhìn lại, tôi không còn lấy làm tiếc về giai đoạn đó nữa. Đúng là tôi muốn giúp đỡ chính phủ Tây Ban Nha một cách hiệu quả hơn, nhưng nếu xét theo quan điểm cá nhân, xét theo quan điểm từ sự tiến bộ của tôi thì ba bốn tháng ngoài mặt trận không đến nỗi vô ích như tôi nghĩ lúc đó. Đấy là một giai đoạn khác hẳn, khác với quá khứ mà có thể khác với cả tương lai, nó đã dạy tôi những điều mà chỉ có ở đấy tôi mới có thể học được.

Cái chính là tôi đã bị cách li trong suốt thời gian này – ngoài mặt trận người ta gần như bị cách li hoàn toàn với thế giới bên ngoài: ngay cả những sự kiện ở Barcelona chúng tôi cũng chỉ biết rất mù mờ - mặc dù tôi sống giữa những người có thể gọi, tuy không thật chính xác lắm, là những nhà cách mạng. Đấy là do cách làm việc của lực lượng dân quân, trên mặt trận Aragon, cho đến mãi tháng 6 năm 1937, cách làm việc của nó vẫn chẳng có thay đổi gì đáng kể. Các đơn vị dân quân do các công đoàn đứng ra thành lập và bao gồm những người có cùng quan điểm chính trị đã tập hợp vào một chỗ những thành phần cách mạng nhất của đất nước. Do một sự tình cờ mà tôi đã rơi vào một cộng đồng, có thể nói là duy nhất ở Tây Âu, nơi mà giác ngộ chính trị và lòng hoài nghi chủ nghĩa tư bản được coi là hiện tượng bình thường. Trên mặt trận Aragon này tôi chỉ là một trong hàng chục ngàn người, đa số, tuy không phải tất cả, đều là công nhân; mọi người đều sống như nhau và hoà vào nhau theo lẽ công bằng. Về lí thuyết thì đấy là công bằng tuyệt đối, trên thực tế thì cũng gần như thế. Theo nghĩa nào đó, có thể nói tôi đã được nếm mùi chủ nghĩa xã hội, ý tôi là mình đã được sống trong không khí của chủ nghĩa xã hội rồi. Rất nhiều hiện tượng bình thường của đời sống như thói hợm hĩnh, lòng tham, sợ hãi cấp trên... đơn giản là đã biến mất. Trong cái không khí bị đồng tiền làm cho băng hoại như ở nước Anh, người ta sẽ không thể nào tưởng tượng được rằng sự phân chia giai cấp đã không còn. Ở đây chỉ có chúng tôi cùng với những người nông dân, không còn ai là chủ ai là tớ nữa. Dĩ nhiên là tình trạng đó không thể kéo dài được lâu. Đấy chỉ là một hoạt cảnh ngắn và có tính khu vực của một trò chơi lớn đang được triển khai trên toàn thế giới mà thôi. Nhưng nó đã kéo dài khá lâu, đủ sức để lại dấu ấn cho tất cả những người đã từng tham gia vào cuộc chơi này. Mặc dù lúc đó chúng tôi đã nguyện rửa tất cả mọi thứ, nhưng sau này chúng tôi mới hiểu rằng mình đã được tiếp xúc với một hiện tượng kì lạ nhưng rất có ý nghĩa. Chúng tôi đã sống trong một cộng đồng, nơi mà thái độ thờ ơ và yếm thế đã phải rút lui để nhường chỗ cho niềm hi vọng, nơi mà từ “đồng chí” có nghĩa là những người đồng chí hướng, chứ không phải như tại đa số các nước khác, là để bịp bợm. Chúng tôi đã từng được thở hít cái không khí bình đẳng đó. Tôi biết rõ rằng bây giờ phải nói chủ nghĩa xã hội chẳng có liên quan gì đến sự bình đẳng mới là đúng mốt. Nước nào trên thế giới cũng có một lũ viết thuê mang tính đảng và các giáo sư tiện bóng mướt đang cố “chứng minh” rằng chủ nghĩa xã hội chỉ là chủ nghĩa tư bản nhà nước được kế hoạch hoá, còn động cơ chụp giựt thì vẫn y nguyên như cũ. May mắn là đâu đó vẫn còn tồn tại một quan điểm khác hẳn về chủ nghĩa xã hội. “Bí kíp” của chủ nghĩa xã hội chính là tư

tưởng công bằng, chính nó đã lôi kéo những người dân bình thường đến với chủ nghĩa xã hội, làm cho họ sẵn sàng hi sinh mạng sống của mình. Đối với phần lớn người dân thì chủ nghĩa xã hội nghĩa là xã hội phi giai cấp, không có nó thì chẳng thể nào gọi là chủ nghĩa xã hội được. Máy tháng phục vụ trong lực lượng dân quân có giá trị đối với tôi là vì như thế. Lực lượng dân quân Tây Ban Nha, đấy là nói lúc nó còn tồn tại, là một mô hình thu nhỏ của chủ nghĩa xã hội. Sống trong cộng đồng, nơi không còn những kẻ bon chen, tuy thiếu thốn mọi thứ nhưng không còn đặc quyền đặc lợi và cảnh nịnh hót, người ta có thể đã nhìn thấy bức tranh sơ lược về những giai đoạn ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Rốt cuộc, không những tôi đã không thất vọng mà còn bị nó hấp hồn nữa. Bây giờ ước muốn chủ nghĩa xã hội được thiết lập còn mạnh hơn trước. Một phần có thể là do may mắn mà tôi được sống với người Tây Ban Nha, những người trung thực bẩm sinh và luôn luôn có xu hướng vô chính phủ; nếu có điều kiện họ có thể làm cho ngay cả những giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội thành ra chấp nhận được.

Dĩ nhiên là lúc đó tôi chưa nhận thức được những thay đổi đang diễn ra trong tư tưởng của mình. Giống như tất cả những người xung quanh, tôi chỉ thấy buồn chán, nóng, lạnh, bùn bấn, chấy rận, thiếu thốn và những hiểm nguy thỉnh thoảng lại xảy ra mà thôi. Hiện nay thì hoàn toàn khác. Cái giai đoạn tưởng chừng như vô ích và chán ngắt đó lại trở thành cực kì quan trọng đối với tôi. Nó khác hẳn với cuộc sống trước đây của tôi và có ma lực giống như kỉ niệm về những tháng ngày xưa cũ vậy. Lúc đó thấy thật là kinh khủng, nhưng hoá ra nó lại là mảnh đất tốt cho sự phát triển trí óc của tôi. Tôi rất muốn chuyển đến độ giả không khí của thời ấy. Hi vọng rằng tôi đã thành công phần nào trong những chương trước của tác phẩm này. Trong tâm trí tôi chỉ còn lại cái lạnh mùa đông, những người lính rách rưới, những khuôn mặt trái xoan của người Tây Ban Nha, tiếng súng máy nghe như tiếng lạch cạch của máy điện báo, mùi nước đá và mùi bánh mì thiu, và những món hầm đầy mùi sắt tây nướng vội trong những chiếc bát sắt cẩu bẩn.

Tất cả giai đoạn này vẫn còn sống động trong tâm trí tôi. Tôi vẫn còn tưởng tượng được những sự kiện nhỏ nhất tưởng chừng chẳng đáng nhớ làm gì. Tôi như thấy mình đang nằm trên một phiến đá, dùng làm giường, trong hầm trú ẩn ở Monte Pocero, còn anh chàng Ramon thì gí mũi vào bả vai tôi mà xỉ. Rồi tôi thấy mình lang thang trong chiến hào đầy bùn, sương mù dày đặc chẳng khác gì làn hơi nước lạnh vẩn vũ xung quanh. Và tôi thấy mình đang bò trên sườn đồi, vừa giữ thăng bằng vừa nhổ cây hương thảo về làm củi. Mấy viên đạn vô tình rớt rất ở trên đầu.

Tôi đang nằm trong một bụi thông nhỏ ở giữa thung lũng phía tây Monte Oscuro, bên cạnh là Kopp, Bob Edwards và ba người Tây Ban Nha nữa. Phía bên phải, trên sườn đồi trọc màu xám là một đám lính phát xít đang leo lên, trông như một đàn kiến. Tiếng kèn hiệu của bọn phát xít vang lên ngay đằng trước. Kopp liếc nhìn tôi rồi hếch mũi chỉ về phía tiếng kèn hiệu, y như một cậu học trò.

Tôi đang đứng giữa sân ở La Granja. Đám đông đang cầm bát sắt chen nhau xung quanh chảo thịt hầm. Người đầu bếp to béo và mệt mỏi đang dùng cái muôi để xua họ tránh ra xa. Ở cái bàn bên cạnh có một người đàn ông râu ria xồm xoàm với một khẩu súng lục to tướng ngang hông đang cắt những chiếc bánh mì ra làm năm phần. Phía sau tôi là một giọng hát

mang âm hưởng vùng ngoại ô London (đấy là Bill Chambers, tôi đã cãi nhau một trận kịch liệt với anh ta, sau này anh đã hi sinh ở ngoại ô Huesca):

Chuột, chuột, chuột.

Chuột to như mèo...

Một quả đạn rú rít ngay trên đầu. Mấy cậu bé mới mười lăm tuổi vội nằm úp mặt xuống đất. Người đầu bếp vội nấp sau cái chảo. Mọi người cùng ngượng ngập đứng lên khi thấy viên đạn đã bay qua và nổ cách đó chừng một trăm mét.

Tôi đang đi tuần dọc theo chiến hào, dưới những tán dương rậm rạp. Trong con mương đầy nước bên cạnh, lũ chuột đang bơi bì bõm chẳng khác gì rái cá. Khi bình minh màu vàng vừa ló rạng ở phía sau, tôi thấy anh lính gác người Andaluse kéo áo choàng kín đầu và cất giọng hát. Phía bên kia vùng đất tranh chấp, cách chỗ chúng tôi chừng một trăm đến hai trăm mét, mấy thằng lính gác phát xít cũng bắt đầu hát.

Ngày 25 tháng tư, sau nhiều lần mañanas (ngày mai) một đơn vị khác đã đến thay thế cho chúng tôi. Chúng tôi bàn giao súng, sắp xếp ba lô và hành quân trở về Monflorite. Tôi không cảm thấy buồn khi phải rời mặt trận. Rận sinh sôi nảy nở nhanh hơn số bị giết rất nhiều. Đã gần một tháng nay tôi không còn tất, giày thì gần như đã mòn hết đế, thành ra tôi hầu như phải đi chân không. Người đã từng có một cuộc sống văn minh không thể khát khao mãnh liệt bất cứ cái gì bằng tôi khát khao được tắm nước nóng, được mặc quần áo sạch sẽ và được ngủ giữa chăn êm nệm ấm. Chúng tôi ngủ vài tiếng đồng hồ trong một nhà kho ở Monflorite, rồi nhảy lên một chiếc xe tải ngay từ sáng sớm, kịp đón chuyến tàu năm giờ ở Barbastro, may mắn lên được chuyến tàu tốc hành ở Lerida và vào lúc ba giờ chiều ngày 24 tháng tư thì đến Barcelona. Rắc rối bắt đầu từ đấy.

Từ Mandalay, thượng du của Burma, bạn có thể đi tàu tới Maymyo, nhà ga chính nằm trên đỉnh đồi của cái tỉnh ở ngay biên giới của cao nguyên Shan. Cảm giác thật là lạ lùng. Bạn vừa ra khỏi một thành phố đặc thù của phương Đông, với ánh mặt trời chói chang, với những cành cọ đầy bụi, với mùi cá, mùi gia vị và mùi tỏi, với những loại quả mọng nước vùng nhiệt đới và đám đông người da ngăm đen, và vì bạn đã quen với tất cả, bạn như đã mang theo mình cái không khí ấy lên tàu. Về mặt tâm lí, bạn vẫn còn ở Mandalay khi đoàn tàu dừng lại tại Maymyo, tức là trên độ cao 1200 met [\[25\]](#) so với mặt nước biển. Nhưng vừa ra ngoài là bạn đã như đã bước một thế giới khác hẳn. Bạn được thở một bầu không khí mát mẻ, trong lành, như ở Anh và xung quanh là những thảm cỏ xanh mượt, những bụi dương xỉ, những rừng thông, những người phụ nữ vùng sơn cước má hồng đứng bán những giỏ dâu mọng nước.

Tôi nhớ lại cảnh đó khi trở về Barcelona sau ba tháng rưỡi nằm ở mặt trận. Nhớ lại là vì cũng xảy ra cảnh thay đổi bất ngờ và làm người ta sửng sốt như thế. Không khí mặt trận vẫn còn bám mãi theo đoàn tàu trên suốt chặng đường tới Barcelona, cũng vẫn cảnh tượng bắn tỉa, ôn ào, lộn xộn, quần áo rách nát, thiếu thốn, tình đồng đội và bình đẳng. Đoàn tàu đã đầy nhóc lính khi rời Barbastro rồi, thế mà ga nào cũng có người lên, đấy là những người nông dân với những bó rau, những con gà bị xách lộn đầu xuống dưới, với những bao tải buộc túm lại và vắt khắp sàn tàu, sau này mới biết là đựng những chú thỏ còn sống nguyên – và cuối cùng là một bày cừu, được lùa vào mọi góc trống trên toa. Lính tráng gào lên những bài hát cách mạng và thấy bóng cô nào bên đường là họ hôn gió hoặc đưa khăn mùi xoa nửa đỏ nửa trắng vẫy theo. Những chai vang, chai anis, một loại rượu rất khó uống của vùng Aragone, được truyền từ tay người nọ sang tay người kia. Với những cái túi đựng rượu làm bằng da dê của người Tây Ban Nha, người ngồi đầu toa có thể phun thẳng rượu vào mồm người ngồi cuối toa, đỡ được khối chuyện phiền phức. Ngồi cạnh tôi là một chú nhóc, mắt đen láy, chỉ khoảng mười lăm tuổi thao thao bất tuyệt suốt cả chặng đường, còn hai người đàn ông da rám nắng thì ngồi, miệng há hốc như nuốt lấy từng lời câu chuyện giật gân, mà tôi cho là bịa đặt một trăm phần trăm, của cậu ta. Sau đó mấy người nông dân này mở túi và mời chúng tôi uống loại rượu màu đỏ thắm của họ. Mọi người đều rất vui vẻ, vui không bút nào tả xiết. Nhưng khi tàu rời Sabadell và đỗ lại ở Barcelona, thì những người xung quanh bỗng có thái độ xa cách và thù nghịch với chúng tôi và những người giống như chúng tôi chẳng khác gì tình cảm của những người ở Paris và London.

Bất kì ai từng tới Barcelona vài lần, cách nhau vài ba tháng, trong thời gian chiến tranh, đều nhận ra ngay những thay đổi bất thường ở đấy. Và điều ngạc nhiên là dù đến lần đầu vào tháng tám và trở lại vào tháng giêng năm sau hay đến vào tháng mười hai và trở lại vào tháng tư, như trường hợp của tôi, thì mọi người cũng đều nói có một chuyện như nhau: tinh thần cách mạng đã tiêu tan. Dĩ nhiên là những người đến đây vào tháng tám, khi máu trên đường phố vẫn chưa kịp khô và binh lính còn đóng trong các khách sạn sang trọng thì Barcelona vào tháng mười hai đã là thành phố tư sản rồi, nhưng với tôi, một người mới từ Anh sang thì thành phố vẫn là biểu tượng của giai cấp công nhân. Nhưng ngọn triều đã rút. Barcelona lại là một thành phố bình thường, tuy có bị chiến tranh làm cho sút mẻ đôi chút, nhưng ưu thế của giai cấp công

nhân thì đã biến mất từ lâu.

Diện mạo của đám đông thay đổi đến bất ngờ. Quần áo bộ đội và những bộ bảo hộ lao động màu xanh đã gần như biến mất hẳn, hầu như ai cũng mặc những bộ trang phục mùa hè may rất khéo, thợ may Tây Ban Nha có biệt tài về khoản này. Những người đàn ông béo tốt, thành đạt; những người đàn bà thanh lịch và những chiếc xe bóng lộn có mặt khắp nơi. (Hình như vẫn chưa được có xe riêng, tuy nhiên, có vẻ như tất cả những kẻ “ra hồn người” đều có thể sở hữu một chiếc). Sĩ quan Quân đội Nhân dân nhan nhản khắp nơi, hồi rời Barcelona tôi hầu như chưa trông thấy người nào. Cứ mười chiến sĩ thì có một sĩ quan. Một số người phục vụ trong các đơn vị dân quân và được đưa về đây chỉnh huấn, nhưng đa số là những thanh niên trẻ, vào các trường võ bị vì không muốn đi dân quân. Quan hệ của họ với chiến sĩ dưới quyền không hoàn toàn giống như quan hệ trong quân đội tư sản, nhưng phân biệt đẳng cấp thì rõ ràng là có, phụ cấp khác nhau, quân phục cũng khác nhau. Chiến sĩ mặc áo liền quần, vải thô, màu nâu, còn sĩ quan thì mặc đồng phục kaki, trang nhã, bó sát lấy người, giống như sĩ quan quân đội Anh, nhưng đẹp hơn một chút. Tôi ngờ rằng trong hai mươi người thì mới có một người từng ra mặt trận, nhưng anh nào cũng có một khẩu súng lục đeo kè kè bên hông, ngoài mặt trận có bao nhiêu tiền cũng không thể mua được một khẩu như thế. Khi đi trên đường, dân chúng cứ nhìn chăm chăm vào những bộ quần áo bảnh bảnh của chúng tôi. Dĩ nhiên là, giống như tất cả những người lính đã từng ở mặt trận vài ba tháng, bộ dạng của chúng tôi chắc là khủng khiếp lắm. Tôi biết mình trông chẳng khác gì một thằng bù nhìn giữ dưa. Chiếc áo khoác bằng da đã rách tơi tả, cái mũ len thì chẳng còn hình thù gì, đôi khi lại còn xệ xuống, che hết cả mắt, đôi ủng thì gần như chỉ còn phần trên. Tất cả chúng tôi, ít nhiều đều giống như thế, ngoài ra, tóc tai thì bù xù và cáu ghét nữa, trách gì dân chúng chẳng nhìn. Nhưng chuyện đó chỉ hơi làm tôi thất vọng thôi, có cảm tưởng rằng những chuyện lạ lùng nào đó đã xảy ra ở đây trong ba tháng qua.

Mấy ngày sau tôi còn phát hiện ra nhiều chỉ dấu chứng tỏ cảm tưởng ban đầu của mình là đúng. Thành phố đã biến đổi một cách sâu sắc. Có thể thấy ngay hai sự kiện chính. Một là dân chúng, tức là những người dân thường, đã hầu như không còn quan tâm đến chiến tranh nữa; thứ hai, xã hội đã lại chia thành kẻ giàu, người nghèo, thành giai cấp thượng lưu và hạ lưu như cũ.

Thái độ bàng quan đối với cuộc chiến làm người ta phải ngạc nhiên, thậm chí kinh tởm. Nó làm cho những người đến từ Madrid, thậm chí từ Valencia phát hoảng. Một phần là do Barcelona nằm quá xa mặt trận; một tháng sau, ở Tarragona, một thành phố sang trọng ngay trên bờ biển, nơi cuộc sống thường ngày hầu như không bị xoá trộn, tôi cũng thấy dân chúng có thái độ như thế. Quan trọng là, bắt đầu từ tháng giêng, số người tình nguyện trên khắp Tây Ban Nha đã giảm hẳn. Tháng hai ở Catalonia một không khí hào hứng diễn ra xung quanh cuộc tuyển quân lớn đầu tiên, nhưng số người nhập ngũ gia tăng không đáng kể. Chiến tranh mới kéo dài khoảng sáu tháng, thế mà chính phủ Tây Ban Nha đã phải dùng đến biện pháp bắt lính, sẽ là bình thường nếu đây là chiến tranh ở nước ngoài, nhưng nội chiến thì lại là chuyện khác. Chắc chắn đây là do người ta đã không còn hi vọng nhiều vào cách mạng như hồi đầu nữa. Các đoàn viên công đoàn tự động tham gia lực lượng dân quân và trong mấy tuần đầu đã đẩy quân phát xít đến tận Zaragoza vì họ tin rằng đang chiến đấu cho chính quyền của giai cấp công nhân. Nhưng càng ngày càng thấy rõ là chính quyền của giai cấp công nhân đã thất bại, và

không thể trách những người dân thường, nhất là giai cấp vô sản thành phố, trong bất kì cuộc chiến tranh nào, nội chiến hay ở bên ngoài, thì đây cũng là những người phải đứng lính trước tiên. Không ai muốn thua, nhưng đa số chỉ muốn làm sao chấm dứt cho nhanh. Có thể thấy điều đó ở khắp mọi nơi. Ở đâu cũng thấy người ta nói một câu chiếu lệ: “Cuộc chiến này khủng khiếp quá. Bao giờ mới kết thúc nhỉ?” Những người có ý thức chính trị hiểu rõ cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa phái vô chính phủ và phái cộng sản hơn là cuộc chiến chống lại Franco. Còn đối với đa số dân chúng thì thiếu lương thực là vấn đề quan trọng nhất. “Mặt trận” thì xa xôi huyền bí, đây là nơi các chàng trai trẻ ra đi mà không trở về hoặc là trở về sau ba bốn tháng, túi rỗng rình tiền. (Binh lính thường được trả toàn bộ tiền lương khi đi phép). Những người bị thương, ngay cả khi họ phải chống nạng, cũng chẳng được mấy người quan tâm. Lính tráng không còn được hâm mộ nữa. Các cửa hàng, bao giờ cũng là hàn thử biểu của thị hiếu xã hội, cho ta thấy rõ điều đó. Khi tôi đến Barcelona lần đầu, các cửa hàng - nghèo nàn và tàn tạ - bán chủ yếu là đồ quân dụng. Quầy hàng nào cũng có mũ bộ đội, áo khoác, thắt lưng to bản, dao đi rừng, bi đông đựng nước, bao súng lục. Bây giờ các cửa hàng đều trông sang trọng hơn, nhưng chiến tranh đã lùi về dĩ vãng. Sau này, trước ngày lên đường trở lại mặt trận, tôi có đi mua sắm và phát hiện ra rằng một số thứ ngoài mặt trận không có không được nhưng lại rất khó mua.

Trong khi đó người ta lại tiến hành chiến dịch tuyên truyền có hệ thống nhằm chống lại lực lượng dân quân của các đảng phái và ủng hộ Quân đội Nhân dân. Tình hình thật là lạ lùng. Về lý thuyết, ngay từ tháng hai tất cả các lực lượng vũ trang đều đã hợp nhất vào Quân đội Nhân dân. Dân quân, đây là nói theo giấy tờ, cũng là một phần của Quân đội Nhân dân, với những mức lương và quân hàm quân hiệu khác nhau..v.v.. và ..v.v.. Các sư đoàn được thành lập trên cơ sở “các trung đoàn hỗn hợp”, bao gồm cả các đơn vị quân đội chính qui lẫn các đơn vị dân quân. Nhưng trên thực tế, chỉ có tên gọi là thay đổi mà thôi. Thí dụ như các đơn vị của P.O.U.M., trước đây là sư đoàn Lenin thì nay là sư đoàn 29. Đến mãi tháng 6 vẫn chỉ có vài đơn vị Quân đội Nhân dân đến được mặt trận Aragon, và kết quả là dân quân vẫn giữ được cơ cấu riêng và tính chất đặc thù của mình. Nhưng trên bức tường nào người ta cũng thấy khẩu hiệu do nhân viên chính phủ viết: “Chúng ta cần Quân đội Nhân dân!”, còn đài và báo chí cộng sản thì không ngừng tấn công, thậm chí đôi khi với những lời lẽ độc địa, chống lại lực lượng dân quân. Họ bảo là dân quân không được đào tạo bài bản, thiếu tinh thần kỉ luật ..v.v.. và ..v.v.. còn Quân đội Nhân dân thì được gọi là “anh hùng”. Phần nhiều là do cách tuyên truyền như thế mà người ta có cảm giác xấu hổ vì đã tình nguyện ra mặt trận, trong khi cứ ở nhà chờ nhập ngũ lại có vẻ như được tán dương. Trong khi đó, chính lực lượng dân quân lại là người bảo vệ chiến tuyến, còn Quân đội Nhân dân thì đang luyện tập ở hậu phương, nhưng người ta đã cố tình bỏ qua chuyện này. Các đơn vị dân quân trở lại mặt trận đã không còn diễu qua thành phố với tiếng trống trận và cờ hoa nữa. Họ được đưa đi một cách lặng lẽ bằng tàu hoả hay xe tải ngay từ lúc năm giờ sáng. Lúc đó một vài đơn vị của Quân đội Nhân dân cũng bắt đầu lên đường ra mặt trận; các đơn vị này, cũng như trước đây, vẫn được đưa tiễn một cách trọng thể. Nhưng việc đưa tiễn các đơn vị này, do mối quan tâm chung đối với cuộc chiến đã phai nhạt nhiều, cũng chẳng được hào hứng như xưa. Sự kiện là về mặt giấy tờ thì dân quân là thành phần của Quân đội Nhân dân đã được bộ máy tuyên truyền lợi dụng một cách khéo léo. Tất cả thắng lợi đều được tự động gán cho Quân đội Nhân dân, còn thất bại thì bao giờ cũng là do dân quân mà ra.

Đôi khi có cả chuyện là một đơn vị được ca ngợi, rồi lại bị phê bình, chỉ vì khi thì người ta bảo đấy là Quân đội Nhân dân, lúc lại gọi họ là dân quân.

Ngoài tất cả những chuyện đó ra, tình hình xã hội cũng đã có những thay đổi rất đáng chú ý. Người không có kinh nghiệm thực tế thì thật khó mà hiểu được. Lần đầu tiên tới Barcelona, tôi nghĩ rằng thành phố này hầu như không có sự phân biệt giai cấp và không có cách biệt quá lớn về tài sản. Chắc chắn là tình hình đã trông có vẻ như thế. Chẳng mấy khi thấy người mặc diện, không có hiện tượng xun xoe hay đòi tiền trà thuốc, từ anh hầu bàn đến chị bán hoa hay gã đánh giày đều nhìn thẳng và gọi người đối diện là “đồng chí”. Lúc đó tôi đã không nhận ra rằng đấy chính là sự pha trộn giữa khát vọng và giả trá. Giai cấp công nhân tin vào cuộc các mạng đã khởi đầu nhưng không bao giờ kết thúc này, còn bọn tư sản thì sợ và tạm thời đóng giả làm công nhân. Trong những tháng đầu tiên, chắc chắn là phải có hàng ngàn người sẵn sàng chui vào bộ quần áo bảo hộ lao động và gào lên những khẩu hiệu cách mạng, muốn sống thì phải làm như thế. Bây giờ mọi sự đã trở lại bình thường. Nhà hàng và khách sạn sang trọng lúc nào cũng chật cứng, đấy là những người giàu có, được ăn đủ thứ sơn hào hải vị, trong khi giai cấp công nhân chạy ăn từng bữa, giá cả leo thang khủng khiếp mà tiền lương thì tăng không đáng kể. Ngoài chuyện mọi thứ đều đắt đỏ, còn không có cả hàng hoá nữa, mà cái này thì dĩ nhiên là bao giờ cũng ảnh hưởng đến người nghèo hơn người giàu. Nhà hàng, khách sạn có vẻ như chẳng gặp mấy khó khăn, muốn mua gì cũng được, nhưng trong các khu lao động thì người mua bánh mì, mua dầu ôliu và những nhu yếu phẩm khác phải xếp hàng dài cả mấy trăm mét [26]. Trước đây tôi đã lấy làm ngạc nhiên vì Barcelona không có người ăn mày, nhưng bây giờ ở đây nhiều ăn mày lắm. Bên ngoài cửa hàng đồ ăn chế biến sẵn ở đầu phố Ramblas bao giờ cũng có một đám trẻ con chân trần đứng đợi, hễ có người ra là chúng bao vây và ngửa tay xin một ít dầu thừa đuôi thẹo. Ngôn ngữ “cách mạng” đã không còn được sử dụng nữa. Bây giờ, người ta ít khi gọi bạn là tú (anh) hay camarada (đồng chí), người ta thường sử dụng cách xưng hô cũ señor (ngài) hay usted (ông) . Buenos días đã bắt đầu thay thế cho salud. Hầu bàn đã quay về với những chiếc áo sơ mi là cứng, còn người bán hàng thì lại có thái độ xun xoe như cũ. Hai vợ chồng tôi vào một cửa hàng dệt kim trên phố Ramblas để mua mấy đôi tất. Anh nhân viên bán hàng cúi gập người và liên tục xoa hai tay vào nhau, thái độ xun xoe còn hơn cả nhân viên bán hàng ở Anh hiện nay, mặc dù cách đây hai ba mươi năm họ vẫn thường làm như thế. Tiền lót tay đã ngấm ngấm quay trở lại. Các đội tuần tra của công nhân đã bị giải tán, lực lượng cảnh sát thời trước chiến tranh đã xuất hiện trở lại trên đường phố. Kết quả là hộp đêm và các nhà chứa sang trọng, mà một thời đã bị các đội tuần tra công nhân cấm chỉ, đã vội vã mở cửa trở lại [27]. Mọi thứ đều nhằm thoả mãn nhu cầu của những người có của, thí dụ nhỏ nhưng khá rõ là cảnh thiếu thuốc lá. Thiếu đến mức người ta bán cả những điếu thuốc vắn từ rễ cây cam thảo. Tôi đã thử hút một lần. (Nhiều người đã thử hút một lần). Franco chiếm giữ quần đảo Canary, khu vực trồng thuốc lá chính của Tây Ban Nha. Chính phủ chỉ còn trong kho số thuốc được sản xuất từ trước chiến tranh. Dự trữ còn ít đến mức cửa hàng bán thuốc chỉ mở mỗi tuần một lần. Phải xếp hàng vài tiếng đồng hồ và may lắm thì mới mua được một bao bé tí. Về lí thuyết, chính phủ không cho nhập thuốc lá vì sẽ làm hao hụt số vàng dự trữ dùng để mua vũ khí và những thứ cần thiết khác. Nhưng trên thực tế, việc nhập lậu các loại thuốc lá đắt tiền, như Lucky Strikes, vẫn diễn ra thường xuyên. Bọn buôn lậu tha hồ hốt bạc. Có thể công khai mua thuốc lá nhập lậu trong các khách sạn sang trọng, thậm chí ngay trên đường phố, tuy phải

lén lút một chút, với giá là mười peseta (tiền lương một ngày của dân quân) một bao. Buôn lậu có lợi cho người giàu vì thế mà được lờ đi. Nếu có tiền, có thể mua đủ thứ, bao nhiêu cũng được, trừ mỗi bánh mì là món được phân phối tương đối nghiêm chính. Cách đây mấy tháng, khi công nhân còn kiểm soát hay có vẻ như còn kiểm soát tình hình, không thể nào xảy ra cảnh cách biệt giàu nghèo như thế được. Nhưng sẽ là bất công nếu quy tất cả cho sự thay đổi cho chính quyền. Một phần là do cuộc sống an toàn ở Barcelona, nếu thỉnh thoảng không có vài vụ không kích thì chẳng có gì gọi là chiến tranh hết. Ở Madrid tình hình khác hẳn, tất cả những người đã đến đây đều nói như thế. Mỗi nguy hiểm treo trên đầu đã buộc mọi người phải có tinh thần đồng đội. Thật là kinh tởm khi thấy một người đàn ông béo tốt nhai chim cú trước mặt mấy đứa trẻ ăn xin, nhưng bạn sẽ khó gặp cảnh tượng đó khi súng đại bác gầm rú xung quanh.

Có lần, một hay hai ngày sau những trận đánh diễn ra trên đường phố, tôi có đi ngang qua một dãy phố sang trọng và nhìn thấy cửa hàng bánh kẹo bày đầy những loại bánh nướng và kẹo sang trọng với giá cao đến chóng mặt. Bạn có thể thấy những cửa hàng như thế trên phố Bond Street ở London hay Rue de la Paix ở Paris. Tôi nhớ mình đã phát hoảng và ngạc nhiên khi nghĩ rằng người ta có thể dùng tiền để mua những món hàng như thế ở cái đất nước bị chiến tranh tàn phá và nghèo đói này. Nhưng xin Chúa tha tội cho tôi vì đã làm ra vẻ cao đạo như thế. Sau mấy tháng thiếu thốn, tôi cảm thấy thèm đủ thứ món ngon, thèm rượu vang, thèm còctai, thèm thuốc lá Mỹ và nhiều thứ khác nữa; phải công nhận là tôi đã chẳng từ bất cứ món hàng xa xỉ nào, miễn là có đủ tiền để mua. Trong tuần đầu tiên, trước khi diễn ra những trận đánh trên đường phố, tôi đã làm liền một lúc mấy việc liên quan với nhau. Thứ nhất, như đã nói, tôi lao vào hưởng thụ để bù cho những ngày kham khổ. Thứ hai, vì ăn nhiều, uống lắm mà tôi cảm thấy hơi mệt suốt cả tuần liền. Tôi cảm thấy khó chịu, thế là leo lên giường nằm suốt nửa ngày, vừa dậy đã lại chén một bữa ra trò và lại cảm thấy mệt. Cũng thời gian đó tôi đã bí mật đàm phán để mua một khẩu súng lục. Tôi rất cần một khẩu súng lục, khi đánh giáp lá cà súng lục hiệu quả hơn súng trường, nhưng khó kiếm lắm. Chính phủ chỉ phát súng lục cho cảnh sát và sĩ quan Quân đội Nhân dân, không phát cho dân quân. Phải tự mua, dĩ nhiên là bất hợp pháp, từ những kho hàng bí mật của bọn vô chính phủ. Rất nhiều rắc rối và phiền toái, nhưng cuối cùng, một anh bạn trong đội quân vô chính phủ cũng tìm cách mua được cho tôi khẩu súng lục tự động 26 li nhỏ tí, chẳng có mấy giá trị, chỉ có khả năng sát thương trong vòng chưa đến năm mét [\[28\]](#), nhưng có còn hơn không. Ngoài ra, tôi còn chuẩn bị rút khỏi lực lượng dân quân của P.O.U.M. và chuyển sang đơn vị khác với mục đích là được điều đến mặt trận Madrid.

Trước đây tôi từng nói với mọi người rằng sẽ đi khỏi lực lượng P.O.U.M. Nếu chỉ theo sở thích cá nhân thì tôi thích gia nhập đội quân vô chính phủ hơn. Khi đã là thành viên C.N.T. thì có nhiều khả năng là sẽ được gia nhập lực lượng dân quân F.A.I., nhưng có người bảo với tôi rằng F.A.I. muốn đưa tôi đến mặt trận Teruel chứ không phải Madrid. Nếu tôi muốn đến mặt trận Madrid thì tôi phải ra nhập Binh đoàn Quốc tế, mà như thế lại cần có lời giới thiệu của một đảng viên Cộng sản. Tôi tìm được một người bạn là đảng viên, đang công tác trong lực lượng y tế Tây Ban Nha và kể cho anh ta nghe trường hợp của mình. Anh ta có vẻ như rất muốn tuyển mộ tôi và bảo tôi nếu có thể thì thuyết phục thêm vài người Anh nữa trong lực lượng I.L.P. cùng đi với tôi. Nếu sức khỏe của tôi khá hơn thì tôi đã đồng ý ngay lúc ấy rồi. Bây giờ thật khó mà nói nếu tôi đi thì sẽ như thế nào. Có nhiều khả năng là tôi đã được đưa tới Albacete trước khi

xảy ra những trận đánh trên đường phố ở Barcelona. Trong trường hợp đó, vì không thấy những trận đánh ở cự li gần, có thể tôi đã chấp nhận luận điệu tuyên truyền của chính phủ. Mặt khác, nếu tôi chịu sự chỉ huy của quân cộng sản trong thời gian diễn ra trận chiến ở Barcelona mà thâm tâm vẫn trung thành với đồng đội trong lực lượng P.O.U.M., thì hoàn cảnh của tôi thật là tiến thoái lưỡng nan. Nhưng tôi còn một tuần phép nữa, tôi rất muốn củng cố lại sức khỏe trước khi lên đường ra mặt trận. Ngoài ra — những chuyện vặt vãnh như thế lại thường quyết định số phận người ta — tôi phải đợi người thợ giày khâu xong đôi ủng mới. (Quân đội Tây Ban Nha không làm được những đôi giày to như của tôi). Tôi bảo người bạn đảng viên là sẽ quyết định sau. Còn bây giờ tôi muốn nghỉ đã. Thậm chí tôi còn nghĩ hay là chúng tôi, tức là tôi và bà xã đi tắm biển vài ngày. Thật là một ý tưởng hay! Nhưng tình hình chính trị cho thấy đây là những việc không thể làm được vào lúc này.

Vì bên dưới vẻ ngoài của một thành phố ở hậu phương, bên dưới cảnh xa hoa và nghèo túng đang gia tăng của nó, bên dưới cảnh hào nhoáng của các đường phố với những quán bán hoa, những lá cờ đầy màu sắc, những biểu ngữ tuyên truyền và đám đông ồn ào của nó, ẩn chứa một cảm giác kinh hoàng và không thể nào lường được về lòng hận thù và cuộc đấu tranh chính trị đang diễn ra. Dân chúng, dù thuộc trường phái nào, cũng đều tiên đoán: “Rắc rối đến nơi rồi”. Nguy cơ cũng đơn giản và dễ hiểu. Đây là sự đối đầu giữa những người muốn đưa cách mạng tiến lên và những người muốn trì hoãn hoặc ngăn chặn – rút cục lại là sự đối đầu giữa những người vô chính phủ và những người cộng sản. Toàn bộ quyền lực chính trị ở Catalonia nằm trong tay các đơn vị P.S.U.C. và đồng minh của họ là lực lượng của phái Tự do. Nhưng còn lực lượng C.N.T. nữa, không biết là mạnh đến mức nào, trang bị kém hơn và mục tiêu cũng không rõ rệt bằng đối thủ, song lại đông và nắm giữ được những ngành công nghiệp then chốt. Trong tình hình phân bố lực lượng như thế, rắc rối là không thể tránh được. Chính quyền Catalonia, do P.S.U.C. kiểm soát, cho rằng muốn bảo vệ được địa vị của mình thì việc đầu tiên là phải tước vũ khí đang nằm trong tay công nhân C.N.T. Như tôi đã nói trước đây, giải tán các đơn vị dân quân là để nhằm mục đích đó. Đồng thời, người ta tiến hành khôi phục lại và tăng cường cho các lực lượng cảnh sát và bảo vệ vũ trang, có từ trước chiến tranh. Không có gì khó hiểu cả. Lực lượng bảo vệ vũ trang, tương tự như hiến binh ở các nước khác, trong gần một trăm năm qua vẫn làm nhiệm vụ vệ sỹ cho những người giàu có. Đồng thời, lại có lệnh thu hồi hết vũ khí do cá nhân nắm giữ. Lệnh đó đương nhiên là không được thực hiện, rõ ràng là chỉ có dùng vũ lực thì mới có thể tước được vũ khí của quân vô chính phủ. Suốt thời gian đó lại có tin đồn, thường là mơ hồ và mâu thuẫn vì báo chí bị kiểm duyệt, về những vụ đụng độ nhỏ xảy ra trên khắp vùng Catalonia. Ở một vài nơi cảnh sát vũ trang đã tấn công các vị trí của quân vô chính phủ. Ở Puigcerda, trên biên giới với Pháp, một đơn vị cảnh sát vũ trang được lệnh chiếm trụ sở Hải quan do quân vô chính phủ giữ. Antonio Martin, một người vô chính phủ nổi tiếng bị giết chết trong trận này. Những sự cố tương tự như thế từng xảy ra ở Figueras và theo tôi biết thì ở cả Tarragona nữa. Một loạt những cuộc bãi công không chính thức cũng đã xảy ra ở khu lao động ngoại ô. Có thời thành viên của C.N.T. và U.G.T. còn giết lẫn nhau. Đôi khi, sau những vụ giết chóc là những đám tang có tính khiêu khích với rất nhiều người tham gia, rõ ràng là có ý kích động hận thù chính trị. Một thời gian ngắn trước đây, có một thành viên C.N.T. bị hạ sát, và C.N.T. đã tổ chức một đám tang với hàng trăm ngàn người tham gia. Cuối tháng tư, ngay sau khi tôi tới Barcelona thì ông Roldan, một nhân vật xuất chúng của U.G.T. bị người của C.N.T.

giết. Chính phủ hạ lệnh tất cả các cửa hàng đều phải đóng cửa và tổ chức một đám tang vô cùng lớn, chủ yếu là các đơn vị Quân đội Nhân dân tham gia. Đoàn đưa tang kéo dài đến hai tiếng đồng hồ. Tôi đứng trong cửa sổ khách sạn nhìn theo đoàn đưa tang mà lòng lạnh băng. Rõ ràng, đám tang chỉ là cách phô trương lực lượng, chỉ cần tiến thêm một bước ngắn nữa là sẽ có cảnh đầu rơi máu chảy. Ngay đêm đó vợ chồng tôi đã bị đánh thức bởi một tiếng nổ trên quảng trường de Catalunya, cách khách sạn của chúng tôi từ một đến hai trăm mét [\[29\]](#). Hôm sau chúng tôi nghe nói rằng một thành viên C.N.T. đã bị hạ sát. Thủ phạm được cho là người của U.G.T. Rất có thể là có bàn tay của những tên khiêu khích trong những vụ giết chóc này. Có thể thấy thái độ của báo chí tư sản ngoại quốc đối với mỗi thâm thù giữa cộng sản và vô chính phủ: họ nói rất nhiều về cái chết của Roland, nhưng vụ trả đũa sau đó thì bị im đi.

Ngày 1 tháng 5 đang tới gần và người ta nói tới một cuộc biểu tình cực lớn, cả C.N.T. và U.G.T. sẽ cùng tham gia. Những người lãnh đạo của C.N.T., có thái độ ôn hoà hơn nhiều thành viên của họ, từ lâu đã tìm cách hoà giải với U.G.T.; mục tiêu của họ là hợp nhất hai tổ chức công đoàn thành một liên minh cực lớn. Ý tưởng là C.N.T. và U.G.T. sẽ cùng diễu hành và thể hiện tình đoàn kết của họ. Nhưng cuộc diễu hành đã bị huỷ bỏ vào phút chót. Rõ ràng là cuộc diễu hành sẽ dẫn tới bạo động. Kết quả là không có tổ chức kỉ niệm ngày 1 tháng 5. Thật là kì quặc. Barcelona, được gọi là thành phố cách mạng, có thể là thành phố duy nhất trong vùng phi-phát xít ở châu Âu không tổ chức kỉ niệm ngày này. Nhưng tôi công nhận là đã thở phào nhẹ nhõm. Theo kế hoạch thì người của I.L.P. sẽ cùng diễu hành với các đơn vị của P.O.U.M. và mọi người đều cho là sẽ có rắc rối. Tôi chẳng muốn dính líu vào những vụ đánh nhau vô nghĩa trên đường phố một tí nào. Bước đi trên đường phố, dưới những lá cờ đỏ với những câu khẩu hiệu làm chấn động lòng người để rồi bị hạ sát bởi một phát súng tiểu liên do một người hoàn toàn xa lạ bắn ra từ cửa sổ ngôi nhà bên cạnh – không, tôi nghĩ rằng cái chết của mình phải hữu ích hơn.

Giữa trưa ngày 3 tháng 5, một người bạn ở phòng chờ khách sạn tình cờ bảo: “Nghe nói có rắc rối ở tổng đài điện thoại.” Lúc đó tôi đã không chú ý đến câu nói của anh ta.

Khoảng ba bốn giờ chiều hôm đó, lúc đang đi trên phố Ramblas tôi bỗng nghe thấy mấy tiếng súng nổ ở phía sau. Tôi quay lại và nhìn thấy mấy thanh niên tay cầm súng, cổ quàng khăn của quân vô chính phủ nửa đỏ nửa đen, đang chạy vào con đường dẫn lên hướng bắc, cắt ngang phố Ramblas. Có lẽ họ vừa bắn nhau với người ngồi trên cái tháp bát giác – tôi nghĩ đấy là nhà thờ - nhìn xuống con đường đó. Tôi nghĩ ngay: “Bắt đầu rồi!” Ý nghĩ ấy hoàn toàn không làm tôi ngạc nhiên. Đã mấy ngày nay ai cũng tin rằng “nó” có thể bắt đầu bất cứ lúc nào. Tôi cho là mình phải quay lại khách sạn ngay lập tức để xem bà xã có việc gì không. Nhưng có mấy người thuộc đội quân vô chính phủ đứng ở ngã tư vẫy tay ra hiệu cho dân chúng quay lại và quát tháo bảo họ không được đi ngang qua trận địa. Tiếng súng lại vang lên. Đạn bắn từ trên tháp xuống, đám đông hốt hoảng chạy dọc theo phố Ramblas, mọi người đều tìm cách tránh xa chỗ bắn nhau. Có thể nghe thấy tiếng kim loại va vào nhau suốt dọc dãy phố, đấy là tiếng cửa kéo bằng sắt trước các quầy hàng đang được đóng lại. Tôi nhìn thấy hai người sỹ quan Quân đội Nhân dân tay đặt trên bao súng lục, đang thận trọng lùi lại sau hàng cây. Đám đông chạy xuống ga tàu điện ngầm nằm giữa phố Ramblas. Tôi quyết định ngay lập tức là không đi theo họ. Có thể bị kẹt ở dưới đó hàng tiếng đồng hồ.

Lúc ấy có một viên bác sỹ người Mỹ, ông này đã từng ở mặt trận với chúng tôi, chạy tới và nắm lấy tay tôi. Ông ta có vẻ rất xúc động.

“Đi thôi, chúng ta phải đến ngay khách sạn Falcón”. (Khách sạn Falcón là kiểu nhà tập thể do lực lượng P.O.U.M. cai quản và chủ yếu là dành cho dân quân đi phép sử dụng). “Quân P.O.U.M. sẽ tập trung ở đây. Rắc rối rồi! Chúng ta phải tập trung lại một chỗ”.

“Nhưng chuyện quái quái này là thế nào ấy nhỉ?” – Tôi hỏi.

Ông bác sỹ tiếp tục kéo tay tôi. Vì quá xúc động ông ta chẳng nói được chuyện gì rõ ràng cả. Có vẻ như ông ta đã có mặt trên quảng trường de Cataluña khi có mấy chiếc xe tải chở lực lượng bảo vệ vũ trang tiến về phía tổng đài điện thoại do công nhân thuộc C.N.T. vận hành, rồi bất ngờ tấn công tổng đài. Quân vô chính phủ đến và thế là xảy ra đánh nhau. Tôi hiểu ra là “rắc rối” mà anh bạn nói sáng nay chính là yêu cầu của chính phủ đòi nắm tổng đài nhưng dĩ nhiên là đã bị từ chối.

Có một chiếc xe tải chở đầy quân vô chính phủ, súng trường lăm lăm trong tay chạy ngược lại hướng với chúng tôi. Ở đằng trước xe có một thanh niên ăn mặc rách rưới nằm trên đồng nệm với một khẩu trung liên. Khi chúng tôi tới khách sạn Falcón, nằm ở cuối phố Ramblas, thì đã có một đám đông tập trung tại tiền sảnh. Khung cảnh cực kì hỗn loạn, không ai biết phải làm gì, và cũng chỉ có mấy chiến sỹ xung kích làm nhiệm vụ bảo vệ toà nhà là có vũ khí mà thôi. Tôi đi sang khu vực Ủy ban P.O.U.M., nằm ở bên kia đường. Ở tầng trên, trong căn phòng nơi dân quân thường đến lĩnh lương cũng có một đám đông đang hò hét. Tôi thấy một người đàn

ông, cao, gầy, xanh xao nhưng bánh trai, mặc thường phục vừa cổ găng vẫn hồi trật tự vừa lấy thắt lưng cùng với những hộp đạn vút thành đồng trong góc phòng ra phân phát cho mọi người. Hình như không có súng. Tay bác sỹ đã biến đầu mất, chắc là có người bị thương, cần bác sỹ, nhưng lại thấy một người Anh nữa đi tới. Sau đó, người đàn ông cao gầy ban nãy cùng với mấy người nữa đem súng trường từ phòng bên trong ra phát cho mọi người. Vì là người nước ngoài cho nên lúc đầu tôi và tay người Anh kia không được phát súng, họ có vẻ nghi ngờ chúng tôi. Rồi có một tay dân quân mà tôi đã quen ở ngoài mặt trận xuất hiện, anh ta cũng nhận ra tôi, lúc đó người ta mới miễn cưỡng phát súng với vài băng đạn cho chúng tôi.

Có tiếng súng từ đằng xa vọng lại, đường phố vắng ngắt. Mọi người đều nói rằng bây giờ không thể đi trên phố Ramblas được nữa. Lực lượng bảo vệ vũ trang đã chiếm tất cả các cao điểm và nã đạn xuống người đi đường. Tôi sẵn sàng liều mạng và đã định quay lại khách sạn, nhưng lại có tin nói rằng Ủy ban có thể bị tấn công bất cứ lúc nào, tốt nhất là mọi người nên ở lại. Trong tất cả các phòng, trên cầu thang, ngoài vỉa hè, chỗ nào cũng có một nhóm người tụ tập, bàn tán sôi nổi. Nhưng dường như chẳng ai nắm được tình hình. Điều duy nhất tôi biết là lực lượng bảo vệ vũ trang đã tấn công tổng đài điện thoại và đã chiếm được những vị trí chiến lược, có thể khống chế những toà nhà do công nhân kiểm soát. Mọi người đều có cảm tưởng là lực lượng bảo vệ vũ trang đang chống lại C.N.T. và chống lại toàn thể giai cấp công nhân. Có thể dễ dàng nhận ra là lúc đó chưa có người nào lên tiếng phê phán chính phủ. Các giai cấp cần lao ở Barcelona căm ghét lực lượng bảo vệ vũ trang và có vẻ như họ tin chắc rằng lực lượng này đã tự ý tấn công. Sau khi nghe được tình hình như thế tôi thấy đầu óc thanh thản hơn. Vấn đề thế là đã rõ. Một bên là lực lượng thuộc C.N.T., còn bên kia là cảnh sát. Tôi không có tình cảm đặc biệt nào đối với người “công nhân” đã được lí tưởng hoá, như những người cộng sản trong các nước tư bản vẫn nghĩ, nhưng khi nhìn thấy người công nhân thực sự bằng xương bằng thịt đang chiến đấu với bọn cảnh sát, tức là chiến đấu với kẻ thù truyền kiếp của họ, thì tôi biết ngay mình cần phải đứng về phía nào.

Đã nhiều giờ trôi qua, nhưng dường như chẳng có gì xảy ra trong cái góc phố này hết. Thế mà tôi lại không nghĩ đến chuyện gọi về khách sạn để hỏi xem bà xã có làm sao không. Tôi tin rằng tổng đài điện thoại đã ngừng làm việc, nhưng hoá ra trên thực tế nó chỉ ngưng có vài giờ. Có khoảng ba trăm người tụ tập trong hai toà cao ốc. Phần lớn là những người rất nghèo, sống trong những khu phố cạnh bờ biển. Khá nhiều phụ nữ, một số bế những đứa con còn ẵm ngửa và một lũ trẻ ăn mặc rách rưới. Tôi nghĩ nhiều người trong số họ không có khái niệm gì về những điều đang diễn ra, họ chạy vào toà nhà của P.O.U.M. đơn giản là để tìm chỗ trú ẩn. Có khá nhiều dân quân đang nghỉ phép và mấy người ngoại quốc nữa. Theo tính toán của tôi thì tuy có rất nhiều người nhưng chỉ có chừng 60 khẩu súng trường. Căn phòng ở tầng trên liên tục bị đám đông vây hãm, họ đòi được cấp súng, nhưng người ta bảo rằng chẳng còn khẩu nào. Có cả những cậu dân quân còn rất trẻ, dường như chúng chỉ coi đây là một trò vui. Mấy cậu này cứ đi lảng vảng hết chỗ này đến chỗ khác và tìm cách xin hoặc lấy trộm súng của người khác. Chẳng bao lâu sau một cậu đã cuỗm được khẩu súng của tôi và biến mất dạng. Thế là tôi lại trở thành trắng tay, chỉ còn mỗi khẩu súng lục với một băng đạn.

Trời tối dần. Tôi bắt đầu cảm thấy đói, nhưng khách sạn Falcón không bán thức ăn. Tôi và một người bạn tìm cách chuồn sang khách sạn của anh ta, cũng ở gần đấy, để kiếm bữa tối.

Đường phố tối mịt và vắng ngắt, không một bóng người, tất cả các cửa sổ đều đóng kín, nhưng chiến lũy thì chưa có. Phải nói mãi người ta mới cho chúng tôi vào, khách sạn đã khoá và chốt hết cửa từ trước rồi. Khi quay lại khách sạn Falcón tôi mới biết là tổng đài vẫn làm việc, tôi đi lên tầng trên để gọi cho bà xã. Nhưng hoá ra ở đây không có số danh bạ điện thoại, mà tôi thì lại không nhớ số khách sạn Continental. Phải đi hết các phòng, mất gần một tiếng đồ hồ tôi mới tìm thấy một cuốn cẩm nang du lịch có ghi số điện thoại khách sạn. Không liên lạc được với bà xã, nhưng tôi đã tìm được John McNair, đại diện của I.L.P. ở Barcelona. Anh ta bảo rằng mọi chuyện đều ổn, chưa ai bị trúng đạn và hỏi tôi tình hình ở Ủy ban. Tôi trả lời rằng mọi chuyện đều bình thường, chỉ tội không có thuốc lá thôi. Tôi chỉ muốn nói đùa cho vui, ai ngờ khoảng một tiếng rưỡi sau thì McNair xuất hiện cùng với hai bao Lucky Strikes. Anh đã phải đi qua những đường phố tối đen như mực, các đơn vị tuần tra của quân vô chính phủ đã hai lần bắt anh dừng lại để kiểm tra giấy tờ. Tôi sẽ không bao giờ quên hành động anh hùng này của anh. Mọi người cùng vui vẻ hút thuốc.

Hầu như cửa sổ nào cũng có người cầm súng đứng gác, bên dưới đường còn có một nhóm thuộc lực lượng xung kích làm nhiệm vụ kiểm soát giấy tờ người qua đường. Một chiếc ô tô chở đơn vị tuần tra của quân vô chính phủ tới, nòng súng lấp lánh ánh thép. Bên cạnh người lái xe là một cô gái, tóc đen, chừng mười tám tuổi, tay giữ khẩu súng máy đặt ngang trên hai đầu gối. Tôi giết thời gian bằng cách lang thang khắp toà nhà, khó mà nắm được đường ngang ngõ dọc của nó. Đâu cũng thấy có rác, bàn ghế gãy, giấy vụn vương vãi khắp nơi, có lẽ đây cũng là thành tố không thể tránh được của mọi cuộc cách mạng. Chỗ nào cũng có người ngủ, trên cái tràng kỷ gãy kê ngoài hành lang có hai người đàn bà nghèo đang bình thản ngủ. Trước khi bị quân P.O.U.M chiếm, toà nhà này vốn là một quán bar. Vài phòng vẫn còn sân khấu, thậm chí có cả một chiếc dương cầm khổng lồ nữa. Cuối cùng tôi đã phát hiện thấy cái mình định tìm: kho chứa vũ khí. Lúc đó tôi không biết là chuyện này rồi sẽ dẫn đến đâu, tôi chỉ biết là mình rất cần một khẩu súng. Tôi thường nghe người ta nói rằng tất cả các đảng đang cạnh tranh với nhau, như P.S.U.C., P.O.U.M., cũng như C.N.T.—F.A.I., đều tích trữ vũ khí ở Barcelona, cho nên tôi không tin là hai toà nhà quan trọng của P.O.U.M. lại chỉ có vỏn vẹn 60 khẩu súng trường. Không có người bảo vệ kho, cánh cửa thì mỏng. Tôi và một tay người Anh nữa đã phá được cửa một cách dễ dàng. Vào đến bên trong chúng tôi mới nhận ra rằng người ta đã nói thật – không còn khẩu súng nào. Chỉ có vài chục khẩu súng trường loại nhỏ, cũ rích và mấy khẩu súng săn, nhưng không có đạn. Tôi quay lại văn phòng để hỏi xem họ có đạn súng lục không. Không có. Chỉ có mấy thùng lựu đạn, một chiếc xe của quân vô chính phủ vừa chở tới. Tôi nhét hai quả lựu đạn vào bao đựng đạn. Đây là loại lựu đạn tự chế, có thể nổ khi lấy que diêm xát vào đầu, thậm chí có thể nổ bất cứ lúc nào.

Mọi người ta đều nằm ngủ ngay trên nền nhà. Trong một căn phòng có tiếng trẻ khóc, khóc đã lâu mà không thấy nín. Tuy là tháng năm, nhưng về đêm trời vẫn lạnh. Tôi dùng dao cắt tấm màn che sân khấu rồi quấn vào người và nằm ngủ được mấy tiếng đồng hồ. Tôi nhớ, đang ngủ thì bỗng giật mình vì chợt nghĩ rằng nếu quấn chặt quá thì mấy quả lựu đạn trong túi kia có thể nổ và xé tung tôi ra thành từng mảnh. Người đàn ông cao và đẹp trai hồi sáng, có lẽ là chi huy, đánh thức tôi dậy vào lúc ba giờ; anh ta đưa cho tôi một khẩu súng trường và bảo đứng gác bên cạnh cửa sổ. Anh ta bảo rằng Salas, giám đốc cảnh sát, kẻ chủ mưu vụ tấn công tổng đài điện thoại đã bị bắt. (Sau này mới biết rằng ông ta mới chỉ bị cách chức. Nhưng tin này đã phụ hoạ

cho ý kiến chung là lực lượng bảo vệ vũ trang đã tự tiện hành động). Trời vừa sáng là dân chúng bắt đầu dựng lên hai chiến lũy, một cái ở gần Ủy ban, cái kia nằm bên cạnh khách sạn Falcón. Đường phố Barcelona được lát bằng những viên đá hình vuông, dễ dàng dựng lên thành những bức tường; bên dưới là sỏi, cũng dễ cho vào bao. Chiến lũy có hình thù kì quặc và lạ mắt lắm, tôi sẵn sàng đổi bất cứ thứ gì để lấy một tấm ảnh mấy chiến lũy này. Người Tây Ban Nha khi đã quyết làm một việc gì đó thì họ rất nhiệt tình; một hàng dài, đàn ông, đàn bà và cả những đứa trẻ bé tí cùng tham gia lật những phiến đá, đặt chúng lên những cái xe cút kít rồi kéo đi hay oằn lưng dưới những bao cát nặng. Một cô gái Đức gốc Do Thái, mặc một cái quần lính quá dài đứng bên cửa ra vào Ủy ban nhìn người dân làm việc, miệng mỉm cười. Khoảng vài giờ sau thì chiến lũy đã cao lút đầu người, phía sau mỗi lỗ châu mai lại có một người cầm súng đứng gác. Lửa đã được nhóm lên sau một chiến lũy và mấy người mang trứng ra rán.

Họ lại mang súng của tôi đi, có vẻ như tôi chẳng có việc gì làm nữa. Tôi và tay người Anh kia quyết định quay lại khách sạn Continental. Rất nhiều tiếng nổ vọng lại từ phía xa, nhưng hình như trên phố Ramblas thì không. Chúng tôi rẽ vào khu chợ bán thức ăn. Chỉ có vài quầy mở cửa, quầy nào cũng đầy người bu quanh, họ là những người lao động sống ở khu vực phía nam Ramblas. Chúng tôi vừa vào đến nơi thì nghe thấy tiếng súng trường nổ chát chúa ở bên ngoài, mảnh kính vỡ từ trên mái nhà bay tứ tung. Dân chúng vội vã chạy tản ra ngoài. Nhưng mấy quầy hàng kia vẫn mở, chúng tôi uống mỗi người một ly cà phê, rồi mua ít pho mát làm từ sữa dê, tôi nhét pho mát vào bên cạnh hai quả lựu đạn. Mấy ngày sau mới thấy quyết định mua pho mát là cực kì đúng đắn.

Ở cái góc phố mà hôm trước tôi trông thấy mấy người vô chính phủ vừa đi vừa bắn bây giờ cũng đã mọc lên một chiến lũy. Người đàn ông đứng đằng sau chiến lũy (lúc đó tôi còn ở bên kia đường) kêu tôi phải thận trọng. Lực lượng bảo vệ vũ trang chiếm giữ tháp chuông nhà thờ bắn vào bất cứ ai đi ngang qua đường. Tôi dừng lại một chút rồi lấy đà chạy qua chỗ trống, chắc chắn là có một viên đạn đã ghim xuống mặt đường ngay phía sau tôi. Khi đã đến gần trụ sở của P.O.U.M., nhưng vẫn ở bên kia đường, tôi còn nghe thấy mấy người thuộc lực lượng xung kích gác cửa hò hét, lần này tôi không hiểu họ nói gì. Tôi bị hàng cây và mấy quầy báo che (giữa phố ở Tây Ban Nha thường có những lối đi bộ khá rộng), không nhìn thấy toà nhà cho nên không biết họ chỉ đi đâu. Tôi vào khách sạn Continental, sau khi biết chắc là mọi thứ vẫn bình thường tôi đi rửa mặt và quay lại trụ sở của P.O.U.M. (cách đây khoảng một trăm mét) để nhận nhiệm vụ. Lúc này thì tiếng súng trường và súng máy đã nổ tứ phía, tưởng như đang ở giữa mặt trận vậy. Tôi tìm được Kopp và đang hỏi xem phải làm gì thì lại nghe thấy một loạt tiếng nổ khủng khiếp ở bên dưới. Tiếng nổ to đến nỗi tôi nghĩ rằng người ta đã bắn chúng tôi bằng đại bác. Nhưng hoá ra đấy chỉ là lựu đạn, nghe to là vì nó nổ ngay ở trong nhà.

Kopp nhìn ra cửa sổ và sau khi thắt dây lưng, anh bảo tôi: "Ta ra ngoài xem sao, đi". Rồi vẫn giữ nguyên vẻ bất cần đời như mọi khi, anh chậm rãi đi xuống cầu thang. Tôi cũng bước theo. Bên trong cửa ra vào có một nhóm chiến sĩ thuộc lực lượng xung kích. Họ đang lăn những trái bom dọc theo vỉa hè, hết như đang chơi bowling vậy. Bom nổ cách đó chừng hai chục mét, tiếng bom cùng với tiếng súng trường rền vang tưởng như muốn rách màng nhĩ. Một cái đầu thấp thoáng hiện ra đằng sau quán báo xây trên giải phân cách giữa phố - đấy là đầu một tay dân quân người Mỹ mà tôi biết khá rõ. Sau này tôi mới hiểu vì sao lại có chuyện như thế. Bên

cạnh toà nhà của P.O.U.M. là khách sạn với một quán café ở tầng trệt, gọi là quán café Moka. Ngày hôm trước có khoảng hai mươi đến ba mươi bảo vệ vũ trang vào quán và khi chiến sự nổ ra thì bất ngờ chiếm lấy toà nhà rồi cố thủ ở bên trong. Có lẽ họ đã được lệnh chiếm quán café làm điểm tựa để sau này tấn công văn phòng của P.O.U.M. Họ đã thử đột kích ngay từ sáng sớm, hai bên bắn nhau, một chiến sĩ xung kích bị thương nặng, bên kia cũng có một bảo vệ vũ trang bị giết. Lực lượng bảo vệ vũ trang chạy trở lại quán café, nhưng khi tay người Mĩ kia đi ra thì bị họ bắn, mặc dù anh ta không có vũ khí. Tay người Mĩ phải nấp vội vào sau quầy báo, còn lính xung kích thì lăn bom để buộc lực lượng bảo vệ vũ trang phải rút vào trong nhà.

Kopp nhìn quanh một lượt rồi bước vội lên phía trước và dùng tay lôi, không cho một anh "lính xung kích" người Đức ném quả lựu đạn mà anh ta vừa dùng răng rút chốt ra. Kopp kêu gọi mọi người hãy tránh xa lối ra vào rồi nói bằng mấy thứ tiếng rằng chúng tôi phải tìm cách tránh một cuộc tắm máu. Sau đó anh bước ra vỉa hè và từ từ tháo khẩu súng lục và đặt nó xuống đất ngay trước mắt lực lượng bảo vệ vũ trang. Hai sĩ quan dân quân người Tây Ban Nha cũng làm như thế. Rồi cả ba người cùng chậm rãi bước vào quán café, nơi lực lượng bảo vệ vũ trang đang cố thủ. Có cho tôi hai mươi bảng tôi cũng chẳng dám làm như thế. Họ bước đi, tay không tắc sắt. Phía trước là những con người hoảng loạn, tay lăm lăm những súng, đạn đã lên nòng. Một người lính bảo vệ, áo sẫm tay, mặt bạc đi vì sợ, đi ra đàm phán với Kopp. Anh ta run rẩy chỉ vào hai quả bom chưa nổ còn nằm trên hè phố. Kopp quay lại và bảo rằng chúng tôi nên cho nổ hai quả bom. Để như thế sẽ nguy hiểm cho khách qua đường. Một lính xung kích lấy súng bắn vào một trong hai quả bom. Bom nổ, nhưng đến phát tứ hai thì trượt. Tôi mượn súng của anh ta rồi quì gối và bắn vào quả thứ hai. Cũng trượt, tôi lấy làm tiếc mà nói như thế. Đây là phát súng duy nhất tôi bắn trong vụ lộn xộn này. Mảnh kính biển hiệu quán café Moka vỡ nằm đầy vỉa hè. Hai chiếc ô tô đậu trước cửa, một chiếc là của Kopp, cũng bị đạn bắn thủng lỗ chỗ, kính chắn gió bị bom làm vỡ tan tành.

Kopp kéo tôi lên tầng trên và giải thích cho tôi biết tình hình. Chúng tôi có nhiệm vụ bảo vệ toà nhà của P.O.U.M., nếu nó bị tấn công. Nhưng lãnh đạo P.O.U.M. đã chỉ thị rằng chỉ tự vệ và nếu có thể tránh được thì không nổ súng. Ngay bên kia đường, trước mặt chúng tôi có một rạp chiếu phim, gọi là Poliorama, bên trên là viện bảo tàng, trên đỉnh, cao hơn tất cả các mái nhà ở đây là hai mái vòm của một đài thiên văn nhỏ. Mái vòm chính là cao điểm án ngữ cả dãy phố, chỉ cần vài người trang bị súng trường nằm ở trên đó là có thể ngăn chặn mọi cuộc tấn công vào toà nhà của P.O.U.M. Bảo vệ rạp phim là người của C.N.T., họ đã đồng ý cho chúng tôi vào. Lực lượng bảo vệ vũ trang trong quán café Moka không phải là vấn đề. Họ không muốn đánh nhau và sẽ không ra tay nếu được để yên. Kopp nhắc đi nhắc lại rằng chúng tôi được lệnh không nổ súng trừ khi chính mình hoặc toà nhà bị tấn công. Tuy Kopp không nói, nhưng tôi đồ rằng lãnh đạo P.O.U.M. cảm thấy lúng túng vì bị dính vào chuyện này, song họ lại không thể không ủng hộ lực lượng C.N.T.

Đã cử người gác trên đài thiên văn. Nếu không kể những lúc đi sang khách sạn để ăn, có thể nói tôi ở trên nóc rạp phim Poliorama ba ngày ba đêm liền. Không có gì nguy hiểm, tôi chỉ thấy khổ vì đói và buồn, đây là một trong những giai đoạn khó chịu nhất trong cuộc đời tôi. Tôi nghĩ thật khó mà có cảnh sống nào kinh tởm hơn, chán nản hơn và điên đầu hơn là mấy ngày đánh nhau trên đường phố đó.

Những lúc ngồi trên mái nhà tôi thường nghĩ về sự điên rồ đang diễn ra xung quanh. Qua cái cửa sổ nhỏ trong đài thiên văn, có thể phóng tầm mắt ra rất xa - những ngôi nhà cao tầng thanh mảnh, những mái vòm bằng kính, những mái nhà uốn lượn với những viên ngói màu đồng đỏ hay màu xanh dương, xa hơn về phía đông là mặt biển màu xanh lấp lánh dưới ánh mặt trời - kể từ ngày đặt chân tới Tây Ban Nha, đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy biển. Cái thành phố với cả triệu người này đã bị mắc kẹt trong một cái có thể gọi là quán tính bạo lực, trong cơn ác mộng của sự ồn ào bất động. Những đường phố đầy nắng, vắng lặng như tờ. Không có gì xảy ra cả. Chỉ có những loạt đạn bắn ra từ các chiến lũy và những ô cửa sổ đã được chèn bằng bao tải cát. Không thấy bóng dáng một chiếc xe nào trên đường phố. Dọc Ramblas thỉnh thoảng lại thấy một chiếc tàu điện đứng im lìm, bất động, lái tàu đã bỏ chạy ngay khi chiến sự bắt đầu. Chỉ có tiếng nổ là không bao giờ dứt, tiếng nổ vọng lại từ hàng ngàn bức tường đá, ầm ầm như những trận mưa bão miền nhiệt đới. Tạch-tạch, tạch-tà-rạch, bùm - đôi khi ngừng lại vài giây để rồi lại bùng lên bằng hàng loạt tiếng nổ muốn điếc tai, cho đến tận tối và sáng hôm sau lại bắt đầu y hệt như thế.

Thời kì đầu thật khó mà biết được đang xảy ra chuyện gì, ai đánh nhau với ai, ai đang thắng ai. Người dân Barcelona đã quen với cảnh đánh nhau trên đường phố và thông thạo địa hình đến mức họ biết rõ bằng bản năng đảng nào đang giữ phố nào hay toà nhà nào. Nhưng người ngoại quốc thì vô phương. Từ trên trên đài thiên văn nhìn xuống, tôi chỉ có thể nói rằng Ramblas, một trong những đường phố chính, đã trở thành đường phân giới. Bên phải Ramblas là các khu phố lao động, căn cứ của quân vô chính phủ; bên trái, không rõ ai đang đánh nhau với ai trong những khu phố nghèo nghèo đó, nhưng nói chung P.S.U.C. và lực lượng bảo vệ vũ trang làm chủ phía bên này. Cuối phố Ramblas của chúng tôi, xung quanh quảng trường Cataluña, tình hình rối rắm đến mức không thể nào phân biệt được nếu trên mỗi toà nhà không có một lá cờ. Điểm dễ nhận ra nhất ở đây là khách sạn Colón, án ngữ quảng trường Cataluña, là tổng hành dinh của P.S.U.C. Trong cái cửa sổ gần chữ O thứ hai trên biển quảng cáo Hotel Colón, kéo dài suốt mặt tiền toà nhà, có một khẩu súng máy đủ sức bao quát toàn bộ quảng trường. Bên phải, cách chúng tôi khoảng một trăm mét là một cửa hàng bách hoá lớn, do lực lượng J.S.U., tức là liên đoàn thanh niên của P.S.U.C. (tương tự như Liên đoàn Thanh niên Cộng sản ở Anh) chiếm giữ, cửa sổ xếp đầy bao cát của toà nhà nằm đối diện với đài thiên văn của chúng tôi. Họ đã hạ lá cờ đỏ xuống và thay bằng lá quốc kì Catalonia. Ở tổng đài điện thoại, nơi phát sinh rắc rối, bên cạnh lá quốc kì Catalonia là cờ của quân vô chính phủ. Đã đạt được thoả thuận tạm thời: tổng đài làm việc bình thường và không được bắn từ trong nhà ra.

Vị trí của chúng tôi yên tĩnh một cách đáng ngờ. Lực lượng bảo vệ vũ trang trong quán café Moka đã kéo cửa sắt xuống và lấy bàn ghế dựng thành chiến lũy. Sau này còn có năm sáu người leo lên mái nhà, đối diện với chúng tôi, và dùng chân nện dựng lên một chiến lũy nữa, bên trên cũng có một lá quốc kì Catalonia. Nhưng rõ ràng là họ không có ý định đánh nhau. Kopp thoả thuận với họ: nếu họ không bắn chúng tôi thì chúng tôi cũng không bắn họ. Anh ta đã trở thành người thân của lực lượng bảo vệ vũ trang và đã vào quán café Moka mấy lần. Đương nhiên là họ đã cướp hết bia rượu của cửa hàng và còn tặng Kopp mười lăm chai bia nữa. Đáp lại, Kopp cho họ một khẩu súng trường để bù vào khẩu mà họ đã đánh mất ngày hôm trước. Nhưng ngồi trên mái nhà mãi cũng thấy khó chịu. Đôi khi chán quá, tôi chẳng thèm để ý đến tiếng ồn ào hỗn loạn xung quanh nữa mà vui đầu vào đọc mấy cuốn sách, rất may là tôi đã mua được từ mấy

hôm trước. Đôi khi tôi nhận thức rất rõ rằng những người kia chỉ cách mình có mười lăm mét, họ có súng và đang chăm chăm theo dõi nhất cử nhất động của mình. Hơi giống thời còn sống trong chiến hào. Mấy lần tôi thấy mình gọi, theo thói quen, lực lượng bảo vệ vũ trang là “quân phát xít”. Bình thường có sáu người trực ở trên mái. Mỗi đài thiên văn có một người gác, số còn lại ngồi trên mái nhà làm bằng chì ở bên dưới, ngoài hàng lan can bằng đá ra thì chẳng có gì che chắn hết. Tôi hiểu rõ rằng lực lượng bảo vệ vũ trang có thể được lệnh khai hoả bất cứ lúc nào. Họ đã hứa sẽ thông báo cho chúng tôi biết trước, nhưng chẳng có gì bảo đảm là họ sẽ giữ lời hứa cả. Có một lần tưởng như rắc rối đã bắt đầu. Một tay bảo vệ trước mặt tôi quì gối xuống và bắt đầu khai hoả. Lúc đó tôi đang trực trong đài thiên văn. Hướng nòng súng vào anh ta, tôi hét lên:

“Này! Đừng bắn chúng tôi!”

“Sao?”

“Đứng bắn, chúng tôi bắn lại đấy!”

“Không, không! Tôi không bắn anh. Nhìn kia!”

Anh ta lấy súng chỉ vào con phố nhỏ đi ngang ngay dưới chân toà nhà của chúng tôi. Đúng là có một thanh niên mặc đồng phục màu xanh, tay cầm khẩu súng trường đang lên vào góc phố. Chắc là anh ta vừa bắn vào lực lượng bảo vệ vũ trang trên mái nhà.

“Tôi bắn thằng đó. Nó khai hoả trước” (Tôi tin là như thế). “Chúng tôi không muốn bắn các anh. Chúng tôi chỉ là công nhân như các anh thôi”

Anh ta giơ tay theo kiểu những người chống phát xít vẫn chào nhau, tôi cũng làm như thế và hỏi lớn:

“Còn bia không?”

“Hết rồi”

Cũng ngày hôm đó, không hiểu vì lí do gì mà một tay trong toà nhà do J.S.U. chiếm đóng bỗng rút súng ra và bắn vào tôi khi tôi đang thò đầu ra ngoài cửa sổ. Có thể lúc đó tôi đã trở thành mục tiêu hấp dẫn quá. Tôi không bắn trả. Mặc dù chỉ cách nhau chừng một trăm mét nhưng viên đạn đi chệch đến nỗi không trúng vào mái đài thiên văn. Cũng như mọi khi, khả năng xạ kích của người Tây Ban Nha đã cứu tôi. Sau này tôi còn bị người ta bắn mấy lần từ toà nhà đó.

Việc bắn nhau hãi hùng như thế cứ diễn ra hết ngày này đến ngày khác. Nhưng như tôi thấy và nghe được thì cả hai bên đều chỉ tự vệ. Họ chỉ ở trong nhà hoặc ngồi sau chiến lũy và bắn như vãi đạn vào người của phía bên kia. Cách chỗ chúng tôi chừng nửa cây số có một con phố mà văn phòng chính của lực lượng C.N.T. và U.G.T. nằm gần như quay hẵn mặt vào nhau, tiếng súng đặc biệt dữ dội thường phát ra từ khu vực ấy. Một ngày sau khi chiến sự kết thúc, tôi đi lang thang dọc phố và trông thấy cửa kính các quầy hàng bị bắn lỗ chỗ chẳng khác gì những cái sàng. (Ngay khi chiến sự nổ ra các chủ cửa hàng ở Barcelona đã dán lên cửa kính những băng

giấy bắt chéo lên nhau cho nên đạn đã không làm cho chúng vỡ tung ra). Đôi khi một loạt tiểu liên hay súng máy lại được điểm xuyết bằng tiếng nổ xé tai của một quả lựu đạn. Và lâu lâu, có thể hơn chục lần cả thấy, lại có một tiếng nổ khủng khiếp, lúc đó tôi không biết là cái gì. Giống như tiếng bom ném từ máy bay xuống, nhưng không phải vì lúc đó không có máy bay bay qua. Sau này tôi được nghe nói rằng những tên khiêu khích đã cho nổ những khối thuốc nổ lớn nhằm tạo ra sự ồn ào và hỗn loạn trong dân chúng, có thể là đúng như thế. Tuy vậy, không thấy tiếng nổ của súng đại bác. Tôi có ý lắng nghe vì nếu đại bác khai hoả có nghĩa là tình hình đã trở thành nghiêm trọng (đại bác có vai trò quyết định trong những trận đánh trên đường phố). Sau này người ta đã đăng lên báo những câu chuyện vu vơ rằng có những khẩu đại bác bắn trên đường phố, nhưng không ai chỉ được toà nhà nào đã bị trúng đạn. Một người đã quen trận mạc thì không thể lầm lẫn khi nghe thấy tiếng nổ của các loại vũ khí.

Lương thực, thực phẩm đã bị thiếu gần như ngay từ đầu. Phải ban đêm và khó khăn lắm mới mang được thức ăn từ khách sạn Falcón sang cho mười lăm đến hai mươi người trong toà nhà hành chính của P.O.U.M. (vì quân bảo vệ vũ trang thường dùng súng bắn tỉa trên phố Ramblas), nhưng quảng đường này trống vắng thành ra chúng tôi thường đến khách sạn Continental để ăn. Ngay khi chiến sự vừa nổ ra, khách sạn đã đầy ứ đủ mọi hạng người rồi. Ở đây có các nhà báo ngoại quốc, có những người với quá khứ chính trị đáng ngờ, có một phi công người Mỹ đang làm việc cho chính phủ, có phái viên của các đảng cộng sản khác nhau, kể cả một tay người Nga to béo, mặt đỏ hồng sát khí, nghe đâu là nhân viên cơ quan OGPU [\[30\]](#), lúc nào cũng đeo một khẩu súng lục và một quả lựu đạn xinh xắn bên hông, tên lóng là Charlie Chan, một vài gia đình giàu có người Tây Ban Nha có vẻ như có cảm tình với bọn phát xít, vài ba chiến sĩ từ Binh đoàn Quốc tế bị thương trở về, mấy tay lái xe tải nặng chở cam về Pháp bị kẹt lại và khá nhiều sĩ quan Quân đội Nhân dân. Quân đội Nhân dân vẫn giữ vai trò trung lập trong suốt cuộc chiến, mặc dù có một số chiến sĩ đã bỏ đơn vị để đi đánh nhau với tư cách cá nhân, sáng thứ ba vừa rồi tôi đã trông thấy vài người đứng sau chiến lũy của quân P.O.U.M. Lúc đầu, khi lương thực thực phẩm còn chưa thiếu lắm và báo chí chưa kích động lòng hận thù, mọi người đều muốn coi tất cả chuyện này chỉ là trò đùa. Năm nào ở Barcelona cũng xảy ra những chuyện như thế này, người dân ở đây bảo như thế. George Tioli, một tay phóng viên người Ý, bạn tốt của tôi, bỗng nhiên xuất hiện với một chiếc quần đầy máu. Hoá ra là anh ta đi ra ngoài nghe ngóng tình hình và đang băng bó cho một người bị thương trên hè phố thì bị một người ném lựu đạn vào, mục đích là mua vui. May là vết thương không nặng. Tôi nhớ anh ta bảo rằng cần phải đánh số những viên đá lát đường ở Barcelona, xây dựng đường và dỡ chiến lũy cũng đỡ phức tạp hơn. Tôi còn nhớ, có lần sau một đêm đứng gác, người mỗi nhừ, đói khát, tôi bắt gặp mấy người thuộc các đơn vị quốc tế đang ngồi chơi trong phòng mình. Họ tỏ ra là những người rất bàng quan. Nếu họ là những đảng viên tốt, đấy là tôi giả định thế, thì họ đã thuyết phục tôi chạy sang phía họ hoặc ít nhất là tước những quả lựu đạn trong túi tôi. Chẳng những không làm thế, họ còn tỏ vẻ thương hại tôi vì phải đứng gác trên mái nhà trong thời gian nghỉ phép. Mọi người đều cho rằng đây chỉ là vụ xung đột vớ vẩn giữa quân vô chính phủ và cảnh sát mà thôi. Mặc cho qui mô của trận đánh và số người bị thương vong, tôi tin rằng điều này gần với sự thật hơn là một vụ bạo loạn có tổ chức, theo giải thích của chính phủ.

Tình hình bắt đầu thay đổi vào ngày thứ tư, mùng 5 tháng 5. Đường phố, hai bên cửa đóng then cài, trông rất đáng sợ. Một vài khách bộ hành vội vã bước, tay vẫy những chiếc khăn màu

trắng, còn ở giữa phố Ramblas, nơi có những quầy hàng có thể tránh được đạn, mấy người đang gào lên tên của những tờ báo vừa ra lò. Hôm thứ ba tờ Solidaridad Obrera, một tờ báo của phe vô chính phủ đã gọi cuộc tấn công tổng đài điện thoại là “một vụ khiêu khích trắng trợn” (hoặc những từ ngữ có hiệu quả tương tự như thế), nhưng sang ngày thứ tư thì họ đổi giọng và bắt đầu thuyết phục mọi người quay lại làm việc. Lãnh đạo phe vô chính phủ cũng đưa ra những lời kêu gọi như thế trên đài phát thanh. Cơ quan của tờ La Batalla, một tờ báo của phe P.O.U.M., không có phòng vệ, đã bị lực lượng bảo vệ bố ráp và chiếm đóng cùng lúc với tổng đài điện thoại, nhưng tờ báo vẫn được in và đem phân phát từ một địa điểm khác. Tờ báo này kêu gọi mọi người giữ vững chiến lũy. Dân chúng không biết nghe ai và cứ đoán già đoán non xem chuyện này sẽ kết thúc như thế nào. Tôi ngờ rằng chưa có ai rời bỏ chiến lũy, nhưng mọi người cũng đã chán cuộc chiến vô nghĩa này rồi; nó sẽ chẳng đi đến đâu vì không ai muốn đẩy nó thành một cuộc nội chiến thật sự, thế thì sẽ thua Franko. Tất cả các bên đều nói rằng họ sợ. Theo người ta nói thì ngay từ đầu của các thành viên C.N.T. chỉ muốn có hai việc: chiếm lại tổng đài điện thoại và giải giáp lực lượng bảo vệ vũ trang mà họ rất căm tức. Nếu chính phủ Catalonia hứa thực hiện hai việc ấy và ngoài ra còn hứa chấm dứt nạn đầu cơ lương thực thực phẩm thì không nghi ngờ gì rằng chiến lũy sẽ được dỡ bỏ trong vòng hai giờ. Nhưng rõ ràng là chính phủ không chịu nhượng bộ. Đang lan truyền những tin đồn xấu. Người ta đồn rằng chính phủ Valencia đã cử sáu ngàn quân đến để chiếm đóng Barcelona, còn năm ngàn quân vô chính phủ và P.O.U.M. cũng đã rời khỏi mặt trận Aragon để đến bảo vệ thành phố. Chỉ có tin đầu là đúng. Từ trên đài thiên văn, chúng tôi trông thấy những chiếc tàu chiến đang cập cảng. Douglas Moyle, có thời từng là thủy thủ, bảo rằng trông như tàu khu trục của Anh. Hóa ra đấy đúng là tàu khu trục Anh, mặc dù mãi sau này chúng tôi mới biết như thế.

Chiều hôm đó chúng tôi nghe nói rằng ở quảng trường Espana có bốn trăm lính thuộc lực lượng bảo vệ vũ trang đầu hàng và giao nộp vũ khí cho quân vô chính phủ, cũng có tin đồn rằng ở các khu ngoại ô (chủ yếu là các khu phố lao động) quân C.N.T. đã kiểm soát được tình hình. Có vẻ như chúng tôi đã thắng. Nhưng cũng ngay chiều hôm đó, Kopp cho gọi tôi và bằng nét mặt nghiêm trọng, anh bảo tôi rằng theo thông tin mà anh nhận được thì chính phủ sắp đưa P.O.U.M. ra ngoài vòng pháp luật và tuyên bố chiến tranh với lực lượng này. Tôi cảm thấy choáng váng. Tôi đã hiểu ra ngay ý nghĩa của những chuyện sẽ diễn ra sau này. Trước đó tôi đã lơ mơ nhận ra rằng sau khi chiến sự chấm dứt, người ta sẽ đổ tất cả tội lỗi lên đầu P.O.U.M., đây là đảng yếu nhất và vì vậy cũng dễ trở thành vật tế thần nhất. Đấy cũng là lúc địa vị trung lập của chúng tôi phải kết thúc. Nếu chính phủ tuyên bố chiến tranh với chúng tôi thì chúng tôi buộc phải tự vệ. Chắc chắn là lực lượng bảo vệ vũ trang trong toà nhà bên cạnh sẽ được lệnh tấn công chúng tôi. Chúng tôi phải ra tay trước thì mới hi vọng. Kopp ngồi trực điện thoại. Nếu có tin chắc chắn rằng P.O.U.M. đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật thì chúng tôi phải sẵn sàng đánh chiếm ngay quán café Moka.

Tôi nhớ rõ cái buổi tối dài dặc, kinh hoàng đó. Việc gia cố toà nhà được tiến hành suốt đêm, chúng tôi đóng cửa chính lại rồi dựng đằng sau nó một chiến lũy bằng đá do những công nhân sửa chữa để lại. Chúng tôi kiểm lại số vũ khí hiện có. Nếu kể cả sáu khẩu trên mái rạp phim Poliorama thì chúng tôi có hai mươi một khẩu súng trường, trong đó có một khẩu hồng, mỗi khẩu có chừng năm mươi viên đạn, vài chục quả lựu đạn, mấy khẩu súng lục. Khoảng mười chiến sĩ, chủ yếu là người Đức, tình nguyện tấn công quán café Moka khi có lệnh. Dĩ nhiên là

chúng tôi phải tấn công từ trên mái nhà, ngay từ sáng sớm, làm cho họ bị bất ngờ. Họ đông hơn, nhưng tinh thần chiến đấu của chúng tôi cao hơn. Chắc chắn là chúng tôi sẽ chiếm được toà nhà, mặc dù sẽ có người bị giết. Lương thực trong toà nhà đã cạn, đây là nói nếu không kể mấy thỏi sôcôla còn sót lại. Có tin nói rằng “chúng” sắp cắt cả nước nữa. (Không ai biết “chúng” là ai. Có thể đây là chính phủ, họ đang kiểm soát các nhà máy nước, mà cũng có thể là lực lượng C.N.T. — không ai biết). Chúng tôi đổ đầy nước vào tất cả các bồn rửa mặt, các loại xô chậu kiếm được và cuối cùng là đầy mười lăm chai bia – dĩ nhiên là không còn bia nữa – mà cánh bảo vệ vũ trang đã cho Kopp.

Tôi cảm thấy chán nản vô vùng, mệt rũ rời vì đã gần năm ngày đêm hầu như không được ngủ. Đêm đã khuya. Dân chúng nằm rải rác khắp nền nhà tầng trệt, ngay sau chiến lũy. Tầng trên có một phòng nhỏ, có kê một bộ đi văng; chúng tôi định dùng phòng này làm trạm cứu thương. Nhưng phải nói là trong toà nhà chẳng có một lọ thuốc đỏ hay cuộn băng nào. Bà xã nhà tôi đã đi từ khách sạn tới đây, cô ấy sẽ làm y tá, khi hữu sự. Tôi nằm trên đi văng, tôi muốn ngủ chừng nửa giờ trước khi tấn công vào quán café Moka, tôi có thể bị giết trong cuộc tấn công này. Tôi nhớ rõ cảm giác khó chịu vì khẩu súng lục đeo ở thắt lưng cứ thúc vào mạng sườn. Tôi còn nhớ một chuyện nữa, đây là đột nhiên tôi thức giấc và thấy bà xã đứng ngay bên cạnh. Đã sáng rõ, nhưng không có chuyện gì xảy ra cả, chính phủ không tuyên bố chiến tranh với P.O.U.M., nước không bị cắt và nếu không có những loạt súng nổ hỗn loạn ngoài phố thì mọi chuyện có thể coi là bình thường. Bà xã bảo rằng không dám gọi tôi, cô ấy ngủ trên một chiếc ghế bành trong phòng đối diện.

Chiều hôm đó giống như là đã ngừng bắn vậy. Tiếng súng đã lặng hẳn và đường phố đột nhiên đầy người qua lại. Một vài cửa hàng đã kéo cửa sắt lên, ở chợ có một đám đông người tụ tập đòi lương thực thực phẩm, mặc dù các quầy hàng hầu như trống rỗng. Tàu điện vẫn chưa chạy. Lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn nằm sau chiến lũy trong quán café Moka, chưa có bên nào dỡ bỏ chiến lũy. Ai cũng hồi hã tìm cách mua bằng được lương thực, thực phẩm. Ở đâu cũng thấy người ta lo lắng hỏi nhau: “Anh tin là nó chấm dứt rồi chứ? Anh có tin là nó sẽ lại bắt đầu không?”. “Nó” - vụ bắn nhau vừa rồi - bây giờ được coi là thiên tai, giống như một trận bão hay là trận động đất, ảnh hưởng đến tất cả mọi người nhưng không ai có đủ sức ngăn chặn. Tôi cho rằng đã có thoả thuận ngừng bắn trong vài giờ, nhưng vài giờ này sẽ trôi nhanh như vài phút. Và chắc chắn là tiếng súng sẽ lại bùng lên một cách bất ngờ như những trận mưa rào mùa hạ. Mọi người sẽ lại chạy nháo nhào, cửa sắt sẽ lại được kéo xuống, đường phố sẽ vắng ngắt giống như vừa có bàn tay phù thủy ra lệnh vậy. Lính tráng sẽ lại trở về sau chiến lũy và “nó” sẽ lại bắt đầu một lần nữa.

Tôi quay lại vị trí của mình ở trên mái nhà, thâm tâm cảm thấy vô cùng phẫn nộ và giận dữ. Khi tham gia vào những sự kiện như thế này, tôi cho rằng người ta có quyền cảm thấy mình là một nhân vật lịch sử vì dù sao thì họ cũng đang là người sáng tạo ra lịch sử. Nhưng chuyện đó không bao giờ xảy ra vì trong những giờ phút như thế bao giờ những việc nhỏ nhen cũng che lấp hết mọi thứ khác. Suốt trong thời gian đánh nhau, chưa bao giờ tôi “phân tích” được đúng tình hình, thế mà những nhà báo ngồi cách đó cả trăm dặm lại làm một cách ngon ơ. Điều tôi nghĩ đến nhiều nhất không phải là cái đúng và cái sai của vụ đụng độ huynh đệ tương tàn đáng thương này mà là những điều bức dọc và chán nản do phải ngồi suốt ngày đêm trên cái mái

nhà khốn kiếp, và cái đói đang hành hạ càng ngày càng dữ dội thêm - từ hôm thứ hai đến giờ chưa có ai được ăn lấy một bữa no. Suốt thời gian đó tôi luôn nghĩ rằng mình phải trở lại mặt trận ngay sau khi việc này chấm dứt. Nó làm tôi phát điên lên được. Tôi đã có mặt ở mặt trận đúng một trăm mười lăm ngày và trở lại Barcelona với ước muốn duy nhất là thư giãn và hưởng thụ một thời gian. Thế mà tôi lại phải ngồi ở trên một cái mái nhà, ngay trước mặt lực lượng bảo vệ vũ trang, những kẻ cũng buồn chán như tôi, lại còn thỉnh thoảng vẫy tay, cam đoan rằng họ là “công nhân” (hi vọng rằng tôi sẽ không bắn), nhưng chắc chắn họ sẽ bắn khi có lệnh. Nếu đây là lịch sử thì rõ ràng là chúng tôi không cảm nhận được nó. Chẳng khác gì giai đoạn tòi tẹ trên mặt trận khi thiếu người và chúng tôi phải đứng gác rất lâu. Đã không thành anh hùng lại còn phải đứng gác, chán ngán, gục xuống vì buồn ngủ và mặc kệ mọi sự, muốn ra sao thì ra.

Trong khách sạn với đủ mọi hạng người mà đa số chẳng dám thò mặt ra khỏi cửa, không khí ngột ngạt khủng khiếp đang ngày càng gia tăng. Những kẻ bị mắc chứng hoang tưởng thấy ai cũng là gián điệp, không gián điệp của cộng sản thì cũng của phái Trotskyist hay của phe vô chính phủ, hay có trời mới biết là của phe phái nào. Tay nhân viên to béo người Nga nắm áo tất cả những người tị nạn ngoại quốc và giải thích một cách dẻo quẹo rằng tất cả mọi chuyện đều là do âm mưu của phe vô chính phủ mà ra. Tôi cảm thấy vui khi quan sát anh ta vì nếu không kể cánh báo chí thì đây là lần đầu tiên tôi trông thấy một người mà nghề nghiệp chính là nói dối. Trong cái trò bắt chước đời sống của một khách sạn sang trọng đằng sau những cánh cửa sắt đóng kín, trong khi những loạt đạn súng trường nổ ngay bên cạnh, ẩn chứa một cái gì đó thật tởm lợm. Một viên đạn xuyên qua cửa sổ và làm sứt một cái cột trong phòng ăn phía trước, thế là không còn ai vào phòng này nữa. Tất cả khách tụ tập trong cái phòng âm u tối ở phía sau, bàn ghế lúc nào cũng thiếu. Nhân viên cũng giảm - một số là thành viên C.N.T. và đã tham gia vào cuộc tổng bãi công - tạm thời quyết định không mặc những chiếc áo cổ cứng, nhưng thức ăn vẫn được phục vụ với vẻ long trọng như cũ. Nhưng thức ăn thì chẳng có gì. Chiều thứ năm hôm đó món chính chỉ là một con cá mòi. Đã mấy ngày liền không có bánh mì, rượu vang cũng cạn dần, càng ngày chúng tôi càng uống những loại vang lâu đời hơn, mà giá cũng ngày càng cao hơn. Mấy ngày sau khi chiến sự kết thúc cũng vẫn chưa có đủ lương thực phẩm. Tôi nhớ, suốt ba ngày liền, bữa sáng hai vợ chồng tôi chỉ ăn một miếng pho mát nhỏ làm từ sữa dê, không bánh mì, không đồ uống. Chỉ có cam là nhiều. Mấy tay lái xe tải người Pháp mang rất nhiều cam vào khách sạn. Bọn này trông khá bặm trợn, có mấy cô gái Tây Ban Nha ăn mặc sặc sỡ và một tay bốc vác to con mặc bộ đồng phục màu đen đi cùng. Lúc khác thì tay quản lý khách sạn hống hách kia sẽ tìm mọi cách nhằm gây khó khăn cho mấy tay lái xe nọ, thậm chí không cho họ vào khách sạn, nhưng hiện nay họ được nhiều người biết, vì khác với chúng tôi, họ có khá nhiều bánh mì và chúng tôi thường đến xin mỗi người một ít.

Đấy là đêm cuối cùng tôi trực trên mái nhà, sáng hôm sau cuộc chiến tưởng chừng như là đã chấm dứt. Tôi mừng tượng là hôm đó, thứ sáu, không còn nhiều tiếng súng nữa. Không ai biết là các đơn vị từ Valencia đã đến hay chưa. Thực ra là chiều hôm đó họ mới tới. Loa phóng thanh truyền đi thông điệp của chính phủ, vừa vỗ về vừa đe dọa, kêu gọi mọi người ai về nhà nấy và nói rằng ai sau giờ đó, giờ đó.. mà còn mang theo vũ khí thì sẽ bị bắt. Mặc dù chẳng ai để ý đến lời kêu gọi của chính phủ, nhưng dân chúng cũng đã nhanh chóng rời bỏ chiến lũy. Tôi tin rằng thiếu lương thực là nguyên nhân chủ yếu. Khắp nơi người ta đều nói: “Hết lương thực rồi,

phải đi làm thôi.” Trong khi đó lực lượng bảo vệ vũ trang, tức là những người biết rằng khi nào thành phố còn lương thực thì họ sẽ có suất, vẫn không rời vị trí. Đến chiều thì đường phố đã trở lại gần như bình thường, mặc dù các chiến lũy vẫn còn y nguyên. Ramblas chật ních người, hầu như tất cả các cửa hàng đều đã mở và điều làm người ta yên lòng nhất là mấy đoàn tàu điện, sau bao nhiêu ngày đứng im như hoá đá, đã rùng mình mấy cái và bắt đầu chạy. Lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn đóng trong quán café Moka và chưa hạ chiến lũy xuống, nhưng một vài người đã mang ghế ra vỉa hè ngồi chơi, súng kẹp giữa hai đầu gối. Khi đi ngang qua tôi đã nháy mắt với một tay bảo vệ, hắn cũng mỉm cười đáp lại. Chắc chắn là hắn đã nhận ra tôi. Lá cờ của quân vô chính phủ bên trên tổng đài điện thoại đã được kéo xuống, chỉ có lá cờ của Catalonia là còn treo ở đấy. Nghĩa là công nhân đã hoàn toàn thất bại. Tôi biết - mặc dù do ngu dốt về chính trị tôi không nhận thức được rõ lắm - là một khi chính phủ đã cảm thấy tự tin thì sẽ có đàn áp. Nhưng lúc đó tôi không quan tâm đến vấn đề này. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ người: súng không còn nổ nữa, có thể đi mua thức ăn và nghỉ ngơi, thư giãn vài ngày trước khi lên đường trở lại mặt trận.

Chắc chắn là phải gần nửa đêm những đơn vị đầu tiên từ Valencia mới xuất hiện trên đường phố. Đây là lực lượng xung phong, tương tự như bảo vệ vũ trang và cảnh sát vũ trang (tức là những đơn vị làm nhiệm vụ cảnh sát là chính) và các đơn vị tinh nhuệ của Quân đội Cộng hoà. Họ đến một cách bất ngờ như vừa chui ở dưới đất lên vậy, ở đâu cũng thấy những một nhóm tuần tra, chừng mười người, cao to, mặc đồng phục màu xám hoặc xanh nhạt, súng trường nòng dài lủng lẳng trên vai, mỗi nhóm lại có một khẩu súng máy. Còn chúng tôi thì phải làm một công việc phải nói là tế nhị. Sáu khẩu súng mà chúng tôi sử dụng trong khi gác trên mái đài thiên văn vẫn còn nằm nguyên trên đó, phải tìm mọi cách mang về trụ sở của P.O.U.M. Vấn đề chỉ là mang mấy khẩu súng đó qua một con phố mà thôi. Đây là một phần trang bị của trụ sở, nhưng mang ra phố là vi phạm lệnh của chính phủ. Nếu họ trông thấy đang mang vũ khí thì nhất định sẽ bị bắt và quan trọng hơn nữa là súng sẽ bị tịch thu. Trong trụ sở chỉ có tất cả hai mươi một khẩu, chúng tôi không được phép để mất sáu khẩu đó. Sau một hồi thảo luận, tôi và một cậu người Tây Ban Nha tóc vàng bắt đầu bí mật mang súng ra ngoài. Lừa đám xung phong thì tương đối dễ, nhưng bọn bảo vệ vũ trang trong quán café Moka thì khó vì họ biết chúng tôi có để súng trên đài thiên văn và có thể đi báo nếu họ nhìn thấy chúng tôi mang súng ra ngoài. Chúng tôi cởi áo ngoài ra, đeo súng vào vai trái, báng kẹp nách còn nòng thì đút vào trong ống quần. Nhưng thật đáng tiếc, đây là loại Mauser khá dài. Ngay cả một người cao như tôi cũng không thể nhét khẩu Mauser vào trong ống quần mà có thể đi lại một cách bình thường được. Đi theo cái cầu thang xoắn ốc của đài thiên văn với chân trái cứng đờ, bất động đúng là một khổ hình. Ra đến phố chúng tôi mới phát hiện ra rằng phải đi thật chậm, chậm đến mức không cần co đầu gối. Bên cạnh rạp phim có một đám người tò mò nhìn theo cách đi như rùa bò của tôi. Tôi thường tự hỏi không biết những người đó nghĩ gì về tôi. Có lẽ họ cho là tôi bị thương. Dù sao mặc lòng, tất cả súng đã được bí mật mang qua đường mà không xảy ra một sự cố nào.

Ngày hôm sau, người của lực lượng xung phong đã đi đầy đường, chẳng khác gì bọn xâm lược. Không nghi ngờ gì rằng chính phủ muốn phô trương lực lượng để dọa dẫm dân chúng, chứ họ biết rõ là sẽ không có sự chống đối nào. Nếu quả thật họ sợ rằng sẽ có bạo động thì quân xung phong đã bị cấm trại chứ không được đi lang thang thành từng tốp nhỏ như thế. Đây là những người lính tuyệt vời, tuyệt hơn tất cả đơn vị tôi đã thấy ở Tây Ban Nha, và mặc dù

theo nghĩa nào đó thì họ là “kẻ thù” nhưng tôi vẫn khoái ngắm họ. Tôi không khỏi lấy làm ngạc nhiên mỗi khi nhìn thấy họ đi lại trên đường phố. Tôi đã quen với những người dân quân rách rưới, trang bị tồi ở mặt trận vùng Aragon và không thể biết rằng chính phủ còn có những đội quân như thế này. Không chỉ khoẻ mạnh và cân đối, vũ khí của họ mới là cái làm cho tôi ngạc nhiên. Tất cả đều đeo những khẩu súng trường mới cứng, thường gọi là “súng trường Nga” (được gửi tới từ Liên Xô nhưng tôi tin là sản xuất ở Mỹ). Tôi đã từng xem một khẩu như thế rồi. Chưa thể gọi là lí tưởng, nhưng thật là một trời một vực so với những khẩu cổ lỗ sĩ mà chúng tôi đã dùng ngoài mặt trận. Lính xung phong, mỗi người có một khẩu súng lục, mười người một khẩu súng máy. Còn chúng tôi, khoảng năm mươi người mới có một khẩu súng máy, còn súng lục thì chỉ có cách là mua trộm. Mặc dù trước đây tôi không biết, nhưng sự thật là ở đâu cũng như thế cả. Cánh bảo vệ vũ trang và cảnh sát vũ trang, những người không bao giờ phải ra mặt trận, lại được trang bị tốt hơn và ăn mặc nghiêm chỉnh hơn chúng tôi. Tôi ngờ rằng chiến tranh luôn luôn là như thế: bao giờ cũng có sự tương phản giữa những tay cảnh sát bóng mờ ở hậu phương và những người lính rách rưới ngoài mặt trận. Nói chung, chỉ một hai ngày sau là lính xung phong đã hoà đồng với dân chúng rồi. Ngày đầu tiên cũng có một vài rắc rối vì lính xung phong đã có những hành động mang tính khiêu khích – tôi cho là họ hành động theo lệnh trên. Họ nhảy lên tàu điện, khám người đi tàu, nếu tìm được thẻ đoàn viên C.N.T. thì xé đi và lấy chân dẫm lên. Có vài vụ ẩu đả với quân vô chính phủ và một vài người đã bị giết. Nhưng ngay sau đó quân xung phong đã bỏ thái độ hống hách và quan hệ trở thành hữu hảo hơn. Chỉ vài ngày sau là đa số đã kiếm được gái.

Những cuộc đụng độ ở Barcelona đã tạo cho chính quyền Valencia cơ hội, họ đã chờ đợi cơ hội này từ lâu, nhằm kiểm soát hoàn toàn Catalonia. Lực lượng dân quân của công nhân sẽ bị giải thể và cho nhập vào các đơn vị Quân đội Nhân dân. Cờ của nước Cộng hoà Tây Ban Nha tung bay trên khắp bầu trời Barcelona — đây là lần đầu tiên tôi trông thấy lá cờ này, đấy là không kể những lần thấy nó được cắm trên chiến hào quân phát xít. Chiến lũy trong các khu lao động đang được dỡ bỏ, nhưng thường là từng đoạn một, vì dựng chiến lũy thì dễ mà đặt những phiến đá lát đường vào chỗ cũ thì khó hơn nhiều. Chiến lũy bên ngoài trụ sở P.S.U.C. vẫn được để lại, thực ra nhiều đoạn còn đứng yên mãi đến cuối tháng sáu mới bị dỡ bỏ. Lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn tiếp tục nắm giữ các vị trí chiến lược xung yếu. C.N.T. bị tịch thu khá nhiều vũ khí, nhưng tôi ngờ rằng họ cũng đã giấu được khá nhiều. Tờ La Batalla vẫn xuất hiện đều đặn, nhưng vì bị kiểm duyệt cho nên trang nhất hầu như bị bỏ trắng hoàn toàn. Báo chí của P.S.U.C. không bị kiểm duyệt và đã cho đăng những bài có tính kích động, đòi cấm không cho P.O.U.M. hoạt động. Họ tuyên bố rằng P.O.U.M. là tổ chức phát xít trá hình. Thành viên của P.S.U.C. đem phân phát khắp thành phố bức biếm họa vẽ một người đánh rơi chiếc mặt nạ có hình búa liềm và bên trong hiện ra bộ mặt khủng khiếp với hình chữ thập ngược. Như vậy là người ta đã chính thức xác định nguyên nhân vụ đụng độ ở Barcelona: đây là vụ nổi loạn của “đội quân thứ năm” của bọn phát xít, do P.O.U.M. kích hoạt.

Sau khi chiến sự kết thúc, không khí nghi ngờ và thù địch trong khách sạn vốn đã khủng khiếp lại càng gia tăng hơn nữa. Nếu ở đâu cũng thấy người ta kết án nhau thì giữ thái độ trung lập là việc bất khả thi. Bưu điện lại làm việc, báo chí cộng sản nước ngoài cũng bắt đầu xuất hiện trở lại, nhưng những bài viết về cuộc đụng độ vừa qua thì vừa thiên lệch vừa thiếu chính xác một cách nghiêm trọng. Tôi nghĩ rằng một số người cộng sản có mặt tại trận, tức là những

người đã chứng kiến những sự kiện diễn ra trên thực tế, đã bị bối rối vì những lời giải thích của báo chí, nhưng dĩ nhiên là họ đành phải ngậm miệng. Anh bạn cộng sản của tôi lại tới và hỏi xem tôi có muốn ra nhập các Binh đoàn Quốc tế nữa không.

Tôi rất ngạc nhiên. “Báo chí của các anh nói tôi là phát xít rồi mà”, tôi bảo. “Từ P.O.U.M. chạy sang thì tôi sẽ bị nghi ngờ ngay”.

“Không thành vấn đề. Thực ra anh cũng chỉ thực hiện mệnh lệnh thôi mà”.

Tôi buộc phải nói với anh ta rằng sau vụ này, tôi không thể ra nhập các đơn vị do cộng sản kiểm soát được nữa. Tham gia vào các đơn vị đó thì trước sau gì tôi cũng sẽ bị sử dụng để chống lại giai cấp công nhân mà thôi. Không thể nói rằng khi nào thì chuyện đó sẽ lại xảy ra một lần nữa. Nhưng nếu phải sử dụng vũ khí trong trường hợp như thế thì tôi sẽ đứng về phía giai cấp công nhân chứ không phải là chống lại họ. Anh ta tỏ ra rất thông cảm với những điều tôi nói. Nhưng tình hình đã thay đổi. Không còn có cảnh “đồng ý có những khác biệt” và không thể làm một vai bia với người bất đồng chính kiến nữa rồi. Đã xảy ra vài cuộc cãi vã trong tiền sảnh khách sạn. Nhà tù thì đầy nhóc người. Sau khi chiến sự kết thúc, quân vô chính phủ đã thả hết tù binh nhưng lực lượng bảo vệ vũ trang lại không thả. Chẳng những thế, họ còn đưa tù nhân vào trại giam, giữ ở đó, mấy tháng liền mà không đem ra xét xử. Nhiều người hoàn toàn vô tội đã bị cảnh sát bắt oan. Bên trên tôi đã nói rằng Douglas Thompson bị thương ngay từ đầu tháng tư. Chúng tôi bị mất liên lạc với anh ta, chuyện đó thường hay xảy ra với thương binh vì thương binh được chuyển hết bệnh viện này đến bệnh viện khác. Anh ta được đưa đến bệnh viện ở Tarragona rồi quay lại Barcelona vào khoảng thời gian nổ ra chiến sự. Tôi gặp anh trên đường phố vào sáng thứ ba. Anh ta tỏ ra hết sức kinh ngạc khi nghe thấy tiếng súng vang lên khắp nơi và hỏi, như mọi người đều hỏi hôm đó:

“Có chuyện gì thế nhỉ?”

Tôi giải thích theo cách hiểu của mình. Thompson nói ngay:

“Tôi sẽ tránh xa vụ này. Tay tôi vẫn còn đau. Tôi phải quay lại và ở lì trong đó thôi.”

Anh ta quay lại khách sạn, nhưng thật không may là khách sạn đó lại nằm trong khu vực do lực lượng bảo vệ vũ trang kiểm soát (trong những trận đánh nhau trên đường phố như thế này, nắm được địa hình khu vực là hệ trọng lắm!). Khách sạn bị khám xét. Thompson bị bắt rồi bị tống vào nhà giam chật ních người, không có chỗ nào đặt lưng và bị giam tám ngày liền. Nhiều người bị như thế. Nhiều người ngoại quốc có lí lịch chính trị đáng ngờ phải bỏ trốn, nơm nớp lo sợ bị cáo giác vì cảnh sát thường xuyên tung lực lượng truy lùng họ. Khổ nhất là người Ý và người Đức, tức là những người không có hộ chiếu và cũng đang bị cảnh sát mật của chính nước mình săn đuổi. Nếu bị bắt, chắc chắn họ sẽ bị trục xuất sang Pháp, cũng có nghĩa là có thể bị đưa trở lại nước Ý hay nước Đức, chỉ có Trời mới biết những sự khổ ải đang chờ họ ở đấy mà thôi. Một hai cô gái ngoại quốc đã vội vã làm đám cưới giả với đàn ông Tây Ban Nha, đấy cũng là một lối thoát. Một cô gái người Đức không có bất cứ giấy tờ gì đã trốn cảnh sát bằng cách đóng giả tình nhân của một người đàn ông Tây Ban Nha suốt mấy ngày. Tôi còn nhớ nét mặt ngượng ngùng và khổ sở của cô khi vô tình gặp cô đi ra khỏi phòng ngủ của người đàn ông nọ.

Dĩ nhiên, cô không phải là tình nhân của người đàn ông đó, nhưng chắc chắn là cô nghĩ rằng tôi coi cô là người như thế. Lúc nào người ta cũng có cảm giác bức bối khi nghĩ rằng một người bạn cũ nào đó có thể đang tố cáo mình với cảnh sát mật. Cơn ác mộng kéo dài của cuộc giao tranh, những tiếng ồn ào, đói ăn và buồn ngủ, tâm trạng căng thẳng và buồn chán khi ngồi canh gác trên mái nhà cùng với ý nghĩ rằng khi nào thì mình bị bắn hay khi nào thì mình phải bắn vào một người nào đó làm thần kinh tôi muốn vỡ bung ra. Căng thẳng đến mức vừa nghe thấy tiếng kẹt cửa là tôi đã nắm lấy súng lục rồi. Sáng thứ bảy lại có tiếng nổ rộ lên ở bên ngoài, mọi người cùng hét lên: “Lại bắt đầu rồi!” Tôi chạy ra ngoài, hoá ra mấy tay thuộc lực lượng xung phong bắn một con chó điên. Những người đã từng có mặt ở Barcelona lúc đó, hoặc hàng tháng sau đó, sẽ không thể nào quên được không khí kinh hoàng do nỗi sợ hãi, sự ngờ vực, lòng hận thù, báo chí bị kiểm duyệt, nhà tù chật cứng người, những đám người chen nhau mua lương thực thực phẩm và từng nhóm vũ trang lang thang khắp nơi, tạo ra.

Tôi đã cố gắng ghi lại cảm tưởng của một người từng có mặt ở Barcelona đúng vào lúc diễn ra những trận giao tranh trên đường phố. Tôi không nghĩ rằng mình đã chuyển tải được đầy đủ sự kì quặc của tình hình lúc đó. Mỗi khi nhớ lại, trong đầu tôi lại hiện ra những người không tham gia vào cuộc giao tranh mà tôi vô tình gặp gỡ trong thời gian đó, đối với họ tất cả đơn giản chỉ là một vụ ồn ào vô nghĩa lí. Tôi vẫn nhớ hình dáng một người đàn bà ăn mặc hợp thời trang, với một chiếc làn đi chợ khoác trên một tay còn tay kia thì dắt sợi xích buộc một con chó nhỏ, đi trên phố Ramblas, đúng vào lúc tiếng súng đang rộ lên trên một hai dãy phố gần đấy. Tôi nghĩ rằng bà ấy điếc. Hay hình ảnh người đàn ông chạy qua quảng trường Catalunya không một bóng người, mỗi bàn tay đều có một chiếc khăn mùi xoa trắng. Và đây là hình ảnh một nhóm khá đông người mặc quần áo màu đen, cả tiếng đồng hồ tìm cách đi ngang qua quảng trường Catalunya mà không được. Cứ mỗi lần họ ló đầu ra khỏi góc phố là súng máy của lực lượng P.S.U.C. trong khách sạn Colón lại bắn và buộc họ phải lùi lại – không biết là tại làm sao vì rõ ràng là họ không có súng. Tôi nghĩ rằng đấy là đám ma. Rồi hình ảnh một người đàn ông nhỏ nhắn, bảo vệ viện bảo tàng bên trên rạp chiếu phim Poliorama, có vẻ như ông ta coi tất cả chỉ là trò đùa. Ông rất vui khi thấy có cả một người Anh đến thăm - người Anh dễ thương lắm, ông bảo thế. Ông hi vọng rằng khi những sự lộn xộn như thế này chấm dứt, chúng tôi sẽ lại đến thăm ông. Sau đó tôi có đến thăm ông như đã hứa. Một ông già nhỏ bé nữa, đứng nép bên cánh cửa, vui vẻ nhìn về phía quảng trường Catalunya đang bị bắn như vãi đạn từ mọi phía và bảo (như là nói về một buổi sáng đẹp trời vậy): “Lại một ngày mười chín tháng bảy nữa rồi!” Và những người trong cửa hàng giày, nơi tôi đặt đóng một đôi ủng. Tôi đến đó ba lần: trước và sau khi xảy ra giao tranh, lúc có ngừng bắn hôm mùng 5 tháng 5 tôi cũng rẽ vào trong vòng vài phút. Đây là một cửa hàng bán toàn giày đắt tiền, những người làm ở đây là thành viên công đoàn U.G.T., mà cũng có thể có cả đoàn viên công đoàn P.S.U.C. nữa. Dù thế nào thì họ cũng là những người đối lập với tôi về mặt chính trị và họ biết là tôi đang chiến đấu trong lực lượng của P.O.U.M. Nhưng họ lại tỏ ra thờ ơ với mọi chuyện. “Thật đáng tiếc là lại xảy ra những chuyện như thế. Làm ăn càng khó khăn thêm. Làm sao chấm dứt mau thì tốt! Bắn nhau ngoài mặt trận còn chưa đủ hay sao!”..v.v.. Chắc chắn là có nhiều người, mà có thể là phần lớn dân chúng Barcelona, chẳng hề quan tâm đến các sự kiện ở đây, hoặc là chỉ chú ý đến chúng như chú ý đến những vụ không kích mà thôi.

Trong chương này tôi mới chỉ kể về trải nghiệm của cá nhân mình. Trong chương sau tôi sẽ

cố gắng thảo luận những vấn đề rộng lớn hơn, tức là cố gắng trình bày những sự kiện đã diễn ra trên thực tế, ai đúng, ai sai, ai phải chịu trách nhiệm. Cần phải đánh giá một cách khách quan vì có một số người đã lợi dụng những vụ đụng độ ở Barcelona. Vấn đề này đã được viết quá nhiều rồi, có thể in thành mấy cuốn sách dày và tôi nghĩ rằng không phải là phóng đại khi nói rằng 90% là bịa đặt. Hầu như tất cả các bài báo xuất bản trong thời gian đó đều do những kẻ giả ở xa mặt trận bịa ra, không những thiếu chính xác mà còn cố tình xuyên tạc sự thật nữa. Thường thì chỉ một phía được phép trình bày trước công luận mà thôi. Giống như tất cả những người có mặt ở Barcelona trong thời gian đó, tôi chỉ nhìn thấy những điều xảy ra ngay bên cạnh, nhưng những điều tôi nhìn và nghe thấy cũng đủ phản bác lại nhiều chuyện dối trá được người ta loan truyền khắp nơi. Như trước đây tôi đã nói, độc giả nào không quan tâm đến những cuộc tranh cãi chính trị, không quan tâm đến các đảng phái và các tiểu đảng phái với những cái tên có thể làm người ta rối trí (chẳng khác gì tên các tướng lĩnh Trung Hoa) có thể bỏ qua chương này. Tìm hiểu những cuộc tranh cãi nội bộ trong các đảng phái là việc làm khủng khiếp, chẳng khác gì lặn hụp trong một hồ phân. Nhưng đây lại là việc cần làm nếu ta có ý định phục hồi lại sự thật. Những vụ cãi vã bắn thủ ở một thành phố xa xôi có thể có ý nghĩa quan trọng hơn là ta tưởng lúc ban đầu.

Sẽ không bao giờ có được một bản báo cáo hoàn toàn chính xác và không thiên vị về trận đụng độ ở Barcelona vì không có những tài liệu cần thiết. Các nhà sử học tương lai sẽ chẳng có gì ngoài những lời buộc tội lẫn nhau và những tài liệu tuyên truyền mang tính đảng phái. Chính tôi cũng có rất ít tư liệu, tôi chỉ dựa vào những điều mắt tôi nhìn thấy và những điều tai tôi nghe được từ những người chứng kiến tin cậy được mà thôi. Tuy nhiên, tôi có thể phản bác một số điều dối trá trắng trợn và sắp xếp các sự kiện vào một mối tương quan nhất định.

Trước hết, đã xảy ra chuyện gì?

Trước đây một thời gian, căng thẳng đã xảy ra trên khắp vùng Catalonia. Trong những chương trước tôi đã nói đến cuộc đấu tranh giữa những người cộng sản và những người theo phái vô chính phủ rồi. Đến đầu tháng 5 năm 1937, tình hình căng thẳng đến mức bạo lực là không thể tránh được. Nguyên nhân trực tiếp là lệnh của chính phủ buộc phải giao nộp tất cả vũ khí cá nhân, trùng hợp với quyết định xây dựng lực lượng cảnh sát “phi chính trị” được trang bị một cách đầy đủ, không còn các công đoàn viên nữa. Ý nghĩa của nó thì ai cũng rõ. Bước tiếp theo sẽ là kiểm soát những ngành công nghiệp chủ chốt hiện đang nằm trong tay C.N.T. Ngoài ra, giai cấp công nhân còn bất mãn vì khoảng cách giàu nghèo ngày một gia tăng và cảm giác chung của mọi người là cuộc cách mạng đã bị phản bội. Nhiều người còn phẫn khởi, ngạc nhiên khi bạo loạn không nổ ra vào ngày 1 tháng 5. Ngày 3 tháng 5 chính phủ quyết định chiếm tổng đài điện thoại mà ngay từ đầu cuộc chiến đã do các công nhân thuộc C.N.T. vận hành. Lí do là nó hoạt động kém và các cuộc gọi của chính phủ đã bị nghe trộm. Salas, Giám đốc Sở cảnh sát điều ba ô tô tải chở đầy lính bảo vệ vũ trang đến chiếm toà nhà (ông ta có vượt quyền hay không thì chưa rõ), các khu phố xung quanh bị cảnh sát vũ trang mặc thường phục bao vây chặt. Cùng thời gian đó, các đơn vị bảo vệ vũ trang cũng chiếm các toà nhà nằm ở các vị trí chiến lược. Dù mục đích thực sự có như thế nào thì mọi người cũng đều tin rằng đây là tín hiệu để cho lực lượng bảo vệ vũ trang và P.S.U.C. (cộng sản và xã hội) tấn công vào C.N.T. Khắp nơi trong thành phố, người ta đồn rằng các toà nhà do công đoàn nắm giữ đang bị tấn công, lực lượng vũ trang vô chính phủ xuất hiện trên đường phố, công nhân ngừng việc, chiến sự bùng lên ngay lập tức. Đêm đó và sáng hôm sau chiến lũy được dựng lên khắp nơi, mãi đến sáng mùng 6 tháng 5 chiến sự vẫn chưa chấm dứt. Nhưng ở cả hai bên, cuộc chiến chỉ có tính phòng vệ. Các ngôi nhà đã bị bao vây, nhưng theo tôi biết thì không có cuộc tấn công đánh chiếm nào, pháo binh cũng không được sử dụng. Về đại thể, lực lượng C.N.T.—F.A.I.—P.O.U.M. chiếm giữ các khu phố lao động ở ngoại ô, cảnh sát vũ trang và lực lượng P.S.U.C. giữ khu trung tâm và khu hành chính của thành phố. Ngày mùng 6 tháng 5 có thoả thuận ngừng bắn, nhưng chiến sự lại nổ ra ngay sau đó vì lực lượng bảo vệ vũ trang định tước vũ khí của công nhân-đoàn viên công đoàn C.N.T. Nhưng sáng hôm sau, dân chúng tự ý rời bỏ chiến lũy. Trước đó, tức là đến trước đêm này mùng 5 tháng 5 lực lượng C.N.T. vẫn giữ thế thượng phong, có khá nhiều lính bảo vệ vũ trang đầu hàng. Nhưng công nhân không có ban lãnh đạo chính thức được mọi người chấp nhận, không có một kế hoạch xác định - thực ra là chẳng có một kế hoạch nào, họ chỉ có mỗi quyết tâm mơ hồ là phải chống lại lực lượng bảo vệ vũ trang mà thôi. Những người lãnh đạo của C.N.T. đã cùng với lãnh đạo U.G.T. kêu gọi dân chúng trở lại làm việc, trước hết là vì

lượng thực phẩm đã cạn. Trong những hoàn cảnh như thế, không ai dám chắc kết quả sẽ như thế nào nếu còn tiếp tục đánh nhau. Đến chiều ngày mùng 7 tình hình đã gần như đã trở lại bình thường. Tối hôm đó, sáu ngàn quân xung phong được đưa từ Valencia tới bằng đường biển và họ kiểm soát toàn bộ thành phố. Chính phủ ra lệnh cho các lực lượng không chính qui phải giao nộp toàn bộ vũ khí. Trong vòng có vài ngày một số lượng lớn vũ khí đã bị tịch thu. Theo số liệu chính thức, trong thời gian diễn ra chiến sự đã có bốn trăm người bị giết và khoảng một ngàn người bị thương. Bốn trăm người bị giết có thể là phóng đại, nhưng vì không có cách nào kiểm tra nên chúng ta đành phải chấp nhận vậy.

Thứ hai, về hậu quả của cuộc xung đột. Không có gì chắc chắn cả. Không có bằng chứng nào chứng tỏ vụ đụng độ ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình mặt trận, nhưng chắc chắn sẽ có ảnh hưởng nếu nó kéo dài thêm vài ngày nữa. Đây là cái cớ để cho Valencia kiểm soát hoàn toàn Catalonia nhằm đẩy nhanh việc giải tán lực lượng dân quân và đàn áp P.O.U.M., và không nghi ngờ gì rằng vụ đụng độ này đã góp phần làm sụp đổ chính phủ của Caballero. Nhưng những sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra dù có xung đột hay là không. Vấn đề là những người công nhân-công đoàn viên C.N.T. được hay thua trong cuộc chiến này. Chỉ có thể đoán, nhưng tôi cho rằng họ được nhiều hơn mất. Vụ chiếm tổng đài điện thoại Barcelona chỉ là một tình tiết trong một loạt các sự kiện. Công đoàn đã mất dần quyền lực ngay từ năm ngoái và xu hướng chung là quyền kiểm soát chuyển dần từ tay giai cấp công nhân sang chính quyền trung ương, sang chủ nghĩa tư bản nhà nước, mà cũng có thể là đang dẫn đến sự phục hồi chủ nghĩa tư bản tư nhân. Sự phản đối chỉ có thể làm cho quá trình diễn ra một cách chậm chạp hơn. Một năm sau khi chiến tranh nổ ra, công nhân vùng Catalonia đã đánh mất khá nhiều quyền lực, nhưng họ vẫn có vị trí tương đối thuận lợi. Địa vị của họ sẽ kém hơn nhiều nếu họ cúi mặt làm ngơ trước bất kì vụ khiêu khích nào. Có những lúc thà đánh nhau mà thua còn hơn là không đánh đâm giết hết.

Thứ ba, đánh nhau để làm gì? Đây có phải là một vụ đảo chính hay một hành động cách mạng không? Có phải mục tiêu cuối cùng là lật đổ chính phủ không? Nói chung, mục tiêu đã được hoạch định hay chưa?

Cá nhân tôi cho rằng vụ đụng độ đã được hoạch định theo nghĩa là mọi người đều tin rằng nhất định nó sẽ xảy ra. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ rằng các bên đã có sẵn kế hoạch từ trước. Hành động của quân vô chính phủ gần như chắc chắn là mang tính tự phát vì các đảng viên thường tham gia là chủ yếu. Quần chúng đổ ra đường phố, còn lãnh đạo thì miễn cưỡng đi theo hoặc hoàn toàn không theo. Chỉ có “Những người bạn của Durruti”, một nhóm cực tả, chẳng có mấy thành viên trong lực lượng F.A.I. và P.O.U.M. là nói theo tinh thần cách mạng mà thôi. Nhưng họ cũng chỉ đi theo chứ không phải là lực lượng lãnh đạo. Những người bạn của Durruti đem phân phát những tờ truyền đơn cách mạng, nhưng đấy là ngày mùng 5 và không thể nói rằng truyền đơn khơi mào cho cuộc chiến vì nó đã nổ ra trước đó hai ngày rồi. Các nhà lãnh đạo chính thức của C.N.T. phủ nhận toàn bộ trách nhiệm ngay từ đầu. Có nhiều lí do. Trước hết là C.N.T. vẫn có đại diện trong chính phủ trung ương, còn chính phủ Catalonia thì tìm mọi cách để bảo đảm rằng lãnh đạo C.N.T. phải là những người bảo thủ hơn các công đoàn viên của họ. Thứ hai, mục tiêu chủ yếu của lãnh đạo C.N.T. là thành lập liên minh với U.G.T., xung đột chỉ làm chia rẽ sâu sắc thêm, ít nhất là trong thời gian đó. Thứ ba - mặc dù chuyện này lúc đó chưa có nhiều người biết - những người lãnh đạo quân vô chính phủ sợ rằng nếu

tình hình vượt quá giới hạn nào đó và công nhân chiếm được thành phố (họ có thể làm như thế vào ngày mùng 5 tháng năm) thì nước ngoài sẽ can thiệp. Một tuần dương hạm và hai khu trục hạm của Anh đã đậu trong cảng và chắc chắn còn những chiếc tàu chiến khác lớn hơn gần đó nữa. Báo chí Anh viết rằng những con tàu này đến Barcelona là “để bảo vệ quyền lợi của Anh”, nhưng trên thực tế, họ không có ý định làm việc đó vì không thấy họ đưa người lên cũng không thấy họ đón bất kì người tị nạn nào. Không có bằng chứng chắc chắn, nhưng hoàn toàn có khả năng là chính phủ Anh sẽ không động một ngón tay để cứu chính quyền Tây Ban Nha khỏi bọn phát xít Franco, nhưng nó sẽ nhanh chóng can thiệp để cứu chính phủ này khỏi tay giai cấp công nhân của chính mình.

Lãnh đạo P.O.U.M. không chối bỏ trách nhiệm, trên thực tế họ còn khuyến khích người của mình giữ vững chiến lũy, thậm chí ủng hộ (trên tờ La Batalla, ra ngày 6 tháng 5) khẩu hiệu cực đoan của Những người bạn của Durruti nữa. (Không ai biết chắc nội dung tờ truyền đơn này vì cho đến nay chưa ai tìm thấy tờ nào). Một số tờ báo nước ngoài gọi những tờ truyền đơn này là “khẩu hiệu kích động” được “dán” khắp thành phố. Nhưng chắc chắn là không có khẩu hiệu nào như thế cả. Sau khi so sánh những nguồn tin khác nhau, tôi có thể nói rằng truyền đơn kêu gọi (i) Thành lập hội đồng cách mạng, (ii) Bắt bỏ tất cả những người chịu trách nhiệm trong vụ tấn công tổng đài điện thoại, (iii) tước vũ khí lực lượng bảo vệ vũ trang. Vẫn còn chưa rõ là báo La Batalla ủng hộ truyền đơn đến mức độ nào. Tôi không được đọc truyền đơn cũng như không đọc báo La Batalla ra ngày hôm ấy. Trong suốt thời gian diễn ra cuộc xung đột tôi chỉ nhìn thấy một tờ truyền đơn. Đây là tờ truyền đơn do nhóm Trotskyist (“Bolshevik-Leninist”), một nhóm rất ít thành viên, phân phát hôm mùng 4 tháng 5. Tờ này viết: “Tất cả đều lên chiến lũy - Tổng bãi công trong tất cả các ngành, xí nghiệp, trừ các xí nghiệp sản xuất vũ khí”. (Nói cách khác, nó chỉ yêu cầu làm những việc đã xảy ra rồi). Nhưng trên thực tế, lãnh đạo P.O.U.M. đã giao động. Họ không bao giờ ủng hộ cuộc nổi dậy nếu chưa chiến thắng Franco, nhưng khi công nhân nắm lấy vũ khí thì những nhà lãnh đạo P.O.U.M. đã tuân theo đường lối Marxist giáo điều, tức là đường lối cho rằng khi công nhân đã xông ra đường phố thì các đảng cách mạng có trách nhiệm ủng hộ họ. Vì thế, trong khi mồm thì hô những khẩu hiệu cách mạng “đánh thức tinh thần ngày 19 tháng 7” và những khẩu hiệu tương tự, nhưng trên thực tế họ lại tìm mọi cách giới hạn hành động của công nhân theo hướng phòng thủ là chính. Thí dụ, họ không bao giờ ra lệnh tấn công bất kì tòa nhà nào, và như tôi đã viết trong chương trước, họ chỉ hạ lệnh cho người của mình luôn phải sẵn sàng, nhưng tìm mọi cách tránh nổ súng. Tờ La Batalla còn in chỉ thị cấm các đơn vị quân đội rời mặt trận nữa [\[31\]](#). Theo đánh giá của tôi thì trách nhiệm của P.O.U.M. chỉ là đã kêu gọi mọi người ở lại trên chiến lũy, và có thể đã thuyết phục được một số người ở lại lâu hơn là đáng lẽ họ đã làm. Những người đã từng tiếp xúc với các nhà lãnh đạo P.O.U.M. trong thời gian đó (tôi không tiếp xúc với họ) đều nói với tôi rằng họ đã mất hết tinh thần, nhưng cảm thấy có trách nhiệm ủng hộ công nhân. Sau này, dĩ nhiên là người ta đã thu được vốn liếng chính trị, đấy cũng là việc bình thường. Ông Gorkin, một trong những nhà lãnh đạo của P.O.U.M., thậm chí còn nói đến “những ngày tháng năm vinh quang” nữa. Từ quan điểm tuyên truyền thì điều này có thể là đúng. Trong giai đoạn ngắn trước khi bị cấm, lực lượng của P.O.U.M. có gia tăng được một ít. Về mặt chiến thuật, việc ủng hộ truyền đơn của nhóm Những người bạn của Durruti có thể là một sai lầm; tổ chức này vừa nhỏ, vừa hay có thái độ thù địch đối với P.O.U.M. Xét tình trạng kích động nói chung và những lời phát biểu từ cả hai phía lúc đó

thì truyền đơn chỉ có nghĩa là kêu gọi mọi người tiếp tục giữ vững chiến lũy. Nhưng ủng hộ nó, trong khi tờ Solidaridad Obrera, cơ quan ngôn luận của những người vô chính phủ, lên án truyền đơn, tức là các nhà lãnh đạo P.O.U.M. đã tạo cơ hội cho báo chí chí cộng sản sau này nói rằng vụ chạm súng là một hình thức khởi nghĩa chỉ do một mình P.O.U.M. phát động. Tuy nhiên, chắc chắn là đảng nào thì báo chí cộng sản cũng nói như thế. Trước và sau cuộc chiến, dù chẳng có sơ sở nào thì hai bên cũng đã kết án nhau hết sức nặng nề rồi. Lãnh đạo C.N.T., vì quá thận trọng nên chẳng được gì. Người ta đã ca ngợi họ vì có lòng trung thành, và khi có cơ hội thì đã tổng khởi họ ra khỏi cả chính phủ trung ương lẫn chính quyền Catalonia.

Theo lời người ta nói lúc đó thì không ai có ý định làm cách mạng. Đứng sau chiến lũy chỉ là những người công nhân bình thường, thành viên của công đoàn C.N.T., có thể có cả thành viên công đoàn U.G.T. nữa; họ không có ý định lật đổ chính phủ mà chỉ muốn chống lại, có thể đúng mà cũng có thể sai, cuộc tấn công của cảnh sát mà thôi. Thực ra, hành động của họ chỉ có tính chất tự vệ và tôi không biết đây có phải là một “cuộc nổi dậy” như báo chí ngoại quốc viết hay không. Nổi dậy hàm ý có hành động tấn công và một kế hoạch nhất định. Đây rõ ràng là một cuộc bạo loạn - một cuộc bạo loạn đẫm máu vì cả hai bên đều có vũ khí nóng và sẵn sàng nổ súng.

Còn ý định của phía bên kia thì sao? Nếu đây không phải là cuộc đảo chính của lực lượng vô chính phủ thì có thể là cuộc đảo chính của cộng sản chăng? Đây có phải là cố gắng đã được tính toán trước nhằm tước đoạt quyền lực của C.N.T. chỉ bằng một cú ra đòn hay không?

Tôi không tin, mặc dù là có một số lí do để người ta ngờ là như thế. Đáng kể là sự kiện tương tự như thế đã xảy ra tại Tarragona hai ngày sau đó (cảnh sát vũ trang, theo lệnh của Barcelona, đã chiếm tổng đài điện thoại). Còn ở Barcelona thì tấn công tổng đài điện thoại không còn là hành động đơn lẻ nữa. Các đơn vị bảo vệ vũ trang và thành viên P.S.U.C. đã chiếm các toà nhà có vị trí chiến lược, nếu không nói là ngay trước khi xung đột xảy ra thì cũng diễn ra một cách mau lẹ đến bất ngờ. Nhưng nên nhớ rằng đây là chuyện xảy ra ở Tây Ban Nha chứ không phải ở Anh. Barcelona là một thành phố có lịch sử đánh nhau khá dài. Trong những khu vực như thế mọi chuyện xảy ra rất nhanh, các bên đều đã sẵn sàng, mọi người đều nắm được địa hình địa vật, cho nên khi súng vừa nổ là mọi người đã vào đúng vị trí, hết như trong cuộc diễn tập cứu hoả vậy. Có lẽ những người chịu trách nhiệm chiếm tổng đài điện thoại cho rằng sẽ có rắc rối – nhưng không đến mức như thực tế đã diễn ra – và sẵn sàng đề bẹp mọi kháng cự. Nhưng như thế cũng không có nghĩa là họ đã lập kế hoạch tấn công C.N.T. Tôi không tin rằng một trong hai bên đã sẵn sàng cho một trận xung đột rộng lớn hơn. Có hai lí do:

(i) Trước đó không có bên nào đưa quân tới Barcelona. Chỉ có những người đang ở Barcelona, mà chủ yếu là thường dân và cảnh sát, tham gia đánh nhau mà thôi.

(ii) Lương thực thực phẩm cạn kiệt gần như ngay lập tức. Những người đã từng phục vụ ở Tây Ban Nha đều biết rằng chiến dịch duy nhất mà người Tây Ban Nha làm được một cách hoàn hảo trong thời gian diễn ra cuộc chiến là nuôi quân. Có vẻ như hoàn toàn không có khả năng là một bên nào đó đã dự liệu trước một hai tuần rằng cuộc đụng độ và tổng đình công sẽ xảy ra mà lại không dự trữ lương thực thực phẩm.

Cuối cùng, bên nào đúng, bên nào sai?

Báo chí chống phát xít đã tung ra một đồng hoả mù, nhưng thường là chỉ có một bên được nghe mà thôi. Kết quả là vụ động độ ở Barcelona được người ta mô tả như là cuộc nổi dậy của những kẻ phản bội - tức là phe vô chính phủ và Trotskyist - những người đã “đâm một nhát dao vào sau lưng chính phủ Tây Ban Nha”..v.v... Nhưng vấn đề không hoàn toàn đơn giản như thế. Không nghi ngờ gì rằng khi đang giao chiến với kẻ tử thù thì tốt nhất là quân ta không được đánh quân mình, nhưng cũng cần nhớ rằng phải có hai bên tham gia thì mới thành cãi nhau và dân chúng sẽ không xây chiến lũy nếu họ không nhận được tín hiệu mà họ có thể coi là khiêu khích.

Rắc rối thực sự bùng lên khi chính phủ ra lệnh cho quân vô chính phủ giao nộp vũ khí. Ở Anh, báo chí đã diễn giải theo cách hiểu của người Anh như thế này: mặt trận Aragon đang rất cần vũ khí, nhưng những người vô chính phủ không có lòng yêu nước đã giữ lại. Viết như thế là không hiểu hoàn cảnh thực tế ở Tây Ban Nha. Mọi người đều biết rằng cả quân vô chính phủ lẫn P.S.U.C. đều tích trữ vũ khí và khi cuộc chiến bùng lên ở Barcelona thì càng rõ rằng hai bên đã sản xuất được rất nhiều vũ khí. Quân vô chính phủ biết rằng ngay cả nếu họ giao nộp vũ khí thì P.S.U.C., lực lượng chính trị chủ yếu ở Catalonia, cũng sẽ không nộp. Sau khi cuộc xung đột chấm dứt, thực tế đã diễn ra đúng như thế. Trong khi đó, như có thể nhìn thấy trên đường phố, một số lượng lớn vũ khí rất cần cho mặt trận lại bị lực lượng cảnh sát “phi chính trị” giữ lại ở hậu phương. Nguyên nhân sâu xa là mâu thuẫn không thể dung hoà giữa những người cộng sản và những người vô chính phủ, trước sau gì cũng sẽ dẫn tới đụng độ. Từ ngày nổ ra chiến tranh, Đảng cộng sản Tây Ban Nha đã phát triển rất nhanh về số lượng đảng viên và nắm được hầu hết quyền lực chính trị ở trong nước. Ngoài ra, còn có hàng ngàn người cộng sản nước ngoài tìm đến Tây Ban Nha, nhiều người còn nói rõ rằng sau khi đánh bại Franco thì sẽ “thanh toán” chủ nghĩa vô chính phủ. Trong tình hình như thế, thật khó mà nghĩ rằng lực lượng vô chính phủ sẽ giao nộp số vũ khí mà họ đã nắm được vào mùa hè năm 1936.

Việc chiếm tổng đài điện thoại chỉ là que diêm châm vào khối thuốc nổ đã sẵn sàng từ lâu mà thôi. Rất có thể là những người có trách nhiệm đã không tưởng tượng được rằng nó sẽ gây ra rắc rối. Người ta còn đồn rằng ông Company, Chủ tịch Catalonia, trước đó vài ngày còn vừa cười vừa tuyên bố rằng bọn vô chính phủ sẽ phải ngậm bồ hòn làm ngọt [\[32\]](#). Nhưng rõ ràng đây là một hành động thiếu khôn ngoan. Suốt mấy tháng gần đây, đụng độ giữa cộng sản và vô chính phủ đã xảy ra tại nhiều khu vực khác nhau rồi. Catalonia và đặc biệt là Barcelona đã ở trong tình trạng căng thẳng đến mức đã xảy ra những vụ xung đột trên đường phố và giết người. Bất ngờ có tin loang ra khắp thành phố rằng một số người vũ trang đã tấn công những toà nhà mà công nhân chiếm được trong những trận đụng độ hồi tháng bảy, mà đây lại là những biểu tượng rất quan trọng đối với họ. Cần phải nhớ rằng công nhân chẳng ưa gì bảo vệ vũ trang. Các thể hệ trước vốn vẫn coi la guardia (bảo vệ -ND) là đầy tớ của các ông trùm và địa chủ. Bảo vệ vũ trang còn bị ghét nữa vì người ta ngờ rằng họ trung thành với bọn phát xít [\[33\]](#). Có thể chính những tình cảm đã thúc đẩy người dân đứng lên chống lại các tướng lĩnh phản loạn hồi đầu chiến tranh lần này đã đưa họ lên chiến lũy ngay trong những giờ phút đầu tiên. Dĩ nhiên là người ta có thể cãi rằng công nhân của C.N.T. không nên kháng cự mà phải bàn giao ngay tổng đài điện thoại. Ở đây, ý kiến của mỗi người lại phụ thuộc vào thái độ của người đó

đối với quyền kiểm soát của chính phủ trung ương và quyền kiểm soát của giai cấp công nhân. Câu trả lời phù hợp nhất có thể là: “Vâng, hoàn toàn có thể là C.N.T. có lí. Nhưng đang có chiến tranh, họ không nên gây sự ở hậu phương”. Tôi hoàn toàn đồng ý như thế. Bất kì sự rối loạn nào ở bên trong cũng chỉ có lợi cho Franco mà thôi. Nhưng ai là người ta tay trước? Chính phủ có thể có quyền mà cũng có thể không có quyền chiếm tổng đài điện thoại; vấn đề là trong hoàn cảnh lúc đó việc chiếm tổng đài nhất định dẫn đến đụng độ. Đây là một hành động khiêu khích, nó chỉ có nghĩa là: “Quyền lực của các vị đã hết, bây giờ đến lượt chúng tôi.” Chỉ có điên mới nghĩ là không có kháng cự. Công bằng mà nói, những việc đại loại như thế này, không thể đổ lỗi hoàn toàn cho một phía. Quan điểm thiên lệch đã được mọi người chấp nhận chỉ đơn giản là vì các đảng cách mạng Tây Ban Nha không có cơ sở trong các cơ quan báo chí ngoại quốc. Đặc biệt là trong báo chí Anh, phải tìm rất lâu thì may ra mới thấy ý kiến có thiện cảm với những người vô chính phủ Tây Ban Nha. Họ bị bôi nhọ một cách có hệ thống, và theo kinh nghiệm của tôi thì đưa những ý kiến biện hộ cho họ lên mặt báo là việc gần như bất khả thi.

Tôi đã cố gắng viết một cách khách quan về trận đụng độ ở Barcelona, mặc dù rõ ràng là chẳng ai có thể hoàn toàn khách quan về những vấn đề như thế này. Trên thực tế, ai cũng phải chọn phe. Tất nhiên là tôi đã có sai lầm, không chỉ trong lúc viết về những sự kiện ở Barcelona mà còn trong những đoạn khác của tác phẩm này nữa. Thật khó mà viết được một cách chính xác về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha vì không có tài liệu nào là không mang màu sắc tuyên truyền. Tôi xin cảnh báo với độc giả về thành kiến của mình cũng như sai lầm của mình. Nhưng tôi đã cố gắng hết sức để có thể viết một cách trung thực. Nhưng báo cáo của tôi sẽ khác hẳn với những bài viết trên sách báo ngoại quốc, nhất là trên báo chí cộng sản. Cần phải xem xét lại lối giải thích của cộng sản vì nó được báo chí toàn cầu đăng lại, được cập nhật thường xuyên và vì vậy mà được nhiều người chấp nhận nhất.

Báo chí cộng sản và thân cộng sản đổ toàn bộ tội lỗi vụ đụng độ ở Barcelona lên đầu P.O.U.M. Họ không coi đây là một hành động bột phát mà là một vụ bạo loạn có tổ chức, có kế hoạch, nhằm chống lại chính phủ, do P.O.U.M. cùng với một vài phần tử “quá khích” bị dụ dỗ khởi sự. Hơn thế nữa, họ bảo đây là âm mưu của bọn phát xít, do bọn phát xít chỉ huy nhằm phát động cuộc nội chiến ở hậu phương và như thế là làm tê liệt chính phủ. P.O.U.M. là “đạo quân thứ năm” của Franco, là tổ chức Trotskyist cộng tác với bọn phát xít. Theo tờ Daily Worker (ngày 11 tháng năm):

Điệp viên Đức và Ý tràn vào Barcelona, bề ngoài là để “chuẩn bị Đại hội quốc tế IV” đầy tai tiếng, nhưng trên thực tế, chúng lại làm những việc hoàn toàn khác. Đây là: Cùng với những tên Trotskyist ở địa phương gây ra tình trạng hỗn loạn và đổ máu, tạo điều kiện cho Đức và Ý tuyên bố rằng “vì những vụ bạo loạn ở Barcelona cho nên không thể kiểm soát được một cách hiệu quả vùng bờ biển Catalonia” và vì vậy mà “cần phải đưa quân vào Barcelona”.

Nói cách khác, lúc đó người ta cố tình tạo điều kiện để chính phủ Đức và Ý có thể công khai đưa bộ binh hoặc thủy quân đến bờ biển Catalonia nhằm “bảo vệ trật tự”...

Đức và Ý đã có sẵn phương tiện trong tay, đó là tổ chức Trotskyist, vẫn được gọi là P.O.U.M.

P.O.U.M. đã cộng tác với những phần tử tội phạm nổi tiếng và một số cá nhân làm đường lạc

lỗi trong các tổ chức phi chính phủ để lên kế hoạch, tổ chức và chỉ huy vụ tấn công ở hậu phương, đúng vào lúc bọn phát xít công kích trên toàn mặt trận ở Bilbao ..v.v.. và ..v.v..

Ở đoạn sau của bài báo, thì vụ đụng độ ở Barcelona đã trở thành “cuộc tấn công của P.O.U.M.”, còn một bài khác, cũng trong số này, lại tuyên bố: “Không nghi ngờ gì rằng P.O.U.M. phải chịu toàn bộ trách nhiệm về vụ đổ máu ở Catalonia”. Tờ Inprecor (ngày 29 tháng 5) tuyên bố rằng tất cả những người xây dựng chiến lũy ở Barcelona “đều là thành viên của P.O.U.M., họ được đảng cử đi để làm việc đó.”

Tôi có thể trưng ra nhiều trích dẫn hơn nữa, nhưng như thế cũng đã đủ. P.O.U.M. phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và P.O.U.M. đã hành động theo lệnh của phát xít. Sau này tôi sẽ trưng ra thêm trích dẫn từ báo chí cộng sản, để thấy rằng chúng tự mâu thuẫn với nhau nên chẳng có giá trị gì. Nhưng trước khi làm như thế, cần phải chỉ ra một số lí do vì sao quan điểm cho rằng vụ đụng độ vào tháng năm ở Barcelona là vụ bạo loạn của bọn phát xít, do người của P.O.U.M. tổ chức, là không thể chấp nhận được.

1. P.O.U.M. không có đủ người và ảnh hưởng để có thể tạo ra những vụ hỗn loạn lớn đến như thế. Lại càng không đủ sức kêu gọi được cuộc tổng bãi công. Đây là tổ chức chính trị không có cơ sở vững chắc trong phong trào công đoàn, khả năng gây ra một cuộc đình công trên toàn lãnh thổ Barcelona cũng chẳng khác gì, thí dụ, khả năng của Đảng cộng sản Anh trong việc gây ra cuộc tổng đình công trên toàn lãnh thổ Glasgow vậy. Như tôi đã nói bên trên, thái độ của những người lãnh đạo P.O.U.M. có thể giúp kéo dài vụ đụng độ, nhưng họ không thể gây ra vụ đụng độ, ngay cả khi họ muốn như thế.

2. Âm mưu của bọn phát xít chỉ là lời khẳng định suông, trong khi tất cả bằng chứng đều chỉ theo hướng ngược lại. Người ta bảo rằng kế hoạch là để Đức và Ý đưa quân tới Catalonia, nhưng chẳng có chiếc tàu chiến Đức hay Ý nào đến gần bờ chứ đừng nói đổ bộ. Còn “Đại hội quốc tế IV” cũng như “gián điệp Đức và Ý” cũng hoàn toàn là chuyện bịa đặt. Theo tôi biết thì chưa hề có ai nói đến Đại hội quốc tế IV. Có kế hoạch, nhưng chưa chắc chắn, cho Đại hội của P.O.U.M. và những đảng anh em của họ (ở Anh là I.L.P., ở Đức là S.A.P...v.v.. và ..v.v..) vào khoảng tháng 7 – hai tháng sau vụ đụng độ - nhưng không có đại biểu nước ngoài nào tham dự cả. “Gián điệp Đức và Ý” thì chỉ có mặt trên tờ Daily Worker mà thôi. Những ai từng đi qua biên giới thời gian đó đều biết rõ rằng “tràn” vào hoặc đi ra khỏi Tây Ban Nha là việc không dễ dàng gì.

3. Ở Lerida, vị trí trọng yếu của P.O.U.M., cũng như ở ngoài mặt trận đều không có chuyện gì cả. Rõ ràng là nếu các lãnh tụ của P.O.U.M. muốn giúp đỡ quân phát xít thì họ đã hạ lệnh cho lực lượng của mình tránh ra cho quân phát xít đi qua rồi. Nhưng không có chuyện gì như thế cả, kể cả nghe nói cũng không nổi. Cũng không có chuyện rút người khỏi mặt trận, mặc dù đưa lên một vài ngàn người đến Barcelona không phải là khó, thiếu gì lí do để làm như thế. Cũng không có những hành động phá hoại, ngay cả gián tiếp, ở ngoài mặt trận. Việc vận chuyển lương thực, đạn dược và những thứ khác vẫn được tiến hành một cách bình thường; tôi đã kiểm tra vấn đề này. Nhưng trước hết là một cuộc nổi dậy kiểu như thế, đây là nói một cuộc nổi dậy theo kế hoạch, phải chuẩn bị hàng tháng trời, phải tiến hành tuyên truyền trong hàng ngũ dân quân ..v.v.. Nhưng không có dấu hiệu hay tin đồn nào như thế cả. Sự kiện là lực lượng dân quân

không tham gia vào cuộc “bạo loạn” là chứng cứ thuyết phục nhất. Nếu P.O.U.M. thực sự lập kế hoạch đảo chính [34] thì họ không thể không sử dụng khoảng mười ngàn chiến sĩ vũ trang, tức là lực lượng tấn công duy nhất mà họ có trong tay.

Như thế là đủ chứng tỏ luận điệu của cộng sản cho rằng “vụ bạo loạn” là do P.O.U.M tổ chức theo lệnh của bọn phát xít là hoàn toàn không có cơ sở. Xin dẫn ra thêm một vài trích dẫn từ báo chí cộng sản. Những bài viết về vụ đột kích tổng đài điện thoại, tức là sự kiện mở màn vụ xung đột, là rõ ràng hơn cả; mỗi bài nói một phách, ngoại trừ độc một điểm, đấy là đổ tội cho phía bên kia. Đáng chú ý là báo chí cộng sản Anh ban đầu đổ lỗi cho quân vô chính phủ, sau đó mới quay sang gán cho P.O.U.M. Họ có đầy đủ lí do để làm như thế. Chẳng mấy người ở Anh được nghe nói tới “chủ nghĩa Trotskyist”, nhưng ai cũng phát run khi nghe thấy từ “vô chính phủ”. Đầu tiên hãy bảo rằng “quân vô chính phủ” có dính líu vào chuyện này, tạo được định kiến rồi thì sẽ quay sang kết tội bọn “Trotskyist” cũng chưa muộn. Tờ Daily Worker bắt đầu như sau (ngày 6 tháng 5):

“Trong ngày thứ hai và thứ ba một nhóm quân vô chính phủ đã chiếm và cố gắng giữ trụ sở điện báo và điện thoại và bắt đầu xả súng xuống đường phố”.

Bắt đầu bằng việc đảo lộn vai trò. Lực lượng bảo vệ vũ trang tấn công toà nhà do C.N.T. kiểm soát, cho nên họ phải viết là C.N.T. tấn công toà nhà của mình, nghĩa là tấn công chính mình. Mặt khác, ngày 11 tháng 5 tờ Daily Worker lại tuyên bố:

“Ông Aiguade, Bộ trưởng bộ an ninh, thuộc phe tả và ông Rodrigue Salas, Tổng tư lệnh lực lượng giữ gìn trật tự xã hội, đảng viên đảng xã hội thống nhất, đã ra lệnh cho lực lượng cảnh sát cộng hoà vào tổng đài điện thoại để tước vũ khí những người đang làm việc ở đó, mà đa số là thành viên tổ chức công đoàn C.N.T.”

Điều này có vẻ như mâu thuẫn với tuyên bố ban đầu, tuy nhiên Daily Worker không thêm công nhận là thông tin trước sai. Cũng ngày 11 tháng 5, Daily Worker lại nói rằng những tờ truyền đơn của “Những người bạn của Durruti”, vốn bị C.N.T. lên án, xuất hiện vào ngày 4 và 5 tháng 5, tức là trong thời gian đang đánh nhau. Tờ Inprecor (ngày 22 tháng 5) lại khẳng định rằng truyền đơn xuất hiện vào ngày 3 tháng năm, tức là trước khi đánh nhau và nói thêm “trên cơ sở các sự kiện như thế” (sự kiện xuất hiện những tờ truyền đơn này):

“Lực lượng cảnh sát, do chính Cảnh sát trưởng chỉ huy đã chiếm tổng đài điện thoại vào chiều ngày 3 tháng 5. Người ta đã bắn vào lực lượng cảnh sát trong khi họ thi hành nhiệm vụ. Đây chính là tín hiệu cho những tên khiêu khích nổ súng loạn xạ trong khắp thành phố”.

Và đây là tờ Inprecor ngày 29 tháng 5:

“Vào lúc ba giờ chiều, đồng chí Salas, Tổng tư lệnh lực lượng giữ gìn trật tự xã hội, đi đến tổng đài điện thoại, mà đêm hôm trước đã bị 50 thành viên của P.O.U.M. và những phần tử vô trách nhiệm khác chiếm giữ”.

Thật là kì quặc. Việc chiếm tổng đài điện thoại do 50 người thuộc P.O.U.M. tiến hành có thể coi là sự kiện khác thường và có thể chắc chắn là người ta đã nhận ra ngay lúc đó rồi. Nhưng

hoá ra là phải ba bốn tuần sau người ta mới phát hiện được nó. Trong một số khác của tờ Inprecor, 50 thành viên của P.O.U.M. đã biến thành 50 du kích quân thuộc lực lượng P.O.U.M. Thật khó mà đưa được nhiều mâu thuẫn hơn vào mấy đoạn văn ngắn như thế. Ban đầu C.N.T. là người tấn công tổng đài điện thoại, sau đó họ lại là người bị tấn công; truyền đơn khi thì xuất hiện trước vụ chiếm tổng đài và là nguyên nhân của nó, lúc khác lại xuất hiện sau và là kết quả của vụ tấn công tổng đài; người ở tổng đài điện thoại khi thì là của C.N.T., lúc khác lại là của P.O.U.M. .v.v.. Và trên tờ Daily Worker ra ngày 3 tháng 6 ông J. R. Campbell lại cho chúng ta biết rằng chính phủ chỉ chiếm đài phát thanh sau khi chiến lũy đã mọc lên trên đường !

Vì khuôn khổ của tác phẩm, tôi chỉ dừng lại ở những bài viết về có một sự kiện, nhưng những mâu thuẫn như thế có mặt trong tất cả các bài viết trên báo chí cộng sản. Đây là chưa kể những bài mà thực chất là bịa đặt một cách trắng trợn. Thí dụ như tờ Daily Worker (ngày 7 tháng 5) trích dẫn tuyên bố, dường như là do đại sứ quán Tây Ban Nha ở Paris đưa ra như sau:

“Đặc điểm nổi bật của vụ bạo loạn là lá cờ của phe bảo hoàng thủ cựu đã phấp phới bay trên nhiều toà nhà của Barcelona, thể hiện niềm tin chắc chắn rằng những kẻ bạo loạn đã làm chủ được tình hình.”

Rất có khả năng là tờ Daily Worker đã tin khi đăng lại lời tuyên bố, nhưng những người đưa ra lời tuyên bố đó đã cố tình nói dối. Bất kì người Tây Ban Nha nào cũng biết rằng không phải như thế. Cờ bảo hoàng bay trên Barcelona! Đây là điều duy nhất có thể đoàn kết ngay lập tức tất cả các phe phái đang giao tranh. Ngay những người cộng sản có mặt tại chỗ cũng phải mỉm cười khi đọc tin này. Có thể nói tương tự như thế về những bài trên những tờ báo khác nhau của phe cộng sản viết về số vũ khí mà P.O.U.M. đã sử dụng trong “vụ bạo loạn”. Chỉ có những người không biết một chút sự kiện nào mới có thể tin được mà thôi. Ngày 17 tháng 5, ông Frnak Pitcairn viết trên tờ Daily Worker như sau:

“Họ đã sử dụng mọi loại vũ khí, khí tài. Có loại là do họ ăn cắp và dấu diếm suốt mấy tháng trời, còn những loại khí tài như xe tăng thì họ lấy từ trại lính đúng vào thời điểm diễn ra bạo loạn. Rõ ràng là họ còn giữ nhiều khẩu súng máy và mấy ngàn khẩu súng trường.”

Tờ Inprecor (ngày 29 tháng 5) còn khẳng định:

“Ngày 3 tháng 5, lực lượng P.O.U.M. có trong tay mấy chục khẩu súng máy và mấy ngàn khẩu súng trường ... Ở quảng trường Plaza de España, bọn Trotskyist dùng cả súng 75-milimet, đây là những khẩu đáng lẽ phải được đưa ra mặt trận Aragon, nhưng họ lại đem dấu trong doanh trại của mình.”

Ông Pitcairn không nói cho chúng ta bằng cách nào và khi nào thì người ta biết rằng P.O.U.M. có hàng chục khẩu súng máy và mấy ngàn khẩu súng trường. Tôi đã liệt kê số vũ khí có trong ba toà nhà chính của P.O.U.M.: khoảng 80 khẩu súng trường, mấy quả bom, nhưng không có khẩu súng máy nào. Đây là số vũ khí đủ để trang bị cho lực lượng bảo vệ những toà nhà mà đảng phái chính trị nào lúc đó cũng có. Thật kì lạ là sau đó, khi P.O.U.M. đã bị cấm và các toà nhà của tổ chức này bị tịch thu thì hàng ngàn khẩu súng ấy bỗng biến đi đâu mất hút; đặc biệt là xe tăng và trọng pháo là những thứ không thể dấu vào ống khói được. Nhưng điều đập vào

mất trong hai bản tin vừa dẫn là tác giả của chúng hoàn toàn mù tịt, hoàn toàn chẳng nắm được tình hình gì hết. Theo ông Pitcairn thì P.O.U.M. đã ăn cắp xe tăng “từ doanh trại quân đội”. Lực lượng của P.O.U.M. ở Barcelona (lúc đó đã không còn bao nhiêu vì các đảng phái đã không còn tuyển thêm quân nữa) đóng trong doanh trại mang tên Lenin, Quân đội Nhân dân cũng đóng ở đấy mà quân số lại đông hơn nhiều. Như vậy là ông Pitcairn yêu cầu chúng ta tin rằng P.O.U.M. đã ăn cắp xe tăng với sự đồng lõa của Quân đội Nhân dân. Các “doanh trại”, nơi giấu những khẩu pháo 75-milimet thì cũng thế. Không thấy nói các doanh trại ấy nằm ở đâu. Nhiều tờ báo nói đến việc nã pháo vào quảng trường Plaza de España, nhưng theo tôi, ta có thể nói một cách chắc chắn rằng không làm gì có những khẩu pháo như thế. Như trước đây tôi đã nói, tôi không hề nghe thấy tiếng pháo nổ trong suốt thời gian giao tranh, mà quảng trường Plaza de España chỉ cách chỗ tôi chưa đến hai cây số [[35](#)]. Sau khi chiến sự chấm dứt mấy ngày, tôi có đến quảng trường Plaza de España nhưng không thấy toà nhà nào có vết đạn pháo. Một người từng có mặt gần quảng trường trong suốt thời gian diễn ra chiến sự nói rằng ở đó không có khẩu pháo nào cả. (Nhân đây xin nói thêm rằng câu chuyện về những khẩu súng bị đánh cắp có thể là do Antonov-Ovseenko, tổng lãnh sự Liên Xô, bịa ra. Dù sao thì ông ta cũng đã nói như thế với một nhà báo nổi tiếng người Anh, người này tin lời ông ta và đã nhắc lại đúng như thế trên một tờ tuần báo. Sau này Antonov-Ovseenko đã bị “thanh trừng”. Chuyện đó có ảnh hưởng thế nào đối tới mức độ khả tín của ông ta thì tôi không biết). Sự thật, dĩ nhiên là, người ta phải bịa ra xe tăng, pháo binh ..v.v.. vì nếu không thì khó có thể coi P.O.U.M., với một số lượng thành viên ít ỏi, là lực lượng đã gây ra những trận xung đột dữ dội như thế. Người ta cần phải tuyên bố rằng P.O.U.M. chịu hoàn toàn trách nhiệm về vụ xung đột, người ta cũng cần tuyên bố rằng đấy chỉ là một đảng không đáng kể, chỉ có “mấy ngàn đảng viên”, nhưng không có người ủng hộ, như tờ Inprecor viết. Muốn cho người ta tin cả hai lời tuyên bố trên thì phải bịa ra là P.O.U.M. được trang bị những loại vũ khí, khí tài hiện đại nhất.

Không thể không nghĩ rằng, đấy là nói khi đọc báo chí cộng sản, người ta đã cố tình lợi dụng sự kém hiểu biết của độc giả và chỉ nhắm tới một mục đích duy nhất là tạo ra định kiến mà thôi. Thí dụ như lời tuyên bố của ông Pitcairn trên tờ Daily Worker ra ngày 11 tháng 5 rằng “vụ bạo loạn” đã bị Quân đội Nhân dân dẹp rồi. Ý tưởng là làm cho người bên ngoài nghĩ rằng mọi người ở Catalonia đều chống lại “bọn Trotskyist”. Nhưng Quân đội Nhân dân đã giữ thái độ trung lập trong suốt thời gian xung đột, mọi người ở Barcelona đều biết như thế, và thật khó mà tin rằng ông Pitcairn lại không biết chuyện này. Hay là trò lừa gạt của báo chí cộng sản về số người chết và bị thương, mục đích của họ là thổi phồng mức độ rối loạn. Báo chí cộng sản thường trích tuyên bố của Diaz, Tổng bí thư Đảng cộng sản Tây Ban Nha, rằng có 900 người chết và 2.500 người bị thương. Trong khi ông Bộ trưởng Bộ tuyên truyền Catalonia lại nói chỉ có 400 người chết và 1000 người bị thương thôi. Đảng cộng sản sau khi đã nhân đôi lại còn cộng thêm vài trăm nữa cho chắc ăn.

Báo chí tư sản ngoại quốc, nói chung, đều đổ tội cho lực lượng vô chính phủ, nhưng cũng có vài tờ theo đuôi cộng sản. Một trong số đó là tờ báo tiếng Anh mang tên News Chronicle, thông tín viên của nó, ông John Langdon-Davies, cũng có mặt ở Barcelona trong thời gian đó. Xin trích một phần bài báo của ông này:

VỤ BẠO LOẠN CỦA NHÓM TROTSKYIST

... Đây không phải là vụ bạo loạn của bọn vô chính phủ. Đây là vụ đảo chính bất thành của đảng Trotskyist P.O.U.M., thông qua những tổ chức mà nó kiểm soát như: “Những người bạn của Durruti” và “Thanh niên tự do”... Bi kịch bắt đầu vào trưa ngày thứ hai, khi chính phủ đưa lực lượng cảnh sát vũ trang đến giải giới số công nhân, phần lớn là thành viên C.N.T., làm việc ở tổng đài điện thoại. Tình trạng lộn xộn nghiêm trọng ở đây đã gây ra tranh cãi từ khá lâu rồi. Đám đông tụ tập trên quảng trường Plaza de Cataluña, trong khi các thành viên của C.N.T. vừa chống cự vừa rút dần lên những tầng lầu phía trên. . . . Tình tiết rất không rõ ràng, nhưng người ta đồn rằng chính phủ đánh nhau với quân vô chính phủ. Đường phố đầy người mang súng. . . Ngay tối hôm đó trong các khu công nhân và xung quanh những toà nhà chính phủ, chiến lũy đã được dựng lên, và đến khoảng mười giờ thì thấy những loạt súng đầu tiên, rồi tiếng còi của xe cứu thương vang lên trên đường phố. Trước khi trời sáng cả thành phố chìm trong tiếng súng... Sáng ra, số người chết đã là hơn một trăm, có thể đoán được là chuyện gì đã xảy ra. Lực lượng C.N.T., theo đường lối vô chính phủ và lực lượng U.G.T., theo đường lối xã hội chủ nghĩa về nguyên tắc là “không đổ ra đường”. Trong khi đứng sau chiến lũy, họ chỉ quan sát, nhưng sẵn sàng bắn vào bất cứ người nào mang súng xuất hiện trên phố. . . Khủng khiếp nhất là những phát súng của mặt trận đỏ - những tên bắn tỉa, thường là phát xít, nấp trên mái nhà và bắn lung tung, nhưng chúng đã tìm mọi cách để làm cho tình hình càng hỗn loạn thêm. . . . Tuy nhiên, đến chiều ngày thứ tư thì người ta đã biết rõ kẻ nào đứng đằng sau vụ bạo loạn. Trên các bức tường xuất hiện những lời hiệu triệu với giọng điệu khiêu khích một cách trắng trợn, họ kêu gọi làm cách mạng và bắn bỏ các lãnh tụ cộng hoà và xã hội chủ nghĩa ngay lập tức. Do “Những người bạn của Durruti” kí. Sáng thứ năm, tờ nhật báo của lực lượng vô chính phủ tuyên bố rằng họ không biết và không đồng tình với những lời hiệu triệu đó, nhưng tờ La Batalla, cơ quan ngôn luận của P.O.U.M., chẳng những đã in lại mà còn đánh giá rất cao. Barcelona, thành phố đầu tiên của Tây Ban Nha đã rơi vào một vụ tắm máu, do những tên khiêu khích sử dụng tổ chức phá hoại này gây ra.

Hoàn toàn khác với cách giải thích của cộng sản mà tôi đã nói tới bên trên, nhưng chính bài báo này tự nó cũng đã chứa đầy mâu thuẫn rồi. Đầu tiên sự kiện được mô tả như là “vụ bạo loạn của những người theo phái Trotskyist”, sau đó lại được coi là kết quả của vụ đánh chiếm tổng đài điện thoại và mọi người tin rằng chính phủ “ra đòn chống lại quân vô chính phủ. Chiến lũy được dựng lên trong thành phố và người của C.N.T. cũng như U.G.T. đứng sau chiến lũy. Hai ngày sau đó thì xuất hiện biểu ngữ (thực ra là những tờ truyền đơn), và đây được coi là nguyên nhân của toàn bộ vụ việc - hậu quả có trước nguyên nhân. Còn một sự xuyên tạc trắng trợn nữa. Ông Langdon-Davies viết rằng “Những người bạn của Durruti” và “Thanh niên tự do” là những tổ chức do P.O.U.M. “kiểm soát”. Trên thực tế đây là hai tổ chức vô chính phủ và chẳng có liên hệ gì với P.O.U.M. Tổ chức “Thanh niên tự do” là liên đoàn thanh niên vô chính phủ, tương tự như J.S.U. của đảng P.S.U.C. Còn “Những người bạn của Durruti” là một nhóm nhỏ trong F.A.I., và có thái độ thù nghịch với P.O.U.M. Theo tôi biết thì không có ai lại cùng một lúc là thành viên của cả hai tổ chức đó. Nói thế thì cũng chẳng khác gì bảo rằng Liên đoàn những người xã hội chủ nghĩa là tổ chức do Đảng tự do Anh “kiểm soát”. Ông Langdon-Davies có hiểu điều đó hay không? Nếu hiểu thì ông ta nên viết một cách thận trọng hơn về vấn đề cực kì phức tạp này mới phải.

Tôi không bảo rằng ông Langdon-Davies không trung thực, nhưng cuộc xung đột đã chấm

dứt ngay sau khi ông ta rời Barcelona, nghĩa là ông đã ra đi đúng vào lúc có thể tìm hiểu sự việc một cách kĩ lưỡng hơn. Qua bài báo, có thể thấy rõ là ông đã chấp nhận cách giải thích chính thức về “vụ bạo loạn Trotskyist” mà không kiểm tra một cách đầy đủ. Điều này thể hiện rõ ngay trong đoạn tôi vừa trích dẫn. “Buổi tối” chiến lũy đã được dựng lên và “khoảng mười giờ” thì có tiếng súng nổ. Đây không phải là lời của người tận mắt chứng kiến. Theo như bài báo này thì phải đợi cho kẻ thù dựng xong chiến lũy rồi mới bắn. Có cảm tưởng là phải mấy tiếng đồng hồ sau khi xây xong chiến lũy thì mới có những loạt đạn đầu tiên, trong khi trên thực tế không phải như thế. Tôi và nhiều người khác nhìn thấy những loạt đạn đầu tiên ngay từ buổi chiều. Lại còn những tên bắn tỉa, “thường là phát xít”, bắn từ trên mái nhà xuống nữa chứ. Ông Langdon-Davies không bảo làm sao ông biết đấy là bọn phát xít. Có lẽ là ông ta không leo lên mái để hỏi rồi. Ông ta chỉ nhắc lại những điều người khác nói, mà vì đấy là những điều phù hợp với cách giải thích chính thức nên ông ta không kiểm tra nữa. Vấn đề là ngay ở đầu bài báo ông ta đã thiếu thận trọng khi nói rằng Bộ tuyên truyền là một trong những nguồn thông tin chủ yếu của ông ta. Các phóng viên ngoại quốc hoàn toàn phụ thuộc vào Bộ tuyên truyền, mặc dù đáng lẽ ra người ta phải thận trọng khi nghe thấy cái tên này rồi. Nói Bộ tuyên truyền đưa tin khách quan về những rắc rối ở Barcelona thì cũng chẳng khác gì bảo huân tước Carson, nay đã ra người thiên cổ, đưa tin khách quan về vụ bạo loạn ở Dublin vào năm 1916 vậy.

Tôi đã đưa ra những lí do để có thể khẳng định rằng cách giải thích của cộng sản về vụ đụng độ là không nghiêm túc. Ngoài ra, tôi phải nói thêm một chút về lời buộc tội vẫn thường được nhắc tới, đấy là P.O.U.M. là tổ chức phát xít bí mật, do Franco và Hitler cung cấp tiền bạc.

Lời buộc tội này được báo chí cộng sản nhắc đi nhắc lại, nhất là từ đầu năm 1937 trở đi. Đây là một phần của chiến dịch chống phái Trotskyist trên phạm vi toàn cầu do cộng sản phát động, mà P.O.U.M. lại được coi là đại diện của phái này ở Tây Ban Nha. Theo tờ Prente Rojo (tờ báo của Đảng bộ đảng cộng sản Valencia) thì phái Trotskyist “không phải là một học thuyết chính trị. Trotskyist là tổ chức tư sản, là một băng nhóm khủng bố phát xít, chuyên phá hoại và gây tội ác chống lại nhân dân.” P.O.U.M. là tổ chức “Trotskyist liên minh với bọn phát xít và là một phần của đạo quân thứ năm của Franco.” Đáng chú ý là ngay từ đầu người ta đã không trưng ra được bất kì bằng chứng nào, tất cả chỉ là những lời khẳng định của những người có vẻ như là có uy quyền mà thôi. Việc công kích lại được thực hiện bằng những lời phỉ báng cá nhân dữ dội nhất, người ta chẳng thêm quan tâm đến hậu quả của nó đối với cuộc chiến. Để thoá mạ P.O.U.M, nhiều cây viết cộng sản có vẻ như sẵn sàng coi bí mật quân sự chỉ là chuyện nhỏ. Thí dụ, trong số ra vào tháng 2 trên tờ Daily Worker nhà báo (Winifred Bates) tự cho mình quyền tuyên bố rằng P.O.U.M. chỉ đưa ra mặt trận có một nửa binh sĩ mà họ có. Điều này là không đúng, nhưng cứ cho là nhà báo tin là đúng đi. Có nghĩa là, nhà báo này và tờ Daily Worker sẵn sàng trao cho quân thù những tin tức cực kì quan trọng. Còn trên tờ New Republic thì ông Ralph Bates lại tuyên bố rằng các chiến sĩ của P.O.U.M. “đã đá bóng với bọn phát xít trên vùng đất vô chủ”, trong khi trên thực tế lúc đó P.O.U.M. đang bị thiệt hại nặng nề, nhiều người bạn của tôi đã bị giết hoặc bị thương. Rồi còn một bức tranh châm biếm rất hiểm ác, lưu hành rộng rãi, ban đầu là ở Madrid, sau đó lan đến Barcelona, vẽ P.O.U.M. với chiếc mặt nạ có hình búa liềm đang bị tuột ra, để lộ bộ mặt thật xăm hình chữ thập ngoặc. Nếu chính phủ thực chất không bị cộng sản kiểm soát thì nó sẽ không bao giờ để cho những chuyện như thế xảy ra trong lúc đang có chiến tranh. Đây là một đòn có chủ ý nhắm vào không chỉ lực lượng quân sự

của P.O.U.M. mà còn giáng vào cả những người bên cạnh họ nữa, vì tin nói rằng đơn vị bên cạnh toàn bọn phản bội chỉ có tác dụng làm nản lòng binh sĩ mà thôi. Tôi ngờ là chiến dịch thoả mạ P.O.U.M. cũng chẳng làm cho các binh sĩ của họ nản lòng. Nhưng mục đích là như thế, và những người chịu trách nhiệm về chiến dịch này đã đưa mâu thuẫn đảng phái lên trên sự đoàn kết của các lực lượng chống phát xít.

Lời kết án P.O.U.M. rút cuộc lại là như sau: tổ chức này gồm mấy ngàn người, đa số là công nhân, chưa kể khá nhiều ủng hộ viên người ngoại quốc, mà phần lớn là người tị nạn từ các nước phát xít cũng như hàng ngàn dân quân chỉ là tổ chức gián điệp ăn lương của bọn phát xít. Thật là trái ngược với lí trí thông thường, lịch sử của P.O.U.M. chứng tỏ đây là những điều không đáng tin. Tất cả các nhà lãnh đạo của P.O.U.M. đều có quá trình hoạt động cách mạng khá lâu dài. Một số người từng tham gia vào cuộc khởi nghĩa năm 1934, phần lớn đều bị chính quyền quân chủ hoặc chính phủ Lerroux bỏ tù vì những hoạt động theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Năm 1936, người lãnh đạo lúc đó là Joaquin Maurín đã là một trong những đại biểu quốc hội báo động về việc chuẩn bị bạo loạn của Franco. Sau khi chiến tranh bùng phát, trong khi đang tổ chức kháng chiến ở hậu phương của Franco thì ông đã bị bọn phát xít bỏ tù. Sau khi nổ ra bạo loạn, P.O.U.M. có vai trò nổi bật trong cuộc kháng chiến, nhiều thành viên của P.O.U.M., đặc biệt là ở Madrid, đã hi sinh trong những trận chiến đấu trên đường phố. Đây là một trong những tổ chức đầu tiên thành lập được lực lượng dân quân ở Madrid và Catalonia. Thật không thể nào tưởng nổi rằng đây là những hành động của một đảng ăn tiền của bọn phát xít. Đảng do phát xít nuôi sẽ làm một việc đơn giản là chạy sang phía bên kia.

Trong thời gian chiến tranh cũng không thấy họ có hoạt động thân phát xít nào. Có người biện luận rằng việc P.O.U.M. đòi chính phủ phải thực hiện đường lối cách mạng hơn đã gây chia rẽ trong chính phủ và như vậy là gián tiếp giúp đỡ bọn phát xít. Tôi không đồng ý như thế. Tôi nghĩ bất kì chính phủ theo đường lối cải cách nào cũng sẽ được thể tất nếu họ coi những tổ chức tương tự như P.O.U.M. là những kẻ nhiều sự. Nhưng phản bội lại là vấn đề khác hẳn. Không thể nào giải thích được vì sao - đây là nói nếu P.O.U.M. là tổ chức phát xít - lực lượng dân quân của họ lại vẫn trung thành với chính phủ. Mà đây là tám đến mười ngàn người trên những khu vực xung yếu nhất, trong những điều kiện vượt quá sức chịu đựng của con người trong những ngày mùa đông năm 1936-1937. Nhiều người trong số họ phải ở trong chiến hào suốt bốn năm tháng liền. Nếu những lời kết án trên kia là đúng thì thật không thể nào hiểu được vì sao họ không rời bỏ mặt trận hoặc đơn giản là chạy sang phía bên kia. Lúc nào họ cũng có thể làm như thế, có những giai đoạn mà việc bỏ trống trận địa có thể tạo ra ảnh hưởng quyết định tới kết quả cuộc chiến. Nhưng họ vẫn tiếp tục chiến đấu. Ngay cả sau khi P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động. Lúc sự kiện này vẫn còn tươi rói trong trí óc của mọi người, thì lực lượng dân quân - lúc đó chưa bị phân bổ vào các đơn vị Quân đội Nhân dân - đã tham gia vào một trận tấn công đẫm máu ở phía đông Huesca với mấy ngàn người bị giết trong có một hai ngày. Ít nhất họ cũng phải có thái độ hữu hảo đối với quân địch hoặc binh sĩ thường xuyên đào ngũ. Nhưng như tôi đã nói trước đây, đào ngũ là hiện tượng cực kì hiếm. Hay là công việc tuyên truyền thân phát xít, "chủ bại". Không có dấu hiệu nào như thế cả. Chắc chắn là có những tên gián điệp, những kẻ khiêu khích trong hàng ngũ P.O.U.M. rồi; đảng cánh tả nào mà chả có. Nhưng không hề có bằng chứng nào chứng tỏ rằng P.O.U.M. có nhiều gián điệp hơn những đảng khác.

Đúng là một số bài trên báo chí cộng sản có nói, dù là miễn cưỡng, rằng chỉ có các lãnh tụ của P.O.U.M. mới được lĩnh lương của bọn phát xít, còn các đảng viên thường thì không. Nhưng đây chỉ là mánh khoé nhằm chia rẽ lãnh đạo với quần chúng mà thôi. Thực chất của lời kết án là từ các đảng viên thường đến dân quân của P.O.U.M. đều cùng một giuộc. Vì nếu Nin, Gorkin và những người khác thực sự ăn lương của bọn phát xít thì các đồng chí từng tiếp xúc với họ phải biết trước khi tin ấy đến tai các phóng viên ngồi tận London, Paris và New York chứ. Dù sao mặc lòng, sau khi P.O.U.M. bị cấm, lực lượng cảnh sát mật do cộng sản kiểm soát đã coi tất cả đều có tội như nhau. Họ bắt tất cả những người có dính líu với P.O.U.M., trong đó có cả thương binh, ý tá, vợ và đôi khi cả con các thành viên của P.O.U.M. nữa.

Cuối cùng, ngày 15-16 tháng 6, P.O.U.M. bị cấm hoạt động và bị tuyên bố là tổ chức bất hợp pháp. Đây là một trong những hành động đầu tiên của chính phủ Negrín. Chính phủ này được thành lập vào tháng 5. Khi Ban chấp hành của P.O.U.M. đã bị tổng vào tù, thì ở bên ngoài báo chí cộng sản tuyên bố rằng đã phá vỡ một âm mưu to lớn của bọn phát xít. Có thời, báo chí cộng sản toàn thế giới đã phát sốt lên với những bản tin đại loại như (Tờ Daily Worker, ngày 21 tháng 6):

BỌN TROTSKYIST TÂY BAN NHA ÂM MƯU VỚI FRANCO

Sau khi bắt giam phần lớn những tên Trotskyist đầu sỏ ở Barcelona và những nơi khác... đến cuối tuần, người ta mới biết chi tiết một trong những vụ án gián điệp rùng rợn nhất trong lịch sử chiến tranh và sự phản bội nhơ bẩn nhất của bọn Trotskyist cho đến nay... Tài liệu mà cảnh sát nắm được cùng với lời thú nhận của của khoảng 200 người bị bắt chứng minh ..v.v. và ..v.v..

Đã “chứng minh” được rằng các lãnh tụ của P.O.U.M. đã dùng điện đài để chuyển các bí mật quân sự cho tướng Franco; tiếp xúc với Berlin, và hợp tác với tổ chức phát xít bí mật ở Madrid. Ngoài ra còn có những chi tiết giật gân về những bức thư viết bằng mực hoá học, những tài liệu bí ẩn với chữ kí là N. (nghĩa là Nin) ..v.v. và ..v.v..

Nhưng kết quả cuối cùng là như thế này: sáu tháng sau sự kiện mà tôi vừa kể, phần lớn các nhà lãnh đạo của P.O.U.M. vẫn còn nằm trong tù, nhưng họ vẫn chưa được đưa ra toà; tội dùng điện đài liên lạc với Franco ..v.v.. vẫn chưa được khởi tố. Nếu quả thật họ mắc tội hoạt động gián điệp thì họ đã bị đưa ra toà và bị bắn ngay trong vòng một tuần như nhiều tên gián điệp phát xít khác rồi. Nhưng ngoài những lời tuyên bố suông trên báo chí cộng sản, người ta đã không tìm được một tí bằng chứng nào. Còn về hai trăm “lời thú tội”, nếu quả thật có những lời thú tội như thế thì đây chính là bằng chứng kết tội rồi. Nhưng không thấy ai nói đến nữa. Thực ra, đây cũng chỉ là kết quả của trí tương tượng của một người nào đó mà thôi.

Hơn thế nữa, phần lớn các thành viên trong chính phủ Tây Ban Nha cũng không tin vào những lời kết án chống lại tổ chức P.O.U.M. Gần đây, chính phủ còn ra quyết định thả tất cả các tù nhân chống phát xít với năm phiếu thuận và hai phiếu chống, hai phiếu chống là của các bộ trưởng đảng viên cộng sản. Trong tháng 8 có một phái đoàn quốc tế do ông James Maxton, đại biểu quốc hội Anh, dẫn đầu đến Tây Ban Nha điều tra những cáo buộc chống lại P.O.U.M. và những sự kiện liên quan đến việc mất tích của Andrés Nin. Prieto, bộ trưởng quốc phòng, Irujo, bộ trưởng bộ tư pháp, Zugazagoitia, bộ trưởng nội vụ, Ortega y Gasset, tổng trưởng lí, Prat

García và những người khác đã nói là họ không tin rằng các vị lãnh đạo P.O.U.M. là những tên gián điệp. Irujo nói thêm rằng ông ta đã kiểm tra các tài liệu, tất cả những cái gọi là bằng chứng đều không có căn cứ và những giấy tờ được cho là do Nin kí đều “không có giá trị”, nghĩa là giả mạo hết. Prieto cho rằng các lãnh đạo P.O.U.M. phải chịu trách nhiệm về vụ xung đột hồi tháng 5 ở Barcelona, nhưng phủ nhận ý tưởng cho rằng họ là điệp viên của lực lượng phát xít. “Quan trọng nhất là không phải chính phủ quyết định bắt các lãnh đạo P.O.U.M. mà cảnh sát đã tự ý làm. Không phải những người lãnh đạo cảnh sát quyết định, mà là bộ sậu của họ, vốn vẫn bị rất nhiều đảng viên cộng sản thâm nhập từ lâu”, Prieto nói như thế. Ông ta còn nói đến một số trường hợp câu lưu phi pháp khác. Irujo cũng tuyên bố rằng cảnh sát đã trở thành lực lượng “độc lập giả hiệu” và trên thực tế đã bị những phần tử cộng sản quốc tế kiểm soát. Prieto đã nhắc khéo phái đoàn rằng trong khi người Nga còn cung cấp vũ khí thì chính phủ không được làm phật lòng đảng cộng sản. Phái đoàn thứ hai, do ông John McGovern, đại biểu quốc hội Anh, dẫn đầu đến Tây Ban Nha vào tháng 12, cũng nhận được những thông tin tương tự; ông Zugazagoitia, bộ trưởng nội vụ còn nhắc lại ý của ông Prieto một cách thẳng thắn hơn nữa. “Chúng tôi được Nga viện trợ cho nên chúng tôi buộc phải chấp nhận một số hành động mà chúng tôi thực sự không ưa.” Một trong những biểu hiện của sự tự tung tự tác của cảnh sát là mặc dù đã có lệnh của giám đốc nhà tù cũng như của bộ trưởng bộ tư pháp, McGovern và những người trong đoàn vẫn không được tiếp cận với một trong những “nhà tù bí mật” do đảng cộng sản quản lí ở Barcelona [\[36\]](#).

Tôi nghĩ rằng như thế là đủ rõ. Người ta chỉ dựa vào những bài viết trên báo chí cộng sản và tài liệu của cảnh sát mật do cộng sản kiểm soát để kết tội hoạt động gián điệp của P.O.U.M. mà thôi. Lãnh đạo P.O.U.M. và hàng trăm, hay hàng ngàn đảng viên của họ vẫn còn bị giam, đã sáu tháng rồi mà báo chí cộng sản vẫn còn lớn giọng đòi xử tử “những tên phản bội”. Nhưng Negrín và những người khác vẫn kiên định, họ không chịu giết hại những người theo phái Trotskyists. Nếu xét thêm những áp lực mà họ phải chịu thì càng thấy rằng họ là những người rất đáng được tôn trọng. Cùng với những tài liệu mà tôi trích dẫn bên trên, thật khó mà tin được rằng P.O.U.M. là tổ chức tình báo phát xít. Đây là nói nếu ta không tin rằng những người như Maxton, Mc-Govern, Prieto, Irujo, Zugazagoitia và những người khác nữa cũng đều là gián điệp ăn lương của bọn phát xít.

Cuối cùng, xin xem xét lời kết án cho rằng P.O.U.M. là tổ chức Trotskyist. Đây là từ rất thông dụng hiện nay, thường bị hiểu sai và bị người ta cố tình làm sai lệch đi. Xin xem xét ý nghĩa của nó một cách cụ thể hơn. Từ Trotskyist được sử dụng cho ba loại người khác nhau sau đây:

1. Những người, tương tự như Trotsky, kêu gọi tiến hành “cách mạng thế giới”, chống lại “chủ nghĩa xã hội trong một quốc gia”. Đại khái, đây là người cách mạng quá khích.
2. Thành viên của tổ chức do Trotsky lãnh đạo.
3. Những tên phát xít đóng giả người cách mạng, thực tế là chống lại Liên Xô và nói chung là chia rẽ và phá hoại lực lượng cánh tả.

Có thể gọi P.O.U.M. là tổ chức Trotskyist theo nghĩa thứ nhất. Nhưng thế thì cũng có thể gọi Đảng lao động độc lập ở Anh, Đảng S.A.P. ở Đức, Đảng xã hội cánh tả ở Pháp.. là các tổ chức

Trotskyist vậy. Nhưng P.O.U.M. không có liên hệ gì với bản thân Trotsky cũng như với tổ chức Trotskyist (“Bolshevik-Leninist”). Khi chiến tranh nổ ra, những người theo phái Trotskyist ngoại quốc đến Tây Ban Nha (khoảng mười lăm đến hai mươi người) ban đầu đã làm việc cho P.O.U.M. vì đảng này có quan điểm gần gũi với họ, nhưng họ không phải là thành viên của đảng. Nhưng sau này, khi Trotsky ra lệnh cho người của mình tấn công đường lối của P.O.U.M. thì những người theo phái Trotskyist bị đuổi ra khỏi các cơ quan của đảng, nhưng một vài người vẫn còn ở lại trong lực lượng vũ trang. Nin, trở thành người lãnh đạo của P.O.U.M. sau khi Maurín bị bọn phát xít bắt, có thời từng là thư ký của Trotsky, nhưng đã li khai với ông này cách đó mấy năm để thành lập ra P.O.U.M. bằng cách liên kết những tổ chức cộng sản đối lập với đảng gọi là khối công nông. Việc Nin có thời liên minh với Trotsky đã được báo chí cộng sản sử dụng để chứng minh rằng P.O.U.M. là tổ chức Trotskyist. Nhưng bằng cách đó ta cũng có thể chứng minh rằng Đảng cộng sản Anh là tổ chức phát xít vì John Strachey có thời đã liên minh với Oswald Mosley.

Theo nghĩa thứ hai, nghĩa chính xác nhất của từ này, thì P.O.U.M. rõ ràng không phải là tổ chức Trotskyist. Đây là điều đặc biệt quan trọng vì đối với phần lớn các đảng viên cộng sản, tổ chức Trotskyist theo nghĩa thứ hai chắc chắn phải là tổ chức Trotskyist theo nghĩa thứ ba, tức là Trotskyist đơn giản chỉ là tổ chức gián điệp của bọn phát xít mà thôi. Từ chủ nghĩa Trotskyist trở thành thông dụng trong thời gian diễn ra những phiên tòa mang tính trình diễn ở Moskva và gọi một người là Trotskyist cũng đồng nghĩa với việc coi người đó là tên sát nhân, tên khiêu khích... Nhưng đồng thời bất cứ người nào đứng trên lập trường tả khuynh mà phê phán đường lối của cộng sản thì cũng đều có thể bị gán cho là Trotskyist. Như vậy có phải là khẳng định rằng tất cả những người cách mạng quá khích đều ăn lương của phát xít?

Câu trả lời có thể là khẳng định, mà cũng có thể là phủ định, tùy lúc và tùy nơi. Khi Maxton dẫn đầu đoàn đại biểu quốc tế đến Tây Ban Nha, như tôi đã nói bên trên, những tờ báo cộng sản như Verdad, Frente Rojo và một số tờ khác đã lập tức lên án ông ta là “Trotskyist-Fascist”, là gián điệp của Gestapo ..v.v... Nhưng báo chí cộng sản Anh đã không vào hùa với những lời kết án như thế. Báo chí cộng sản Anh chỉ kết án Maxton một cách tù mù là “kẻ thù của giai cấp công nhân”. Lí do rất đơn giản: sau một vài bài học đau xót, báo chí cộng sản ở Anh đã biết sợ pháp luật, không còn dám phỉ báng nữa. Việc người ta không dám nhắc lại lời kết án ở đất nước, nơi mà đương sự có thể bị buộc phải chứng minh đủ cho ta thấy tính chất dối trá của những lời kết án kiểu đó.

Có người sẽ cho rằng tôi bàn quá nhiều, quá mức cần thiết, về những lời kết án đối với P.O.U.M. So với những tai họa khủng khiếp mà cuộc nội chiến đã gây ra thì những vụ cãi vã giữa các đảng phái với những lời kết án sai lầm và bất công có thể chỉ là chuyện vặt. Nhưng thực tế không hoàn toàn như thế. Tôi tin rằng những lời vu khống và các chiến dịch do báo chí tiến hành và thói quen tư duy mà chúng cho thấy có thể giáng vào sự nghiệp chống phát xít những đòn chí tử.

Ai có hiểu biết sơ qua về cách thức cộng sản đối phó với những người đối lập đều biết rằng bịa ra những lời kết án không phải là việc mới. Hôm nay họ gán cho là “Trotskyist-Fascist”; còn trước đây thì họ vu cho là “Xã hội-phát xít”. Chỉ mới sáu hay bảy năm trước đây tòa án

Liên Xô từng “chứng minh” rằng Quốc tế II, trong đó có Leon Blum và những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng lao động Anh từng tham gia vào âm mưu to lớn với mục đích là đánh chiếm Liên Xô. Thế mà hiện nay những người cộng sản Pháp lại thấy vô cùng sung sướng khi có một nhà lãnh đạo là Blum, còn đảng viên cộng sản Anh thì tìm mọi cách để được đứng vào hàng ngũ của Đảng lao động. Tôi ngờ rằng cách làm như thế chẳng mang lại lợi ích gì, ngay cả xét theo quan điểm đảng phái. Nhưng không nghi ngờ gì rằng việc kết án là “Trotskyist-Fascist” đã gây ra hận thù và chia rẽ. Khắp mọi nơi, các đảng viên thường đều được huy động tham gia vào một công việc vô nghĩa lí là truy lùng những người theo phái Trotskyist, còn các đảng như kiểu P.O.U.M. thì bị đẩy vào tình thế cực kì khó khăn vì mang tiếng là những đảng chống cộng. Phong trào công nhân quốc tế đứng trước những dấu hiệu chia rẽ đầy nguy hiểm. Chỉ cần một vài chiến dịch bôi nhọ những người đã đấu tranh suốt đời cho chủ nghĩa xã hội, chỉ cần một vài âm mưu xảo trá tương tự như những lời kết án chống lại P.O.U.M. là sự phân rẽ có thể trở thành không gì cứu vãn nổi. Chỉ còn hi vọng là những mâu thuẫn về mặt chính trị sẽ được giữ ở mức độ cho phép thảo luận mọi vấn đề một cách thấu đáo. Có sự khác biệt thực sự giữa những người cộng sản và những người “tả hơn” hoặc tuyên bố là “tả hơn” họ. Cộng sản cho rằng có thể liên minh với một vài bộ phận của giai cấp tư sản (Mặt trận dân tộc) để đánh đổ chủ nghĩa phát xít, còn những người phản đối thì cho rằng sách lược đó chỉ tạo thêm khu vực hoạt động cho bọn phát xít mà thôi. Đây là vấn đề cần phải giải quyết ngay. Quyết định sai lầm có thể đẩy nhân loại vào tình trạng nô lệ trong hàng thế kỉ. Nhưng khi mà lí lẽ duy nhất chỉ là những tiếng rên rỉ “Trotskyist-Fascist!” thì khởi sự đã là việc bất khả thi rồi, nói gì đến thảo luận một cách nghiêm túc. Thí dụ, tôi không thể nào tranh luận về vụ đụng độ ở Barcelona với một người đảng viên cộng sản vì không có người cộng sản nào - đấy là nói người cộng sản “chân chính” - chịu tin rằng tôi đã trình bày các sự kiện một cách chân thực. Nếu anh ta tuân thủ “đường lối” của đảng thì anh ta sẽ tuyên bố rằng tôi cố tình nói dối hoặc tôi đã lầm lẫn một cách nghiêm trọng. Anh ta sẽ nói rằng chỉ cần đọc đầu đề của những bài báo trên tờ Daily Worker là một độc giả có ở xa cả ngàn cây số cũng biết rõ các sự kiện ở Barcelona hơn là tôi. Không thể thảo luận trong tình hình như thế, điều kiện tối thiểu cho sự đồng thuận cũng không thể có. Nói rằng những người như Maxton ăn tiền của bọn phát xít để nhằm mục đích gì? Mục đích duy nhất là chặn đứng mọi cuộc thảo luận nghiêm túc. Chẳng khác gì đang chơi cờ mà một trong hai người bỗng gào lên rằng người kia từng đốt nhà hay mắc tội đa thê. Không thể giải quyết được vấn đề. Vụ không giải quyết được gì hết.

Phải ba ngày sau khi những vụ đụng độ ở Barcelona chấm dứt chúng tôi mới quay lại mặt trận. Sau vụ đụng độ - nhất là sau cuộc đấu khẩu trên báo chí - thật khó mà nghĩ về cuộc chiến này một cách lí tưởng thơ ngây như trước được nữa. Tôi cho rằng không có người nào từng ở Tây Ban Nha vài ba tuần mà không cảm thấy thất vọng, dù ít dù nhiều. Tôi chợt nhớ đến người phóng viên mà tôi gặp trong ngày đầu tiên tới Barcelona. Anh ta bảo: “Cuộc chiến tranh này cũng chỉ là một thủ đoạn giống như mọi cuộc chiến tranh khác mà thôi”. Nhận xét của anh ta đã làm tôi choáng váng, lúc đó (tháng 12) tôi cho là không đúng, còn bây giờ là tháng 5, cũng vẫn không đúng, mà phải nói là quá đúng. Vấn đề là cuộc chiến nào cũng dẫn đến thoái hoá, thời gian càng kéo dài thì thoái hoá lại càng gia tăng vì hiệu quả của các hành động quân sự không thể song hành với tự do cá nhân và báo chí trung thực.

Bây giờ người ta có thể dự đoán được các sự kiện sẽ phát triển theo hướng nào. Dễ dàng đoán được là chính phủ của Caballero sẽ đổ và sẽ được thay bằng một chính phủ hữu khuynh hơn, chịu nhiều ảnh hưởng của cộng sản hơn (chuyện này xảy ra sau đó một hoặc hai tuần), với mục tiêu là đập tan sức mạnh của các tổ chức công đoàn. Tương lai - đây là nói sau khi đánh bại được Franco và để sang một bên những khó khăn to lớn của thời kì tái thiết - cũng sẽ chẳng lấy gì làm tốt đẹp. Câu chuyện của báo chí nói rằng “đây là cuộc chiến vì dân chủ” chỉ là những lời ba hoa chích choè mà thôi. Không một người có lí trí nào lại hi vọng rằng sẽ có dân chủ - dù là dân chủ theo kiểu ở Anh hay theo kiểu Pháp - ở đất nước Tây Ban Nha đầy chia rẽ và kiệt quệ này, ngay cả sau khi chiến tranh đã kết thúc. Sẽ là chế độ chuyên chính và rõ ràng là cơ hội thiết lập chế độ chuyên chính của giai cấp công nhân đã vĩnh viễn qua rồi. Điều đó có nghĩa là sẽ hướng về chủ nghĩa phát xít. Không nghi ngờ gì rằng chủ nghĩa phát xít với một cái tên tao nhã hơn, và - vì đây là Tây Ban Nha - cho nên cũng nhân bản hơn và kém hiệu quả hơn là phát xít Đức và Ý. Chỉ có mấy khả năng, đây là nền độc tài tồi tệ của Franco hoặc là chiến tranh sẽ kết thúc bằng việc chia cắt Tây Ban Nha với những đường biên giới thực sự hoặc thành những khu vực kinh tế riêng biệt.

Kiểu nào cũng khổ. Nhưng như thế không có nghĩa là không cần chiến đấu bảo vệ chính phủ, không cần chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít không che đậy và đã ăn sâu bén rễ của Franco và Hitler. Dù chính phủ thời hậu chiến có mắc sai lầm gì đi nữa thì chế độ của Franco chắc chắn là vẫn xấu hơn. Đối với công nhân, tức là đối với người vô sản thành thị, ai chiến thắng có lẽ cũng không phải là điều quan trọng. Nhưng Tây Ban Nha là đất nước nông nghiệp và nông dân có phần chắc là sẽ được lợi nếu chính phủ cộng hoà giành được chiến thắng. Nông dân sẽ giữ lại được một phần đất đai mà họ đã chiếm đoạt được, rồi ruộng đất trong khu vực còn nằm dưới quyền kiểm soát của phát xít cũng sẽ được đem chia, và chế độ nông nô từng tồn tại ở một vài khu vực có lẽ sẽ không được tái lập nữa. Nếu chính phủ giành được chiến thắng thì nhất định nó phải có tinh thần phản phong và bài giáo hội. Chính phủ sẽ hạn chế được ảnh hưởng của nhà thờ, ít nhất là trong một thời gian nào đó; sẽ hiện đại hoá đất nước, thí dụ như xây dựng đường sá, thúc đẩy giáo dục và bảo vệ sức khoẻ; ngay cả trong thời chiến người ta cũng đã làm được một vài việc theo hướng này rồi. Mặt khác, Franco, ngay cả nếu không coi hấn là bù nhìn của Đức và Ý, gắn bó chặt chẽ với những điền chủ lớn và là tay sai của các thế lực

tăng lũ-quân phiệt phản động. Mặt trận nhân dân có thể là bị bọm, nhưng Franco lại là hiện tượng lỗi thời. Chỉ có những triệu phú hoặc những người viễn vông mới mong cho hắn thắng mà thôi.

Hơn nữa, còn có vấn đề uy tín của chủ nghĩa phát xít quốc tế. Câu hỏi này, chẳng khác gì một cơn ác mộng, đã hành hạ tôi suốt một hai năm nay. Từ năm 1930 đến nay, bọn phát xít đã giành hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Đã đến lúc cho chúng một bài học, ai làm việc đó không phải là quan trọng. Nếu chúng ta có thể hất cẳng được Franco và bọn lính đánh thuê ngoại quốc của hắn thì tình hình thế giới sẽ được cải thiện một cách đáng kể. Chỉ cần như thế cũng đáng phải thắng rồi, ngay cả nếu sau đó Tây Ban Nha có rơi vào tay chế độ độc tài và những người con ưu tú nhất của nó có bị tù đầy.

Trong thời gian đó tôi đã nghĩ như thế. Có thể nói rằng hiện giờ tôi đánh giá chính phủ của Negrín cao hơn là khi ông ta mới cầm quyền. Chính phủ đã kiên trì theo đuổi cuộc chiến đấu đầy khó khăn với một tinh thần dũng cảm vô song và đã thể hiện thái độ khoan dung chính trị không ai có thể ngờ được. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng - trừ phi Tây Ban Nha bị chia cắt với những hậu quả không thể lường trước được - chính phủ thời hậu chiến sẽ ngã về phe phát xít. Một lần nữa tôi xin đưa ra ý kiến của mình như thế, hãy để thời gian phán xét, cũng như đã từng phán xét hầu hết các nhà tiên tri khác.

Vừa ra đến mặt trận, chúng tôi nhận được tin là Bob Smillie đang trên đường trở về Anh thì bị bắt ở biên giới rồi bị giải về Valencia và tống vào tù. Smillie đến Tây Ban Nha vào tháng 10 năm ngoái. Anh làm trong văn phòng P.O.U.M. mấy tháng, và khi những thành viên khác của I.L.P. tới thì cùng với họ tham gia lực lượng dân quân và ra ngay mặt trận với điều kiện là sau ba tháng sẽ trở lại Anh để tham gia vào một đoàn tuyên truyền cổ động. Phải sau một thời gian chúng tôi mới biết vì sao Smillie bị bắt. Anh bị biệt giam cho nên ngay cả luật sư cũng không tiếp xúc được. Ở Tây Ban Nha - ít nhất là trên thực tế - người ta có thể bắt giam người mấy tháng liền mà không cần đưa ra bản án chứ chưa nói tới việc xét xử. Cuối cùng, có một người tù được thả cho chúng tôi biết rằng Smillie bị bắt vì "mang theo vũ khí". Sau này, tình cờ tôi mới biết được rằng "vũ khí" ở đây là hai quả lựu đạn cổ lỗ sỹ được sử dụng hồi đầu cuộc chiến. Smillie mang theo cùng với vài mảnh vỏ đạn và đồ lưu niệm lặt vặt khác để làm "giáo cụ trực quan" trong những bài nói chuyện ở quê nhà. Mấy quả lựu đạn này đã bị tháo hết thuốc và ngòi nổ, chỉ còn là mấy ống kim loại rỗng, hoàn toàn vô hại. Rõ ràng đây chỉ là cái cớ, Bob Smillie bị bắt là vì mối liên hệ của anh với P.O.U.M. mà ai cũng biết. Vụ đụng độ ở Barcelona vừa mới kết thúc và chính quyền tìm mọi cách không để cho những người có thể phản bác cách giải thích của chính phủ ra khỏi Tây Ban Nha. Kết quả là một số người đã bị bắt ở biên giới chỉ vì những lí do rất vớ vẩn. Hoàn toàn có khả năng là đầu tiên người ta chỉ định giữ Smillie mấy ngày thôi. Nhưng rắc rối là ở chỗ, ở Tây Ban Nha đã vào tù rồi thì cứ ngồi đấy, ra toà hay không không thành vấn đề.

Chúng tôi vẫn đóng ở Huesca, nhưng lần này bị đẩy xa hơn về phía bên phải. Trước mặt chúng tôi là đồn địch mà chúng tôi đã tạm chiếm được cách đây vài tuần. Bây giờ tôi giữ chức *teniente* — có lẽ tương đương với chức thiếu úy trong quân đội Anh - chỉ huy khoảng ba mươi chiến sĩ, cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh. Người ta đã đưa tên tôi vào danh sách phong

hàm quân đội chính qui, nhưng không chắc là sẽ được phong. Trước đây sĩ quan dân quân không chấp nhận quân hàm chính qui vì nhận nghĩa là được thêm lương, mà như thế là trái ngược với nguyên tắc bình đẳng của lực lượng dân quân, nhưng nay thì bắt buộc phải nhận. Benjamin đã được phong hàm đại úy, còn Kopp thì đang đợi phong hàm thiếu tá. Dĩ nhiên là chính phủ không thể không dùng các sĩ quan trưởng thành từ lực lượng dân quân, nhưng chưa phong ai cao hơn cấp bậc thiếu tá, có lẽ họ muốn giữ các cấp bậc cao hơn cho các sĩ quan quân đội chính qui và học viên các trường sĩ quan. Kết quả là trong sư đoàn 29 của chúng tôi, chắc chắn là các sư đoàn khác cũng thế, sư trưởng, các trung đoàn trưởng, các tiểu đoàn trưởng, tất cả đều đeo lon thiếu tá!

Mặt trận vẫn bình lặng. Trận đánh giành quốc lộ Jaca đã chấm dứt, phải mãi đến tháng 6 chiến sự mới tái tục. Ở khu vực của chúng tôi rắc rối chủ yếu là bọn bắn tỉa. Chiến hào của bọn phát xít cách chúng tôi chừng một trăm năm mươi mét, nhưng chúng ở cao hơn và bọc chúng tôi từ cả hai phía vì chiến hào của chúng tôi có một góc nhọn đâm thẳng vào chiến hào của bọn chúng. Cái góc này là chỗ nguy hiểm nhất, nhiều thương vong do bọn bắn tỉa gây ra nhất. Đôi khi bọn phát xít còn bắn bằng súng phóng lựu hoặc là những loại vũ khí tương tự khác. Lựu đạn nổ rất to và rất đáng sợ, vì không thể biết trước mà tránh. Nhưng lại không nguy hiểm, nó chỉ tạo ra một hố bằng cái thau. Đêm mát mẻ và dễ chịu, nhưng ngày thì nóng như thiêu như đốt, muỗi bay như trấu và mặc dù có quần áo sạch sẽ mang từ Barcelona tới, chúng tôi gần như có rận ngay lập tức. Trong những vườn cây ăn trái vô chủ trên khu đất tranh chấp, hoa anh đào nở trắng xoá. Mưa xối xả kéo dài hai ngày liền, hầm trú ẩn đầy nước, bờ công sự sụt lở; sau trận mưa chúng tôi phải đào suốt ngày, đất thì dính mà xẻng Tây Ban Nha thì không có cán, lại cong queo chẳng khác gì những chiếc thìa bằng thiếc.

Họ hứa cấp cho chúng tôi một khẩu súng cối tầm ngắn. Nhưng chờ đến sốt ruột mà vẫn chưa thấy. Chúng tôi vẫn đi tuần đêm như thường lệ. Nhưng bây giờ nguy hiểm hơn vì bọn phát xít có đông quân hơn và chúng đã cảnh giác hơn, chúng vất vỏ đồ hộp bên ngoài hàng rào kẽm gai và thường nổ súng ngay khi nghe thấy tiếng vỏ đồ hộp va chạm nhau. Ban ngày chúng tôi nấp trong khu đất đang còn tranh chấp, hề thấy tên nào ló ra thì bắn. Phải bò khoảng một trăm mét mới tới cái hào có đám cỏ cao che kín, nằm ở đây có thể nhắm bắn vào khoảng trống trên bờ công sự của bọn phát xít. Chúng tôi dựng một ụ súng trên bờ hào. Nếu chịu khó đợi thì thế nào cũng có lúc trông thấy một người mặc quần áo kaki vội vã chạy qua khoảng trống trên bờ công sự. Tôi đã bắn mấy lần. Chẳng biết có trúng không, nhiều khả năng là không; tôi bắn rất kém. Nhưng mà vui, bọn phát xít không biết đạn bắn từ hướng nào, còn tôi thì tin chắc rằng trước sau gì tôi cũng hạ được một tên. Nhưng thật là đồ chó chết, tôi trúng đạn trước. Tôi ra mặt trận khoảng mười ngày thì bị. Cảm giác trúng đạn cũng rất thú vị và tôi nghĩ là xứng đáng được ghi chép lại một cách tỉ mỉ.

Lúc đó tôi đang đứng ở góc chiến hào, mới năm giờ sáng. Đây là thời điểm nguy hiểm vì mặt trời mọc ở phía sau lưng chúng tôi, chỉ cần thò đầu lên khỏi chiến hào là bị phát hiện ngay. Tôi đang nói chuyện với mấy chiến sĩ sắp đổi gác. Bất thành linh, tôi chưa nói hết câu thì cảm thấy - thật khó nói tôi cảm thấy cái gì dù rằng cảm giác vẫn còn sống động như ngày nào.

Đại khái là tôi cảm thấy như đứng giữa trung tâm của một vụ nổ. Tiếng nổ rất to và tia chớp

loá mắt bao trùm tất cả, rồi tôi thấy người mình giật bắn lên – không đau, chỉ bị giật mạnh, như điện giật, người lả đi, như đang rửa ra và tan biến đi vậy. Những bao cát trước mặt tôi bỗng lùi ra một khoảng cách rất xa. Tôi nghĩ là người bị sét đánh cũng có cảm giác như thế. Tôi biết ngay là mình đã trúng đạn, nhưng vì tưởng là có tiếng nổ và tia chớp cho nên tôi nghĩ là khẩu súng bên cạnh đã cướp cò và bắn phải tôi. Tất cả xảy ra chỉ trong vòng chưa đến một giây. Đầu gối khụy xuống, tôi ngã, đầu đập mạnh vào bờ hào, nhưng không thấy đau. Người tôi cứng đờ, mê đi, tôi biết mình bị thương nặng, nhưng không thấy đau theo nghĩa thông thường của từ này.

Tay lính gác người Mỹ vừa nói chuyện với tôi cúi xuống hỏi: “Này! Anh bị thương hả?” Đám đông bu lại xung quanh. Mọi sự bắt đầu rối tinh lên, như vẫn thường thấy trong những trường hợp thế này. “Đỡ anh ta dậy! Bị thương ở đâu? Cởi áo ra!” ..v.v.. và ..v.v.. Tay lính người Mỹ hỏi xem ai có dao để rạch áo cho tôi. Tôi nhớ có một con dao trong túi áo và định đưa tay tìm nhưng hoá ra tay phải của tôi đã bị liệt, không cử động được nữa. Vẫn không đau, thậm chí còn cảm thấy hài lòng. Bà xã sẽ khoái lắm đấy, tôi tự nhủ. Bà xã lúc nào cũng mong tôi bị thương, vì bị thương thì sẽ không bị giết. Chỉ đến lúc này tôi mới bắt đầu nghĩ xem mình bị thương ở đâu, có nghiêm trọng không. Tôi không có cảm giác gì, nhưng ý thức được rằng viên đạn đã bay từ đằng trước tới. Tôi cố lên tiếng, nhưng hoá ra không nói được thành lời, chỉ có những tiếng khè khè nhè nhẹ, nhưng rồi tôi cũng hỏi được là bị thương ở đâu. Vào cổ, họ bảo thế. Harry Webb, chiến sĩ cứu thương của chúng tôi, mang băng và một chai cồn dùng cho những trường hợp bị thương ngoài mặt trận. Tôi vừa được đỡ ngồi dậy thì đã thấy máu từ miệng tuôn ra xối xả. Một chiến sĩ người Tây Ban Nha đứng đằng sau tôi bảo rằng viên đạn bay xuyên qua cổ. Bình thường thì cồn rất xót, nhưng lần này tôi lại thấy cảm giác mát dịu khi những giọt cồn đầu tiên lan trên vết thương.

Trong khi đợi người ta mang cáng tới, họ lại đặt tôi nằm xuống. Vừa nghe thấy nói đạn xuyên qua cổ là tôi đã chắc mẩm: đời mình tiêu rồi. Tôi chưa từng nghe nói ai hay con vật nào bị đạn bắn xuyên quả cổ mà sống sót. Máu vẫn rỉ ra bên khoé miệng. “Đứt động mạch rồi”, tôi tự nhủ. “Không hiểu động mạch cảnh bị đứt thì còn sống được bao lâu? Chắc chỉ mấy phút thôi”, tôi thầm nghĩ như thế. Mọi thứ như đang trôi trong màn sương mù dày đặc. Tôi cảm thấy như mình đã chết rồi, chuyện ấy kéo dài độ hai phút. Cũng rất thú vị - ý tôi là thú vị khi biết ta đã nghĩ gì trong thời gian đó. Cũng bình thường thôi, trước hết tôi nghĩ đến bà xã. Thứ hai, cảm thấy rất hận khi phải từ biệt thế giới này, cái thế giới đầy những khiếm khuyết nhưng rất hợp với tôi. Cảm giác này rất là sống động. Rủi thế, tôi muốn phát điên lên được. Nhảm nhí quá thế! Trúng đạn, không phải ở giữa trận tiền mà trong góc cái chiến hào chết tiệt này, chỉ vì một phút lơ đãng! Tôi cũng nghĩ về kẻ đã bắn trúng tôi – không hiểu đấy là người Tây Ban Nha hay người ngoại quốc, liệu hẳn ta có biết là đã bắn trúng tôi không .v.v.. Tôi không hề cảm hận hấn. Tôi mừng tượng rằng vì hẳn là một tên phát xít cho nên chắc chắn là tôi sẽ giết nếu có điều kiện, nhưng nếu hẳn bị bắt làm tù binh và được đưa đến trước mặt tôi thì tôi sẽ chúc mừng hẳn vì đã bắn trúng mục tiêu. Cũng có thể, một người chết thật sẽ có những ý nghĩ hoàn toàn khác với ý nghĩ của tôi.

Họ vừa đặt tôi lên cáng thì cánh tay phải cũng bắt đầu hồi sinh và đau không thể chịu nổi. Tôi mừng tượng rằng tôi đã làm gãy tay khi ngã, nhưng cơn đau lại làm tôi yên tâm vì tôi biết

rằng khi người ta hấp hối thì cảm giác không thể sắc bén như vậy được. Tôi bắt đầu cảm thấy khá hơn và thấy ái ngại cho bốn chiến sĩ tải thương tội nghiệp, áo đầm mồ hôi, bước thấp bước cao, đang phải cáng tôi. Phải đi gần hai cây số mới tới được trạm cứu thương, mà chiến hào thì trơn, đầy ổ trâu, ổ gà. Tôi biết rõ như thế, vì trước đó một hai ngày đã từng giúp cáng một thương binh trên con đường này. Đôi chỗ, cành bạch dương rủ xuống sát mặt chiến hào, lá bạch dương mơn man trên má tôi. Tôi nghĩ thật hạnh phúc biết bao khi được sống trên thế gian, nơi có những cây bạch dương như thế này. Trong khi đó tay vẫn đau không thể nào chịu nổi, tôi đã mấy lần văng tục, nhưng rồi lại cố không văng tục vì mỗi lần thở mạnh là máu lại sùi ra ở miệng.

Bác sĩ băng bó lại vết thương, tiêm cho tôi một liều morfin rồi cho chở tôi đi Sietamo ngay lập tức. Bệnh xá ở Sietamo là những nhà gỗ tạm, thương binh thường chỉ được giữ lại trong vài giờ rồi được chở đi Barbastro hoặc Lerida. Tôi bị say morfin, nhưng vẫn đau khủng khiếp, gần như không cử động nổi, máu vẫn chảy, tôi phải nuốt vì không nhổ ra được. Một cô y tá mang tới khẩu phần ăn của bệnh viện gồm một bát súp, mấy quả trứng luộc và một miếng thịt hầm béo ngậy - các bệnh viện Tây Ban Nha bao giờ cũng làm như vậy. Cô ý tá tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi không ăn. Tôi hỏi xin thuốc lá, nhưng đây là giai đoạn khan hiếm trầm trọng, bệnh viện không còn điều thuốc lá nào. Một lúc sau có hai người bạn xin được phép đi thăm tôi xuất hiện.

“Chào! Thế là sống rồi hả? Tốt. Hãy cho chúng tớ đồng hồ, súng lục, đèn pin nữa. Nếu cậu có dao thì cũng cho xin luôn đi.”

Họ lấy hết những gì tôi có trong người. Thương binh nào cũng thế - tất cả những gì anh ta có đều bị chia ngay lập tức. Mà thế là đúng. Ngoài mặt trận đồng hồ, súng lục và những thứ khác đều là của quý cả, còn thương binh mà mang theo người thì trước sau gì cũng bị ăn cắp sạch.

Buổi chiều, khi thương bệnh binh đã nhiều, họ cho chúng tôi lên mấy chiếc xe cứu thương và chở đi Barbastro. Thật là một chuyến đi hãi hùng! Người ta thường nói rằng trong cuộc chiến tranh này nếu bị thương vào chân tay thì sống, còn bị thương vào bụng thì chết là cái chắc. Bây giờ thì tôi hiểu vì sao. Vượt qua đoạn đường dài đã bị ô tô tải nặng cày nát và từ hồi chiến tranh đến giờ vẫn chưa được sửa chữa lần nào mà lại còn bị chảy máu nội tạng nữa thì sống làm sao nổi! Xe lao vào hết ổ gà nọ đến ổ gà kia, rung lên bần bật. Nó làm tôi nhớ lại trò chơi “bập bênh” [\[37\]](#) hồi còn bé. Người ta quên cột chặt chúng tôi vào cáng. May là tay trái tôi còn khỏe nên vẫn bám được, nhưng có một cậu bị rơi xuống sàn, chắc là đau lắm. Một người khác, đi lại được, ngồi trong góc xe, nôn thốc nôn tháo suốt cả đoạn đường. Bệnh viện ở Barbastro chật cứng người, giường kê sát nhau. Ngày hôm sau, một số người được đưa lên mấy toa tàu bệnh viện để đi Lerida.

Tôi nằm ở Lerida năm hoặc sáu ngày. Đây là một bệnh viện lớn, thương binh, bệnh binh và bệnh nhân bình thường nằm lẫn lộn với nhau. Trong phòng tôi có những thương binh rất nặng. Bên cạnh tôi là một thanh niên tóc đen, không biết uống thuốc gì mà nước tiểu xanh như ngọc bích. Chai đựng nước tiểu của anh ta trở thành sự kiện lạ, thu hút khối người tò mò. Nghe tin có một người Anh nằm viện, một đảng viên cộng sản Hà Lan nói được tiếng Anh đã đến thăm tôi. Chúng tôi kết bạn với nhau, anh ta mang báo tiếng Anh đến cho tôi đọc. Anh bị thương rất nặng trong trận đánh diễn ra hồi tháng mười, anh tìm cách ở lại làm việc tại bệnh viện Lerida

và đã kịp cưới một cô y tá làm vợ. Vết thương làm một chân anh teo lại, bây giờ trông nó còn nhỏ hơn cả cánh tay tôi. Có hai cậu dân quân đi phép ghé vào thăm tôi. Tôi đã gặp hai cậu này ngay trong những ngày đầu tiên ra mặt trận, họ cũng nhận ra tôi. Hai cậu này còn rất trẻ, chỉ khoảng mười tám là cùng. Họ đứng cạnh giường tôi, ấp a ấp úng, không nói lên lời. Sau đó, họ rút hết thuốc lá trong túi ra và đưa cho tôi rồi chuồn thẳng đến nỗi tôi không kịp trả lại nữa. Đây là cách thể hiện tình cảm của họ. Đặc sệt Tây Ban Nha! Sau này tôi mới biết rằng trong thành phố này không có chỗ nào bán thuốc lá, họ đã cho tôi tất cả số thuốc lá được phát cho cả một tuần.

Sau vài ngày tôi đã có thể đứng dậy và đi lại được, tuy tay vẫn còn phải băng và treo trước ngực. Không hiểu sao bỏ xuống thì đau hơn nhiều. Vẫn còn rất đau ở bên trong, đây là do tôi ngã. Giọng nói thì mất hẳn, nhưng bản thân vết đạn thì không đau nữa. Có vẻ như ai cũng thế cả. Chính cú va đập mạnh của đầu đạn đã làm tê liệt cảm giác; trong khi mảnh đạn hay mảnh bom nham nhở, tuy va đập không mạnh bằng như lại gây đau đớn hơn nhiều. Trong sân bệnh viện có một mảnh vườn khá xinh xắn và bể cá, có cả cá vàng và mấy chú cá màu xám nhỏ nữa. Tôi thường ngắm chúng hàng giờ liền không biết chán. Cách làm việc ở Lerida cho phép tôi hiểu được hệ thống quân y viện ở mặt trận Aragon - ở những nơi khác có như thế hay không thì tôi không biết. Về một số mặt, quân y viện ở đây phải nói là tốt. Các bác sĩ đều giỏi, thuốc và dụng cụ y tế có vẻ cũng không thiếu. Nhưng có hai khiếm khuyết nghiêm trọng, chắc chắn đã làm hàng trăm, thậm chí hàng ngàn thương bệnh binh chết oan.

Một là, tất cả các quân y viện gần mặt trận chỉ được sử dụng gần như là trạm băng bó. Kết quả là chỉ các thương binh nặng, không thể chuyển đi được mới được cứu chữa tại chỗ. Về lý thuyết thì hầu hết thương binh đều phải được chuyển thẳng đến Barcelona hay Tarragona, nhưng vì không có phương tiện nên phải một tuần, thậm chí mười ngày sau họ mới được chuyển tới nơi. Thương binh nằm lẫn lộn ở Sietamo, Barbastro, Monzon, Lerida và những nơi khác, trong khi chẳng được chữa trị gì ngoài việc thay băng, đôi khi ngay cả băng cũng chẳng được thay. Vết thương sâu hoắm hay gãy chân gãy tay cũng chỉ được băng hay bó bột sơ sài, bệnh án thì được viết bằng bút chì lên trên, rồi cứ để như thế cho đến khi tới được Barcelona hay Tarragona, tức là mười ngày sau mới được tháo ra. Chữa trị vết thương trên đường là việc gần như bất khả thi. Mấy ông bác sĩ đi theo không thể làm xuể được. Họ thường chỉ chạy ngang qua, miệng lẩm bẩm: “Vâng, vâng, ở Barcelona người ta sẽ chữa cho anh.” Lúc nào cũng thấy nói mañana (ngày mai) sẽ có tàu bệnh viện đi Barcelona. Khiếm khuyết thứ hai là thiếu y tá có tay nghề. Rõ ràng là Tây Ban Nha không có đủ số y tá có tay nghề, có thể là do trước chiến tranh công việc này chủ yếu là do các bà xơ làm. Tôi không phàn nàn gì mấy cô y tá, bao giờ họ cũng rất nhã nhặn, chỉ có điều là tay nghề rất kém. Tất cả các nữ y tá đều biết cặp nhiệt độ, một số người biết băng bó, tất cả kiến thức chỉ có thế. Kết quả là những thương binh nặng không tự chăm sóc được thường bị bỏ mặc. Các cô y tá sẵn sàng để mặc người bị táo bón nằm như thế cả tuần lễ, họ cũng ít khi tắm rửa những người yếu quá không tự tắm được. Tôi nhớ một anh chàng tội nghiệp bảo với tôi là tay bị gãy, ba tuần liền không rửa được mặt. Chăn chiếu mấy ngày liền cũng chẳng ai thay. Thức ăn thì quân y viện nào cũng tốt, quá tốt là khác. Ở Tây Ban Nha người ta có thói quen cho người ốm ăn còn nhiều hơn là các nước khác. Thức ăn ở Lerida nhiều khủng khiếp. Sáu giờ sáng, điểm tâm: súp, trứng rán, thịt hầm, bánh mì, vang trắng, café; buổi trưa còn nhiều hơn – mà đây là trong lúc đa số dân chúng đang bị thiếu đói nghiêm trọng.

Có vẻ như người Tây Ban Nha không công nhận chế độ ăn kiêng. Cùng một khẩu phần cho cả người ốm lẫn người khoẻ, nhiều năng lượng, nhiều mỡ, lại tưới đẫm dầu ô-liu.

Buổi sáng hôm đó người ta bảo rằng tất cả mọi người trong phòng đều được chuyển đến Barcelona ngay. Tôi đã tìm cách gửi điện thông báo cho bà xã là mình sắp về. Sau đó họ đưa chúng tôi lên ô tô ra ga. Chỉ đến khi tàu đã chạy người hộ lí đi cùng mới làm như vô tình nói rằng tàu không đi Barcelona mà đi Tarragona. Tôi cho rằng tay lái tàu đã đổi ý. “Đúng là Tây Ban Nha!” – tôi tự nhủ. Nhưng còn Tây Ban Nha hơn nữa, khi họ đồng ý đợi tôi gửi bức điện thứ hai rồi mới khởi hành. Bà xã không nhận được bức điện này, đây cũng là đặc trưng của Tây Ban Nha.

Họ đưa chúng tôi vào toa hạng ba, ghế ngồi bằng gỗ. Nhiều thương binh nặng, đây là lần đầu tiên họ bước ra khỏi giường. Chẳng bao lâu sau, vì nóng và sốc, một nửa số thương binh trong toa đã mệt rũ ra, có người nôn ngay ra sàn. Tay hộ lí chạy qua chạy lại giữa đám thương binh nằm ngổn ngang, tay cầm một cái bục làm bằng da dê đựng đầy nước; thỉnh thoảng anh ta lại phun thẳng vào miệng một người nào đó. Nước có mùi vị rất hã, tôi vẫn còn nhớ rõ. Chúng tôi đến Tarragona khi chiều tà. Đường tàu hoả chạy ngay sát bờ biển. Khi chúng tôi vào thì một đoàn tàu khác chở quân nhân các Binh đoàn quốc tế đang rời ga. Đám đông đứng trên cầu vẩy tay chào họ. Đoàn tàu này rất dài, toa nào cũng đầy lính, pháo đặt trên những toa không mui, xung quanh cũng đầy lính. Cảnh tượng sống động đó vẫn hằn sâu trong tâm trí tôi: đoàn tàu hoả khởi hành trong ánh chiều vàng nhạt; những khuôn mặt đen nhẻm, rạng rỡ nụ cười bên cửa sổ các toa tàu; nòng súng trường và những chiếc khăn quàng màu đỏ thắm - tất cả lần lượt lướt qua một cách chậm rãi, đằng sau là mặt biển màu xanh ngọc.

“Extranjeros — người ngoại quốc”, có người nói, “Người Ý”.

Chắc chắn là người Ý rồi. Chỉ có người Ý mới sôi động và đáp lại lời chào của đám đông một cách trang trọng như thế - trang trọng ngay cả khi có đến một nửa số người trên tàu đang dốc ngược những chai rượu vang sắp cạn lên tu. Sau này mới biết rằng đây là một trong những đơn vị đã giành chiến thắng trong trận đánh ở Guadalajara hồi tháng ba. Họ vừa trả phép và được đưa ra mặt trận Aragon. Tôi nghĩ là chỉ sau đó mấy tuần đa số đã hi sinh ở Huesca. Tất cả các thương binh có thể đi được đều đứng lên vẩy chào các chiến sĩ người Ý khi đoàn tàu của họ lướt qua. Người giơ nạng ra ngoài cửa sổ, kẻ đưa cách tay băng bó lên làm động tác chào. Thật là một bức tranh đầy ấn tượng về cuộc chiến: một bên là đoàn tàu hoả với những chàng trai tươi rói đang hùng dũng tiến ra tiền tuyến, còn bên kia là một đoàn tàu khác chở đầy thương binh chậm chạp bò về hậu phương; còn hình ảnh những khẩu pháo trên những toa tàu không mui lại làm tim đập rộn lên, làm sống lại cái tình cảm nguy hiểm nhưng rất khó bỏ: dù sao mặc lòng, chiến đấu vẫn là vinh quang.

Quân y viện ở Tarragona thuộc loại rất lớn, đầy thương bệnh binh từ khắp các mặt trận đổ về. Đủ loại thương tật! Một số vết thương được điều trị bằng những phương pháp hiện đại nhất, nhưng chỉ cần nhìn vào cũng đã sờn ra gà rồi. Vết thương được để hở hoàn toàn, không băng bó gì, người ta chỉ che vết thương bằng mấy sợi tơ căng trên cái khung bằng dây thép để không cho ruồi bám vào. Có thể nhìn thấy rõ những miếng thịt bầy nhầy, đỏ chót trên những vết thương đang lên da non. Có một người bị thương vào mặt và cổ thành ra đầu anh ta được

che không chỉ bằng mấy sợi tơ mà được bọc trong một cái lưới, trông như mũ bảo hộ; miệng ngậm một cái ống nhỏ làm lỗ thông hơi. Anh chàng tội nghiệp trông rất cô đơn, cứ đi ra đi vào một mình, chỉ nhìn mọi người mà không nói được. Tôi đã ở Tarragona được ba hoặc bốn ngày. Sức khoẻ đã dần hồi phục, một hôm tôi đã lết tới tận bãi biển. Tôi lấy làm ngạc nhiên khi nhìn thấy cuộc sống trên bãi biển vẫn diễn ra một cách bình thường. Những quán café sang trọng dọc con đường ven biển, những nhà tư sản địa phương béo núc ních tắm biển và nằm phơi nắng trên những chiếc ghế bố như thể chiến tranh đang xảy ra cách đây hàng ngàn dặm vậy. Thế mà tôi lại nhìn thấy một người bị chết đuối, thật không thể tưởng tượng được là có thể chết đuối trong vùng nước nông và lặng sóng thế này.

Cuối cùng, sau khi rời mặt trận được tám hay chín ngày, tôi được đưa đi kiểm tra vết thương. Trong phòng phẫu thuật, nơi những người mới tới được đưa vào khám, các bác sĩ dùng những chiếc kéo lớn rạch những tấm thạch cao mà ở các trạm cứu thương ngoài tiền duyên người ta dùng để bọc những người bị gãy xương sườn hay xương đòn gánh. Đằng sau những tấm thạch cao sù sì ấy là những khuôn mặt đầy lo âu, bồn chồn, râu ria tua tủa vì cả tuần chưa cạo. Một tay bác sĩ đẹp trai, nhanh nhẹn, tuổi chừng ba mươi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh tôi; anh ta lấy một miếng gạc để lên lưới của tôi và kéo ra ngoài, rồi anh ta đưa vào hòng tôi một chiếc gương nhỏ và bảo nói “à”. Sau khi làm lưới tôi chảy máu và nước mắt tôi trào ra, anh ta bảo rằng một dây thanh âm của tôi đã bị liệt.

“Bao giờ thì tôi có thể nói được như trước?”, tôi hỏi.

“Nói như trước? Anh không bao giờ có thể nói như trước được nữa”, tay bác sĩ vui vẻ đáp.

Nhưng anh ta đã lầm. Trong vòng hai tháng tôi chỉ có thể nói thầm, thế rồi bất ngờ tôi lại nói được. Hoá ra dây âm thanh kia đã “gánh đỡ” được cho cái dây bị liệt. Cánh tay vẫn còn đau vì viên đạn đã làm đứt bó dây thần kinh ở sau gáy. Đau đớn kéo dài cả tháng, nhất là ban đêm, thành ra tôi gần như mất ngủ hoàn toàn. Các ngón tay trên bàn tay phải của tôi cũng gần như bị liệt. Đến nay, đã năm tháng rồi mà các ngón tay vẫn còn tê – cũng lạ, bị thương vào cổ mà lại liệt ngón tay.

Theo một nghĩa nào đó thì vết thương của tôi cũng là hiện tượng lạ. Khá nhiều bác sĩ tới khám đã tặc lưỡi bảo: “May quá! May quá!” Một ông còn bảo rằng viên đạn chỉ cách động mạch chủ “khoảng một milimet”. Tôi không hiểu làm sao mà ông ta biết được như thế. Tất cả những người tôi gặp hồi đó – bác sĩ, y tá, thực tập sinh, thương binh cùng phòng - đều khẳng định rằng người bị thương vào cổ mà còn sống thì nhất định sẽ là người hạnh phúc. Nhưng cá nhân tôi thì nghĩ rằng đã là người hạnh phúc thì không thể nào bị thương được.

Trong những tuần cuối cùng, khi tôi còn ở Barcelona, cảm giác ngột ngạt bao trùm lên khắp thành phố - thái độ nghi kỵ, sợ hãi, bất an và thù hận ngấm ngấm hiện diện khắp nơi. Những vụ đụng độ hồi tháng 5 còn để lại dấu vết chưa phai mờ. Sau khi chính phủ của Caballero đổ, quyền lực rơi vào tay những người cộng sản. Các bộ trưởng cộng sản chịu trách nhiệm bảo vệ trật tự công cộng và mọi người đều tin rằng họ sẽ đập tan các đối thủ chính trị khi có điều kiện, dù là nhỏ nhất. Tôi không tưởng tượng được chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng nhận thức mù mờ về hiểm nguy, về một chuyện gì đó tồi tệ sắp xảy ra thì lúc nào cũng thường trực trong đầu. Cho dù không có chân trong một hội kín nào, nhưng không khí xung quanh làm người ta có cảm tưởng như mình đang tham gia vào một âm mưu nào đó. Ở các quán xá, chỗ nào cũng thấy người ta thì thầm với nhau, mắt lăm lét, như thể bàn bên đang có một tên chỉ điểm vậy.

Kiểm duyệt báo chí gây ra đủ loại tin đồn. Trong đó có tin chính phủ Negrín-Prieto chuẩn bị thoả hiệp nhằm chấm dứt chiến sự. Lúc đó tôi ngả sang quan điểm như thế vì bọn phát xít đã tiến gần đến Bilbao mà chính phủ thì không có hành động gì nhằm bảo vệ thành phố cả. Cờ xứ Basque tung bay trên khắp thành phố, các cô con gái mang hòm công đức đi quyên tiền trong các quán xá, loa phóng thanh ra rả suốt ngày về “những người bảo vệ anh hùng”, nhưng người dân xứ Basque lại chẳng nhận được một sự trợ giúp nào. Có vẻ như chính phủ đang chơi trò nước đôi. Các sự kiện sau đó chứng tỏ rằng tôi hoàn toàn sai, nhưng vẫn có thể cứu được Bilbao nếu quân đội cộng hoà cố gắng thêm một chút nữa. Tấn công trên mặt trận Aragon, ngay cả nếu không thành công cũng buộc Franco rút bớt quân khỏi Bilbao. Nhưng chính phủ chỉ ra lệnh tấn công khi đã quá muộn, đấy là lúc Bilbao đã thất thủ rồi. Lực lượng C.N.T. tung ra rất nhiều truyền đơn, nói: “Hãy cảnh giác!”, ngầm hiểu rằng “có đảng” (tức là đảng cộng sản) đang chuẩn bị đảo chính. Mọi người còn sợ rằng quân phát xít sẽ tràn vào cả Catalonia nữa. Trước đó, trên đường trở lại mặt trận tôi đã trông thấy những chiến tuyến vững chắc, được xây dựng cách mặt trận cả chục cây số, ở Barcelona người ta còn đào cả hầm tránh bom nữa. Ngày nào còi báo động tấn công bằng đường không và đường biển cũng hú vài lần, phần lớn là báo động giả, nhưng mỗi lần như thế thành phố lại mất điện mấy giờ liền, còn dân chúng thì phải chui xuống hầm. Cảnh sát mặt có mặt khắp nơi. Nhà tù lúc nào cũng chật cứng, đấy phần lớn là những người bị bắt sau cuộc đụng độ hồi tháng 5. Ngoài ra, thỉnh thoảng lại có một hai thành viên đảng vô chính phủ hay P.O.U.M. bị bắt. Theo những gì được biết thì chưa có ai bị đưa ra toà hoặc bị kết án, ngay cả kết án là theo “phái Trotskyist” cũng không nốt. Đơn giản là bị tổng vào tù, mà thường là biệt giam. Bob Smillie vẫn còn ngồi tù ở Valencia. Chúng tôi chỉ biết rằng cả đại diện tại chỗ của I.L.P. cũng như luật sư bào chữa đều chưa được phép tới thăm anh. Người ngoại quốc trong các Binh đoàn quốc tế bị bắt tù ngày một nhiều hơn. Họ thường bị vu là đào ngũ. Nói chung, hiện nay không hiểu người ta coi dân quân là lính tình nguyện hay lính chính qui. Mấy tháng trước, khi ghi tên, người ta nói rằng dân quân là lính tình nguyện và nếu muốn, có thể được cấp giấy chứng nhận xuất ngũ trong thời gian nghỉ phép. Bây giờ hoá ra chính phủ đã thay đổi thái độ, dân quân cũng được coi là lính chính qui và bị coi là đào ngũ nếu anh ta tìm cách trở về nhà. Nhưng ngay cả chuyện này cũng không có gì là chắc chắn cả. Ở một số khu vực, người ta vẫn cấp giấy xuất ngũ. Ở biên giới, đôi khi người ta công nhận giấy xuất ngũ, nhưng có khi lại không; có người bị tổng vào tù là vì như thế. Sau này số người ngoại quốc

“đào ngũ” bị tù lên đến hàng trăm, nhưng đa số đã được thả khi dư luận trong các nước đó phản đối dữ dội quá.

Các đơn vị xung kích sục sạo khắp các đường phố, trong khi lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn còn chiếm đóng trong các quán café và những ngôi nhà giữ vị trí chiến lược, chiến lũy và bao cát vẫn xếp đầy xung quanh những toà nhà của P.S.U.C. Người ta dựng lên trong thành phố những trạm kiểm soát, do lực lượng bảo vệ hay cảnh sát vũ trang trấn giữ, để kiểm tra giấy tờ người đi đường. Mọi người đều nhắc tôi không được đưa thẻ dân quân P.O.U.M., chỉ cần trình hộ chiếu và thẻ ra vào khách sạn là được. Nếu họ biết là đã từng phục vụ trong lực lượng dân quân P.O.U.M. là đã nguy hiểm rồi. Thương binh hay dân quân P.O.U.M. đi phép gặp đủ thứ phiền toái, thí dụ như gây khó dễ trong việc nhận lương. Tờ La Batalla vẫn ra, nhưng bị kiểm duyệt đến mức chẳng còn gì mà đọc nữa; tờ Solidaridad và những tờ báo khác của phe vô chính phủ cũng bị kiểm duyệt rất ngặt nghèo. Có luật mới là phần bị kiểm duyệt không được để trắng, phải thay bài khác vào, cho nên nhiều khi không biết phần nào bị cắt xén nữa.

Việc thiếu hụt lương thực thực phẩm vẫn thường xuyên xảy ra, nhưng đây là giai đoạn tồi tệ nhất. Bột mì khan hiếm, người ta đem trộn những loại rẻ tiền với bột gạo. Binh lính trong trại được phát những mẩu bánh mì trông như ma-tít chèn cửa sổ. Sữa và đường cực kì khan hiếm, thuốc lá không còn, trừ những loại đắt tiền do buôn lậu mà có. Dầu ô liu là thứ người Tây Ban Nha rất hay dùng cũng cực kì khan hiếm. Phụ nữ xếp hàng mua dầu ô liu dài đến nỗi phải đưa các kĩ sư thuộc lực lượng bảo vệ vũ trang ra giữ trật tự, bọn này thỉnh thoảng lại cố tình để ngựa nhả vào chân các bà để mua vui. Không có tiền lẻ cũng gây ra phiền toái. Tiền xu bằng bạc đã bị thu hồi, trong khi tiền lẻ mới thì lại chưa có. Người nghèo lại càng khốn khó thêm. Một người phụ nữ có mười đồng bạc có thể phải xếp hàng nhiều tiếng đồng hồ mà vẫn không thể mua được gì vì người bán hàng không có tiền lẻ, mà bà ta lại không thể tiêu một lúc cả mười đồng.

Thật khó mà tả được cơn ác mộng của thời đó - đấy là sự bất an đặc thù, sinh ra bởi những lời đồn đại cứ thay đổi luôn soành soạch, bởi báo chí bị kiểm duyệt và sự có mặt của binh lính. Thật khó mà mô tả được vì nước Anh hiện không có những cái làm nên cơn ác mộng đó. Ở Anh thái độ bất dung chính trị chưa phải là hiện tượng đương nhiên. Những vụ kì thị lật vạt về chính trị dĩ nhiên là có, thí dụ nếu tôi là công nhân mỏ thì tôi không muốn ông chủ biết tôi là đảng viên cộng sản; nhưng khác với châu Âu lục địa, ở Anh hiện tượng “đảng viên trung kiên”, hiện tượng những ông trùm trong nền chính trị còn là của hiếm; khái niệm “tiêu diệt” hay “loại bỏ” tất cả những người bất đồng ý kiến còn chưa được coi là đương nhiên. Nhưng ở Barcelona thì đấy lại là những chuyện đương nhiên. Những người theo phái Stalin đang giữ thế thượng phong, và như thế, những người theo phái Trotskyist bị nguy là đúng rồi. Điều mọi người sợ nhất là sẽ nổ ra một vụ xung đột mới và cũng như trước đây, người ta sẽ lại đổ vấy cho P.O.U.M. và lực lượng vô chính phủ. Nhưng cuối cùng chuyện đó đã không xảy ra. Đôi khi tôi thấy mình dỏng tai nghe xem có tiếng súng không. Dường như thành phố đang bị một thế lực hắc ám đầy sức mạnh nào đó bao phủ vậy. Mọi người đều nhận thấy như thế. Và điều kì lạ là mọi người đều dùng những từ ngữ như nhau để nói về chuyện đó: “Thật kinh khủng. Chẳng khác gì sống trong một nhà thương điên.” Có lẽ tôi không nên nói là mọi người. Một số khách du lịch người Anh, những người chỉ đi từ khách sạn nọ sang khách sạn kia qua khắp nước Tây Ba Nha cỏ vẻ như

đã không nhận thấy điều gì bất thường cả. Trên tờ Sunday Express ra ngày 17 tháng 10 năm 1937, bà Hầu tước xứ Atholl viết như sau:

Tôi đã đến Valencia, Madrid và Barcelona . . . Trật tự vẫn được giữ vững trong các thành phố này mà không hề thấy sự hiện diện của lực lượng quân sự. Tất cả các khách sạn mà tôi có dịp dùng chân đều không chỉ “bình thường” và “lịch sự” mà còn cực kì tiện nghi nữa, chỉ hiếm bơ và café thôi.

Đặc điểm của các khách du lịch người Anh là họ thực sự không tin rằng bên ngoài những bức tường của các khách sạn sang trọng kia là một đời sống khác hẳn. Hi vọng là người ta đã tìm được bơ cho bà Hầu tước xứ Atholl.

Tôi được đưa tới an dưỡng đường Maurín, một trong những an dưỡng đường do lực lượng P.O.U.M. cai quản. An dưỡng đường này nằm ở ngoại ô, ngay dưới chân dãy núi Tibidabo, một dãy núi có hình thù kì quặc, dựng đứng như một bức tường thành ngay bên ngoài thành phố Barcelona. Truyền thuyết kể rằng quỷ Satan đã đứng trên ngọn núi này và chỉ cho Chúa Jesus vị trí của các nước trên trái đất. Ngôi nhà này trước đây là của một tay tư sản giàu có và đã bị tịch thu trong giai đoạn cách mạng. Đa số người đến đây là các thương phế binh, không thể nào chiến đấu được nữa, thí dụ như bị cụt chân cụt tay. Có cả mấy người Anh: Williams, bị thương ở chân; còn Stafford Cottman, một chàng trai mới có mười tám tuổi thì bị nghi là lao phổi; Arthur Clinton, với cánh tay trái bị thương phải nẹp bằng những cái thanh khá to, người Tây Ban Nha gọi là máy bay. Bà xã nhà tôi vẫn ở lại khách sạn Continental, ban ngày tôi thường trở về Barcelona. Buổi sáng tôi phải đến bệnh viện trung tâm để chạy điện cánh tay bị thương. Cách chữa khá kì quặc – kích thích cơ bắp bằng một loạt xung điện gây tê – nhưng hình như có tác dụng; các ngón tay đã cử động được và đỡ đau hơn. Chúng tôi quyết định tốt nhất là nên quay lại nước Anh ngay khi có điều kiện. Tôi còn yếu lắm, có vẻ như đã mất hẳn giọng nói, còn các bác sĩ thì bảo rằng phải mấy tháng nữa may ra tôi mới phục hồi được sức chiến đấu. Trước sau gì tôi cũng phải nghĩ đến chuyện kiếm tiền, ở lại Tây Ban Nha và ăn những thứ mà người khác đang rất cần là việc làm vô nghĩa. Nhưng động cơ của tôi vẫn chủ yếu là có tính ích kỉ. Tôi muốn rời xa tất cả những thứ này, muốn rời xa không khí nghi ngờ và thù hận chính trị ở đây, rời xa những đường phố đầy lính tráng, những vụ không kích, những giao thông hào, súng máy, rời xa những đoàn tàu điện rền rĩ, những tách trà không sữa, những món ăn đầy dầu ô liu và cảnh thêm thuốc lá - rời xa tất cả những thứ mà tôi tin là một phần của nước Tây Ban Nha ngày nay.

Các bác sĩ ở bệnh viện trung tâm phát cho tôi giấy chứng nhận thương tật. Nhưng để có giấy xuất ngũ, tôi phải trình diện hội đồng y khoa tại một trong những bệnh viện gần mặt trận và sau đó đến tổng hành dinh của P.O.U.M. ở Sietamo để họ đóng dấu vào giấy tờ của tôi. Kopp vừa trở về từ mặt trận, anh tỏ ra rất phấn chấn. Anh đã tham gia vào chiến dịch và nói rằng quân ta sắp chiếm được Huesca rồi. Chính phủ đã đưa quân từ Madrid tới, quân số lên đến ba mươi ngàn, với rất nhiều máy bay yểm trợ nữa. Các đơn vị người Ý mà tôi nhìn thấy trên đường tới Tarragona đã tham gia tấn công vào quốc lộ Jaca, nhưng bị thương vong rất nhiều, mất cả hai chiếc xe tăng. Nhưng Huesca nhất định sẽ thất thủ, Kopp nói như thế. (Lạy chúa tôi! Nó không thất thủ. Cuộc tấn công đã thất bại thảm hại, nếu không kể những trò dối trá trên

mặt báo thì chẳng mang lại lợi lộc gì). Trong khi đó Kopp phải đi đến Valencia để gặp người của bộ chiến tranh. Anh có mang theo bức thư giới thiệu của tướng Pozas, chỉ huy tập đoàn quân phương Đông. Ông này giới thiệu Kopp là “người đặc biệt tin cậy” và đề nghị đưa anh vào các đơn vị kỹ thuật (Kopp vốn là kỹ sư). Ngày 15 tháng 6 chúng tôi cùng khởi hành, Kopp đi Valencia, còn tôi đi Sietamo.

Năm ngày sau tôi mới trở lại Barcelona. Chúng tôi tới Sietamo trên một chiếc xe tải vào lúc nửa đêm. Việc đầu tiên khi tới trụ sở của P.O.U.M. là xếp thành hàng, rồi chẳng cần hỏi tên tuổi gì, họ phát ngay súng đạn cho chúng tôi. Có vẻ như sắp bị tấn công và có thể phải gọi lực lượng dự bị bất cứ lúc nào. Tôi có giấy chứng thương, nhưng không nỡ từ chối tham gia với tất cả mọi người. Tôi nằm xuống đất, đầu gối lên hộp đạn, lòng buồn rười rượi. Vết thương đã làm đầu óc tôi mụ mẫm đi – tôi nghĩ cũng là việc bình thường – và khả năng phải nằm dưới tầm hỏa lực của đối phương làm tôi vô cùng sợ hãi. Nhưng rồi cái mañana – ngày mai – như thường lệ đã diễn ra và chúng tôi không bị đưa ra mặt trận. Sáng hôm sau tôi mang giấy chứng thương ra trình và xin xuất ngũ. Phải đi qua khá nhiều nơi và làm đủ thứ thủ tục rắc rối, mệt mỏi. Họ đẩy tôi đi hết bệnh viện này đến bệnh viện khác, từ Sietamo qua Barbastro, tới Monzon, rồi quay lại Sietamo để đóng dấu vào giấy chứng thương, sau đó trở về qua ngã Barbastro và Lerida. Toàn bộ phương tiện giao thông đã được trưng dụng cho việc chuyển quân đến mặt trận Huesca, chẳng còn trật tự nào hết. Tôi nhớ đã qua đêm ở những chỗ lạ lẫm, khó tưởng tượng nổi – khi thì ngủ trên giường bệnh viện, lúc thì nằm dưới giao thông hào, có hôm lại ngủ trên một chiếc ghế băng hẹp đến mức đang ngủ thì bị rơi xuống đất, còn đến Barbastro thì được ngủ trong nhà tập thể của chính quyền địa phương. Đoạn nào không có đường sắt thì chỉ còn cách đi nhờ xe ô tô tải. Phải đứng đợi hàng tiếng, thậm chí ba bốn tiếng liền; bên cạnh là những người nông dân mệt mỏi, chán chường, tay xách nách mang những bao tải chứa đầy vịt và thỏ, liên tục vẫy tay xin đi nhờ những chiếc xe tải chạy ngang qua. Cuối cùng rồi cũng được một chiếc xe tải nào đó đã lên chặt người với đủ thứ linh kiện như là bánh mì, hòm đạn dừng lại bên đường và cho lên. Chưa có con ngựa nào hất tôi lên cao như những chiếc xe tải này. Chỉ còn cách là ngồi sát và bám chặt vào nhau. Thật xấu hổ khi tôi phát hiện ra là mình yếu đến nỗi không thể trèo được lên ô tô nếu không có người giúp đỡ.

Tôi ngủ một đêm ở bệnh viện Monzon, hội đồng giám định y khoa nằm trong bệnh viện này. Bên cạnh giường tôi nằm là một chiến sĩ thuộc lực lượng xung kích, bị thương vào trán, phía trên mắt bên trái. Anh ta tỏ ra thân thiện và lấy thuốc lá mời tôi. Tôi bảo: “Chút nữa là chúng ta đã bắn vào nhau ở Barcelona rồi”, và cả hai cùng phá lên cười. Điều thú vị là tình cảm người ta thay đổi khi tiến đến gần mặt trận. Tất cả hay gần như tất cả lòng hận thù mang tính đảng phái đã biến mất, không để lại dấu vết gì. Suốt trong thời gian ở mặt trận tôi chưa bao giờ thấy thành viên nào của P.S.U.C. tỏ thái độ thù địch với tôi chỉ vì tôi là quân của P.O.U.M. Thái độ đó chỉ có ở Barcelona hay ở những khu vực cách xa mặt trận. Ở Sietamo có rất nhiều lính xung kích. Họ được đưa từ Barcelona tới để tham gia tấn công vào Huesca. Về nguyên tắc, lực lượng xung kích không dùng để đánh nhau, nhiều người còn chưa ra trận lần nào. Họ là những ông tướng trên các đường phố ở Barcelona, nhưng ở đây họ chỉ là bọn lính mới tò te, bị cả những chú nhóc mới mười lăm tuổi, nhưng đã có thâm niên mặt trận vài tháng, nhìn bằng nửa con mắt.

Tay bác sĩ ở Monzon cũng vẫn làm những động tác như kéo lưới ra và đưa chiếc gương nhỏ vào miệng tôi rồi vui vẻ khẳng định rằng tôi sẽ không bao giờ nói bình thường được nữa. Sau đó ông ta kí giấy chứng nhận. Trong khi tôi chờ khám thì trong phòng phẫu thuật người ta thực hiện một ca mổ mà không có thuốc gây mê. Tôi không biết tại sao lại không gây mê. Ca mổ kéo dài rất lâu, bệnh nhân kêu thét vang trời. Khi tôi ghé vào phòng mổ thì thấy ghế đỡ ngón ngang, trên nền máu và nước đái đọng thành từng vũng.

Những chi tiết của chuyến đi cuối cùng vẫn còn in đậm trong kí ức của tôi. Tôi đã có một tâm trạng khác, tôi chú ý quan sát hơn là mấy tháng trước đó. Tôi đã được giải ngũ, có dấu của sư đoàn 29 và giấy chứng thương của bác sĩ, nói rằng “tôi là phế binh”. Tôi được tự do trở về Anh, và vì vậy mà gần như đây là lần đầu tiên tôi có cơ hội ngắm nhìn lại Tây Ban Nha. Tôi có một ngày đi dạo ở Barbastro vì mỗi ngày chỉ có một chuyến tàu đi qua thành phố này. Trước đây tôi chỉ được nhìn lướt qua thành phố và đối với tôi, nó chỉ đơn giản là một phần của cuộc chiến tranh - tất cả đều một màu xám ngoét, bùn lầy, lạnh lẽo và tiếng gầm rú của những chiếc xe tải, tiếng bước chân của những đoàn quân. Nhưng bây giờ mọi sự đều đã khác. Trong khi đi dạo quanh thành phố tôi đã phát hiện ra những con đường ngoằn ngoèo dễ thương, những chiếc cầu đá cũ, những cửa hàng rượu vang với những thùng rượu cao ngang đầu người và tò mò đứng ngắm những người thợ thủ công bên vỉa hè đang làm những chiếc bánh xe bò, những con dao găm, những chiếc thìa bằng gỗ và những chiếc bình đựng nước làm bằng da dê. Tôi nhìn người người thợ làm bình đựng nước bằng da dê và phát hiện ra một điều cực kì thú vị là họ lộn phần lông, chưa hề cạo vào bên trong, hoá ra là người ta uống nước ngâm với lông dê. Tôi đã uống nước đó hàng tháng liền mà không biết. Sát ngoại ô thành phố có một con suối rất nông, nước màu xanh biếc. Một tảng đá lớn với những ngôi nhà đục trong đá đứng sừng sững giữa dòng nước. Có thể nhổ thẳng từ cửa sổ các ngôi nhà nằm trên độ cao chừng ba mươi mét đó xuống dòng suối bên dưới. Rất nhiều chim bồ câu sống trong vách đá. Ở Lerida tôi còn trông thấy những ngôi nhà đổ nát mà dưới mái hiên có hàng ngàn tổ én, cái nhô ra cái thụt vào, đứng gần trông như những hoa văn trang trí thời Rococo vậy. Điều kì lạ là suốt sáu tháng qua tôi đã không để ý đến những thứ như thế. Bây giờ, sau khi có tờ giấy xuất ngũ trong tay, tôi mới lại cảm thấy mình là một con người, thậm chí còn có vẻ như là một lữ khách nữa. Đây gần như là lần đầu tiên tôi cảm thấy mình thực sự đang ở Tây Ban Nha, đất nước mà tôi suốt đời mong ước được tới thăm. Khi dạo bước trên những con phố nhỏ yên tĩnh ở Lerida và Barbastro, trong đầu tôi bỗng hiện lên hình ảnh của nước Tây Ban Nha xưa cũ, những hình ảnh mà qua những lời đồn đại vẫn sống trong trí tưởng tượng của mỗi chúng ta. Đây là những dãy núi đá lởm chởm màu trắng, những đàn dê, những nhà ngục tối tăm của toà án giáo hội, những toà lâu đài của người Moor, những đàn la chở hàng màu đen đi thành hàng dài ngoằn ngoèo, những hàng cây ô liu màu xám và những vườn chanh, những cô gái choàng khăn đen, rượu vang vùng Malaga và Alicante, những giáo đường, những vị hồng y giáo chủ, những trận đấu bò tót, những người Di Gan và dạ khúc – tóm lại là nước Tây Ban Nha. Trong tất cả các nước châu Âu thì đây là nước kích thích trí tưởng tượng của tôi nhiều nhất. Chỉ đáng tiếc là, cuối cùng, khi có điều kiện tới đây thì tôi lại chỉ nhìn thấy mỗi cái góc đông bắc nhỏ hẹp này, giữa thời buổi chiến tranh và trong mùa đông giá nữa.

Đêm đã khuya tôi mới về đến Barcelona. Ở đây không có taxi mà an dưỡng đường Maurín lại nằm ở ngoại ô thành phố cho nên tôi đi đến khách sạn Continental để ăn tối trước khi đi tiếp.

Tôi nhớ đã nói chuyện với một người hầu bàn hiền hậu về những cái bình gỗ sồi viền đồng đựng bia để rót cho khách. Tôi nói muốn mua một bộ để mang về Anh. Người hầu bàn tỏ vẻ thông cảm và nói: “Vâng, đẹp phải không? Nhưng hiện không thể nào mua được. Không ai làm nữa, không ai làm bất cứ thứ gì nữa. Chiến tranh - tiếc quá!” Chúng tôi đồng ý rằng chiến tranh là đáng tiếc. Tôi lại cảm thấy mình là một lữ khách. Người hầu bàn thân mật hỏi tôi có thích Tây Ban Nha không, có trở lại Tây Ban Nha nữa không? Có, tôi sẽ trở lại Tây Ban Nha. Câu chuyện đầy tinh thần hữu hảo này bám chặt vào trí nhớ của tôi vì nó trái ngược hẳn với những gì diễn ra ngay sau đó.

Vừa bước vào khách sạn tôi đã nhìn thấy bà xã ngồi trong tiền sảnh. Cô ấy đứng dậy và tiến về phía tôi với dáng vẻ rất điềm tĩnh, rồi cô đưa tay choàng lấy cổ tôi và quay sang những người trong phòng với một nụ cười dịu dàng nhất nhưng lại ghé sát vào tai tôi:

“Ra ngay!”

“Sao cơ?”

“Ra khỏi đây ngay!”

“Sao cơ?”

“Đừng đứng ở đây nữa! Anh phải đi ra khỏi đây ngay lập tức!”

“Cái gì? Tại sao? Em định nói gì?”

Cô cầm lấy tay tôi và dẫn ra phía cầu thang. Trên đường đi xuống chúng tôi gặp một người Pháp, tôi sẽ không nói tên vì tuy không liên quan với P.O.U.M. nhưng anh đã giúp chúng tôi rất nhiều trong suốt giai đoạn khó khăn đó. Anh nhìn tôi với nét mặt đầy băn khoăn.

“Nghe đây! Anh không được đến đây. Đi ngay, trốn mau trước khi họ kịp báo cảnh sát.”

Trời đất! vừa đi tới chân cầu thang thì có một nhân viên khách sạn hốt hơi hốt hải lao từ trong thang máy ra, anh này cũng là thành viên P.O.U.M. (nhưng có lẽ ban giám đốc khách sạn không biết, tôi đoán thế), anh ta bảo tôi phải đi ngay. Đến lúc đó tôi vẫn chưa hiểu đã xảy ra chuyện gì.

“Có chuyện quái quái gì thế?”, tôi hỏi, sau khi cả hai đã ra đến hè phố.

“Anh chưa nghe thấy gì sao?”

“Chưa. Chuyện gì? Chưa nghe nói gì hết”

“P.O.U.M. đã bị cấm. Họ đã chiếm hết các toà nhà. Hầu như tất cả đều đã bị bắt. Người ta bảo rằng đã tử hình một số người rồi.”

Thế đấy. Phải tìm một chỗ nào đó để nói chuyện. Tất cả các quán café trên đường Ramblas đã đầy cảnh sát, nhưng chúng tôi cũng tìm được một quán café yên tĩnh trên một con hẻm. Bà xã vội vàng kể cho tôi nghe những chuyện đã xảy ra ở đây trong thời gian tôi đi vắng.

Ngày 15 tháng 6 cảnh sát bắt ngờ xông vào bắt Andrés Nin ngay trong văn phòng làm việc của ông, chiều hôm đó thì bố ráp khách sạn Falcón và bắt tất cả những người có mặt trong đó, đa số là dân quân đang nghỉ phép. Người ta lập tức biến toà nhà thành nhà tù và chẳng bao lâu sau đã chật cứng tù nhân đủ mọi loại. Ngày hôm sau người ta tuyên bố P.O.U.M. là tổ chức bất hợp pháp và tất cả các văn phòng, các cửa hàng sách báo, nhà nghỉ, trung tâm chữ thập đỏ ... đều bị đóng cửa hết. Trong khi đó họ cũng bắt giữ tất cả những người từng có liên hệ với P.O.U.M. Trong vòng một đến hai ngày tất cả hay gần như tất cả bốn mươi Ủy viên ban chấp hành đều bị bắt giam. Có thể là một hoặc hai uỷ viên đã trốn được, nhưng cảnh sát đã áp dụng một biện pháp đơn giản (cả hai phía tham gia cuộc chiến này vẫn thường xuyên sử dụng biện pháp này) là bắt vợ người đó làm con tin. Không thể nào biết được có bao nhiêu người đã bị bắt. Bà xã nhà tôi nghe nói rằng chỉ riêng ở Barcelona đã có bốn trăm người rồi. Tôi nghĩ rằng ngay cả lúc đó số người bị bắt đã lớn hơn rất nhiều. Họ bắt mà chẳng cần phân biệt gì hết. Thậm chí có trường hợp cảnh sát còn bắt cả những thương binh đang điều trị trong bệnh viện.

Tôi cảm thấy chán nản vô cùng. Sao thế nhỉ? Cấm P.O.U.M. thì tôi có thể hiểu được, nhưng vì sao lại bắt người? Chẳng có lí do gì cả. Chắc là việc cấm P.O.U.M. đã có hiệu lực hồi tố, tức là hiện nay P.O.U.M. bị coi là bất hợp pháp và vì vậy mà tất cả các thành viên của nó đều bị coi là tội phạm. Thường thì chẳng có ai bị khởi tố hết. Trong khi đó, báo chí cộng sản ở Valencia chạy những hàng tít với những câu chuyện về “một âm mưu của bọn phát xít”, về việc liên lạc bằng sóng vô tuyến với quân thù, về những tập tài liệu được viết bằng mực hoá học..v.v.. và .v.v.. Chuyện này tôi đã kể rồi. Đặc biệt là chuyện này chỉ xuất hiện trên báo chí ra ở Valencia mà thôi. Tôi nghĩ sẽ không sai khi nói rằng báo chí ở Barcelona - dù là cộng sản, vô chính phủ hay cộng hoà - không nói một lời nào về việc cấm P.O.U.M. hoặc âm mưu nọ kia. Không phải báo chí Tây Ban Nha mà là báo chí xuất bản ở Anh được đưa đến Barcelona sau đó một hai ngày đã cung cấp cho độc giả cáo trạng chống lại những nhà lãnh đạo P.O.U.M. Lúc đó chúng tôi cũng không biết rằng chính phủ Tây Ban Nha không phải là người đưa ra cáo trạng về tội phản bội hay gián điệp, sau này chính các thành viên chính phủ đã phủ nhận những cáo trạng như thế. Chúng tôi chỉ biết một cách mù mờ rằng các nhà lãnh đạo của P.O.U.M. và có thể là tất cả chúng tôi đều bị kết tội là nhận tiền của bọn phát xít. Có tin đồn là tù nhân đã bị lén lút tử hình ngay trong nhà giam. Nhiều vụ đã bị thổi phồng, nhưng chắc chắn là đã có một vài trường hợp như thế. Nin là trường hợp khó có thể nghi ngờ được. Sau khi bị bắt, Nin được giải về Valencia, sau đó đến Madrid và ngày 21 tháng 6 thì có tin đồn ở Barcelona là ông đã bị bắn. Sau này người ta còn nói cụ thể hơn: Nin đã bị cảnh sát mật bắn chết trong tù rồi vứt xác ra đường. Nhiều người, kể cả Federico Montsenys, một cựu quan chức chính phủ đã nói như thế. Từ đó đến nay không thấy ai nói rằng Nin còn sống nữa. Sau này, khi bị các đoàn đại biểu ngoại quốc khác nhau chấn vấn, chính phủ đã tìm cách chối quanh và thường bảo rằng Nin đã biến mất và họ không biết ông đang ở đâu. Một vài tờ báo còn bịa chuyện nói rằng ông đã trốn sang vùng phát xít kiểm soát. Không có bằng chứng nào như thế cả, còn Irujo, bộ trưởng Bộ tư pháp thì tuyên bố rằng hăng thông tấn Tây Ban Nha đã xuyên tạc bản thông cáo chính thức của ông ta. Dù gì thì gì, một người tù quan trọng như Nin khó mà có cơ hội đào thoát. Tôi nghĩ ông đã bị giết trong tù.

Số vụ bắt bớ ngày càng gia tăng, bắt bớ kéo dài mấy tháng liền, cho đến khi con số người bị bắt lên đến mấy ngàn, đây là chưa kể những tên phát xít bị bắt giam từ trước. Điều đặc biệt dễ nhận ra là sự lộng hành của cảnh sát cấp dưới. Nhiều người bị bắt một cách phi pháp, một số

người được thả theo lệnh của cảnh sát trưởng đã bị bắt lại ngay ở cửa trại giam và bị đưa đến các “nhà tù bí mật”. Điển hình là trường hợp của vợ chồng Kurt Landau. Họ bị bắt vào khoảng ngày 17 tháng 6, Landau “biến mất” ngay sau đó. Năm tháng sau người vợ vẫn còn bị giam giữ, không có án mà cũng chẳng nhận được tin tức gì của chồng. Bà tuyên bố tuyệt thực, lúc đó bộ trưởng bộ tư pháp mới gửi thư cho bà, nói rằng chồng bà đã chết. Bà được thả ngay lập tức, nhưng cũng ngay lập tức lại bị bắt giam và tống vào ngục. Rõ ràng là, cảnh sát, chí ít là trong thời gian đầu, chẳng thèm quan tâm tới hệ quả của những hành động của họ đối với cuộc chiến. Họ sẵn sàng bắt giam các sĩ quan quân đội đang giữ trọng trách mà không cần lệnh của ai hết. Khoảng cuối tháng 6, José Rovira, tướng chỉ huy sư đoàn 29, bị một nhóm cảnh sát từ Barcelona tới bắt ngay gần chiến tuyến. Các chiến sĩ dưới quyền ông đã cử đoàn đại biểu đến tận Bộ chiến tranh để phản đối. Hoá ra cả bộ trưởng bộ chiến tranh lẫn cảnh sát trưởng đều không nhận được báo cáo về vụ bắt giữ Rovira. Tuy có thể không phải là chi tiết đặc biệt quan trọng nhưng điều làm tôi day dứt hơn cả là các đơn vị ngoài mặt trận không hề hay biết gì về tất cả các sự kiện nói trên. Không có ai ngoài mặt trận biết rằng P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động. Tất cả các sở chỉ huy dân quân, các trung tâm chữ thập đỏ của P.O.U.M. và các cơ quan khác vẫn hoạt động bình thường và cho đến tận ngày 20 tháng 6 ở Lerida, cách Barcelona khoảng 160 km, vẫn không ai nghe nói đến những sự kiện đang diễn ra ở đây. Báo chí ở Barcelona không hề viết một chữ nào về những vụ bắt bớ (báo chí xuất bản ở Valencia với những câu chuyện bịa đặt về hoạt động gián điệp của P.O.U.M. không tới được mặt trận Aragon) và chắc chắn là một trong những lí do bắt giữ tất cả các dân quân P.O.U.M. đang nghỉ phép ở Barcelona là để họ không thể đưa tin ra mặt trận. Lực lượng tăng cường mà tôi đi cùng hôm 15 tháng 6 chắc chắn là đơn vị cuối cùng. Tôi vẫn suy nghĩ nát óc không hiểu họ làm thế nào mà giữ được bí mật, trong khi xe vận tải và những loại xe cộ khác vẫn đi đi về về; nhưng không nghi ngờ gì rằng vẫn giữ được bí mật và sau này nhiều người nói với tôi rằng mấy ngày sau những người ở mặt trận vẫn không hay biết gì. Động cơ thì đã rõ. Cuộc tấn công vào Huesca đã bắt đầu, mà P.O.U.M. vẫn là đơn vị riêng biệt, có thể người ta sợ rằng nếu dân quân P.O.U.M. biết thì họ sẽ không chịu chiến đấu nữa. Nhưng trên thực tế, khi tin tức đến được mặt trận thì những chuyện như thế đã không xảy ra. Trong những ngày đó chắc chắn là có nhiều chiến sĩ đã hi sinh mà không biết rằng báo chí ở hậu phương đã gọi họ là quân phát xít. Đây là điều khó có thể tha thứ. Tôi biết là người ta thường không cho quân sĩ biết những tin thất thiệt, nguyên tắc này cũng có thể chấp nhận được. Nhưng đưa người ta ra mặt trận mà lại không nói cho người ta biết rằng ở hậu phương đảng của người ta đang bị đàn áp, lãnh đạo của họ bị kết tội phản bội, bạn bè và người thân của người ta bị tống giam, thì lại là chuyện khác được.

Bà xã bắt đầu kể cho tôi nghe về mấy người bạn của mình. Một vài người Anh và người ngoại quốc khác đã kịp thời vượt biên rồi. Williams và Stafford Cottman đã trốn thoát khi an dưỡng đường Maurín bị bố ráp và đang lẩn trốn ở đâu đó. John McNair cũng đã bỏ trốn, anh này đã sang Pháp nhưng lại quay về Tây Ban Nha sau khi P.O.U.M. bị coi là tổ chức bất hợp pháp. Mạo hiểm đấy, nhưng anh không thể sống trong cảnh thanh bình khi các đồng chí của mình gặp nguy hiểm. Còn những người khác thì chỉ đơn giản là: “Họ đã bắt trong hoàn cảnh như thế, như thế.” Có vẻ như họ đã bắt được tất cả mọi người rồi. Nhưng việc họ bắt George Kopp đã làm tôi choáng váng.

“Sao? Cả Kopp nữa à? Anh nghĩ là anh ta ở Valencia?”

Hoá ra là Kopp đã quay lại Barcelona với một bức thư của bộ chiến tranh gửi cho viên đại tá chỉ huy các đơn vị kỹ thuật ở mặt trận phía đông. Anh biết là P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động, dĩ nhiên là như thế, nhưng có thể anh không nghĩ rằng cảnh sát lại ngu đến mức bắt người đang trên đường ra mặt trận để thi hành một nhiệm vụ quân sự cấp bách. Anh ghé vào khách sạn Continental để lấy ba lô, lúc đó vợ tôi đang đi vắng, nhân viên khách sạn tìm cách giữ chân anh cho đến khi cảnh sát tới. Tin Kopp bị bắt làm tôi tức điên lên được. Anh là bạn của tôi, anh là người chỉ huy của tôi suốt mấy tháng liền. Chúng tôi đã ở bên nhau dưới làn đạn của quân thù và tôi biết khá nhiều chuyện về anh. Anh là người đã hi sinh tất cả - gia đình, tổ quốc, đời sống tiện nghi - để đến Tây Ban Nha nhằm chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít. Bí mật rời khỏi nước Bỉ và tham gia quân đội nước ngoài trong khi anh đang là lực lượng trù bị của Bỉ, và trước đó anh đã giúp đỡ bí mật sản xuất vũ khí cho chính phủ Tây Ban Nha, nếu một mai Kopp trở về cố quốc thì đây sẽ là những tội lỗi phải trả giá bằng nhiều năm tháng tù đầy. Anh đã ra trận từ tháng 10 năm 1936 và đã tiến từ một dân quân bình thường lên đến cấp bậc thiếu tá, tôi không biết anh đã chiến đấu trong bao lâu, nhưng đã có lần bị thương. Trong những vụ lộn xộn hồi tháng 5, chính mắt tôi đã nhìn thấy Kopp đứng ra ngăn cản một vài vụ nổ súng trong khu vực và như vậy là anh đã cứu sống từ mười đến hai mươi người. Họ đã trả công bằng cách tống anh vào tù. Tức giận chỉ làm mất thì giờ, nhưng ngu đến mức như thế thì khó ai có thể bình tĩnh được.

Họ vẫn chưa bắt bà xã nhà tôi. Mặc dù cô ấy vẫn ở trong khách sạn Continental nhưng cảnh sát chưa động tới. Chắc chắn là họ đang dùng cô làm một cái bẫy. Cách đây vài ngày, khi trời vẫn còn chưa sáng hẳn, có sáu cảnh sát mặc thường phục xông vào phòng của chúng tôi thuê trong khách sạn. Họ lục soát và lấy đi tất cả giấy tờ, may là họ còn để lại hộ chiếu và sổ tín dụng. Họ tịch thu tất cả các cuốn nhật ký, tất cả sách vở của tôi; cả những mẫu báo cắt từ những tờ báo ra cách đây mấy tháng (tôi không biết họ lấy để làm gì), cả những vật kỷ niệm chiến trường và thư từ của chúng tôi họ cũng không tha. (Cảnh sát tịch thu cả những bức thư của độc giả gửi cho tôi. Có một số bức tôi chưa kịp hồi âm, và dĩ nhiên là tôi cũng không có địa chỉ người gửi. Không hiểu những người đã viết cho tôi về cuốn sách mới ra gần đây của tôi mà không nhận được hồi âm, khi đọc những dòng này có coi đây là lời tạ lỗi hay không?) Sau này tôi mới biết rằng cảnh sát còn tịch thu cả những thứ tôi bỏ lại ở an dưỡng đường Maurín nữa. Họ mang đi cả những tấm vải trải giường đã bẩn. Có lẽ họ nghĩ rằng trên đó có những bức thư viết bằng mực hoá học.

Bà xã nhà tôi cứ ở lại khách sạn thì sẽ an toàn hơn, ít nhất là trong giai đoạn hiện nay. Nếu cô có ý định đi khỏi đây thì họ sẽ theo dõi ngay. Còn tôi thì phải trốn cho mau. Viễn cảnh quả là ngán ngấm. Mặc dù đã có vô số vụ bắt bớ, tôi vẫn không thể tin là mình đang gặp nguy hiểm. Tất cả đều có vẻ quá nhảm nhí. Chính vì không chịu cân nhắc một cách nghiêm túc những vụ bắt bớ ngu ngốc này mà Kopp đã bị tống vào tù. Nhưng tôi tự hỏi vì sao người ta lại muốn bắt tôi? Mình phải làm gì bây giờ? Tôi không chỉ là thành viên của P.O.U.M. Đúng là trong thời gian diễn ra những vụ xung đột hồi tháng 5 tôi đã mang súng, nhưng lúc đó có chừng bốn năm chục ngàn người mang súng như tôi. Ngoài ra, tôi buồn ngủ quá rồi. Tôi định đi vào khách sạn đánh một giấc, nhưng bà xã nhất định không chịu. Cô đã nhấn nại giải thích cho tôi toàn bộ tình hình. Vấn đề không phải là tôi đã làm hay không làm một việc gì đó. Vấn đề không phải là sẵn lòng tội phạm mà là chế độ khủng bố. Tôi không có tội gì ngoài tội theo phái Trotskyist. Chỉ

một việc là chiến đấu trong hàng ngũ dân quân P.O.U.M. cũng đủ để người ta bắt giam tôi rồi. Bám vào khái niệm của nước Anh - người không phạm pháp là người vô tội - là việc làm vô ích. Ở đây, luật pháp là do cảnh sát quyết định. Chỉ còn cách là đi trốn và xoá sạch dấu vết liên hệ với P.O.U.M. Chúng tôi xem lại tất cả giấy tờ đang giữ trong túi áo. Bà xã bắt tôi phải xé thẻ quân nhân có chữ P.O.U.M. in to bên trên, xé tấm ảnh chụp mấy chiến hữu trên nền lá cờ P.O.U.M.; đấy là những thứ mà hôm nay có thể đưa người ta vào tù. Nhưng tôi phải giữ lại giấy chứng nhận xuất ngũ. Mặc dù trên những tờ giấy này có đóng dấu của sư đoàn 29, mà cảnh sát có thể biết rằng sư 29 là quân của P.O.U.M., nhưng nếu không mang theo những giấy tờ này thì tôi lại có thể bị bắt vì tội đào ngũ.

Bây giờ phải nghĩ cách chuồn khỏi Tây Ban Nha. Trước sau gì cũng vào tù thì ở lại đây là việc làm vô nghĩa. Sự thật là cả hai chúng tôi đều rất muốn ở lại, đơn giản để xem sẽ xảy ra chuyện gì. Tôi biết là nhà tù Tây Ban Nha thật là kinh khủng (nhưng trên thực tế còn tệ hơn tôi tưởng tượng nhiều), đã vào tù thì sẽ không biết bao giờ ra, mà tôi thì đang rất yếu, đấy là chưa nói cánh tay lại đang bị đau. Chúng tôi hẹn gặp lại nhau ở lãnh sự quán Anh vào ngày hôm sau, Cottman và McNair cũng sẽ đến đó. Có thể phải mất vài ngày mới thu xếp xong hộ chiếu. Trước khi rời Tây Ban Nha, cần phải xin được dấu ở ba nơi khác nhau, đấy là văn phòng cảnh sát trưởng, lãnh sự quán Pháp và cơ quan xuất nhập cảnh Catalonia. Văn phòng cảnh sát trưởng dĩ nhiên là chỗ nguy hiểm rồi. Nhưng chúng tôi hi vọng là lãnh sự Anh có thể giải quyết được mà không để lộ mối liên hệ của chúng tôi với P.O.U.M. Chắc chắn là cảnh sát có danh sách những người ngoại quốc bị nghi là theo phái Trotskyist và có nhiều khả năng là chúng tôi có tên trong bản danh sách này, nhưng nếu gặp may thì chúng tôi có thể ra khỏi biên giới trước khi người ta lập xong danh sách. Ở đây mọi thứ bao giờ cũng lộn xộn và bẽ trễ lắm. Đây là Tây Ban Nha chứ không phải Đức. Cảnh sát mật Tây Ban Nha cũng tương tự như Gestapo nhưng năng lực thì kém xa.

Chúng tôi chia tay nhau. Bà xã quay lại khách sạn, còn tôi lang thang trong bóng đêm để tìm chỗ ngủ. Buồn bã và chán nản vô cùng. Chỉ muốn có một cái giường để ngả lưng! Không biết đi đâu, không biết trốn vào đâu. Thực tế là P.O.U.M. không có các tổ chức bí mật. Chắc là các nhà lãnh đạo của nó đã nghĩ đến khả năng bị cấm đoán, nhưng không bao giờ họ lại nghĩ là đàn áp sẽ biến thành vụ săn lùng phù thủy triệt để đến như thế. Quả thật là họ không nghĩ như thế, cho nên đến tận ngày bị đặt ra ngoài vòng pháp luật họ vẫn còn tiếp tục cải tạo những toà nhà do P.O.U.M. chiếm giữ (trong đó có việc dựng một rạp chiếu phim trong toà nhà dùng làm văn phòng của P.O.U.M.). Kết quả là P.O.U.M. không có những điểm hẹn và những nơi ẩn náu bí mật mà đương nhiên đảng cách mạng nào cũng phải có. Chỉ có trời mới biết có bao nhiêu người - những người mà nhà ở đang bị cảnh sát lục soát - phải ngủ ngoài trời đêm nay. Tôi đã trải qua một cuộc hành trình vất vả dài suốt năm ngày, đã qua đêm ở những chỗ khó tưởng tượng nhất, cánh tay thì nhức buốt không thể nào chịu nổi, thế mà bọn ngu ngốc đó lại đang săn lùng tôi và tôi sẽ lại phải nằm ngủ ngoài đường. Đầu óc chỉ quanh quẩn những chuyện như thế. Không còn sức đâu để nghĩ đến chính trị chính em nữa. Đấy là cách phản ứng của tôi. Tôi nhận thấy là khi bị dính líu vào chuyện chiến tranh hay chính trị là y như rằng bao giờ tôi cũng chỉ nghĩ đến những thiếu thốn về mặt vật chất và chỉ mong sao cho những chuyện vô nghĩa khốn nạn đó chấm dứt cho mau mà thôi. Sau này tôi có thể đánh giá được tầm quan trọng của những sự kiện đó, nhưng khi chúng đang diễn ra thì tôi lại chỉ muốn tránh cho xa. Thái độ tiểu nhân, có

thể như thế lắm.

Tôi đi khá xa và đã đến gần khu vực bệnh viện trung tâm. Tôi muốn tìm một chỗ ngả lưng mà không sợ bị cảnh sát đến hỏi giấy tờ. Tôi đã thử chui vào một hầm trú ẩn, nhưng đây là cái hầm mới, tường còn ẩm ướt lắm. Tôi tìm được một ngôi nhà thờ đổ, trong những ngày cách mạng ngôi nhà thờ này bị cướp và đốt sạch. Chỉ còn cái vỏ với bốn bức tường, không có mái, xung quanh đầy gạch vụn. Quờ quạng mãi trong bóng đêm tôi mới tìm thấy một chỗ như cái hang để nằm. Gạch vụn đâm vào lưng rất khó chịu nhưng may mà trời ẩm và tôi đã ngủ được mấy tiếng.

Đối với những người bị cảnh sát truy nã ở những thành phố như Barcelona thì khó chịu nhất là các cửa hàng, cửa hiệu đều mở rất muộn. Khi phải ngủ ở ngoài đường, bao giờ người ta cũng dậy ngay từ lúc rạng đông, nhưng ở đây không có quán café nào mở cửa trước chín giờ sáng. Phải mấy tiếng đồng hồ sau tôi mới cạo được râu hay uống được một li café. Những bức tranh cổ động của phe vô chính phủ treo trên tường hiệu cắt tóc, bảo cấm đưa tiền lót tay, giờ trông thật khôi hài. “Cách mạng đã chặt đứt gông xiềng”, tranh cổ động viết như thế. Tôi chỉ muốn nói với người thợ cắt tóc rằng nếu họ không cẩn thận thì chẳng bao lâu nữa gông xiềng sẽ lại quay về mất thôi.

Tôi đi lang thang về phía trung tâm thành phố. Cờ đỏ đã bị gỡ khỏi những toà nhà của P.O.U.M., thay vào đó là cờ của chính phủ cộng hoà, lính gác của lực lượng bảo vệ vũ trang thấp thoáng bên trong. Cửa sổ toà nhà hội chữ thập đỏ trên quảng trường Cataluna gần như không còn một tấm kính nào. Cảnh sát đã đập hết, để mua vui. Các quán sách báo của P.O.U.M. sạch trơn, không còn cuốn nào, trên tấm biển quảng cáo đối diện với phố Ramblas có một bức biếm hoạ - P.O.U.M. mang một cái mặt nạ, đằng sau là mặt của một tên phát xít. Khi đi đến cuối phố Ramblas, tức là sát bờ biển, tôi bắt gặp một cảnh tượng kì lạ: một đám dân quân rách rưới, bẩn thỉu, mệt mỏi, ngồi đợi trên những chiếc ghế ngay trước hiệu đánh giày. Tôi biết họ là ai rồi, thậm chí còn nhận ra cả một người quen nữa. Đây là những dân quân của P.O.U.M., những người mới rời mặt trận ngày hôm trước, nhưng nay P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động. Họ phải ngủ ngoài đường vì nhà đã bị lục soát. Dân quân của P.O.U.M. trở về Barcelona vào thời gian đó chỉ có hai lựa chọn: chạy trốn hoặc vào tù. Cảnh đón tiếp chẳng lấy gì làm thú vị, nên nhớ rằng trước đó họ đã ở ngoài mặt trận ba bốn tháng liền.

Chúng tôi rơi vào một hoàn cảnh thật là chớ trêu. Ban đêm chúng tôi phải lẩn trốn, nhưng ban ngày có thể sống một cách bình thường. Tất cả những ngôi nhà có người ủng hộ P.O.U.M. cư trú cũng đều bị theo dõi, hoặc có vẻ như bị theo dõi. Vào khách sạn hay nhà nghỉ cũng không được vì chủ nhà được lệnh khi có người lạ phải báo ngay cho cảnh sát. Trên thực tế, điều đó có nghĩa là chỉ còn cách ngủ ngoài đường. Nhưng với thành phố cũ như Barcelona, ban ngày lại khá an toàn. Ngoài đường đầy bảo vệ vũ trang, lực lượng xung kích, cảnh sát vũ trang cũng như cảnh sát thường; rồi chỉ có Trời mới biết có bao nhiêu mật vụ mặc thường phục đang lờn vờn khắp nơi. Nhưng họ không thể hỏi giấy tờ tất cả mọi người được và người bình thường có thể vẫn thoát được sự dòm ngó của họ. Chỉ cần tránh xa những toà nhà của P.O.U.M. và không được đến các quán café hay khách sạn mà nhân viên biết rõ mặt mình là được. Tôi ngồi trong nhà tắm công cộng gần suốt ngày hôm đó cũng như ngày hôm sau. Đây là cách giết thì giờ hữu hiệu mà lại không bị người ta để ý. Không may là nhiều người cũng nghĩ như thế và mấy ngày sau - đây là nói khi tôi đã rời Barcelona rồi - cảnh sát đã bố ráp một nhà tắm công cộng và bắt được khá nhiều thành viên nhóm Trotskyist trong tình trạng khoả thân.

Đang đi trên phố Ramblas thì tôi bắt gặp một thương binh từng nghỉ ở an dưỡng đường Maurín. Chúng tôi nháy mắt ra hiệu cho nhau, lúc đó người ta vẫn chào nhau như thế, và tìm cách gặp được nhau trong một quán café cũng nằm trên con phố này. Anh đã chạy thoát khi

cảnh sát bố ráp an dưỡng đường Maurín; nhưng, cũng như những người khác, anh trở thành kẻ vô gia cư. Anh chỉ có mỗi một chiếc áo sơ mi – phải vắt lại cả áo vét khi bỏ chạy – túi không có xu nào. Anh kể cho tôi nghe lính bảo vệ vũ trang đã giật bức chân dung khá lớn của Maurín vẫn treo trên tường toà nhà và xéo nát như thế nào. Maurín (một trong những người sáng lập P.O.U.M.) bị bọn phát xít bắt và người ta tin rằng lúc đó ông đã bị chúng giết rồi.

Tôi gặp bà xã ở lãnh sự quán Anh vào lúc mười giờ sáng. McNair và Cottman cũng đến ngay sau đó. Họ nói rằng Bob Smillie đã chết. Anh chết trong nhà tù ở Valencia, còn vì sao thì không ai biết. Người ta đem anh đi chôn ngay, David Marray, đại diện của I.L.P. tại địa phương, cũng không được nhìn thấy xác của anh.

Dĩ nhiên tôi nghĩ ngay là chúng đã bắn chết Smillie. Lúc đó mọi người đều nghĩ như thế. Nhưng bây giờ tôi cho rằng có thể mình đã lầm. Sau này người ta nói rằng anh chết là do ruột thừa, một tù nhân được thả sau đó nói rằng Smillie đã bị ốm. Cho nên câu chuyện về bệnh ruột thừa có thể là đúng. Còn việc Murray không được nhìn thấy xác của Smillie có thể chỉ vì ác ý mà thôi. Bob Smillie mới có hai mươi hai tuổi, anh là một trong những những người khoẻ nhất mà tôi từng gặp. Tôi nghĩ anh là người duy nhất, kể cả người Anh lẫn người Tây Ban Nha, đã ở chiến hào suốt ba tháng liền mà không bị ốm ngày nào. Những người khoẻ mạnh như thế ít khi chết vì bệnh ruột thừa, đấy là nói nếu được chăm sóc tử tế. Nhưng nếu nhìn thấy nhà tù Tây Ban Nha – nhà tù thường phạm được cải tạo lại để giam chính trị phạm - thì không ai còn nghĩ rằng người bệnh được chăm sóc tử tế nữa. Có thể coi những nhà tù này là ngục tối thời trung cổ. Phải quay lại thế kỉ XVIII mới tìm được những nhà tù kiểu như thế ở Anh. Nhiều người bị lèn vào những phòng chật hẹp, đến nỗi không có chỗ mà nằm, đấy thường là các tầng hầm hoặc những chỗ tối tăm khác. Đây không phải là những biện pháp tạm thời, có người bị giam trong những phòng hầu như không có ánh sáng suốt năm sáu tháng liền. Thức ăn thì bẩn và thiếu: hai bát súp với hai mẩu bánh mì mỗi ngày. (Sau đó vài tháng thức ăn có vẻ như đã được cải thiện một chút). Tôi không nói ngoa, độc giả nào không tin xin cứ hỏi những người đã từng ngồi tù ở Tây Ban Nha thì sẽ biết. Tôi có bằng chứng về nhà tù Tây Ban Nha từ nhiều nguồn khác nhau, những bằng chứng này giống nhau đến mức ta buộc phải tin vào tính chân thực của chúng. Ngoài ra, chính tôi cũng đã vào nhà tù Tây Ban Nha vài lần rồi. Một ông bạn người Anh khác, bị đi tù sau đó một thời gian, viết rằng sự trải nghiệm “giúp anh ta dễ dàng hiểu được trường hợp của Smillie hơn.” Smillie chết là việc khó mà tha thứ được. Chàng trai dũng cảm và đầy tài năng này đã từ bỏ con đường hoạn lộ ở trường đại học Glasgow để lên đường chiến đấu chống lại bè lũ phát xít. Ngoài mặt trận, anh có thái độ tốt và dũng cảm không chê vào đâu được. Chính mắt tôi là người chứng kiến tất cả những chuyện đó. Thế mà để đáp lại, họ đã tống anh vào tù và để anh chết thảm chẳng khác gì một con chó hoang. Tôi biết rằng giữa lúc đang đánh nhau dữ dội và đẫm máu như thế này thì gây ồn ào về cái chết của một người là việc làm vô ích. Một quả bom thả từ trên không xuống một dãy phố đông người còn gây ra nhiều đau khổ hơn hàng loạt vụ bắt bớ chính trị. Nhưng điều làm người ta căm hận là Smillie và những người tương tự như anh đã chết một cách hoàn toàn phi lí. Bị giết trên chiến trường là chuyện đương nhiên, người ta sẵn sàng chấp nhận; nhưng bị tống vào tù chỉ vì lòng thù hận mù quáng rồi bị bỏ mặc cho chết trong cảnh cô đơn lại là chuyện khác. Tôi không biết những việc làm như thế - trường hợp của Smillie không phải là ngoại lệ - làm sao có thể mang lại chiến thắng được.

Hai vợ chồng tôi đến thăm Kopp ngay chiều hôm đó. Có thể đến thăm những người tù không bị biệt giam, nhưng sẽ không an toàn nếu đến quá một hai lần. Cảnh sát theo dõi việc ra vào nhà tù, những người đến thường xuyên bị coi là cảm tình với Trotskyist và có thể bị bỏ tù. Nhiều người đã bị như thế.

Kopp không bị biệt giam, chúng tôi được phép gặp anh mà không gặp phải khó khăn gì. Khi được đưa qua cánh cửa sắt nhà giam tôi đã trông thấy một dân quân người Tây Ban Nha mà tôi đã quen từ hồi còn ở mặt trận đang được hai lính bảo vệ vũ trang giải đi. Bốn mắt gặp nhau, chúng tôi cùng bí mật chào nhau. Người đầu tiên chúng tôi gặp trong tù là một dân quân người Mỹ. Anh này được cho về nhà cách đây vài hôm, giấy tờ đủ cả nhưng bị bắt ở biên giới, có thể là vì anh vẫn mặc quần nhung, mà họ coi là sắc phục của dân quân. Chúng tôi bước ngang qua nhau như những người hoàn toàn xa lạ. Cảm giác thật kinh khủng. Tôi quen anh đã nhiều tháng nay, chúng tôi đã từng cùng ngủ trong một căn hầm, anh đã khiêng tôi ra khỏi mặt trận khi tôi bị thương. Nhưng bây giờ không thể làm khác được. Lính bảo vệ mặc quần phục màu xanh có mặt khắp nơi. Muốn sống thì chớ làm ra bộ biết nhiều người ở đây.

Phòng giam là tầng hầm của một cửa hàng. Gần một trăm con người chen chúc nhau trong hai phòng, mỗi phòng chừng hai mươi mét vuông. Chẳng khác gì những nhà giam hồi thế kỷ XVIII, vẫn được vẽ trên những tờ lịch treo tường. Ấm ướt, bẩn thỉu, rất nhiều người, không giường phản - chỉ có nền đá, một cái ghế dài và mấy tấm nệm rách - ánh sáng lờ mờ vì cửa sổ đã bị bít bằng những tấm thép đục lỗ như mắt sàng. Trên những bức tường màu xám vẫn còn những khẩu hiệu cách mạng: “P.O.U.M. muôn năm!”, “Cách mạng muôn năm!” Chỗ này được dùng để giam chính trị phạm được mấy tháng nay rồi.Ồn ào tưởng muốn vỡ màng nhĩ. Đây là giờ thăm nuôi, chật cứng người, đi lại rất khó khăn. Hầu như tất cả đều thuộc tầng lớp lao động nghèo khổ nhất. Tôi đã trông thấy những người phụ nữ đang mở những cái túi đựng thức ăn thăm nuôi lép kẹp. Có cả mấy thương binh đã nghỉ ở an dưỡng đường Maurín cũng bị giam ở đây. Hai người bị cưa chân, mà một người thì không có nạng, đành phải nhảy lò cò mỗi khi muốn di chuyển. Có cả một thằng bé chưa đến mười hai tuổi, chắc là họ bắt giam cả trẻ con. Mùi hôi nồng nặc, những chỗ đông người mà không có điều kiện vệ sinh thì bao giờ cũng hôi hám như thế cả.

Kopp chen lấn một lúc mới ra được chỗ chúng tôi. Khuôn mặt đầy đặn, tươi tỉnh của anh trông vẫn như xưa; ở một chỗ bẩn thỉu như thế này mà anh vẫn giữ được quần áo thơm tươm tất, lại còn cạo được cả râu. Còn một người mặc đồng phục sĩ quan Quân đội Nhân dân nữa. Anh ta và Kopp vừa chen lấn vừa giơ tay chào nhau, trông có vẻ khô hào thế nào ấy. Kopp có vẻ rất phấn chấn. “Tớ ngờ rằng chúng tớ sẽ bị bắn hết”, anh vui vẻ nói. Tôi thấy nhột khắp người khi nghe anh nói từ “bắn”. Tôi bị trúng đạn cách đây chưa lâu, cảm giác vẫn còn sống động trong trí nhớ. Chẳng thú vị gì khi nghĩ rằng điều đó sẽ xảy ra với những người thân quen với mình. Lúc đó tôi tin rằng tất cả những nhà lãnh đạo của P.O.U.M., trong đó Kopp, đều sẽ bị bắn. Đây là lúc có tin là Nin đã chết, chúng tôi cũng biết rằng P.O.U.M. bị kết tội phản bội và hoạt động gián điệp. Tất cả các sự kiện đều cho thấy sẽ có một phiên tòa bịa đặt với rất đông bị can và sau đó là vụ giết hại hàng loạt những người Trotskyist chủ chốt. Thật là kinh khủng khi phải chứng kiến cảnh người bạn ở trong tù mà mình không thể nào giúp đỡ được. Vì không thể làm được gì. Kêu gọi chính phủ Bỉ cũng vô ích vì bỏ nước ra đi là Kopp đã phạm luật rồi. Tôi phải để bà xã nói

chuyện là chính, trong khung cảnh như thế này anh sẽ không thể nào nghe được giọng nói the thé của tôi. Kopp kể cho chúng tôi nghe về những người bạn mà anh mới kết thân trong tù, về lính gác, một số lính gác là người tốt, nhưng cũng có người chửi mắng và đánh đập tù nhân, thức ăn thì chẳng khác gì cám lợn. May là chúng tôi có đem theo một bọc đồ ăn và cả thuốc lá nữa. Sau đó Kopp kể về sổ giấy tờ mà họ đã tịch thu khi bắt anh. Trong đó có bức thư của ông Bộ trưởng chiến tranh gửi cho viên đại tá chỉ huy lực lượng kỹ thuật ở mặt trận phía Đông. Cảnh sát đã tịch thu mà không chịu trả lại, nghe nói nó nằm trong văn phòng của cảnh sát trưởng. Nếu tìm được thì hoàn cảnh của Kopp có thể sẽ khác.

Tôi nhận thức ngay được tầm quan trọng của bức thư này. Bức thư với lời giới thiệu của Bộ trưởng chiến tranh và tướng Pozas sẽ cho người ta thấy Kopp là một người rất đáng tin cậy. Nhưng vấn đề là phải chứng minh được rằng Kopp đã mang theo người một bức thư như thế, nếu văn phòng cảnh sát trưởng đã mở bức thư thì chắc chắn mật thám đã tiêu huỷ rồi. Chỉ có một người có thể lấy lại bức thư, đấy là người nhận. Kopp đã nghĩ đến chuyện này và anh đã viết một bức thư, nhờ tôi mang ra và gửi theo đường bưu điện. Nhưng tôi nghĩ nhanh nhất và bảo đảm nhất là tự mình mang đến gặp viên đại tá. Để bà xã ngồi lại với Kopp, tôi lao vội ra ngoài và sau một hồi tìm kiếm tôi đã bắt được một chiếc taxi. Tôi biết rằng thời gian là tất cả. Bây giờ là năm giờ rưỡi, đại tá có thể sẽ rời văn phòng vào lúc sáu giờ; còn ngày mai thì có Trời mới biết bức thư sẽ nằm ở đâu - bị xé hay bị thất lạc giữa hàng đồng giấy tờ của những người bị bắt. Văn phòng của đại tá nằm ở Cục phòng vệ, gần cầu cảng. Tôi đang lao lên bậc tam cấp thì bị một lính xung kích đưa báng súng dài ngoẵng của anh ta ra chặn đường và đòi “giấy tờ”. Tôi giơ giấy xuất ngũ của mình ra. Có lẽ anh ta không biết đọc, nhưng bị mấy mảnh giấy làm cho choáng váng nên đã cho tôi vào. Bên trong là những toà nhà to và rắc rối, bao quanh một cái sân, với hàng trăm văn phòng làm việc trên mỗi tầng. Vì đây là Tây Ban Nha nên không ai biết văn phòng tôi cần tìm nằm ở đâu. Tôi luôn mồm nói: “El coronel —, jefe de ingenieros, Ejército de Este!” [\[38\]](#). Tất cả những người tôi gặp đều mỉm cười và nhún vai một cách rất tao nhã. Mỗi người chỉ theo một hướng. Hết lên rồi xuống, rồi lại đi theo những hành lang dài bất tận để cuối cùng vào một ngõ cụt. Mà thời gian thì cứ thế trôi. Tôi có cảm giác như đang rơi vào một cơn ác mộng: chạy lên rồi lao xuống cầu thang, thấy những người bí ẩn đi dọc hành lang, ngó vào những văn phòng, giấy tờ vương vãi khắp nơi, tiếng máy chữ lạch cạch. Mà thời gian thì cứ trôi, trong khi cuộc sống của một người lại như đang treo trên đầu sợi tóc.

Nhưng tôi đã đến kịp và lấy làm ngạc nhiên là người ta đã tiếp tôi. Tôi không được gặp đại mà chỉ gặp viên sĩ quan tùy tùng hay thư ký của ông ta thôi. Đấy là một người nhỏ bé, mặc bộ quân phục may vừa khít, đôi mắt to và lác. Anh ta ra hân phòng ngoài để tiếp tôi. Tôi bắt đầu kể câu chuyện của mình: Tôi được cấp trên cử đến đây, đấy là thiếu tá Jorge Kopp, người được phái ra mặt trận với một nhiệm vụ khẩn cấp, nhưng do nhầm lẫn nên đã bị bắt. Bức thư mà thiếu tá mang đến cho đại tá là tài liệu mật và phải thu hồi ngay lập tức. Tôi đã chiến đấu cùng với Kopp suốt mấy tháng liền, đấy là một sĩ quan tuyệt vời, chắc chắn là có sự nhầm lẫn, cảnh sát đã nhầm anh với ai đó ..v.v. Tôi khẳng định rằng nhiệm vụ của Kopp là cực kỳ cấp bách, đấy chính là át chủ bài của tôi. Nhưng câu chuyện, khi thì bằng tiếng Tây Ban Nha ngọng ngịu, lúc lại chuyển sang tiếng Pháp chắc chắn là nghe cũng khá kì quặc. Tệ hại nhất là tôi bị mất giọng ngay từ đầu và cố gắng lắm tôi cũng chỉ phát ra những âm thanh khò khè. Tôi sợ nhất là sẽ mất hẳn giọng và người sĩ quan nhỏ bé này sẽ chán. Sau này tôi thường tự hỏi không biết anh ta

nghĩ thế nào: tôi say hay là lúng túng vì lương tâm không trong sáng.

Nhưng anh đã kiên nhẫn nghe tôi nói đến cùng, nhiều lần gật đầu tỏ vẻ đồng ý với tôi. Vâng, có thể đây là một sự lầm lẫn. Rõ ràng là cần phải xem xét vấn đề. Ngày mai – viên sĩ quan nói. Không, không để đến mai được! – tôi phản đối. Vấn đề cực kì khẩn cấp, Kopp đáng lẽ đã phải có mặt ở mặt trận rồi. Viên sĩ quan có vẻ như đồng ý. Bây giờ đến câu hỏi mà tôi sợ nhất:

“Thiếu tá Kopp phục vụ trong lực lượng nào?”

“Trong lực lượng dân quân của P.O.U.M.” - mấy từ khủng khiếp nhất đã được nói ra.

“P.O.U.M. à!”

Ước gì tôi có thể mô tả được sự hoảng hốt trong giọng nói của anh ta. Cần phải biết rõ hoàn cảnh của P.O.U.M. lúc đó. Chiến dịch săn lùng gián điệp đang ở thời kì cao điểm, có thể tất cả những người cộng hoà đều tin rằng P.O.U.M. là tổ chức tình báo lớn ăn tiền của Đức. Nói từ đó với một sĩ quan Quân đội Nhân dân cũng chẳng khác gì có mặt trong câu lạc bộ kị binh ngay sau vụ “Bức thư đỏ [\[39\]](#)” và tuyên bố rằng mình là cộng sản vậy. Đôi mắt đen của anh ta lướt nhanh trên mặt tôi. Sau một lúc im lặng, anh ta chậm rãi nói:

“Anh bảo rằng đã cùng ở mặt trận với anh ta. Nghĩa là anh là dân quân của P.O.U.M.?”

“Vâng”

Anh ta quay lưng và chui tọt vào phòng viên đại tá. Tôi nghe thấy người ta thảo luận rất sôi nổi. “Dĩ nhiên rồi”, tôi thầm nghĩ. Không bao giờ người ta trả lại thư của Kopp. Hơn nữa, vì tôi tự nhận là người của P.O.U.M. nên chắc chắn là họ sẽ gọi cảnh sát và đưa thêm được một Trotskyist nữa vào tù. Nhưng người sĩ quan đã lại xuất hiện, anh ta lấy mũ và ra hiệu cho tôi đi theo. Chúng tôi đi tới văn phòng cảnh sát trưởng. Đường đi khá xa, mất hai mươi phút. Người sĩ quan nhỏ nhắn đi đằng trước, bước đều như duyệt binh. Không ai nói câu nào. Chúng tôi trông thấy một đám đông những kẻ du thủ du thực, trông rất hắc ám; có nhiều khả năng đây là những tên mật thám, những tên chỉ điểm, những tên gián điệp đủ mọi loại, đang tụ tập trước văn phòng cảnh sát trưởng. Người sĩ quan nhỏ nhắn đi vào văn phòng. Tôi nghe thấy người ta nói rất to, có lúc gay gắt nữa. Tôi mừng tượng trong đầu những cái vung tay quá đà, những cái nhún vai tỏ vẻ khó hiểu và cả cảnh đập bàn đập ghế nữa. Chắc là cảnh sát không chịu trao trả bức thư. Nhưng cuối cùng người sĩ quan cũng đi ra, mặt đỏ gay, tay cầm một chiếc phong bì to tướng. Đây chính là thư của Kopp. Chúng tôi đã giành được một chiến thắng nho nhỏ, nhưng hoá ra sau này mới biết là cũng chẳng có ý nghĩa gì. Bức thư đã được chuyển đi, nhưng những người chỉ huy của Kopp đã không thể đưa anh ra khỏi nhà tù.

Người sĩ quan hứa với tôi là bức thư sẽ được đưa đến tay người nhận. “Thế còn Kopp?”, tôi hỏi. “Không thể đưa được anh ta ra hay sao?” Người sĩ quan khẽ nhún vai. Đây lại là vấn đề khác. Họ không biết Kopp bị bắt vì lí do gì. Anh ta chỉ có thể nói với tôi rằng họ sẽ cho điều tra đến nơi đến chốn. Không còn gì để nói với nhau nữa, đã đến lúc chia tay. Chúng tôi cùng khẽ nghiêng mình chào nhau. Nhưng đúng lúc đó đã xảy ra một chuyện bất ngờ và cảm động. Người sĩ quan lưỡng lự trong giây lát, rồi anh tiến lên nắm lấy tay tôi.

Không biết tôi có đủ khả năng thể hiện cho độc giả thấy sự xúc động của mình trước cử chỉ đó hay không. Dường như đây chỉ là một chuyện nhỏ nhặt, nhưng không phải như thế. Phải hiểu được khung cảnh thời đó, đây là lúc mà lòng hận thù và nghi kỵ hiện diện khắp nơi, đây là lúc mà những lời dối trá và tin đồn thất thiệt lan truyền cùng khắp, đây là lúc mà ở đâu cũng có những khẩu hiệu nói rằng tôi và những người như tôi là gián điệp của bọn phát xít. Ngoài ra, cần phải nhớ rằng chúng tôi đang đứng ngay bên ngoài văn phòng cảnh sát trưởng, ngay trước mắt những kẻ ngồi lê đôi mách và những tên khiêu khích, bọn chúng có thể biết là tôi đang bị cảnh sát truy nã. Bắt tay tôi lúc đó cũng chẳng khác gì công khai bắt tay một người Đức trong thời gian diễn ra Chiến tranh thế giới Thứ nhất. Tôi đồ rằng anh ta nghĩ tôi không phải là gián điệp. Dù sao mặc lòng, anh ta vẫn là một người rất tử tế.

Tôi ghi lại câu chuyện này, tuy nghe có vẻ tầm thường, nhưng theo tôi rất đặc trưng cho người Tây Ban Nha: lòng hào hiệp trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Trong đầu tôi, nước Tây Ban Nha để lại nhiều hình ảnh rất không hay, nhưng hình ảnh người Tây Ban Nha không ra gì thì rất ít. Tôi chỉ nổi đoá với người Tây Ban Nha có hai lần, nhưng bây giờ nghĩ lại, cả hai lần tôi đều là người có lỗi. Họ là những người có lòng hào hiệp, nhân cách cao thượng, không hoàn toàn phù hợp với thế kỉ XX. Điều đó gieo vào lòng ta hi vọng rằng ở Tây Ban Nha, ngay cả chủ nghĩa phát xít cũng sẽ có hình thức tự do hơn và dễ chịu hơn. Ít người Tây Ban Nha có những phẩm chất như kiên trì và mẫn cán đến mức bệnh hoạn, mà đây lại là những đặc tính tối cần thiết đối với nhà nước toàn trị. Có thể lấy việc cảnh sát khám xét căn phòng của bà xã nhà tôi cách đó mấy ngày làm minh chứng cho điều đó. Rất tiếc là tôi đã không được chứng kiến cảnh khám xét, nếu có mặt tại chỗ có thể tôi đã nổi đoá lên rồi.

Cảnh sát tiến hành khám xét theo đúng phong cách của OGPU hay GESTAPO. Tức là đập cửa vào lúc rạng đông, rồi sáu người bước vào phòng. Họ bật đèn lên và lập tức chiếm giữ những vị trí khác nhau, chắc là đã có sự phân công từ trước. Sau đó họ bắt đầu lục soát hai căn phòng (phòng tắm nằm sát phòng ngủ) một cách cực kì kĩ lưỡng. Họ gõ vào tường, rồi lật thảm lên, họ kiểm tra cả nền nhà, xem cả rèm cửa, cúi xuống kiểm tra gầm bồn tắm và lò sưởi, họ đổ hết các thứ trong ngăn kéo và va li ra ngoài, họ còn mang tất cả quần áo ra trước ánh đèn để kiểm tra nữa. Cảnh sát tịch thu tất cả sách vở, giấy má, kể cả giấy tờ trong sọt rác. Họ phát điên lên khi phát hiện thấy bản dịch tiếng Pháp cuốn Cuộc đấu tranh của tôi của Hitler trong phòng chúng tôi. Nếu đây là cuốn sách duy nhất họ phát hiện được thì số phận của chúng tôi coi như xong. Kẻ đọc Cuộc đấu tranh của tôi chắc chắn phải là phát xít rồi. Nhưng ngay sau đó họ lại tìm thấy cuốn Những biện pháp đấu tranh với bọn Trotskyist và những kẻ hai mặt khác của Stalin, cuốn này làm họ phần nào yên tâm hơn. Họ tìm thấy mấy tập giấy quần thuốc lá trong một cái ngăn kéo. Họ xé ra và kiểm tra từng tờ một xem có chữ viết không. Vụ khám xét kéo dài chừng hai tiếng đồng hồ. Nhưng họ lại không động tới giường ngủ. Lúc đó bà xã nhà tôi vẫn nằm trên giường, chắc chắn bên dưới tấm nệm là cả tá súng ống, chưa nói dưới gối còn có cả tập tài liệu Trotskyist nữa. Thế mà cảnh sát không động tới giường, cũng không ngó xuống gầm giường. Tôi không tin là OGPU cũng làm như thế. Cần phải nhớ rằng cảnh sát gần như nằm dưới sự kiểm soát toàn diện của cộng sản, chính những người này có thể cũng là đảng viên cộng sản. Nhưng họ còn là người Tây Ban Nha nữa, buộc người đàn bà đứng dậy là việc làm quá sức đối với họ. Bỏ qua chiếc giường, việc khám xét của họ hoá thành công cốc.

Đêm đó tôi, McNair và Cottman ngủ ở một bãi cỏ rậm rạp trên một công trường xây dựng đã bị bỏ hoang. Trời lạnh so với mọi năm, không ai ngủ được đầy giấc. Tôi nhớ mãi những giờ phút đi lang thang dài dằng dặc, loanh quanh hết chỗ nọ đến chỗ kia, chờ quán café mở cửa. Từ khi đến Barcelona, đây là lần đầu tiên tôi ghé thăm nhà thờ lớn - một biểu tượng của kiến trúc hiện đại, nhưng cũng có hình thù góm guốc nhất thế giới. Nó có bốn cái tháp nhọn trông như những chai rượu vang lớn. Khác với đa số nhà thờ ở Barcelona, nhà thờ lớn không bị hề hấn gì trong suốt thời kì cách mạng. Có người nói rằng nó được giữ lại vì “có giá trị nghệ thuật”. Tôi cho rằng những người vô chính phủ là những kẻ không có đầu óc thẩm mỹ cho nên họ mới không cho nổ tung toà nhà này, mặc dù họ đã treo trên tháp của nó lá cờ hai vạch đỏ và đen. Chiều hôm đó hai vợ chồng tôi đến thăm Kopp lần cuối. Chúng tôi không giúp được gì, tuyệt đối không, chúng tôi chỉ có thể nói lời tạm biệt và đưa ít tiền cho những người bạn Tây Ban Nha để thỉnh thoảng họ mang thức ăn và thuốc lá vào cho anh. Một thời gian ngắn sau khi chúng tôi rời khỏi Barcelona thì anh bị biệt giam, thức ăn cũng không được nhận nữa. Đêm đó, chúng tôi đi dạo trên đường Ramblas và có ghé ngang qua quán café Moka, thấy lính bảo vệ vũ trang vẫn đứng đầy xung quanh. Trong cơn bốc đồng, tôi bước thẳng vào quán và nói chuyện với hai người đeo súng đang đứng tựa vào quầy tính tiền. Tôi hỏi họ có biết những bạn đồng ngũ đã có mặt ở đây trong thời gian diễn ra những vụ đụng độ hồi tháng 5 hay không. Họ nói không biết và cũng không biết tìm những người ấy ở đâu. Tôi bảo rằng bạn tôi, tên là Jorge Kopp, hiện đang bị ngồi tù và có thể bị đưa ra toà vì những vấn đề liên quan đến những vụ xung đột hồi tháng 5. Những người thuộc lực lượng bảo vệ vũ trang có mặt ở đây trong thời gian đó biết Kopp đã ngăn chặn được hoả lực và cứu được vài người trong bọn họ. Họ phải đứng ra làm chứng. Một anh chàng trông có vẻ dằn dặt, nặng nề, cứ lắc đầu suốt vì tiếng ồn bên ngoài át hết giọng của tôi. Nhưng anh kia thì lại khác. Anh ta bảo rằng đã nghe thấy các bạn nói về Kopp. Kopp là buen chico (một người tốt). Nhưng ngay lúc đó tôi biết rằng sẽ chẳng ích gì. Trong những trường hợp như thế này, đấy là nói nếu Kopp bị đưa ra toà, người ta sẽ chung ra bằng chứng giả. Nếu họ bắn anh (tôi sợ là như thế) thì câu buen chico sẽ là câu khắc trên bia mộ cho anh. Đấy là câu nói của một anh lính bảo vệ khốn khổ; anh ta chính là một phần của cái hệ thống bắn thủ đó, nhưng anh vẫn còn giữ được tình người và nhận thức được hành động nào là tử tế khi có dịp.

Chúng tôi có một cuộc sống khá kì quặc, chẳng khác gì lũ điên. Ban đêm chúng tôi là tội phạm, nhưng ban ngày chúng tôi lại là những du khách khá giả người Anh - cử chỉ của chúng tôi tỏ ra như thế. Ngay cả sau khi ngủ ở ngoài trời suốt đêm, nhưng vừa rửa mặt, cạo râu và đánh giày xong là chúng tôi đã trở thành những người khác hẳn. Hiện nay, trông càng giống người có của thì càng an toàn. Chúng tôi thường đến những khu vực sang trọng, ở đấy người ta không biết mặt chúng tôi, còn khi vào những nhà hàng đắt tiền thì chúng tôi phải cư xử với bồi bàn như những người Anh chính hiệu. Đây là lần đầu tiên tôi viết lên tường. Khẩu hiệu “Visca P.O.U.M.!” (P.O.U.M. muôn năm!) được tôi viết bằng những chữ cái rất to trên những bức tường của mấy khách sạn sang trọng. Mặc dù trên thực tế tôi đã rút vào bí mật, nhưng tôi không cảm thấy lo lắng gì cả. Tất cả đều có vẻ quá vô lí. Tôi vẫn tin theo đúng kiểu người Anh là nếu không vi phạm pháp luật thì không ai có thể bắt được mình. Nhưng trong giai đoạn khủng bố chính trị thì đấy là một quan niệm cực kì nguy hiểm. Có lệnh bắt McNair rồi và có thể tất cả chúng tôi cũng đều nằm trong danh sách đó. Bắt bớ, khám xét vẫn tiếp tục. Trên thực tế, tất cả những

người chúng tôi biết, nếu không ở mặt trận thì đều đã vào tù rồi. Cảnh sát còn khám xét cả những chiếc tàu của Pháp vẫn đến chở người tị nạn và bắt những người bị nghi là theo phái Trotskyist đã lên tàu.

Nhờ sự nhiệt tình của lãnh sự quán Anh, họ đã phải cố gắng rất nhiều trong suốt một tuần lễ đó, chúng tôi đã thu xếp được hộ chiếu một cách ổn thoả. Lên đường càng nhanh càng tốt. Theo lịch trình thì tàu đi Port Bou sẽ khởi hành vào lúc bảy rưỡi tối, nhưng chắc là tám rưỡi nó mới chạy. Chúng tôi thoả thuận là bà xã sẽ thuê sẵn taxi, sau đó mới xếp đồ đạc, rồi thanh toán tiền phòng và rời khách sạn càng muộn càng tốt. Nếu để người khách sạn biết thì chắc chắn họ sẽ báo cảnh sát. Tôi đến nhà ga vào lúc bảy giờ và phát hiện ra rằng tàu đã chạy vào lúc bảy giờ kém mười. Lái tàu ở đây thường cứ tự tiện như thế đấy. May là chúng tôi đã kịp báo cho bà xã. Chuyển tàu tiếp theo khởi hành vào lúc sáng sớm ngày hôm sau. McNair, Cottman và tôi ăn tối trong một nhà hàng nhỏ ngay gần sân ga. Sau câu chuyện đầy ý tứ với người chủ nhà hàng, chúng tôi phát hiện ra rằng anh là thành viên của C.N.T. và tỏ ra là một người thân thiện. Anh cho chúng tôi ngủ trong một căn phòng có ba chiếc giường và “quên” không đăng kí tạm trú với cảnh sát. Năm đêm rồi tôi mới được cởi quần áo trước khi đi ngủ.

Bà xã đã chuẩn khởi khách sạn một cách an toàn. Tàu xuất phát muộn gần một tiếng đồng hồ. Tôi dành thời gian để viết một bức thư khá dài, gửi ông bộ trưởng chiến tranh. Tôi nói với ông ta trường hợp của Kopp, tôi khẳng định rằng anh bị bắt nhầm, anh rất cần cho mặt trận, rất nhiều người sẵn sàng làm chứng anh là người vô tội..v.v.. Không hiểu có ai đọc bức thư đó không, đây là một bức thư được viết trên tờ giấy xé ra từ cuốn sổ tay, bằng những nét chữ lộn xộn như gà bới (các ngón tay của tôi vẫn cứng lắm) và bằng thứ tiếng Tây Ban Nha còn lộn xộn hơn. Bức thư này cũng như tất cả những việc khác mà chúng tôi đã làm đều không đem lại kết quả. Khi viết những dòng này, tức là sáu tháng sau ngày tôi gửi bức thư, Kopp vẫn còn ở trong tù (đấy là nói nếu họ chưa bắt anh), không có án, mà cũng chẳng có cáo trạng gì hết. Thời gian đầu chúng tôi có nhận được vài ba lá thư của anh, những người tù được trả tự do mang ra và gửi từ Pháp. Vẫn là những chuyện cũ: phòng giam bẩn, tối, chật chội; thức ăn thì vừa ít vừa không thể nuốt nổi; ốm vì điều kiện giam giữ, lại không được chữa trị gì. Một vài nguồn tin khác, cả của người Anh lẫn người Pháp, cũng khẳng định như thế. Gần đây Kopp bị đưa vào một trong những “nhà tù bí mật”, không thể nào liên lạc được nữa. Số phận của anh là số phận của hàng chục, thậm chí hàng trăm người ngoại quốc khác. Không ai biết mấy ngàn người Tây Ban Nha bị rơi vào hoàn cảnh như thế.

Cuối cùng chúng tôi đã ra khỏi biên giới mà không gặp phải trở ngại nào. Đoàn tàu này có một toa hạng nhất và toa nhà ăn - lần đầu tiên tôi thấy ở Tây Ban Nha. Đến mãi thời gian gần đây tàu hoả ở Catalonia chỉ có toa hạng hai mà thôi. Hai cảnh sát đi vào các toa và ghi tên người ngoại quốc; nhưng thấy chúng tôi ngồi trong toa ăn, chắc họ nghĩ chúng tôi là những người thành đạt cho nên không hỏi. Mọi sự đã thay đổi. Chỉ sáu tháng trước, khi chính quyền còn nằm trong tay lực lượng vô chính phủ, chỉ có những người trông có vẻ vô sản mới đáng tin. Khi nhập cảnh Tây Ban Nha qua ngả Perpignan vào Cerberes, một thương gia người Pháp đi cùng toa đã bảo tôi: “Anh không được ăn mặc thế này khi vào Tây Ban Nha. Tháo cổ còng và cà vạt ra đi. Ở Barcelona người ta sẽ giật ra đấy.” Ông ta nói hơi quá, nhưng đấy chính là Catalonia trong quá khứ. Tôi đã chứng kiến cảnh lính biên phòng của lực lượng vô chính phủ không cho

vợ chồng một người Pháp ăn mặc lịch sự nhập cảnh. Tôi đồ rằng chỉ vì họ trông như những nhà tư sản thứ thiệt. Bây giờ mọi sự đã khác, càng giống tư sản càng an toàn. Tại trạm kiểm tra hộ chiếu trên biên giới, họ tìm xem chúng tôi có tên trong danh sách những người khả nghi hay không, nhưng do sự cầu thả của cảnh sát mà chúng tôi đã không có tên trong danh sách. Ngay cả McNair cũng không có tên. Họ khám từ đầu đến chân, nhưng chúng tôi không có bất cứ thứ gì đáng ngờ, nếu không kể giấy tờ xuất ngũ của tôi, nhưng tay cảnh sát khám tôi không biết rằng sư đoàn 29 là lực lượng dân quân của P.O.U.M. Thế là chúng tôi vượt qua biên giới, tôi đã đặt chân lên đất Pháp sau đúng sáu tháng. Tôi chỉ mang theo hai vật kỉ niệm, đấy là cái bình đựng nước bằng da dê và cái đèn dầu ô liu nhỏ tí mà người nông dân Tây Ban Nha vẫn dùng để thắp sáng. Về hình thức, cái đèn này giống hệt những cái đèn mà người Roma đã dùng cách đây hai ngàn năm. Tôi đã nhặt được nó trong một căn nhà đổ và không hiểu sao nó lại vẫn còn nằm trong túi sách của tôi.

Hoá ra chúng tôi đã thoát trong đường tơ kẽ tóc. Ngay trên tờ báo đầu tiên mua được trên đất Pháp chúng tôi đã đọc được lệnh bắt giam McNair vì hoạt động gián điệp. Chính quyền Tây Ban Nha đã tuyên bố chuyện này hơi sớm. May là thành viên nhóm Trotskyist không thuộc loại tội phạm phải bị dẫn giải.

Tôi không biết là người ta thường làm gì ngay sau khi rời khỏi đất nước có chiến tranh và đặt được chân lên mảnh đất hoà bình. Còn tôi thì chạy ngay ra quán bán thuốc lá và lèn đến đầy túi mới thôi. Sau đó chúng tôi vào quán và uống mỗi người một tách trà. Lần đầu tiên, sau nhiều tháng trời, chúng tôi mới lại được uống trà với sữa tươi. Phải mấy ngày sau tôi mới quen với ý nghĩ rằng có thể mua thuốc lá bất cứ lúc nào. Lúc nào trong đầu tôi cũng lớn vồn hình ảnh quán bán thuốc lá đóng cửa và trên cửa sổ là hàng chữ: “No hay tabaco [\[40\]](#)”.

McNair và Cottman đi Paris. Vợ chồng tôi xuống tàu ở Banyuls, tức là ngay ga đầu tiên, vì cảm thấy cần phải nghỉ ngơi vài ngày. Người Banyuls tỏ ra khá lạnh nhạt khi biết chúng tôi từ Barcelona tới. Nhiều lần tôi phải nói cùng một câu chuyện: “Ông từ Tây Ban Nha tới à? Đứng về bên nào? Bên chính phủ à?” – và người đối thoại thể hiện thái độ lạnh lùng ngay lập tức. Thành phố nhỏ này có vẻ như đứng về phe Franco, đấy chắc chắn là do có nhiều người tị nạn thuộc phe phát xít đã chạy tới đây. Hầu bầntroing quán café mà tôi thường lui tới là một người Tây Ban Nha theo phe Franco, hẳn ta thường nhìn xoáy vào tôi mỗi khi đưa đồ uống tới. Nhưng ở Perpignan thì lại khác, thành phố này gần bó với chính phủ cộng hoà, còn các phe nhóm cộng hoà khác nhau thì cũng đánh nhau chẳng khác gì ở Barcelona. Có cả một quán café mà khi nghe nói đến P.O.U.M. là người hầu bàn sẽ mỉm cười, còn bạn bè người Pháp thì vây quanh ngay lập tức.

Tôi nhớ đã ở Banyuls ba ngày. Đấy là những ngày tâm hồn xao xuyến một cách kì lạ. Trong thành phố của những ngư phủ thanh bình, nhỏ bé này, cách xa khu vực bom rơi đạn nổ, xa những đám người xếp hàng mua thức ăn, xa bộ máy tuyên truyền và thủ đoạn, đáng lẽ chúng tôi phải cảm thấy lòng cực kì thanh thản thì mới đúng. Nhưng hoàn toàn không phải như thế. Chúng tôi đã rời bỏ Tây Ban Nha, nhưng những sự kiện ở Tây Ban Nha lại không chịu rời bỏ chúng tôi. Ngược lại, các sự kiện lại còn sống động và gần gũi hơn cả trước kia nữa. Chúng tôi vẫn liên tục suy nghĩ, nói và ước mơ về Tây Ban Nha. Nhiều tháng trời chúng tôi thường tự nhủ

“khi ra khỏi Tây Ban Nha” chúng tôi sẽ đến một chỗ nào đó bên bờ Địa Trung Hải, hưởng không khí thanh bình một thời gian và có thể còn đi câu cá nữa. Thế mà nay chúng tôi đã đến đây, ngay bên bờ biển, mệt mỏi và chán chường. Trời lạnh, gió không ngừng thổi từ biển vào, nước nông và đục, mặt nước ngay bên bờ cảng ngầu bọt, nút chai và ruột cá bám đầy trên những phiến đá. Nghe có vẻ như dở hơi, nhưng cả hai chúng tôi đều muốn quay lại Tây Ban Nha. Dù chẳng mang lại lợi ích gì cho ai, thậm chí còn có hại nữa, nhưng cả hai chúng tôi đều lấy làm tiếc là đã không ở lại Barcelona để được đi tù cùng với những người khác. Tôi nghĩ rằng mình chỉ có thể truyền đạt được một phần rất nhỏ ý nghĩa của những ngày tháng đó. Tôi đã ghi lại được một số sự kiện bên ngoài, nhưng tôi không thể ghi lại được tình cảm mà những sự kiện đó đã để lại trong tôi. Tình cảm của tôi hoà quyện cùng với phong cảnh, mùi vị và âm thanh, là những thứ không thể nào viết ra giấy được: mùi của chiến hào, đứng bên sườn núi ngắm ánh bình minh trải dài đến tận chân trời, tiếng đạn nổ lạnh sống lưng, tiếng gầm rú và tiếng nổ của những quả bom, ánh mặt trời buổi sáng lạnh và trong trẻo ở Barcelona, tiếng giầy đinh trong sân doanh trại trong tháng 12 xa xôi, khi mà dân chúng còn tin vào cách mạng. Và những dòng người trước cửa hàng thực phẩm, những lá cờ hai màu đỏ và đen, rồi gương mặt những người dân quân Tây Ban Nha, vâng, trước hết là gương mặt những người dân quân, những người tôi đã từng gặp ngoài mặt trận nhưng nay đã bị tan tác, có trời biết là đã lưu lạc đến những đâu, một số đã hi sinh ngoài mặt trận, một số bị thương, có người bị tù đầy, nhưng đa số chắc là vẫn còn sống và mạnh khoẻ, tôi hi vọng thế. Cầu Chúa phù hộ cho họ. Hi vọng rằng họ sẽ thắng và sẽ đuổi cổ được tất cả những người ngoại quốc ra khỏi nước Tây Ban Nha. Đức, Nga hay Ý thì cũng thế. Cuộc chiến tranh này, phần đóng góp của tôi quả là không đáng kể, đã để lại trong lòng tôi những kỉ niệm buồn, nhưng tôi không ân hận là mình đã tham gia chiến đấu. Nhìn lại cái thảm hoạ này – dù kết quả cuộc chiến có như thế nào đi chăng nữa thì nó vẫn là một thảm hoạ, đấy là chưa nói đến cảnh giết chóc và đau khổ về mặt thể chất – tôi cũng không hoàn toàn thất vọng và không muốn trở thành một kẻ ích kỉ. Thật thú vị là kinh nghiệm vừa trải qua càng làm tôi tin tưởng hơn vào sự tử tế của con người. Tôi hi vọng rằng câu chuyện của tôi không dẫn đến những sự hiểu lầm thái quá. Tôi tin rằng chẳng có ai hoàn toàn khách quan khi nói về những vấn đề như thế này. Thật khó mà khẳng định được bất cứ điều gì, ngoại trừ những điều chính mình đã chứng kiến. Dù vô tình hay cố ý, người ta ai cũng có thái độ thiên vị cả. Nếu bên trên tôi chưa kịp nói thì ở đây tôi xin được nói với độc giả như sau: xin hãy thận trọng trước thái độ thiên vị, sai lầm và xuyên tạc không thể nào tránh khỏi của tôi, vì tôi chỉ nhìn thấy một phần sự kiện mà thôi. Và xin bạn hãy có thái độ thận trọng như thế khi bạn đọc bất cứ tác phẩm nào viết về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha trong giai đoạn đó.

Vì luôn cảm thấy phải làm một điều gì đó, nhưng thực ra chúng tôi chẳng làm được gì, chúng tôi đã rời Banyuls sớm hơn dự kiến. Càng lên phía bắc, nước Pháp càng xanh hơn và mềm mại hơn. Chúng tôi đã rời xa khu vực đồi núi và những cánh đồng trồng nho để quay về với đồng cỏ và rừng cây du. Khi tôi đi qua Paris để đến Tây Ban Nha, thành phố này trông có vẻ tàn tạ và tối tăm, khác hẳn với Paris mà tôi từng biết tám năm về trước, khi đời sống còn dễ chịu hơn và Hitler thì còn chưa được ai nhắc tới. Một nửa trong số những quán café mà tôi thường lui tới đã phải đóng cửa vì vắng khách, ai cũng bị ám ảnh bởi giá cả hàng hoá và chiến tranh. Bây giờ, sau khi chứng kiến nước Tây Ban Nha tội nghiệp, ngay cả Paris cũng có vẻ vui nhộn và đang ăn nên làm ra. Hội chợ triển lãm quốc tế đang ở giai đoạn nào nhiệt nhất, nhưng chúng tôi đã tìm

cách tránh, không đến thăm.

Và sau đó là nước Anh - miền nam nước Anh có thể là vùng đất trù phú nhất thế giới. Khi đi ngang qua vùng này, nhất là lúc đang tỉnh trí lại sau cơn say sóng, thả lỏng người trên những tấm gối êm, thật khó tin rằng có chuyện gì đó đang diễn ra ở một nơi nào đó. Động đất ở Nhật, nạn đói ở Trung Quốc, cách mạng ở Mexico? Sáng mai người ta vẫn mang sữa đến đặt ngay trước cửa, còn tờ New Statesman thì vẫn sẽ ra vào sáng thứ sáu, lo gì. Các thành phố công nghiệp nằm ở rất xa, trái đất hình tròn cho nên nó đã che hết, không cho ta nhìn thấy khói bụi và cảnh khốn cùng. Ngoài cửa sổ là nước Anh mà tôi đã biết từ thời thơ ấu: hoa dại mọc đầy bên rìa đường xe lửa, những chú ngựa béo tốt bóng loáng đang chậm rãi nhai cỏ trên những cánh đồng hoang, liễu rủ bên những dòng suối lững lờ trôi, những cây du xum xuê cành lá, những hàng cây phi yến trong khuôn viên những ngôi nhà nhỏ ở thôn quê, rồi sau đó là những khu rừng rậm bên ngoài ngoại ô London, những chiếc phà trên dòng sông đục ngầu, những con phố quen, những bảng quảng cáo về trận đấu cricket và đám cưới Hoàng gia, những người đàn ông đội mũ nỉ, những chú bồ câu trên quảng trường Trafalgar, những chiếc xe ô tô màu đỏ, những người cảnh sát mặc trang phục màu xanh da trời. Nước Anh đang ngủ, đang ngủ rất say, đôi khi tôi lại có cảm giác sợ hãi, tôi sợ rằng chúng ta sẽ chỉ giật mình tỉnh giấc khi có tiếng bom nổ ngay bên cạnh mà thôi.

1938

HẾT

Dịch theo: GEORGE ORWELL: "HOMAGE TO CATALONIA": A NOVEL

First published by Secker and Warburg, GB, London, in April 25, 1938.

Nguồn: http://www.orwell.ru/library/novels/Homage_to_Catalonia/english/e_htc

CHÚ THÍCH

[1] Người Ý à?

[2] Không, người Anh. Còn anh?

[3] Người Ý.

[4] Đảng công nhân thống nhất mác-xít, theo đường lối trái ngược với đường lối của Cộng sản quốc tế do Liên Xô đứng đầu - ND.

[5] Tôi biết sử dụng súng trường. Tôi không biết bắn súng cối. Tôi muốn học bắn súng cối. Lúc nào chúng ta sẽ học súng cối?

[6] Ngày mai.

[7] P.O.U.M muôn năm! Bọn phát xít là lũ hèn nhát!

[8] Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất vùng Catalonia.

[9] Liên đoàn những người vô chính phủ Iberia.

[10] Văn hoá - Tiến bộ hay Chúng ta sẽ - Bất khả chiến bại.

[11] Đứng lại! Catalonia!

[12] Phát xít hèn nhát!

[13] Tây Ban Nha muôn Năm – Franco muôn năm!

[14] Đại tá Blimp – cách nói chế giễu những người bảo thủ Anh.

[15] Liên minh lao động toàn quốc.

[16] Tổng hiệp hội công nhân.

[17] Liên đoàn thanh niên cộng sản Iberian

[18] Liên đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa thống nhất

[19] Đảng lao động độc lập (của Anh)

[20] Đây là Quiroga, Barrios và Giral. Hai ông đều không chịu phát vũ khí cho lực lượng công đoàn.

[21] Chính vì thế mà trên mặt trận Aragon, nơi các đơn vị vô chính phủ đóng vai trò chủ đạo, có rất ít vũ khí của Liên Xô. Đến tháng 4 năm 1937, vũ khí duy nhất là tôi thấy, nếu không kể máy bay cũng có thể do Liên Xô sản xuất, là một khẩu súng máy.

[22] Cortes - Quốc hội Tây Ban Nha

[23] Cuốn The Spanish Cockpit của Franz Borkenau mô tả rất rõ cuộc đấu tranh trong nội bộ liên minh cầm quyền. Đây là tác phẩm thuyết phục nhất về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha từ trước tới nay.

[24] Tháng 6 năm 1936 P.O.U.M. có 10.000 thành viên, tháng 12 năm 1936 có 70.000, tháng 6 năm 1937 có 40.000. Nhưng đây là số liệu chính thức do P.O.U.M. công bố, các đảng thù địch với nó đưa ra số liệu ít hơn, theo tôi, phải đến 4 lần. Điều duy nhất có thể nói một cách chắc chắn về số đảng viên, đấy là đảng nào cũng đưa vống số lượng đảng viên lên.

[25] Nguyên văn 4000 feet - ND

[26] Hàng trăm yards (một yard dài 0,9144m) - ND

[27] Một số người nói rằng các đội tuần tra công nhân đã cho đóng cửa 75% nhà chứa trong thành phố.

[28] Nguyên văn 5 yards – ND.

[29] Nguyên văn một đến hai trăm yards – ND.

[30] Tổng cục cảnh sát chính trị của Liên Xô – ND.

[31] Trong số ra gần đây, tờ Inprecor (cơ quan ngôn luận của Ban chấp hành Comintern) tuyên bố hoàn toàn ngược lại rằng tờ La Batalla ra lệnh cho các đơn vị của P.O.U.M. rời mặt trận! Có thể dễ dàng kiểm tra nếu xem lại số báo La Batalla ra ngày hôm đó.

[32] Tờ New Statesman, ra ngày 14 tháng 5.

[33] Ngay khi cuộc chiến nổ ra lực lượng bảo vũ trang bao giờ cũng chạy sang phía mạnh hơn. Sau này, thí dụ như ở Santander, nhiều lính bảo vệ vũ trang đã chạy sang phía phát xít.

[34] coup d'état – nguyên văn tiếng Pháp – ND.

[35] Nguyên văn: a mile – ND.

[36] Xem báo cáo của hai phái đoàn trên các tờ báo: Le Populaire (ngày 7 tháng chín), Lalèche (ngày 18 tháng chín), Báo cáo của phái đoàn Maxton được Independent News (219 Rue Saint-Denis, Paris) và McGovern xuất bản thành cuốn sách Khủng bố ở Tây Ban Nha.

[37] Dịch thoát ý từ Wiggle-Woggle

[38] Đại tá, chỉ huy lực lượng kỹ thuật, mặt trận phía Đông.

[39] Bức thư của Zinoviev, được báo chí Anh đăng vào tháng 10 năm 1924, được cho là chỉ thị của Quốc tế cộng sản về việc tiến hành tuyên truyền cách mạng trong quân đội Anh và tổ chức khởi nghĩa ở nước Anh – ND.

[40] Không còn thuốc lá – ND.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>